

Đặc San

BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA



HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

Đặc San

BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA 2005

Ấu Dấu



Cung Chúc Tân Xuân

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Kính chúc:

Zuỳ Dòng hương và Thân hữu

Zuỳ thi văn hữu

Zuỳ vị mạnh thường quân

Một năm mới Ất Dậu 2005

An Khang - Thịnh Vượng

Đặc San Bình Định



HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

3111 McLaughlin Ave, San Jose, CA 95121

Tel: (408) 224.7100 Fax: (408) 226.2782

Giấy phép hoạt động số 254.047 ngày 19/6/2003/CA

CÓ VẤN

- | | |
|------------------------------|-----------------------|
| -Hòa thượng Thích Giác Lượng | - Ông Trương Toại |
| -Bác sĩ Cai văn Dung | -Ông Nguyễn Bá Thu |
| -Ông Phạm Hữu Độ | -Ông Trần Trọng Khiêm |
| -Ông Dương Quang Vinh | - Ông Đào Đức Chương |
| -Ông Đinh Thành Bài | - Ông Đặng Đức Bích |

BAN CHẤP HÀNH

- Chủ tịch : Ông Tony Dinh
- Phó chủ tịch Nội vụ : Ông Võ Bá Trác
- Phó chủ tịch Ngoại vụ : Ông Đường Anh Đồng
- Tổng thư ký : Ông Đặng Vĩnh Mai
- Thủ quỹ : Ông Nguyễn Bình

CÁC TIỂU BAN

- Ban Thông tin / Báo chí : Ông Đặng Vĩnh Mai
- Ban kế hoạch/Phát triển: Ô. Ô. Võ Hùng, Nguyễn H. Bình
- Ban Văn nghệ/Tiếp tân : Ô. Ô :Bùi Tú / Gĩa Minh Sơn
- Ban Giao tế/ Tiếp tân ; Ô. Ô. Victor Vũ Dương, Võ Hân
- Ban Thanh Thiếu niên : Ô. Nguyễn Danh, Nguyễn A.Toàn

Đặc San BÌNH ĐỊNH

Xuân Ất Dậu 2005

Chủ trương:

HỘI TÂY SON BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Nhóm thực hiện:

TRƯƠNG TOẠI • NGUYỄN BÁ THƯ • ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG
• ĐẶNG VĨNH MAI • ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Với sự cộng tác:

Amanda Trương Uyehara * Ariana Trương * Bình Khánh
Nguyễn văn Ngọc* Bùi Đắc Khải* Bùi Phong Khê* Bùi
Thúc Khán* Diệp Kỳ Mãnh* Đào Đức Chương* Đặng Đức
Bích* Đắc Đăng* Đỗ Hùng* Đặng Vĩnh Mai* Già
Trương* Hàn Sinh* Hoàng Thanh* Hòa Nguyễn* Huy lục
Bùi Tiên Khôi* Hồ Phùng* Huyền Vũ* Khoa Đăng
Nguyễn* Lăng Hồ Nguyễn Khắc Kham * Lam Nguyên* Lê
Phương Nguyên* Lê Văn Ngô* Linh Chương* Lý Minh
Đạo* Mang Đức Long* Minh Tâm Phạm Hà Hải* Mrs
Nguyễn* Ngô Đình Phùng* Nguyễn Bường* Nguyễn
Mạnh An Dân* Ngọc An* Nguyễn Quý Đại* Nguyễn
Diêu* Nguyễn Trác Hiếu* NDC* Nguyễn Thế Giác* Pha
Lê* Phạm Ngọc Hải* Phạm Thanh Khâm* Phan Văn
Hàm* Phó Đào Nguyên* Quách Tứ* Quế Lan* Tâm
Triều* T.S Thái Công Tụng* Thái Tầu* Thu Ngân* Thục
Điềm* Thu Trang* TĐ Nguyễn Việt Nho* Trác Như
Trương Toại* Ts Trần văn Đạt* Trần Minh Triết* Trương
Ngọc Liên* Võ Bá Hà * Vĩnh Xuyên Trần Cẩm Tú* Võ
Ngọc Uyên* Võ Nguyễn *

.....

Thư gửi

Lại một mùa Xuân nữa sắp về, năm 2005, đánh dấu 30 năm hình thành Cộng đồng Người Việt Quốc gia ở Hải Ngoại. Song song với sự lớn mạnh của khối người Việt tỵ nạn, một nền Văn học Việt Nam Hải Ngoại hình thành và phát triển nhanh chóng trong chiều hướng bảo tồn và phát huy nền Văn hóa Dân tộc.

Đặc san Bình Định Bắc Cali xin góp mặt nhỏ nhất vào dòng chảy của nền Văn học Cộng đồng bằng những bài viết về sắc thái miền đất Quê hương nói riêng và Văn hóa Dân tộc nói chung. Ngoài những cây bút quen thuộc, chúng tôi hân hoan đón nhận những bài vở của lớp trẻ để nội dung Đặc san có đủ màu sắc và với ý hướng trường tồn, tre già măng mọc, chúng tôi luôn luôn có lớp người mới thay thế.

Chúng tôi chân thành cảm ơn sự đóng góp nhiệt thành của quý vị về bài vở, tiền bạc để tập Đặc San này hoàn thành tốt đẹp và phát hành đúng kỳ hạn. Vì khuôn khổ trang báo, có nhiều bài vở không thể đăng trong Đặc san 2005 được, xin hẹn kỳ sau, chúng tôi thành thật cáo lỗi cùng quý vị.

Trước thêm năm mới Ất Dậu, Đặc san Bình Định lần thứ tư đến tay quý đồng hương và thân hữu trong những ngày giáp Tết. Chúng tôi chân thành cầu chúc Quý vị trọn một năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, thịnh vượng và hưởng Tết Ất Dậu đầy vui tươi.

*Nhóm thực hiện
Đặc San Bình Định Bắc California*



Lá

Thư

Xuân

Trước nhất, tôi xin thay mặt Hội Tây Sơn Bình Định, chân thành cảm ơn toàn thể Quý vị trong Ban biên tập Đặc San Bình Định- Xuân Ất Dậu 2005, và quý Văn-Thi-hữu đã cộng tác.

Kính thưa quý Đồng hương và Thân hữu Bình Định: Một mùa Xuân nữa lại về ! Chúng ta hân hoan chào đón một năm mới Ất Dậu 2005 với đầy niềm vui và Hy vọng. Thấm thoát đã 30 năm trôi qua, sau biến cố 30/4/1975, Đồng bào Việt Nam nói chung và Đồng hương Bình Định nói riêng đã bỏ Quê hương ra đi, rời khỏi nơi chôn nhau cắt rún, thoát khỏi sự cai trị độc tài, đảng trị sai lầm của chế độ Cộng sản- để định cư trên khắp mọi miền của Thế giới Tự do.

Hàng năm, cứ mỗi độ Xuân về, mỗi người trong chúng ta đều bồi ngùi nhớ về Quê Hương xứ sở, nhớ về Quê Cha, Đất Tổ; một Bình Định thân thương, triền mền, có nhiều Kỷ niệm, có nhiều di tích lịch sử, có thành Bình Định, có thành Đồ Bàn cổ kính, có tháp Cánh Tiên, tháp Đồi, có đầm Thị Nại, có mộ Hàn Mạc Tử, có đền thờ anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ v.v...

Đặc San Bình Định đã ra đời trong nhiều năm qua, một đứa con Tinh Thần của vùng đất "Địa linh Nhân

kiệt” ,nhằm sưu tập duy trì và phát triển những tinh hoa, những hào hùng, những bản sắc đặc thù của quê hương Bình Định – trong nhiều thế hệ trôi qua – cũng như những thay đổi trong hiện tại. Vì vậy, Đặc San Bình Định là một gạch nối giữa Ông Cha , các bậc tiền bối với chúng ta và với các thế hệ trẻ, con cháu của chúng ta.

Mong rằng, Đặc San Bình Định sẽ được đến tận tay Quý vị, trong mỗi Gia Đình đồng hương và thân hữu như là một “món quà tinh thần” đầu Xuân Ất Dậu 2005.

Chúng tôi cũng ước mong rằng sự tiếp tay , đóng góp, của quý Đồng Hương, quý Thân Hữu, quý Mạnh thường quân, về vật chất lẫn tinh thần là một điều khích lệ, cổ vũ lớn lao cho Đặc San Bình Định mỗi năm một phong phú và đặc sắc hơn.

*Trân trọng kính chào
Hội trưởng*

Tony Đinh



MÙA XUÂN với THƠ RƯỢU

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

*Tháng Giêng là tháng ăn chơi
Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba rượu chè
Ca dao*

Đời có nhiều thú vui để hưởng thụ : tình yêu, thi ca, nghệ thuật, du lịch.. đều là nhịp sống của nhân loại tương quan từ tinh thần đến vật chất, như vẻ đẹp của thiên nhiên mây nước. Sự cảm thông của tâm hồn với những thú vui tùy theo sở thích của từng người. Theo Tô Đông Pha „*sự như xuân mộng liêu vô ngần / đời qua mau như một giấc mơ xuân, không lưu lại một vết nào*“, nhà thơ Xuân Diệu quan niệm đời người ngắn ngủi mà thời gian khắc nghiệt trôi qua phải nhanh lên vui hưởng nếu không thời gian sẽ xóa hết những nét xuân, trong bài giục già „*mau với chứ thời gian không đứng đợi* „

Thời gian không dừng lại với chúng ta, khi những cánh én không còn bay lượn ở lưng trời thì tiếng ve sầu ngâm vang mùa hè rục rờ lá hoa, rồi thu về trời se lạnh gió thu mang theo những chiếc lá vàng rơi...Mùa xuân với nai vàng, hoa anh đào, hoa cúc, hoa vạn thọ nở đẹp ở bên quê nhà, trong lúc Âu Châu là mùa đông ẩm đậm thời tiết đang giá lạnh cây trơ cành trên màu trắng của tuyết, chúng ta ngậm ngùi hướng về Tết cổ truyền Việt Nam, hằng năm vào cuối đông Cộng Đồng Việt Nam sống lưu vong khắp nơi trên thế giới, lo chuẩn bị vui Tết hướng về quê hương, mỗi lần xuân về chúng ta thường nghe nhạc phẩm bất hủ „*ly rượu mừng*“ của nhạc sĩ Phạm Đình Chương

*Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi
Mừng anh nông phu vui lúa thom hơi*

*Rót thêm tràn đầy chén quan san,
Chúc người binh sĩ lên đường..
Chiến đấu công thành
Sáng cuộc đời lành
Mừng người vì nước quên mình..*

Dù nơi đây không có tiếng pháo giao thừa,
nhưng chúng ta cùng nâng ly rượu mừng xuân nhớ
về cố quốc ...

*Giao thừa hàng xóm sao im tiếng
Lần nữa ta mừng Xuân biệt hương
Nâng ly như trút vào trong dạ
Trần pháo đầu Xuân, dứt đoạn trường
Cao Yên Tuấn*

Rượu có hàng chục ngàn năm, từ non cao đến thành thị người ta đều biết biến chế và uống rượu, theo thời gian và mỗi nơi có những công thức khác nhau. Rượu thường chế bằng các thứ hạt ngũ cốc với bột men. Người Pháp có truyền thống chế rượu mạnh và rượu vang bằng các loại nho tùy theo phong thổ, bên sông hay đồi núi nổi tiếng như : Chateau, Charente, Bordeaux. Eau-de-Vie de Cognac hay Eau-de-Vie des Charentes. Người Đức chế rượu bia với nguyên liệu chính là Mễ cốc (Getreide), Mạch nha (Malz) hạt ngô (Mais)...Không thể thiếu hoa Hopfen (Đường hoa thảo) làm xúc tác lên men tên khoa học Humulus -Lupulus Cannabincaceen, nguồn gốc nước giềng cũng là yếu tố làm bia ngon

Người Việt Nam cất rượu với nguyên liệu : đường với ngũ cốc, có rượu đế (Reisschnaps) rượu lúa mới, Hà Nội có rượu nếp Cẩm, Sài Gòn có rượu nếp Thang, Đà Lạt có rượu dâu.. Mỗi gia đình có thể cất rượu cho ngày tết hay các lễ cưới hỏi...gạo lúc hay nếp nấu chín đổ ra nong trải rộng để nguội rất bột men đều trên mặt ủ lại bằng lá chuối vài ba đêm lên men, trên mặt có men màu vàng hay hơi xám, cho vào hũ đổ nước vừa dung tích đầy nắp kín để chỗ mát thích hợp thời gian ngắn, bỏ đường vào hòa tan trong dung dịch đó gọi là hèm, đem cất lấy rượu.. (men tự biến chế từ rễ, củ, cây lá, theo gia truyền bí quyết làm rượu thơm ngon) Người Thượng dùng các thứ lá, rễ cây trên núi để ủ men, nhưng thứ này cùng với củ gừng, riềng xắt nhỏ, phơi khô, giã mịn, trộn với bột gạo và vỏ trấu, viên tròn phơi khô để biến chế rượu Cần, loại rượu này làm với chất liệu: Hạt cào (một thứ cỏ mọc ở núi), hạt bo bo, kê, gạo, bắp (ngô), khoai mì (sắn)... Mỗi loại có hương vị ngọt ngào riêng, tuy nhiên được yêu chuộng nhất theo thứ tự vẫn là rượu cào, bo bo, kê, rồi mới đến gạo, bắp. Chất liệu được nấu chín, trải ra cho nguội. Men giã nhỏ, trộn đều. Sau khi ủ qua một đêm, mở ra bốc hơi thơm ngào ngạt, để có độ thoáng cho rượu lên men. Sau đó cho vào những chiếc ché nhỏ to bằng gốm, bịt kín miệng bằng lá chuối. Ché ủ rượu có nơi còn gọi là ghè, nên rượu Cần còn được người Thượng gọi là rượu Ghè, dân tộc thiểu số đều có bí quyết biến chế rượu.

Rượu không thể thiếu trong các lễ nghi giao tế „*vô từu bất thành lễ* “ Người Việt thờ cúng ông bà những ngày giỗ kỵ thường có rượu, trầu cúng ở bàn thờ để tưởng nhớ, đầu năm mừng tuổi, hoặc đi ăn giỗ, các lễ cưới, hỏi, hội hè đình đám không thể thiếu rượu. Thiên Chúa Giáo dùng rượu trong Thánh lễ, nhưng Phật Giáo Việt Nam, Trung Hoa..thì cấm uống

rượu, ngược lại ở Nhật Bản tu sĩ có thể uống rượu ?, các quốc gia Hồi giáo cấm rượu, nhưng được đa thể !! Thổ Nhĩ Kỳ (Hồi Giáo) được uống rượu, ngoại trừ thành phố Konya không bán rượu

Uống rượu trở thành thói quen trong sinh hoạt, cuộc tri ngộ của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê trong văn học sử Việt Nam là một tình bạn tâm giao thắm thiết khi Dương Khuê tạ thế, Nguyễn Khuyến đã cảm thấy mất đi hầu hết hứng thú của cuộc đời và khóc bạn :

*Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua không phải không tiền không mua
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết
Viết đưa ai, ai biết mà đưa ?
Giuồng kia treo những hững hờ
Đàn kia có gãy, ngẩn ngơ tiếng đàn...*

Ngày xưa thi nhân xem thú uống rượu đứng thứ tư sau thú chơi đàn, đánh cờ, ngâm thơ

*Đàn năm cung réo rắt tinh tinh đây
Cờ đôi nước, rập rình xe ngựa đó
Thơ một túi phẩm đề câu nguyệt lộ
Rượu ba chung tiêu sái cuộc yên hà*

Nguyễn công Trứ

Người Á Châu có thể dạy người Tây phương về cách uống trà, nhưng chúng ta phải học họ cách uống rượu, tuy nhiên người Trung Hoa biết thường lãm nghệ thuật trà, rượu .*"trà như ẩn sĩ, rượu như hào sĩ."* Rượu để kết bạn, trà để hưởng tĩnh", ở huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang nổi danh thứ rượu hoàng tửu, nhà nào sinh con gái thì cha mẹ làm một hủ rượu cất giữ, khi con gái xuất giá cho mang theo món rượu quý với những tư trang. Uống rượu là thú vui trợ hứng trong khi tán ngẫu chuyện đời, đẹp nhất mùa

xuân uống rượu bên cây mai vàng nở rộ và ban đêm uống dưới bóng nguyệt. Uống rượu cần có nghệ thuật “*nên lựa lúc và nơi để say, Say với hoa thì nên vào ban ngày để hưởng hết màu sắc, ánh sáng; say với tuyết với trăng sao thì nên lựa ban đêm để tâm tư được thanh tĩnh...*” Các cụ ngày xưa quan niệm “*không có rượu thì sơn thủy cũng vô nghĩa ; nếu không có đàn bà đẹp thì trăng hoa cũng vô ích..*” hay “*nam vô tửu như kỳ vô phong*” ngoài niềm vui với thi phú, ngâm thơ vịnh nguyệt, say với đời, người sành rượu phải biết “*tri kỳ vị, tri kỳ hương, tri kỳ ảo, tri kỳ linh*” (biết vị của rượu, biết hương thơm rượu, biết sự huyền ảo, biết linh hồn của rượu)..

Ở Âu Châu nghệ thuật uống rượu phải phù hợp thời gian và không gian, rượu nào ly đó, nhiệt độ tùy theo loại rượu trắng hay đỏ, không bỏ nước đá vào bia hay rượu. Rượu phải thích hợp với món ăn, uống để thưởng thức và tâm sự, tiệc tùng các bà ngồi chung bàn, không thấy rượu nào nói đến chuyện cường dương ?. Bên Việt Nam các bà ngồi riêng, các ông thì “dô dô” chai này đến chai kia, uống cho sần không thấy trời trăng mây nước. Người giàu uống các loại Cognac, Champagne, Bia, giới bình dân uống rượu Đế quốc doanh sáng trưa chiều tối ... (ở Hoa Kỳ không phải chỗ nào cũng được phép uống bia rượu, ở Đức thì tự do không bị cấm, nhưng trong tuần bận làm việc, không có thì ngồi nhậu, bàn rượu không phải là nơi giải quyết giao tế việc làm hàng ngày). Người không uống được rượu, nhưng ngồi với bạn trong cái thú vui bàn rượu. Đã ba mươi (1975-2005) mùa xuân đi qua lặng lẽ, ngày Tết gọi lại những kỷ niệm xa xưa

*Ba mươi chưa đủ mùa Xuân lớn
Chỉ thắm giòng châu, nặng bước đường
Hổ trường ai rót mà sao cạn ?*

Nhớ rót dùm ta về một phương

Cao Yên Tuấn

Rượu giúp vui và giải sầu say sỉn một vài lần không sao, nếu uống rượu nhiều sanh bệnh ghiện thì hại sức khỏe, uống nhiều rượu thì bất lợi rượu tác dụng không tốt vì có chất ethyl alcohol. Có thống kê : 50% tội phạm trong nhà lao, 40% tai nạn giao thông, 25% người bệnh có liên quan đến rượu.

Các nhà khoa học cho biết bệnh nhân từng trải qua phẫu thuật tim nếu uống một lượng vừa phải rượu hoặc bia hằng ngày sẽ làm giảm được nguy cơ hẹp tĩnh mạch trở lại . Mọi người đều biết việc dùng nước uống có chất rượu hợp lý có thể giảm nguy cơ đau tim và đột tử ở những người bị bệnh tim, các nhà khoa học tại Đại học Heidelber, Đức chứng minh rằng ngay cả khi tổn thương ở tim đã được khắc phục. Bác sĩ Donald Thomas, một chuyên gia về bệnh suyễn và đường hô hấp ở Maryland, cho biết: “Với những kết quả vừa được công bố, tôi sẽ cảm thấy vững tâm thoải mái hơn khi khuyến nghị các bệnh nhân của tôi nên uống rượu vang một cách vừa phải và đều đặn.” rượu làm giảm các tế bào gây hẹp động mạch. Uống nhiều có thể gây ra chứng tăng huyết áp và các vấn đề sức khỏe khác, rượu lợi hại tùy theo người dùng và bệnh lý phải chẩn đoán rõ ràng tránh phản ứng ngược lại .

Rượu vang đỏ có tác dụng chống ung thư do chứa tác nhân chống oxi hóa có tên resveratrol vốn có rất nhiều trên vỏ nho đỏ - nguyên liệu chính để làm rượu. Các nghiên cứu trước đây cho thấy resveratrol, cũng có mặt trong quả mâm xôi và lạc củ, có tác dụng ngăn ngừa bệnh tim mạch. Ngoài ra, chất này rất tốt đối với những người ăn kiêng

Theo Đông y rượu làm thông huyết mạch, tán thấp khí, giúp kích thích tiêu hoá ăn ngon “tửu vi bách dược chi trường / rượu đứng đầu trăm loại thuốc. Thị

trường Việt Nam thường quảng cáo nhiều loại rượu thuốc cường dương bổ thận, trị đau nhức, hai thứ bệnh y học gọi là chứng tiết tảo (xuất tinh sớm) hay dương nuy (liệt dương) thì uống rượu ngâm thuốc có lộc hươu, nhung nai, cao hổ cốt (?). Họ còn cho rằng rượu rắn tốt và ăn thịt bổ, vì rắn là con vật hấp thụ đủ khí âm dương do cơ thể rắn sát đất (âm), đầu luôn ngóc lên (dương) khi bò. Rượu rắn tùy theo số rắn ngâm như 3 con: tam xà, 5 con: ngũ xà, 10 con: thập xà. Các loại rắn thường dùng là hổ mang, cạp nong, mái gầm, lục. Một bình 10 lít ngâm 10-15 con rắn các loại, thêm cá ngựa, sâm quy, thực, táo tàu.. Ngoài rắn ngâm rượu còn cả tắc kè ngọc dương vv. Các rượu thuốc Mỹ tửu, Trường sinh tửu, Diêu linh tửu, Minh Mạng than..

Bạn bè gặp nhau thường mời bia hay rượu, lúc rảnh việc cùng chén thù, chén tạc đôi khi rượu gọi nhớ về thời vàng son xuân sắc, quên tất cả buồn phiền đời sống vây quanh, lúc say quên thực tế phủ phàn đi vào giấc mộng dễ dàng và êm ả, nhưng đôi khi quá chén bị bà xã phiền hà thì phải cầu cứu thi sĩ Tản Đà

*Say sưa nghĩ cũng hư đời
Hư thì hư vậy say thời cứ say
Đất say đất cũng lăng quay
Trời say mặt cũng cũng đỏ gay ai cười ?*
Tản Đà

*Vua Ngô 36 tán vàng
Chết xuống âm phủ có mang được gì
Vua Chỏm uống rượu thì
Thác xuống âm phủ khác gì vua Ngô !*
Ca dao

Cũng có trường hợp „tửu bất khả ép, ép bất khả tửu“ quá chén sinh ra „Tửu nhập ngôn xuất / rượu vào lời ra“ nói dài, nói dai mà không ý thức được điều

minh nói gì ? „đã ngôn đã quá“ làm phiền người chung quanh không ít ; người uống say về nhà chưởi bới đánh đập vợ con, làm mất niềm vui trong gia đình

*Ở đời chẳng biết sợ ai
Sợ thằng say rượu nói dai tối ngày*

Ca dao

Nhưng người say cũng biện hộ cho việc say sưa đâu đến nỗi nào, bởi vì men tình mà đời đã trao cho

*Say thời say ngãi say tình
Say chi chén rượu mà mình nói say*

hoặc

*Rượu nào rượu lại say người
Bớ người say rượu, chớ cưởi rượu say*

Ca dao

Nhà thơ núi Tản sông Đà sống cuộc đời "say sưa nghĩ cũng hư đời" nhưng thi nhân mượn thơ và rượu thoát khỏi thực tế chua chát đắng cay

*Rượu thơ mình lại với mình
Khi say quên cả tấm hình phù du*

Tản Đà

Thi hào Nguyễn Du đã diễn tả hoàn cảnh khổ đau ngang trái của nàng Kiều, khi vui bên chén rượu để giải sầu, nỗi buồn 15 năm lưu lạc có bao giờ tàn phai, mà người sầu muộn thường uống say để quên đời .

*Khi chén rượu, khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên*

Kiều Nguyễn Du

Lư Trọng Lư thường mượn hơi men để giải sầu, đôi lúc những giây phút say sưa chuyển choáng hầu lãng quên và dứt khoát với dĩ vãng .

Mời anh cạn chén rượu này
Trắng vàng ở cúi non tây ngậm buồn
Nửa đời phiêu lãng chỉ còn đêm nay
Để lòng với rượu cùng say
Chừ đây lời nói chua cay lạ thường

Lưu Trọng Lưu

Hay

Người đi ừ nhi người đi thật
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như rượu say

Thâm Tâm

Ca dao trữ tình trong kho tàng văn học Việt Nam, phản ảnh tâm hồn lãng mạn và tình yêu dạt dào, tiếp xúc với thiên nhiên, đời sống gia đình và xã hội, ca dao nhắc về rượu rất nhiều nhưng tôi chỉ trích dẫn một phần mà thôi. Ở thôn quê người ta chỉ cần một buồng cau, khay trầu, uống chén rượu đã trở thành suôi gia, không cần mâm cao cỗ đầy

Rượu lưu li chân qùy tay rót
Cha mẹ uống rồi dời gót theo anh
Theo anh cho ấm tấm thân
Khỏi qua núi nọ, khỏi lẩn núi kia

Hay

Anh có thương em thi lo một buồng cau
cho tốt, một hũ rượu cho đầy
Đặt lên bàn thượng, hạ xuống bàn xây
Chàng đứng đó, thiếp đứng đây
Lẽ mô thầy với mẹ lại không kết nghĩa
sum vầy cho con ?
Tay ôm hũ rượu, buồng cau

*Đi ngả đằng sau, thấy mẹ chề khó, đi
ngả cửa ngõ chú bác chề nghèo ,
Nhắm cùm duyên nợ cheo leo
Sóng to thuyền nặng, không biết chống
chèo có đặng không*

Về đời sống thiên nhiên và con người

*Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm
Rượu Hồng đào chưa uống đã say*

Nét đẹp của đàn bà Việt Nam thật tuyệt vời
đắm đàng lo việc nhà, giáo dục con cái, để chồng
gánh vác việc ngoài xã hội, nói chung dù đời sống thế
nào cũng một lòng tiết hạnh

*Ăn miếng trâu năm ba lời dạy,
Uống một chén rượu năm bảy lời giao
Xung quanh dù sóng lượn ba đào
Em cũng giữ niềm tiết hạnh, chứ không lãng xao*

Vì quan niệm lễ sống ảnh hưởng vào đời người,
rượu được ví với cái nét đậm thắm, yêu đương hạnh
phúc gia đình, người vợ đắm đàng mọi việc đều ổn
định

*Rượu ngon bất luận be sành
Áo rách khéo vá hơn lành vụng may*

Rượu ngon nhờ để lâu ngày càng thơm ngon
như rượu vang (vin) Clos, Château, Cru. Rượu mạnh
Cognac X.O (Extra Old) so sánh rượu ngon với người
vợ đoan trang, thủy chung để tình duyên thêm mặn
nồng

*Rượu ngon bởi vị men nồng
Người khôn bởi vị giống nòi mới khôn*

*Rượu say vì bởi men nồng
Vợ mà biết ở chắc chồng phải theo*

*Rượu sen càng nhấp càng say
Càng yêu vì nét, càng say vì tình
Đầy vui chúc một chén quỳnh
Vi duyên nên uống, vì tình nên say*

Ngày xưa bà Trần Tú Xương “quanh năm buôn bán ở ven sông” lo việc nhà để ông Tú vui chơi uống rượu giải sầu vì số phận long đong về đường thì cũ không thành đạt, nhưng những người đàn bà khác cũng chiều chồng hiếu khách:

*Cái bóng là cái bóng bình
Thối cơm nấu nước một mình mờ hôi
Rạng ngày có khách đến chơi
Cơm ăn rượu uống cho vui lòng chồng*

Vì trạng thái chung của xã hội ảnh hưởng vào tâm tư con người, đời sống cần cù, chất phát, ôn hoà nhưng cũng xao động sa ngã ! có thể nói ca dao đã ghi lại các khía cạnh của tình yêu , trạng thái tình cảm trắc trở khó khăn :

*Vai mang bầu rượu chiếc nem
Mảng say quên hết lời em dặn dò*

Rượu nồng nem chua, quyến rũ lòng người thêm dục vọng, vào vòng vui thú của bản ngã, tâm tình, gắn bó về nhân nghĩa bị lu mờ chẳng ? bởi vậy ca dao cũng thường nhắc lại những thói hư thường tình, trong đời sống nhân sinh. ở Việt Nam có thêm phong trào uống “bia ôm”, “rượu ôm”.. làm nhiều người gia đình mất hạnh phúc

hoặc

*Thế gian ba sự không chừa
Rượu nồng, dê béo, gái vừa đương tơ*

*Còn trời, còn nước còn non
Còn cô bán rượu, anh còn say sưa*

Tuy nhiên con người phải tự kèm hãm dục vọng, nhìn chung xã hội loài người bất kỳ ở tầng lớp nào, cũng bị cám dỗ len lỏi vào cuộc sống :

*Anh ơi uống rượu thì say
Bỏ ruộng ai cày, bỏ giống ai gieo.
Mang bầu đến quán rượu dâu
Say hoa đắm nguyệt, quên câu ân tình*

*Rượu lạt uống lắm cũng say
Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm*

Đời sống xã hội tập hợp như những màu sắc rực rỡ, quyến rũ vì tình, tiền, quyền lực, dục vọng con người đang âm thầm đốt cháy từng mảnh tâm hồn, có người xa lánh trần tục muốn tu nhưng cũng không tránh khỏi quyến rũ vật chất của đời sống văn minh ! Nếu ta không tu nhưng sống cho phải đạo làm người đó là điều đáng quý trọng. Say sỉn nhiều khi tránh được phiền não, người sầu muộn thường uống say. Trong những cái say của cuộc đời, cái say nào cũng nguy hiểm dù say rượu còn có lúc tỉnh. Say tình, say tiền, say danh vọng thì triền miên, không ai muốn ra khỏi cơn mê đó ! làm người, có phải ai cũng phải mang một bệnh say ?

NGUYỄN QUÝ ĐẠI
Munich cuối năm 2004

BA MƯỜI NĂM

(1975 _ 2005)

Lặng lẽ Xuân về nơi viễn xứ ,
Mà lòng không giữ được buồn thương .
Ba mươi năm chẵn chưa quay lại ,
Vọng cố hương hề thiên nhất phương ! (*)

Ba mươi năm qua,
Mất nước , Mất nhà,
Mất cuộc sống mặn mà, tha thiết...

Mất mười năm cho lao tù oan nghiệt ,
Mất nhiều năm cho cay đắng mưu sinh .
Bao nhiêu năm đất khách phiêu linh,
Trong no ấm cũng xót xa vời vợi...!

Thế là hết những năm chờ tháng đợi,
Những ước mơ, những hy vọng tương lai.
Ba mươi năm thời gian chẳng đủ dài,
Để có được cuộc đời thay ngoạן mục!..

Thế không có, thời cơ luôn ngoảnh mặt,
Sự nghiệp nào với tay trắng chơi vui.
Nghe xa xôi một tác tới trời,
Gieo mộng ảo cho chập chờn nhân thế !

Lát phát mưa bay, xuân quạnh quẽ,
Rượu buồn nổi chén với người thương.
Ngày nào cùng gặp trên quê cũ,
Cùng nắm tay mừng : đây cố - hương !

Nam California, Xuân 2005

BÙI PHONG KHÊ

(*) Tô Đông Pha “ Vọng mỹ
nhân hề thiên nhất phương”

Chữ Nôm dưới thời Tây Sơn



THÁI TÁU

諸傳羅山夫子阮汝欵知得君委朱夫子也
又安相地瀝都朱及期尼回御中街細極
覽郊役不職喚駕回富春京休息士率正
詔頒下夫子早宜與鎮守慎其軍經之志
之相地作都在浮石行宮稍後近山其正地
做在民居於間昭聖光吉地守都唯夫子
道服鑒定早已卜成委朱鎮守慎早立
宮殿期三月內完成得便加御唯夫子勿以
間息視欵哉特

恭德十二年六月初一日

Bút tích Vua Quang Trung

Nhắc đến Vua Quang Trung Nguyễn Huệ, ngoài thiên tài quân sự đánh tan quân Xiêm - Thanh, thắng chúa Nguyễn, diệt chúa Trịnh thu non sông về một mối vào cuối thế kỷ thứ XVIII, Vua còn giỏi về nội trị, vững về kinh tế, khôn khéo về ngoại giao, mưu lược về chính trị, trọng

người hiền, yêu kẻ sĩ. . . Đặc biệt chúng ta còn tìm thấy ở nơi Vua một tinh thần độc lập trong việc cải cách học thuật, đưa chữ Nôm lên thành quốc gia văn tự .

Chúng ta hãy nhìn lại chữ Nôm đã phát triển dưới thời Tây Sơn .

Chữ Nôm là gì ?

Chữ Nôm là một thứ chữ khối vuông, mượn từ chữ Hán rồi tá tự, tá âm, tá nghĩa thêm thắt. . . phiên âm ra tiếng Việt do người Việt sáng tạo ra có từ thời Hán Minh Đế dưới thời thống trị của Sĩ Nhiếp từ thế kỷ thứ II sau công nguyên, nhưng theo các nhà bác học Tây phương thì cho là chữ Nôm có từ thời Hàn Thuyên (Nguyễn Thuyên) đời Trần thế kỷ thứ XII -XIII là thời kỳ mà thơ văn tiếng Việt phát triển - Thời kỳ thơ Hàn luật - tìm thấy các bài văn khắc trên bia đá nhưng cũng chỉ dùng để làm thơ, ca, truyện, vè . . . mà thôi .

Đến thời Tây Sơn thì chữ Nôm được vua Quang Trung đưa lên thành chữ viết chính thức của nước nhà thay chữ Hán trong các chiếu chỉ , văn thư, từ lệnh mà nay chúng ta còn tìm thấy như *chiếu lập học, chiếu khuyến nông, chiếu hiếu dụ dân chúng, thông tư về thể lệ tổ tụng* . . dưới triều Tây Sơn . Ngoài ra, còn cho phép dân chúng tân trình việc làng nước bằng văn Nôm như bài sớ của nông dân tại trại Văn Chương xin vua Quang Trung dựng lại bia tiến sĩ đề danh 83 vị tiến sĩ trong nhà Giám “ Văn miếu Hà Nội ” với những lời phê của Vua

Học giả Trần Văn Giáp trong quyển “ Lược Khảo Vấn Đề Chữ Nôm ” Ngày Nay Publishing xuất bản 2002 phần viết về “ Chữ Nôm dưới triều Tây Sơn ” cho biết : “ Tháng 10 mùa Đông, năm Bính Thìn [Cảnh Thịnh thứ tư (1796)] triều đình hạ lệnh tất cả giấy tờ công đều làm bằng chữ Nôm ” Nguyên văn phiên âm như sau :

Bính Thìn Đông thập nguyệt. . . (Thời) Tây Sơn mệnh trung ngoại văn thủ dụng quốc ngữ tự. Thời nghị, Hán tự hạ lưu xã hội vị năng tất hiểu, dục phục cổ Việt phiêu tự di văn. Mệnh trung ngoại hành hạ văn thư cải dụng Nam âm quốc ngữ tự, như quân tác xưng “ bề trên ” ; thần tác xưng “ chúng tôi ” chi loại hành chi .

Dịch nghĩa : Năm Bính Thìn tháng 10 mùa Đông. . . (Triều) Tây Sơn hạ lệnh tất cả giấy tờ trong triều và các nơi ngoài đều làm bằng chữ quốc ngữ (tức chữ Nôm).

Thời đó. đình thần bàn rằng : (đối với) chữ Hán, thì xã hội (tức nhân dân) lớp dưới chưa thể hiểu hết, muốn trở lại dùng lối văn phiên âm (tức chữ Nôm) của lối Việt xưa . Hạ lệnh : các giấy tờ trong ngoài đổi hẳn dùng chữ Nôm như các loại tiếng “ vua ” thì xưng là “ bề trên ” “ bày tôi ” thì xưng là “ chúng tôi ” .

Để thực hiện chỉ thị trên, triều đình Cảnh Thịnh đã nhân việc lấy lại thành Qui Nhơn, làm một bài hiểu dụ nhân dân bằng chữ Nôm “.

Phan Huy Ích được lệnh triều đình làm thay Diêu quận công bài văn Nôm này để hiểu thị nhân dân thành Qui Nhơn lời văn diêu liêu, ý tứ hồn hậu, nó có tính cách cách mạng văn hóa, thiên trọng về văn hóa dân tộc của triều đình Tây Sơn, dùng chữ Nôm không dùng chữ Hán, để cho mọi người đều hiểu rõ. Nó là một tài liệu văn, sử đặc sắc (sdd).

Nói tóm lại, Vua Quang Trung đã coi trọng việc học hành, đưa chữ Nôm lên thành quốc gia văn tự, lập Sùng Chính Viện, giao cho Nguyễn Thiếp làm Viện trưởng để đào tạo nhân tài, phiên dịch sách tiểu học, tú thư, ngũ kinh . . . ra chữ Nôm, mở mang giáo dục đến tận làng xã. Sau đây là một vài văn liệu về chữ Nôm được phổ biến dưới thời Tây Sơn.

@ Thủ thư của Nguyễn Huệ gửi Nguyễn Thiếp :

Sau khi diệt họ Trịnh về, Nguyễn Huệ muốn chọn đất Nghệ An để xây dựng Phượng Hoàng Trung Đô cho triều đại riêng mình. Bức thư trên đầu bài là chữ viết của Nguyễn Huệ gửi La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp về việc chọn đất để lập đô ở Nghệ An dưới dạng chữ Nôm, dịch âm như sau :

Chiếu truyền La Sơn Nguyễn Thiếp khâm tri .

Ngày trước ủy cho Phu Tử về Nghệ An tướng địa làm đô cho dịp kỳ này hồi ngự. Sao về tới đó, chưa thấy dựng việc nhe. Nên hãy giá hồi Phú Xuân Kinh hưu tức số tốt. Vậy chiếu ban hạ, Phu Tử tảo nghi dữ trấn thủ thận công sự kinh chi dinh chi, tướng địa tác đô tại Phù Thạch, Hành cung sảo hậu cận sơn, kỳ chánh địa, phóng tại dân cư ư gian hay là đầu cát địa khả đô duy Phu Tử đạo nhân giám định. Tảo tảo tốc thành ủy cho trấn thủ Thận tảo lập cung điện. Kỳ tam nguyệt nội hoàn thành, đặc tiện giá ngự. Duy Phu Tử vật dĩ nhân hốt thị khâm tại, đặc chiếu .

Thái Đức thập nhất niên, lục nguyệt, sơ nhất nhật (ngày 4 tháng 7 năm 1788).

Trong tiếu thay Phượng Hoàng Trung Đô đang xây dựng dở dang thì Vua Quang Trung băng hà .

@ Chiếu dụ bằng chữ Nôm.

Ngày 25-11 năm Mậu Thân (22-12-1788) tại núi Bân (Bân Sơn , địa phận xã Yên Cự, huyện Hương Trà, gần Huế) Nguyễn Huệ lập đàn tế trời đất lên ngôi Hoàng Đế lấy hiệu là Quang Trung (năm thứ nhất 1788) rồi thống lĩnh đại binh tiến ra Bắc với sứ mạng cao cả và vinh quang là quét sạch quân xâm lược Mãn Thanh. Ngày 29-11 Mậu Thân (26-12-1788) nghĩa là sau 4 ngày rời khỏi Phú Xuân, Vua Quang Trung đã có mặt tại Nghệ An, đó là một cuộc hành quân thần tốc hiếm thấy trong lịch sử. Đến Nghệ An Vua cho dừng quân để tuyển thêm binh và sau đó tổ chức một cuộc duyệt binh lớn nhằm biểu dương lực lượng. Trong cuộc duyệt binh này Vua đã đồng đọc một bài dụ nhân dân, tướng sĩ nguyên văn Nôm như sau :

“ Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện đang ở Thăng Long, các người đã biết chưa ? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, tất cả đều đã được phân biệt rõ ràng, Bắc Nam hai phương chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, lòng dạ ắt khác . Từ đời Hán đến nay, chúng đã bao phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân ta, vợ vét của cải khắp đất nước ta, cho nên, người mình không ai chịu nổi, đều muốn đánh đuổi chúng đi . Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ . . . Các Ngài không nỡ ngồi yên nhìn chúng làm điều tàn bạo, cho nên đã thuận theo lòng người mà dấy nghĩa binh, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về hẳn bên phương Bắc .

. . . Lợi hại và được thua đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta mà đặt thành quận huyện của chúng,

*không biết trông gương các đời Tống, Nguyên và Minh
thuở xưa, vì thế, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng .(2) “*

Sau lễ duyệt binh này, Vua Quang Trung cho quân tiến gấp ra Thanh Hoá. Đến Thọ Hạc (nay thuộc xã Thanh Hóa) Vua lại long trọng tổ chức Lễ Thệ Su (3). Tại Lễ Thệ Su, Vua hiểu dụ tướng sĩ ba quân và nhân dân rằng :

“ Đánh , cho để dài tóc !

Đánh , cho để đen răng !

Đánh , cho nó chiếc luân bất phản !

Đánh , cho nó phiến giáp bất hoàn !

*Đánh, cho sử tri Nam quốc anh hùng chi
hữu chủ v. v. .*

Đây là một bài văn Nôm ngắn như một nhật lệnh nhưng danh thép, khí khái, bao hàm nhiều ý nghĩa sâu rộng; nó có tác dụng động viên tinh thần dân tộc như “ Đánh, cho để dài tóc ! Đánh, cho để đen răng ! “ để giữ lấy đất lề quê thói, bảo vệ hàm răng mái tóc là gốc con người, tóc bỏ đuôi gà, răng nhuộm hạt huyền. . . không chịu đồng hóa với phương Bắc; nó động viên chí khí anh hùng của quân sĩ “ Đánh, cho nó chiếc luân bất phản ! Đánh ,cho nó phiến giáp bất hoàn ! Đánh , cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ ! v. v. .chẳng khác chi bài “ Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư “ của Lý Thường Kiệt “ Bình Ngô Đại Cáo “ của Nguyễn Trãi .

@ Văn tế Quang Trung bằng chữ Nôm .

Ngày 29-7 năm Nhâm Tý (16-9-1792) Vua Quang Trung mất, đình thần từ Vua Cảnh Thịnh cho đến

các cận thần theo Vua từ ngày khởi nghĩa đã làm một bài văn tế mở đầu với những câu :

*Than rằng
Giữa trời rạng vẻ cảnh tinh,
hồi khai sáng mãi dựng ngôi tử cực
Bên núi ngấm vừng thu nguyệt
lê cơ màu khôn tỏ máy huyền khung
Tưởng tình phận tác lòng quần quận ;
Nghĩ xưa sau giọt lệ dòng dòng.
Phen nghĩa lữ mở núi Tây Sơn
vào châu chực đã nhờ ơn dạy dỗ . . . ”*

và Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân cũng làm một bài văn Nôm “ Ai Tư Văn ” (dài 164 câu theo thể song thất lục bát) khóc Vua Quang Trung bằng hà. Bài Ai Tư Văn là một án văn Nôm trữ tình. ai oán, bi thiết nhưng hiện thực của một đấng nữ lưu trong hoàn cảnh tang tóc bi thảm .

Ai Tư Văn là một bản sử ca, vinh danh người anh hùng áo vải đất Tây Sơn .

*. . . Mà nay áo vải cờ đào
Giúp dân dựng nước xiết bao công trình.
. . . . Mà nay lượng cả ơn sâu
Móc mưa rồùi khắp chín châu đượm nhuần .*

Ai Tư Văn là tiếng khóc của Bắc cung Hoàng hậu và cũng là tiếng khóc ngậm ngùi, tiếc thương của thần dân từ triều đình đến thôn dã, đến nỗi trách móc hóa công sao hẹp lượng.

*. . . Công dường ấy mà nhân dường ấy
Côi thọ sao hẹp bấy hóa công !
Rộng cho chuộc được tuổi rồng
Đổi thân át hẳn bỏ lòng tôi người ;*

Vua Quang Trung mất là một mất mát lớn đối với quân dân thời Tây Sơn và Bắc cung Hoàng hậu đã xin trời đất chứng cho nỗi đau đứt ruột này

... *Chữ tình nghĩa trời cao đất rộng
Nỗi đoạn trường còn sống còn đau
Mấy lời tâm sự trước sau
Đôi vầng nhật nguyệt trên đầu chúng*

cho .

@

Vua Quang Trung là người anh hùng có chí lớn, đủ tài, đủ đức muốn đưa đất nước sang một thời kỳ mới chứ không phải lẩn quẩn nơi chiếc ngai vàng. Nhưng than ôi ! mộng lớn chưa thành thì rồng thiên thoát khuất, khiến cho nhà Tây Sơn lâm vào bước suy vi đất nước lỗ mất cơ cường thịnh và mộng ước đưa chữ Nôm lên thành quốc gia văn tự cũng theo cái chết của Vua mà dang dở vì sau đó Nguyễn Gia Long đã bóp nghẹt chữ Nôm rập khuôn theo chữ Hán của phong kiến Mãn Thanh để dễ bề cai trị. Nhưng trái lại theo quy luật tự nhiên chữ Nôm càng bị bóp nghẹt bởi bàn tay của chính quyền thì chữ Nôm lại càng phát triển ngay trong lòng dân chúng .

Thật vậy, từ cuối thế kỷ thứ XVIII trở về sau ta thấy xuất hiện nhiều áng văn Nôm xuất sắc, lời văn chải chuốt, hoa mỹ như : Cung Oán Ngâm Khúc . Hoa Tiên Truyện, Kim Vân Kiều , Ngọc Kiều Lê, Lục Vân Tiên, Bích Câu Kỳ Ngộ . . và nhiều tác phẩm khác đã trở thành

văn học cổ điển. Ngoài ra các thơ, ca, hò, vè cũng phát triển mạnh trong nhân gian.

Ngày nay, cứ mỗi dịp xuân về, cùng với xuân thiên và khí hậu nhiên của trời đất, khiến ta nhớ đến vị anh hùng áo vải đất Tây Sơn- Bình Định : Quang Trung Nguyễn Huệ. Cuộc đời ngắn ngủi với 39 tuổi xuân đã có 22 năm tả xung hữu đột, đánh nam dẹp bắc, khiến cho thù trong phải bạt vía, giặc ngoài phải kinh hoàng. Hai mươi hai năm chỉ có chiến thắng mà chưa hề chiến bại “ *Công đường ấy mà nhân đường ấy, cỡi thạ sao hẹp bấy hóa công ?* ”

(1) Lược khảo vấn đề chữ Nôm

Trần Văn Giáp, Ngày Nay Publishing 2002 xuất bản.

(2) Ngô Gia Văn Phái : Hoàng Lê nhất thống chí

(3) Lễ tế cờ và thề trước lúc xuất quân .

THÁI TÁU



QUÁ ĐỒ BÀN THÀNH

Đồ Bàn kinh kỳ độ tang thương,
Cự tích tiêu mai dục đoạn trường;
Oanh liệt kỳ triều tàn cỏ nguyệt,
Huy hoàng số đại tịch tà dương.
Anh hồn nghĩa sĩ tàng vân vụ,
Dũng phách trung thần quyện ái sương;
Đôi cảnh vũ nhiên hoài cố quốc,
Thủy thừa đương khởi phục giang sơn?

Dịch thơ:

QUA THÀNH ĐỒ BÀN

Đồ Bàn trải mấy độ tang thương,
Dấu cũ mờ phai luống đoạn trường;
Oanh liệt bao triều tàn cỏ nguyệt,
Huy hoàng mấy thước tịch tà dương.
Hồn thiên nghĩa sĩ nương mây khói,
Phách dũng trung thần quyện móc sương;
Cám cảnh ngậm ngùi niềm cố quốc,
Ai người thu phục lại giang sơn.

VĨNH XUYÊN
(Nguyên tác và dịch)

NHỮNG BÀI TỪ CỦA ĐÀO TẤN

(1845 – 1907)

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Ông nguyên có tên là Đào Đăng Tấn, vì tránh quốc húy bỏ chữ Đăng, nên gọi gọn Đào Tấn. Ông sinh ngày 27 tháng 2 năm Ất Tỵ, tức ngày 3- 4- 1845, Thiệu Trị thứ 5. Quê quán tại làng Vinh Thạnh xã Phước Lộc huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định.

Đào Tấn, tự là Chỉ Thúc, hiệu là Mộng Mai và Tô Giang, biệt hiệu là Tiểu Linh Phong và Mai Tăng. Lúc nhỏ, ông được may mắn thọ giáo cụ Tú Nguyễn Diêu, người làng Nhơn Ân, nay là thôn Nhơn Ân xã Phước Thuận cùng huyện. Ông không những được thầy dạy chữ để đi thi mà còn đào tạo thành một nhà soạn tuồng. Năm 19 tuổi, lúc còn học với thầy, ông soạn tuồng đầu tay Tân Dã Đồn, nổi tiếng từ ấy.

Năm 23 tuổi, ông đậu Cử nhân khoa Đinh Mão (1868). Năm 1871, Tự Đức thứ 24, ông được sơ bổ Điển tịch, sung vào Hiệu thư ở Nội các, tức hội nhà văn của triều đình, lo việc biên soạn và sáng tác, do vua Tự Đức làm chủ tọa.

Ông làm quan trải ba triều Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái; từ chức Điển tịch, hai lần Thừa Thiên phủ doãn, hai lần Tổng đốc An Tĩnh (Nghệ An – Hà Tĩnh), hai lần Thượng thư bộ Công sung Cơ mật viện Đại thần, tước Vinh Quang tử.

Ông thuộc nhóm cảm tình Cần Vương, lúc làm Thượng thư ở kinh, nghe tin Phan Đình Phùng mất (1896), ông làm thơ *Khốc Phan Đình Nguyên* và câu đối điếu. Lúc làm Tổng đốc An Tĩnh lần thứ 2, nhân dịp khánh thành cầu sắt bắc qua sông Nhị Hà, ông cấp giấy phép thông hành cho Phan Bội Châu ra Bắc. Nhờ có giấy phép hợp lệ, ông Phan đến đồn Phồn Xương yết kiến Hoàng Hoa Thám và đi khắp xứ Bắc Kỳ tìm đồng chí. Lúc Phan Bội Châu xuất ngoại, ông làm thơ *Úc Phan San* (Nhớ Phan San). Ngoài ra, ông có câu đối điếu Mai Xuân Thưởng, lãnh tụ Cần Vương của tỉnh nhà.

Tác phẩm, ông có khoảng 40 kịch bản tuồng sáng tác hoặc nhuận sắc, những tuồng nổi tiếng như *Vạn Bửu trình tường*, *Tân dã đồn*, *Cổ thành*, *Diễn võ đình*, *Hộ sanh đàn*, *Trâm hương các*.

Thơ Hán văn có tập *Tiên nghiêm Mộng Mai ngâm thảo*.

Từ có tập *Mộng Mai từ lục*.

Văn có *Linh Phong tự ký* và *Hí trường tùy bút*.

Biểu và văn tế có: *Biểu tạ ơn* khi nhận tước phong Vinh Quang tử và văn tế *Tạ cầu mưa* tại Đền Cồn ở Nghệ An.

Câu đối hiện còn 19 câu, trong đó có 3 câu đối điếu lãnh tụ, tướng lãnh Cần Vương.

Riêng về từ, có thể nói là giai đoạn văn học Việt Nam vào hậu bán thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, Đào Tấn là người sáng tác thể loại này nhiều nhất. Vì chiến tranh, các bài từ của ông bị thất lạc nhiều, số còn lại được người đời sau sưu tầm sao chép thành hai tập *Mộng Mai từ lục*, *Thơ và từ Đào Tấn*.

Tập đầu dày 68 trang, chữ Hán viết tay, mặt bìa đề *Mộng Mai từ lục* – Nguyễn Tông phụng sao, bên trong chép 59 bài từ. Tập này tìm được ở Tuy Phước cùng một chỗ với *Mộng Mai thi tồn*, do tư nhân cất giữ từ lâu. Nhà hát tuồng Đào Tấn ở Qui Nhơn đã sao chụp và lưu trữ.

Tập sau dày 284 trang, nhan đề là *Thơ và Từ Đào Tấn*, gồm 86 bài thơ và 24 bài từ bằng chữ Hán (phần nguyên tác) và chữ Việt (phần phiên dịch). Nhóm Vũ Ngọc Liễn sưu tầm và biên soạn, nhà xuất bản Văn học ở Hà Nội ấn hành năm 1987.

Tóm lại, từ của Đào Tấn, đến nay sưu tầm được 59 bài, chia ra như sau: 24 bài đều có trong hai tập MMTL và TVTDT, còn 35 bài chỉ có trong *Mộng Mai từ lục* (trong đó có những bài cần tìm hiểu thêm có phải của Đào Tấn hay không).

Vậy 24 bài từ chắc chắn của Đào Tấn, gồm các điệu như: Bồ tát man (2 bài), Chuyển ứng khúc (2 bài), Điệp luyến hoa (2 bài), Giá cô thiên, Hương thủy đạo trung, Lâm giang tiên, Lưu xuân, Mãn giang hồng, Ngu mỹ nhân, Ngư phụ từ, Nhất lạc sách, Như mộng lệnh (2 bài), Quá Kim Long dịch [1], Thu oán, Tiểu trùng sơn, Tô mộ già, Tống xuân, Trường tương tư, Ưc vương tôn, Ý la hương.

Còn 35 bài khác, gồm các điệu như: Bồ tát man, Cánh lậu tử, Điệp luyến hoa (2 bài), Điều dạ đề, Giang nam hảo, Hoa phi hoa, Lâm giang tiên (2 bài), Mãn giang hồng, Mộc hoa lan, Ngu mỹ nhân (3 bài), Nguyễn lan qui, Ngư gia ngao, Ngư phụ từ, Nhất lạc sách, Như mộng lệnh (2 bài), Phong nhập tông, Phụng thê ngô, Thanh ngọc ẩn, Thu hứng, Tống xuân, Triều trung tích, Trường tương tư (2 bài), Túy hoa âm, Tương kiến hoan, Ưc tần nga, Ưc

vương tôn, Viện khê sa, Vũ trung văn qui, Yết hương bình.

Dưới đây là hai bài từ tiêu biểu tư tưởng của Đào Tấn:

BỒ TÁT MAN
Đệ nhất

*Lang tình thu hậu tiêu sơ điệp
Thiếp tâm mạch thượng du dương điệp
Hà xú vọng qui yên ?
Xuân vân sơn ngoại sơn
Lê hoa tân nguyệt hạ
Độc tự thiêu hương bái
Duy hữu mộng tương tâm
Kính ô đề dạ thâm.*

Đệ nhị

*Khứ niên bất tử tiền niên hảo
Kim niên cánh tử khứ niên lão
Vị lão thị hùng tâm
Ân ưu quốc nạn thâm
Cửu biên phong hỏa cấp
Nhất phái thừa bình ý
Bất tất vấn mai hoa
Hàn chi tận mộ nha.*

ĐÀO TẤN
(MMTL – TVTDT)

ĐIỀU BỒ TÁT MAN

Bài thứ nhất

*Tình anh chiếc lá cuối thu,
Lòng em lối nhỏ bướm ru lượn vòng.
Ngựa về, biết hướng nào trông ?
Mây xuân dựng núi ngoài thông núi ngàn.
Trăng non nhuộm đóa lê vàng
Một mình, thôi hết lạnh tàn lửa hương.
Chỉ còn trong mộng trao thương,
Đêm khuya tiếng quạt kêu sương, giật mình.*

Bài thứ hai

*Năm qua chẳng khỏe bằng xưa
Nay so năm ngoái già nua sức mòn.
Chưa già, nhiệt huyết ấy còn,
Mãi lo nạn nước đấm vòng điêu linh.
Chín bề lửa báo chiến chinh,
Một phe vẫn giữ ý xin nghị hòa.
Cần gì phải hỏi mai hoa,
Cành trơ quạ đậu chiều tà lạnh hoang.*

VIỆT THAO phụng dịch.

[1] Qua trạm Kim Long, tên của một bến đò ở Huế, nơi vua Hàm Nghi xuất bôn đã đi qua khi vừa ra khỏi kinh thành.

XUÂN CẢM TÁC

*Thêm một mùa Xuân sống viễn phương
Cõi lòng canh cánh nhớ Quê Hương
Ba mươi bó gói trong cư xá
Mùng một lê chân khắp phố phường
Tết vắng gia đình buồn khú đế
Xuân không bằng hữu nhuộm sầu vương
Bao giờ mới được ngày tươi sáng
Trở lại quê xưa dựng miếu đường*

Thục Điềm

XUÂN VỀ NHỚ QUÊ

*Xuân về ta nhớ ta trông
Nhớ Xuân quê cũ nhớ đồng lúa xanh
Đàn chim đôi cánh lướt nhanh
Nhớ mai đua nở trên cành bướm bay
Xuân về sao lắm đổi thay
Tuổi xuân nay đã phôi bày lão ông
Xuân xưa duyên thắm má hồng
Xuân nay tiểu tụy bên chồng nuôi con
Nhớ em tuổi thơ còn son
Đôi ta say đắm sắc son tuyết vờ
Xuân về xứ lạ tuyết rơi
Nhìn ngoài mái ấm nhớ thời tuổi thơ
Mỗi lần xuân đến mộng mơ
Ước ta trở lại tuổi thơ ban đầu*

TRẦN MINH TRIẾT

Qui Nhơn, Thành Phố

Đi Lãng Quên

BÙI THỨC KHÁN

Qui Nhơn, thành phố biển, thủ phủ của tỉnh Bình Định. Tên gọi Qui Nhơn có từ cuối thế kỷ 19 khi thành phố trên cửa biển Thị Nại được hình thành.

Thực ra, trong lịch sử, địa danh Qui Nhơn đã xuất hiện từ đầu thế kỷ 17 (năm 1602), chỉ định một đơn vị hành chính được gọi là PHỦ, có địa giới tương ứng với tỉnh Bình Định hiện nay. Trước đó, từ 1471 vùng đất này mang tên Phủ Hoài Nhơn (gồm đất ba huyện Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn) thuộc Đạo Quảng Nam năm 1651 lại đổi tên Phủ Qui Nhơn thành Qui Ninh rồi đến năm 1742 lấy lại tên cũ là Qui Nhơn (1).

Trong các thế kỷ 17, 18 người phương tây gọi thành phố Qui Nhơn là QuiGnin. Người Anh vào năm 1793 gọi là Qui Nong. Người Bồ Đào Nha trong các luồng hải hành ở thế kỷ 17, 18 vẫn ghi vùng này là Poulo CamBi, người Pháp viết là PouLo Gami Bir, đúng ra là Đảo hay Cù Lao Xanh, trước 1975 là xã Phước Châu (Tuy Phước), hiện thời là xã Nhơn Châu thuộc thành phố Qui Nhơn, nằm ở phía đông nam, cách trung tâm Qui Nhơn 24 km.

Người Trung Hoa gọi Qui Nhơn là Tân Châu để phân biệt với Cựu Châu là đất Quảng Nam.

Trong thế kỷ 19 Qui Nhơn đã có phố xá nhưng tên đơn vị hành chính vẫn là thôn xóm của các làng Chánh Thành và Cẩm Thượng.

Vào hậu bán thế kỷ 19 một đô thị mới là thị xã Qui Nhơn hành thành bên đầm Thị Nại do đề nghị ngày 20-10-1898 của Cơ Mật Viện Triều đình Huế với sự phê chuẩn của Khâm Sứ Trung Kỳ là Boullocette. Gần một năm sau, ngày 12-7-1899, Vua Thành Thái chính thức xuống Dụ Công bố việc thành lập Thị xã Qui Nhơn (cùng 5 thị xã khác). Đến ngày 30-8-1899 Toàn Quyền Đông Dương là Paul Doumer ra quyết định chuẩn y.

Theo nghị định ngày 14-3-1900, thị xã Qui Nhơn bao gồm đất của hai làng Chánh Thành và Cẩm Thượng vốn thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ngày 30-4-1900 Toàn Quyền Đông Dương Pasquier ra nghị định nâng cấp thị xã Qui Nhơn lên thành phố, đứng đầu là viên Đốc Lý (Régident Maire) do Công Sứ Bình Định kiêm nhiệm. Giúp việc cho Đốc Lý là một Hội Đồng Thành phố (nhiệm kỳ 4 năm) gồm 4 thành viên (2 người Pháp, 2 người Việt) do Đốc Lý làm Chủ tịch, Tổng Đốc Nam triều là Phó chủ tịch.

Đầu năm 1931 ranh giới của thành phố Qui Nhơn được mở rộng bằng việc xác lập thêm làng Hưng Thạnh thuộc huyện Tuy Phước. Thành phố Qui Nhơn được chia làm 5 khu (Quartier), khu 1 và 2 thuộc đất làng Chánh Thành, khu 3 và 4 thuộc đất làng Cẩm Thượng, khu 5 thuộc đất làng Hưng Thạnh.

Trong kế sách “khai hóa” thuộc địa, người Pháp rất quan tâm việc thông các cửa biển và xây dựng bến cảng cho tàu thuyền ra vào vận chuyển hàng hóa và quân binh.

Năm 1876 Pháp thông cửa Thị Nại và lập cơ quan lãnh sự ở đây nhưng đến năm 1882 mới khảo sát để xây dựng Cảng Qui Nhơn hiện đại. Năm 1892 xây xong Tòa Công sứ ở Qui Nhơn người Pháp mới tiến hành công cuộc xây dựng cảng. Cầu tàu tại Cảng Qui Nhơn xây trên chiếc Cầu Đá có từ thời Champa, người địa phương gọi là Cầu Bà Đệ, tên của một phụ nữ đến sống đầu tiên ở xóm Tấn. Cuối thế kỷ 19 Cầu Bà Đệ bị phá bỏ để xây dựng Cảng Qui Nhơn hiện nay.

Từ năm 1892 người Pháp bắt đầu đặt các phao hướng dẫn cho tàu bè ra vào Cảng. Cù lao xanh (Poulo Gamber) là rào chắn cho Cảng nhưng cũng là nơi nguy hiểm cho tàu bè khi qua Cảng. Do đó, năm 1899 người Pháp cho xây dựng ở Cù lao xanh ngọn hải đăng cao 119 mét cách mực nước biển (riêng ngọn tháp hải đăng là 19 mét). Hải đăng này có thể hướng dẫn các tàu thuyền ra vào bến cảng Qui Nhơn bằng 4 ngọn đèn pha có 4 vệt sáng trắng, với tầm nhìn trong khoảng cách chừng 20 dặm.

Hệ thống đường bộ được mở rộng để vận chuyển hàng hóa, phục vụ dân sự và quân sự. Các con đường chính ở Qui Nhơn trước là đường liên thôn, liên xã giữa Hưng Thạnh, Chánh Thành, Cẩm Thượng được hiện đại hóa. Vào những năm 1930 nội thành Qui Nhơn đã có trên 10 đường phố lớn, trong đó có 3 con đường chạy song song và có nhiều dinh thự được xây dựng là đường Gia Long, đường Jules Ferry (sau là Phan Bội Châu) và đường Oden d'Hall (trước 1975 là Võ Tánh). Con đường chạy ngang quan trọng nhất là đường Khải Định (sau là Lê Lợi). Đường lớn chạy dọc theo bờ biển là Maréchal Forch (về sau là Nguyễn Huệ). Còn có một số con đường khác như đường Bờ Sông gọi là Rue-de Lagune (nay là Bạch Đằng); đường Consul Verchneider, đường Lemire, đường

Guiomar ... Trên các con đường chính đã có đèn đường tỏa sáng 2 phía và tại các ngã tư đều có đèn báo hiệu lưu thông. Lòng đường tuy chưa rộng nhưng các con đường chính đều được xây dựng với kỹ thuật khá tốt, có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, ít khi bị nghẽn nước mưa.

Nhiều công sở, dinh thự, cơ sở kinh doanh theo lối kiến trúc Âu Châu lần lượt nổi lên bên cạnh các công trình nhà cửa của người Hoa và người Việt. Đường OdendHall (Võ Tánh) có trường College, biệt thự của Hiệu trưởng và vài biệt thự của người Pháp, hãng buôn Pháp, sân Tennis. Đường Gia Long có dinh Tổng Đốc gọi là Công quán (sau xây cất chính thức gần Tòa Công Sứ trên đường Mairéchal Forch), Trường Tư Thục Gagelin, nhà thờ, Tòa Giám Mục, rạp chiếu bóng sân vận động. Đường Maréchal Foch (Nguyễn Huệ) lại nhiều công trình hơn như chi nhánh ngân hàng Đông Phương, nhà Dây Thép đồn lính Khố Xanh, Sở Mật Thám, Sở Hải đăng tòa Công Sứ, Câu Lạc Bộ Pháp (Cercle Francais), trường Tiểu học, Sở Lục Lộ, hãng Vận tải, Bệnh viện, Nông phố ngân hàng, đồn lính khố đỏ.

Hệ thống đường sắt ở Qui Nhơn được xây dựng với việc khởi công xây nhà ga Qui Nhơn, từ 1928 đến 1932 thì hoàn tất. Ga Qui Nhơn đúc bằng bê tông cốt sắt với 4 cổng chính, nổi tiếng là một trong hai nhà Ga đẹp nhất miền Trung (Ga Qui Nhơn và Ga Đà Lạt) Đoạn đường sắt nối từ Ga Diêu Trì về Ga Qui Nhơn dài 10,2 km, còn đoạn từ Ga Qui Nhơn đến Cảng Qui Nhơn dài chừng 4 km.

Người Pháp còn xây dựng tại Qui Nhơn các nhà máy đèn, nhà máy nước, các cơ sở kinh tế công thương nghiệp. Dệt cũng là một ngành sản xuất mạnh mẽ ở Bình Định – Qui Nhơn. Năm 1902 nhà từ bản Pháp là Le Delignon

thành lập nhà máy dệt ở Phú Phong (cách Qui Nhơn 40 Km) với qui mô lớn như nhà máy dệt Nam Định-Hãng Delignon còn đặt một số cơ sở dệt tại Qui Nhơn để dệt nhiều tơ lụa sản phẩm của Sở Dệt Delignon được xuất cảng tiêu thụ ở Châu Âu là chính (2).

Nhiều khách sạn, cửa hàng bách hóa, các hãng buôn của người Pháp lần lượt ra đời, xen lẫn hiệu buôn của người Hoa và người Việt. Các tiệm Cà-phê, nhà hàng ăn uống, dịch vụ văn hóa, thể thao như câu lạc bộ, nhà hát, sân vận động đều được phát sinh. Tất cả đã làm thay đổi bộ mặt thành phố Qui Nhơn theo chiều hướng Âu hóa và làm biến đổi cả nếp sinh hoạt quan niệm sống của cư dân địa phương. Bước vào những năm 1940, khu vực trung tâm của Qui Nhơn được định hình ở các con đường chính, cư dân ngày càng trở nên đông đảo, các hoạt động kinh tế ngày càng phát triển tạo cho Qui Nhơn bộ mặt thành thị sầm uất không hề thua kém so với các thành thị ở miền Trung thời bấy giờ. Trong số 6 thị xã ở miền Trung được nâng lên thành phố cấp III, Qui Nhơn được xếp vị trí thứ 5 (sau Đà Lạt, Vinh Bến Thủy, Thanh Hóa, Huế và trước Phan Thiết).

Trong thời Việt Minh (1945-1954) Qui Nhơn được tổ chức theo qui chế một thị xã.

Đến tháng 3-1947 Việt Minh áp dụng chính sách tiêu thổ kháng chiến. Thành phố Qui Nhơn bị phá hủy toàn bộ. Tất cả các công sở, dinh thự, các khu nhà kiên cố đẹp đẽ bị đánh sập hay phá dỡ. Đường đá bị đào bới, cây cối bị chặt bỏ – Công trình đô thị to lớn, mới mẻ, đẹp đẽ của Qui Nhơn trở thành những đống gạch vụn, ngói bể. Còn lại mấy căn phố của người Hoa ở đường Gia Long nhưng cũng bị đập phá loang lổ, và một vài cơ sở tôn giáo như Chùa chiền, nhà thờ ... !

Tháng 6-1950 xã Phước Tấn của huyện Tuy Phước gồm các thôn Xuân Quang, Xuân Vân, Qui Hòa sáp nhập Qui Nhơn, và Qui Nhơn thành một xã đặc biệt trực thuộc tỉnh Bình Định. Từ năm 1951 Qui Nhơn lại phục hồi qui chế thị xã, kéo dài đến tháng 5-1955. Đó là trên danh nghĩa còn thực tế xã hay thị xã thì Qui Nhơn thuở đó không có gì khác hơn ... Cảng Qui Nhơn được phía Việt Minh (cộng sản) sử dụng cho đến tháng 5 – 1955 để đưa cán bộ, nhân sự và binh lính xuống tàu thủy tập kết ra miền Bắc theo Hiệp Định Genève 7-1954.

Sau ngày chính quyền Quốc Gia (VNCH) tiếp thu tỉnh Bình Định, từ tháng 5-1955 đến cuối năm 1969 Qui Nhơn là một xã đặc biệt trực thuộc Tòa Hành Chánh Tỉnh. Đến năm 1970 Qui Nhơn trở thành Thị xã, có thêm lãnh thổ xã Phước Hải, và một phần xã Phước Hậu (vốn thuộc quận Tuy Phước), gồm 16 Phường, chia làm 2 Quận: Nhơn Bình và Nhơn Định. Tỉnh Trưởng Bình Định kiêm nhiệm Thị trưởng Qui Nhơn với một Phó Thị Trưởng và các cơ cấu hành chánh của thị xã (3).

Quận Nhơn Bình có 8 Phường: Trung Cảng, Trung Từ, Trung Đức, Trung Cường, Trung Tín, Trung Hòa, Trung Hải, Trung Phú.

Quận Nhơn Định cũng có 8 Phường: Trung Châu, Trung Kiệt, Trung Thiện, Trung Ái, Trung Chánh, Trung Hiếu, Trung Nghĩa, Trung Hậu.

Sau đó, các xã Phước Lý, Phước Châu của Quận Tuy Phước cũng nhập vào thị xã Qui Nhơn.

Từ năm 1955 Qui Nhơn được hồi sinh, mang diện mạo thành thị mới với những kiến trúc hiện đại và phương tiện giao thông tiến bộ, công kỹ nghệ phát đạt.

Trong giai đoạn lịch sử này, Qui Nhơn có một vị trí chiến lược quan trọng, là giao điểm của nhiều đường giao thông thủy bộ và hàng không quốc gia.

Quốc lộ 1 và con đường sắt xuyên Việt có đoạn chạy đến Qui Nhơn, nối Qui Nhơn với các vùng của đất nước. Đặc biệt quốc lộ 19 là con đường huyết mạch nối thành phố Qui Nhơn với vùng chiến lược Tây nguyên rộng lớn. Cảng Qui Nhơn là một trong hai cảng lớn ở miền Trung, có thể đón nhận tàu có trọng tải từ 5.000 đến 10.000 tấn cập bến.

Phi trường Qui Nhơn trực thuộc sự quản lý của Nhà Hàng Không Dân Sự, có phi đạo dài 1.516 mét, rộng 30 mét, có thể tiếp nhận các loại máy bay 4 động cơ lớn như DC4, C130, C133. Sân bay được trang bị đầy đủ các thiết bị kỹ thuật hiện đại. Nơi đây có một đài không lưu với các máy móc tối tân, hoạt động liên tục 24/24 giờ trong một ngày, và một đài vô tuyến viễn thông.

Sân bay Qui Nhơn khá đẹp, nằm sát mặt biển, ở trung tâm thành phố phi cơ phải hạ cánh từ mặt biển vào, du khách được ngắm cảnh trời biển mây nước bao la. Năm 1974 phi trường Qui Nhơn hoạt động khá tấp nập, có các chuyến bay:

- Qui Nhơn – Sài Gòn, mỗi ngày một chuyến.
- Qui Nhơn – Huế, mỗi tuần một chuyến.
- Qui Nhơn – Đà Lạt, mỗi tuần một chuyến.
- Qui Nhơn – Ban Mê Thuột, một tuần một chuyến
- Qui Nhơn – Đà Nẵng, mỗi tuần 3 chuyến.
- Qui Nhơn – Phú Bổn, mỗi tuần 2 chuyến.

Từ 1965 về sau, chiến tranh lan rộng và khốc liệt, đường sắt không còn hoạt động nên đường bộ đường thủy và hàng không ngày càng giữ vai trò quan trọng. Qui Nhơn là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa ... của tỉnh

Bình Định, thu hút dân cư các miền quê và các tỉnh đổ về sinh sống nên dân số đã gia tăng đến mức kỷ lục. Ngày đó, có thể nói Qui Nhơn là một trong ba thành phố đông dân nhất ở miền Nam, chỉ đứng sau Sài Gòn và Đà Nẵng (4).

Tháng 10-1975 nhà nước VNCS hợp nhất hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi thành tỉnh Nghĩa Bình. Qui Nhơn là thị xã tỉnh lỵ.

Sự kết hợp miễn cưỡng gây nhiều tai hại nên đến năm 1984 phải hủy bỏ, Bình Định trở về phương vị cũ và Qui Nhơn vẫn là thị xã tỉnh lỵ.

Đến tháng 7-1986 Qui Nhơn được nâng cấp thành phố, có thêm lãnh thổ của xã Phước Thạnh, và năm sau xã này đổi thành 2 phường Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu.

* *
*

Mấy mươi năm qua, Qui Nhơn như một người lú tuổi, thân thể mỗi mòn, bước đi yếu đuối và hình bóng nhạt nhòa với không gian và thời gian. Qui Nhơn không có phát triển gì đáng kể, không có cơ sở công nghệ, kể cả nền công nghệ không có khói! Qui Nhơn ngày nay kém xa, thật xa, Qui Nhơn của ngày xưa, trước 1945 và sau 1975. Qui Nhơn bị tụt hậu đáng thương và người dân Qui Nhơn – Bình Định đã và đang còn nghèo đói!

Những điều trên tôi đã nghe nói, đã đọc được khá nhiều ... còn nhìn thấy tại chỗ thì chưa, vì ... ba mươi năm qua tôi chưa có lần nào về thăm quê hương, thăm Qui Nhơn, thăm Bình Khê, Bình Định!

Trong niềm thương nhớ Quê hương, gần đây tôi có tìm xem những cuộn băng ghi hình (video) về các tỉnh miền Trung, hy vọng gặp được bóng dáng của Qui Nhơn, Bình Định. Chưa tìm thấy. Tôi buồn bã nghĩ rằng người làm phim không biết đến Qui Nhơn, hay Qui Nhơn chẳng có gì hấp dẫn, quyến rũ khách du quan. Người ta đã thờ ơ, hờ hững, dửng dưng, lãnh đạm trước quê hương thân yêu của chúng tôi!?

Tìm tòi mãi tôi cũng đạt được phần nào điều mình mong ước, đợi chờ. Có một cuộn phim (5) ghi hình ảnh Qui Nhơn với con đường mới mở dọc theo bờ biển từ Sông Cầu (Phú Yên) qua Qui Hòa, Ghềnh Ráng, khu mộ nhà thơ Hàn Mặc Tử, dấu tích lâu Bảo Đại, bãi tắm Hoàng Hậu, cảnh biển một vài đường phố Qui Nhơn và Tháp Đôi (6) nhìn từ trên cao VN.

Xã Phước Thạnh cũ, nơi có ngã ba Phú Tài, bây giờ thuộc về Qui Nhơn. Con đường từ đây về thành phố được mở mang rộng rãi, đẹp đẽ, có thể “một thoáng làm ngõ ngang cho khách phương xa về thăm quê hương” như lời dẫn trong cuộn băng hình. Ngày nay từ Sông Cầu người ta có thể đến Qui Nhơn bằng hai ngã. Một là theo con đường cũ (quốc lộ 1) vượt đèo Cù Mông đến ngã ba Phú Tài. Hai là theo con đường mới mở, chạy dọc bờ biển đến Qui Hòa, Ghềnh Ráng ... an toàn và thoải mái hơn trước, phong cảnh đẹp đẽ. Hai con đường này là những công trình nổi bật của Qui Nhơn, là những điểm tốt được ghi nhận và cũng đáng mừng!

Con đường ra hải cảng thì thật tiêu điều, không xứng với một cảng biển danh tiếng, đã có một thời vang bóng.

Cuộn băng hình nói tiếp với chúng ta.

“Tuy là một Cảng lâu đời nhưng ngày nay Cảng Qui Nhơn không sánh được với bất kỳ một cảng nào ở miền Trung như Cảng Đà Nẵng, cảng Nha Trang ...”

“Đầu tư vào việc xây dựng Cảng Qui Nhơn đúng với tầm vóc quan trọng của nó không phải là việc dễ làm – đòi hỏi những con người có khả năng, tinh thần trách nhiệm cao và có tấm lòng sâu nặng đối với quê hương.

“Một địa danh có bề dày lịch sử cần được tôn tạo, phát triển và trân trọng ..., nhưng hiện tại đang bị chìm trong sự quên lãng của lòng người và thời gian ...”

Người Bình Định – Qui Nhơn đang sinh sống tại quê hương hay từ phương xa trở về thăm, đều có cùng cảm nghĩ.

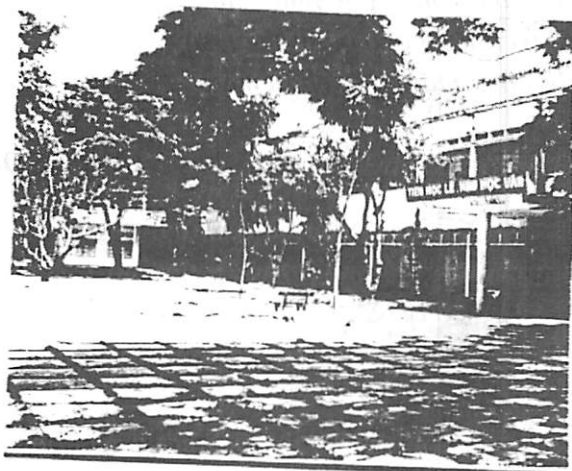
Qui Nhơn là một thành phố lâu đời, có một quá khứ rực rỡ nhưng bây giờ đang chìm khuất trong bóng chiều. Qui Nhơn như đang còn say vùi trong giấc ngủ lác lổ, bơ thờ, bị bỏ lại phía sau với một khoảng cách xa lơ, xa lác ...!

Nam California Xuân Ất Dậu 2005
BÙI THỨC KHÁN

-
- (1) Thành Đồ Bàn cũ được gọi là Thành Qui Nhơn và tên ấy vẫn tồn tại dù năm 1776 Vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc đặt là Hoàng đế thành Mùa Thu năm Kỷ Mùi 1799 Nguyễn Phúc Ánh chiếm được thành Qui Nhơn đổi tên là Thành Bình Định (biểu lộ hãnh diện chiến thắng). Sau toàn thắng, Gia Long đổi Phủ Qui Nhơn ra Bình Định Định, đến 1808 đổi là Bình Định trấn – Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) bắt chước Trung

Quốc, đổi Trấn thành Tỉnh. Và từ đó đến nay giữ tên gọi Tỉnh Bình Định, còn tên Qui Nhơn dành cho thành phố tỉnh lỵ từ 1898 ...

- (2) Chúng tôi được biết, từ năm 1879 một người Pháp là Parish đã cho khởi công xây dựng hăng Dệt tại Phú Phong nhưng phải đợi đến 1890 tình hình ổn định mới xúc tiến nhanh được. Sau đó Sở Dệt này thuộc Hăng L-Delignon, cơ sở chính tại Pháp quốc. Nhiều người còn nhớ trên bức tường ở cửa nhà lò nấu nước sôi để chạy máy, có hàng chữ nổi PARISH 1879. Ông Delignon đậu tiến sĩ Luật Khoa nên người Phú Phong gọi Ông là ông Tấn Sĩ. Vợ chồng ông được người Việt địa phương quý mến vì những công trình giúp đỡ cho làng xã: mở nhà dạy thếp, bệnh xá, chợ búa, trường học, khai thác rừng dầu rái cho làng Phú Phong, mở đường vào núi lấy gỗ, củi v.v...
- (3) Sắc lệnh số 113/SL/VN ngày 30-9-1970 của Thủ tướng VNCH.
- (4) Theo địa phương chỉ tỉnh Bình Định do F đặc biệt BCH/CSQC/ Bình định biên soạn và ấn hành 7-1974.
- (5) Video phát hành ở Hoa Kỳ.
- (6) Còn gọi là tháp Hưng Thạnh, người Pháp gọi là tháp Khmer vì kiến trúc chịu ảnh hưởng Chân Lạp, dùng nhiều đá tảng khác với các tháp trong tỉnh và các nơi. Phần đế là những sa thạch ghép thành hình một đài sen đỡ toàn bộ ngôi tháp.



TRƯỜNG TRUNG HỌC CƯỜNG ĐỂ

Rượu Tương Phùng

Kể từ trời đất hồng hoang
Lập nên địa ngục trần gian thăm sâu
Chúng mình lạc bước biển dâu
Đôi bờ gai góc phai màu tinh anh
Gió mưa mấy trận trơ cành
Ngọn nào đưa đẩy xui mình gặp đây
Rượu tương phùng hãy uống say
Điệu lòng mấy khúc so dây tâm đồng
Rượu một chung uống, mấy chung
Bao nhiêu cho phủ với lòng tương tri
Sông hồ ta mãi còn đi
Bên đường ai biết, biết gì lòng ta
Tiễn nhau mấy chén quan hà
Người về cố quận riêng ta phố phường
Trông chừng ngày nắng đếm sương
Đời heo hút mộng, lòng vương vấn tình
Dõi tìm trong cuộc phù sinh
Ai tri âm đó cho mình thêm say
Bên trời mặt nước chân mây ...

VÕ NGỌC UYÊN

鷄



**HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA:
LÃNH THỔ VIỆT NAM
LÃNG HỒ, NGUYỄN KHẮC KHAM**



GIÁO SƯ NGUYỄN KHẮC-KHAM

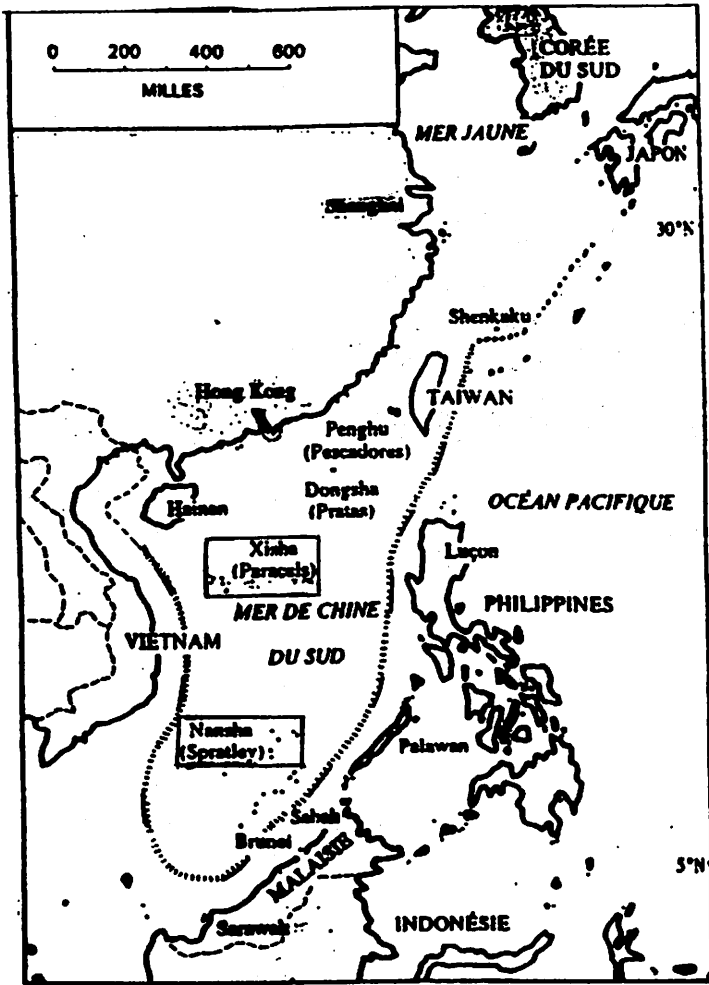
Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham là một nhà giáo uyên bác, cụ có một sự nghiệp văn hoá thật vẻ vang cả trong lẫn ngoài nước. Cụ là một nhà mô phạm đã từng tận tụy đào tạo nhiều thế hệ học sinh, sinh viên người Việt (ở các trường Gia Long, Thăng Long, Hoài Đức, Văn Lang, Minh Tân, Văn Hoá, Chu Văn An tại Hà Nội, Petrus Ký tại Sài Gòn, Đại Học Văn

Khoa Hà Nội và Saigon, Đại Học Sư Phạm Saigon, Đại Học Huế) và người nước ngoài (Đại Học Ngoại Ngữ ở Đông Kinh bên Nhật Bản với tư cách Khách Viên Giáo Thụ). Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham cũng đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong ngành văn hoá giáo dục của Việt Nam Cộng Hoà chúng ta (chẳng hạn, Giám Đốc Nha Văn Hoá, Tổng Thư Ký Ủy Hội Quốc Gia UNESCO, Giám Đốc Sở Tu Thư, Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia, v.v.) và đã từng đại diện cho Việt Nam tại nhiều hội nghị quốc tế về văn hoá giáo dục. (Lược trích Lời Nói Đầu của cố Giáo Sư Nguyễn Đình Hoà trong Tuyển Tập Dòng Việt 1994.)

Ngày 23 tháng 12 năm 2004, các học sinh và sinh viên nhiều thế hệ ở các nơi tề tựu về thành phố San Jose làm Lễ Mừng Sinh Nhật Thầy Nguyễn Khắc Kham lần thứ 97.

Bài viết HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA, LÃNH THỔ VIỆT NAM mà chúng tôi trân trọng giới thiệu đến quý vị rất dài nên xin chia ra để đăng nhiều kỳ trong các số tới.

Ban Biên Tập.



Vị trí các đảo Hoàng Sa (Paracels) và Trường Sa (Spratley) trong vùng Đông Nam Á .

HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA: LÃNH THỔ VIỆT NAM

LÃNG HỒ, NGUYỄN KHẮC KHAM

Sau khi xâm chiếm đảo Phú Lâm trong nhóm Tuyên Đức ngay từ năm 1950, ngày 20 tháng giêng 1974, Trung Cộng (TC) lại huy động Hải Lục Không quân đánh chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa được họ mệnh danh là Tây Sa quần đảo.

Cũng như lần trước cách đây 24 năm, thực hiện xong mưu đồ bằng vũ lực, TC mới bắt đầu lên tiếng thanh minh, hầu đem lại đôi chút chính nghĩa cho cái hành động xâm lược của mình. Những luận cứ đã được đưa ra hoặc một cách trực tiếp bằng lời tuyên bố vắn tắt của Bộ Ngoại Giao Trung Cộng, hoặc một cách gián tiếp qua những chi tiết nhiều hơn đăng tải trong các tờ báo mà thái độ vô tư rất đáng ngờ gồm đủ loại, từ lời vu khống vô căn cứ cho đến những chứng cứ được gọi là chứng cứ lịch sử.

Bài tham luận này viết riêng cho độc giả Tập san Sử Địa sẽ không đề cập tới những khía cạnh khác như kinh tế, chính trị, công pháp quốc tế, v.v..., mà chỉ chú trọng đặc biệt đến bối cảnh lịch sử của hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa vốn là những lãnh thổ lâu đời của dân tộc Việt Nam mà thôi.

Những chứng cứ được mệnh danh là chứng cứ lịch sử đã từng được viện ra hòng biện minh cho chủ quyền của Trung Cộng trên hai quần đảo nói trên của Việt Nam đã thấy đăng tải trong

những tờ báo như Nhân Dân Nhật Báo 人民日報 (5-6-1956), Quang Minh Nhật báo 光明日報 (7-6-1956), Học Thời Sự 學時事 của Văn Hối báo 文匯報, biên soạn và ấn hành số 2, năm 1974, Thất thập niên đại Nguyệt San 七十年代月刊, những số tháng 3 và 4 năm 1974, v.v... Đại để nội dung của các bài liên quan không có khác nhau mấy, nhưng chi tiết hơn cả có lẽ là bài của ông Tề Tân 齊辛 nhan đề 南海諸島的主權與西沙羣島之我 Nam Hải chư đảo chủ quyền dĩ Tây Sa quần đảo chi chiến. Thấy đăng tải trong Thất thập niên đại Nguyệt san số ra tháng 3-1974. Do lẽ đó bài này sẽ trích dẫn bài trên nhiều nhất trong khi lập luận về bối cảnh lịch sử của hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Theo ông Tề Tân, sớm về đời Đông Hán đã thấy chép như sau trong cuốn Dị Vật Chí 異物志 của Dương Phu 揚孚: "ở vùng hiểm nguy đảo Hải Nam nước biển không sâu mà có nhiều tử thạch khiến những chiếc thuyền lớn của người ngoại quốc có đóng chốt sát tới nơi đó vì có chất tử thạch nên không qua được." 「海南峯頭，水淺而多磁石，徼外人乘大船，皆以鐵葉糊之，至此間，以磁石不得過。」(揚孚，交洲異物志。) Theo ông Tề Tân đó là chỉ vào quần đảo Tây Sa của Trung Quốc (TQ). Vẫn theo ông này thì về đời Nam Bắc triều trong bài Vu Thành Phú 萑城賦 của Bảo Chiếu 鮑照 có câu:

南馳蒼梧激海，北走紫塞雁門 "Nam trì Thương Ngô Trướng Hải, Bắc Tẩu Tử Tái Nhạn Môn." Ý nói rằng từ phía cực Nam đến phía cực Bắc nước Tàu, lại nữa danh từ Trướng Hải bao quát biển Nam Hải lẫn các đảo ở đó.

Ngoài mấy chứng cứ trên, ông Tề Tân lại viện dẫn những chứng cứ sau đây, lấy trong sử sách Tàu chép về những đời Đường, Tống, Nguyên, Minh, và Thanh.

Trong cuốn Chư Phiên Chí 諸蕃誌 của Triệu Nhữ Quát 趙汝适 có chép rằng về đời Đường, niên hiệu Trinh Nguyên 貞元 năm thứ năm (Công Nguyên 789), TQ đặt Đốc Phủ ở Quỳnh sơn và ở phía Đông Hải Nam có Thiên Lý Trường Sa 千里長沙 và Vạn Lý Thạch Sàng 萬里石床 (có lẽ chỉ thạch đường 石塘) và khỏi đó là biển cả mênh mông, trời biển một màu, tàu bè qua lại phải dùng kim chỉ nam và ngày đêm giữ gìn

cẩn thận nếu không lỡ ra có thể nguy hại cho tính mạng. Theo ông Tề Tân, Thiên Lý Trường Sa và Vạn Lý Thạch Sàng nói đến trong câu trên là những quần đảo trên biển Nam Hải của Trung Quốc.

Trong cuốn Tổng Sử Ký Sự Bản Mạt 宋史紀事本末, quyển 188, chương I nhan đề Nhị Vương Chi Lập 王之立, có chép như sau: "Nguyên tướng Lưu Sâm 劉瑛 tấn công nhà vua ở Vịnh Thiên (Thiên Loan 淺灣) Trương Thế Kiệt 張世傑 đánh không lại, phò tá nhà vua chạy đi núi Tú (Tú sơn 秀山) đến Vụng Tinh (Tinh Áo 井澳). Nguyên tướng đánh đến Vụng Tinh (tinh Áo), nhà vua chạy ra eo biển Tạ Nữ (Tạ Nữ Hiệp 謝女峽), rồi ra biển đến Thất Lý Dương 七里洋 có ý muốn qua Chiêm Thành, nhưng không xong". (「元將劉瑛攻帝於淺灣，張世傑戰不利，奉帝走秀山，至井澳……元襲劉瑛井澳，帝奔謝女峽，復入海，至七里洋，欲往占城不果。」(宋史紀事本末，卷一百八「二王之立」一章。))

Theo ông Tề Tân, Thất Lý Dương tức là Tây Sa quần đảo.

Trong Nguyên Sử 元史, quyển 162, có Truyện Sử Bất 史弼傳, trong đó có chép rằng về đời Nguyên niên hiệu Chi Nguyên 至元. Năm 29 (công Nguyên 1292) tháng chạp, Sử Bất cùng với 5000 người họp quân xuất phát đi Tuyên Châu

(lúc đó gió to sóng mạnh, thuyền bị tròng trành, sĩ tốt mấy ngày không ăn uống được, qua khỏi Thất Châu Dương, Vạn Lý Thạch Đường tới địa giới của Giao Chỉ và Chiêm Thành).

Thành). 元至元二十九年十二月，史弼以五千人，合諸軍，發泉州，風急浪湧，舟掀簸，士卒皆數日不能食，過七洲洋，萬里石塘，歷交趾占城界。(元史第一六二卷史弼傳。)

Thất Châu Dương, Vạn Lý Thạch Đường, theo ông Tề Tân là chỉ Tây Sa và Nam Sa quần đảo. Về đời Minh, có Mao Nguyên Nghi 茅元儀 soạn sách Vũ Bị Chí 武備志, trong đó có chép rằng đời Minh từ năm thứ ba niên hiệu Vĩnh Lạc 永樂, đến năm thứ năm niên hiệu Tuyên Đức 宣德 (Công Nguyên 1405 đến 1433) Trịnh Hòa 鄭和 bảy lần xuống Tây Dương đã từng qua Vạn Lý Thạch Đường. Vạn Lý Thạch Đường tức Nam Sa quần đảo,

trên quần đảo này nơi cao nhất đã đào bới được thứ đồng tiền niên hiệu Vĩnh Lạc. Theo ông Tề Tân, điều này chứng tỏ cách đây hơn 500 năm, đã có người cư trú ở đó rồi. Lại nữa, cho tới ngày nay, trong Tây Sa quần đảo và Nam Sa quần đảo vẫn còn giữ lại những danh xưng Tuyên Đức quần đảo và Vĩnh Lạc quần đảo.

Đời Thanh niên hiệu Quang Tự năm 28 Công Nguyên 1904 tháng tư, chính phủ nhà Thanh có phái Thủy sư Đề đốc là Lý Chuẩn 李準 điều khiển ba chiếc quân hạm Phục Ba tới các đảo trên biển Nam Hải điều tra tình hình và thượng cờ Hoàng Long trên đó, lại dựng cả bia đá nữa.

Những sự việc này cũng thấy có chép trong những cuốn Hải Quốc Kiến Văn Lục 海國見聞錄 và Lý Chuẩn Tuần Hải Ký 李準巡海記. Đến niên hiệu Tuyên Thống năm thứ ba (1911) ở tỉnh Quảng Đông có xuất bản một cuốn địa đồ trong đó có nêu rõ các đảo trên biển Nam Hải là một bộ phận tỉnh Quảng Đông TQ.

Ông Tề Tân lại dẫn chứng đảo Y-tu A-Ba mà nay Trung Cộng đặt tên cho là Thái Bình Đảo là phiên âm của thổ ngữ dân Quỳnh Nhai thuộc Hải Nam.

Sau hết ông Tề Tân đã trích dẫn câu sau trong bản Tục Hiệp Nghị Trung Pháp Việt Nam điều tra về việc phân định địa giới như sau:

廣東界線兩國勘界大臣勘定邊界之外芒街以東，及東北一帶，所有未定之處，均歸中國管轄。

"Quảng Đông giới vụ kinh lưỡng khám giới đại thần khám định biên giới chi ngoại. Man Nhai Di Đông cập Đông Bắc Nhất Đới sở hữu vị định chi xứ quân qui Trung Quốc quản hạt."

Theo ông Tề Tân căn cứ vào hiệp nghị đó thì các đảo trên biển Nam Hải (hay Đông Hải), gồm cả Tây Sa lẫn Nam Sa quần đảo đều thuộc về Trung Quốc vì lẽ các quần đảo đó đều ở xa về phía đông giới tuyến như được quy định bên trên.

Dựa vào những dữ kiện trên mà tác giả coi là những chứng cứ lịch sử, tác giả kết luận rằng những quần đảo Tây Sa và Nam Sa cổ lai vẫn thuộc về Trung Quốc như đã được ghi chép một cách không dứt từ đời Hán đến mãi đời Thanh.

Kể tới tác giả lại tóm lược như sau những luận cứ mà tác

giả cho là của Việt Nam Cộng Hòa đã đưa ra để chứng minh cho chủ quyền của VN đối với quần đảo Tây Sa và Nam Sa:

1) Vào đầu thế kỷ thứ 19, vua An Nam (sic) phái Hải Quân tới khai phát quần đảo Paracels (sic).

2) Sau đó vào khoảng những năm 1920-1930, nước Pháp đã phái những phái đoàn khoa học tới đó, đồng thời xác nhận địa phương đó Pháp.

3) Từ năm 1932 đến nay vẫn có quân đội Nam Việt đồn trú ở đó và thiết lập những đài khí tượng.

4) Lại nữa về năm 1951, tại hội nghị Cựu Kim Sơn, đại biểu Nam Việt (sic) đã xác nhận chủ quyền đối với các đảo dư bị tranh chấp đó mà không có sự dị nghị gì cả đối với lời xác nhận trên.

Theo tác giả những luận cứ trên không sao đứng vững được là vì những lý do sau:

a) Mãi tới đầu thế kỷ thứ 19 vua An Nam (sic) mới phái Hải Quân đến quần đảo Tây Sa nhưng Trung Quốc từ trước thế kỷ thứ 14 đã từng có ngư dân đến sinh sống ở đó.

b) Hồi trước đệ nhị Thế Giới Đại Chiến, một số đảo dư thuộc quần đảo Tây Sa đã từng bị Pháp xâm chiếm, sau đó lại bị Nhật Bản chiếm cứ, nhưng sau khi đệ nhị Thế Chiến kết thúc, quần đảo Tây Sa cùng các đảo khác trên biển Nam Hải đã được chính phủ Trung Quốc đương thời tiếp thu rồi.

c) Nhà đương cục Nam Việt viện lẽ rằng năm 1952 đã có quân đội Nam Việt hoạt động tại đó, nhưng điều đó không thể có được, vì vào lúc đó chưa có Nam Việt.

d) Tại hội nghị Cựu Kim Sơn, sở dĩ Trung Cộng không đưa ra lời dị nghị nào là vì Trung Cộng không hề tham dự hội nghị đó. Tuy nhiên, ngày rằm tháng tám năm 1951, Chu Ân Lai lúc đó làm ngoại trưởng của Trung Cộng đã có lên tiếng thanh minh về bản thảo án Hòa Ước của Mỹ-Anh đối với Nhật Bản, và cả về hội nghị Cựu Kim Sơn nữa, đồng thời lại nhấn mạnh rằng quần đảo Tây Sa và đảo Nam Uy, cũng như quần đảo Nam Sa, Đông Sa đều thuộc về lãnh thổ Trung Quốc. Vậy hiển nhiên là vào thời đó Trung Cộng đã có lên tiếng kháng nghị. Còn như việc Pháp đã từng xâm chiếm những đảo dư trên và việc Nhật Bản hồi đệ nhị Thế Chiến đã chiếm cứ những đảo dư đó, đều là những hành vi phi pháp cả. Và

lại, chinh phủ Trung Quốc thời đó đã tức thời đưa ra lời kháng nghị Pháp. Việc nước Pháp xâm chiếm trong một thời gian ngắn, chưa đầy mười năm, không phải là một lý do chính đáng để cho Nam Việt kế thừa Pháp, nhất là những đảo dư trên bị Nhật chiếm cứ một thời gian đã được Trung Quốc tiếp thu sau khi đệ nhị Thế Giới Đại Chiến kết thúc.

Sau hết tác giả bài về chủ quyền những đảo trên biển Nam Hải và trận giao chiến ở quần đảo Tây Sa lại dẫn ra làm bằng chứng chủ quyền TQ đối với quần đảo Tây Sa và Nam Sa, một số bản đồ của Anh, Mỹ, Nga và Ý đã phát hành vào những năm 1953 đến 1973.

Bên trên là những chứng cứ lịch sử đã được dẫn ra để biện minh cho chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa mà chúng tôi đã trình bày hết sức chi tiết và xác thực. Dưới đây chúng tôi sẽ chỉ giới hạn trong phạm vi lịch sử để hết sức khách quan và vô tư xem xét những chứng cứ đó, mặc dầu hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa từ lâu đời vẫn và sẽ mãi mãi thuộc về lãnh thổ Việt Nam, bất chấp cuộc xâm lăng mới đây của Trung Cộng.

Ông Tề Tân đã trích dẫn một câu có liên quan đến quần đảo Tây Sa của TQ, theo ông đã thấy có chép trong cuốn *Dị Vật Chí* của Dương Phu sớm về đời Đông Hán. Đành rằng câu đó có nói tới quần đảo người Việt Nam từ đời Gia Long thường gọi là quần đảo Hoàng Sa mà người Tàu sau đó mới gọi là Tây Sa quần đảo, nhưng không có chi tiết nào xác nhận là của Trung Quốc cả. Trái lại có vài điểm đủ chứng tỏ quần đảo đó thuộc lãnh thổ cố hữu của Việt Nam. Trước hết cuốn *Dị Vật Chí* của Dương Phu không phải là một tác phẩm đời Đông Hán. Theo *Đường Thư Nghệ Văn Chí*, cuốn đó có nhan đề đầy đủ là *Giao Châu Dị Vật Chí* và là một tác phẩm đời Đường. Do hai chữ *Giao Châu* và do ý nghĩa của nhan đề (*Dị Vật Chí*), quần đảo được miêu tả với đặc tính là có nhiều tử thạch chính là quần đảo Hoàng Sa của *Giao Châu*, tức là của Việt Nam đời Đường vậy? Những người ngoại quốc cuồi thuyền lớn có đóng chốt sắt được nói tới trong câu trích dẫn, tất nhiên không phải là người *Giao Châu*, nhưng phải là những thương nhân ngoại quốc, người Á-rập, người Ấn-độ, hay người

Trung Quốc.

Dù cho có sách nào khác sớm chép từ đời Đông Hán về những sự việc đã dẫn trên thì quần đảo Hoàng Sa vẫn được coi là thuộc chủ quyền cố hữu của dân tộc Việt Nam. Thực thế, ngay từ lâu, trước thời Đông Hán, vùng Quảng Đông gồm cả đảo Hải Nam đã thuộc bờ cõi Việt Nam rồi. Theo sử sách Việt Nam cũng như sử sách Trung Quốc, năm 214 trước Công Nguyên, Tần Thủy Hoàng sai tướng Đồ Thư đem quân sang đánh lấy Bách Việt, rồi chia đất Bách Việt và đất Âu Lạc ra làm ba quận Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Quận. Người bản xứ ở nước Bách Việt không chịu được người Tàu cai trị, đã trốn vào rừng, ở đó được ít lâu nổi lên giết được Đồ Thư. Năm 208, Triệu Đà đem quân đánh lấy Âu Lạc, sáp nhập nước này vào quận Nam Hải để lập thành nước Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung, gần thành Quảng Châu bây giờ. Năm 111 trước Công Nguyên, vua Vũ Đế nhà Hán sai Lộ Bác Đức sang đánh lấy nước Nam Việt, rồi cải ra là Giao Chỉ Bộ trong đó có hai quận Châu Nhai và Đạm Nhĩ (đảo Hải Nam bây giờ), xem vậy Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam về địa lý cũng như về nhân chủng không hề thuộc Trung Quốc trước đời Tần.

Đến cả câu phú của Bão Chiếu đời Nam Bắc triều cũng không có gì ám chỉ tới chủ quyền của TQ đối với các hòn đảo trên biển Nam Hải, kể cả quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Danh từ Trường Hải là biệt xưng của Nam Hải ở vào năm mươi hai hải lý phía nam Hải Phong huyện tức là Kim Huyện về thời cận đại thuộc Quảng Đông; lại nữa phần biển Nam Hải ở gần đó mà Chu Khứ Phi đời Tống cũng gọi là Giao Chỉ Dương (20 độ bắc vĩ tuyến đến 15 độ bắc vĩ tuyến). Ông Tề Tân lại viện thêm cả chứng cứ trong cuốn Chư Phiên Chí của Triệu Nhữ Quát đời Tống, mà ông đã dẫn sai là Triệu Nhữ Thích. Chứng cứ đó là câu: "Về đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ năm, nhà Đường đặt Đốc phủ ở Quỳnh Sơn." Trước câu đó có đoạn tiền văn như sau, rất tiếc đã không được ông Tề Tân trích dẫn:

海南漢朱崖僊耳也。武帝平南粵遣使自除間（原注。今雷州開縣）。渡海。略地置朱崖僊耳二郡。昭帝省僊耳。併為朱崖郡。元帝從賈捐之議。罷朱崖。至梁隋復置。唐貞觀元年。析為崖僊振三州。隸嶺南道。

五年分崖之理山置郡。陞萬安縣為州。今萬安軍是也。傳根則今之吉陽昌化軍是也。貞元五年以理為督府。

"Hải Nam tức là Chu Nhai, Đạm Nhĩ đời Hán vậy. Vua Vũ Đế bình xong Nam Việt, sai sứ xuất phát ở Từ Văn (nay là Lôi Châu Từ văn huyện), vượt biển sang chiếm cứ đất của địch quân, đặt ra hai quận Chu Nhai, Đạm Nhĩ. Chiêu Đế (986-87 trước Công Nguyên) phế bỏ Đạm Nhĩ, sát nhập vào quận Chu Nhai. Nguyên Đế, chiếu theo lời tấu nghị của Giả Quyên Chi bãi bỏ Chu Nhai mãi tới đời Lương (502-5 sau Công Nguyên) và đời Tùy (589-618) mới đặt lại. Đời Đường, Trinh Quan nguyên niên, lại chia ra làm ba châu Nhai, Đạm và Chấn thuộc đạo Lĩnh Nam. Đến năm thứ năm (631) Quỳnh sơn ở Châu Nhai được đặt thành quân khu, và Vạn An huyện được đặt thành châu, này là quân khu Vạn An, còn Đạm và Chấn, thời đó cũng như nay, trở thành quân khu Cát dương và quân khu Xương Hóa. Năm thứ năm, niên hiệu Trinh Nguyên 789, Quỳnh Sơn được đặt làm Đốc Phủ cho tới nay." Theo đoạn vừa trích dẫn có những điểm đáng chú ý, nhưng đã bị bỏ quên.

1. Hải Nam không phải là lãnh thổ cố hữu của TQ, nhưng của Nam Việt đã bị TQ chiếm đoạt.

2. Nhân dân Hải Nam giống người Lê luôn luôn nổi lên chống đối ách thống trị của Hán Tộc, mãi tới đời Đường trở đi, sau khi đặt ra quân khu mới tạm yên.

3. Trong Chư Phiên Chí, tuy có nói tới Thiên Lý Trường Sa (thuộc quần đảo Hoàng Sa chứ không phải Trường Sa của VN, mà người Tàu gọi là Vạn Lý Thạch Sàng và Nam Sa (từ khoảng giữa thập niên 40), không thấy có chi tiết nào nói rõ những đảo dư đó thuộc quần hạt của Hải Nam. Cả đến Thất Lý Dương thấy có chép tới trong Tống Sử Kỳ Sự Bản Mạt, quyển 188, chương 1, do ông Tề Tân dẫn ra, tuy là một biệt xưng của quần đảo Hoàng Sa về đời Tống, nhưng trong sử liệu trên cũng không có chỗ nào chép rằng Thất Lý Dương thuộc lãnh thổ TQ đời Tống.

Trong chuyện Sử Bật đời Nguyên có chép đến Thất Châu Dương và Vạn Lý Thạch Đường, và ông Tề Tân đã vin vào đó để chủ trương Thất Châu Dương và Vạn Lý Thạch Đường là Tây Sa và Nam Sa quần đảo. Nhưng theo Groeneveldt dịch Truyện Sử Bật ra

tiếng Anh, thời Thất Châu Dương là quần đảo Paracels, tức là quần đảo mà TC mệnh danh là Tây Sa quần đảo và Vạn Lý Thạch Đường tức là Macclesfield Bank, tức là những đảo dư được TC mệnh danh là Trung Sa quần đảo. Thiết tưởng cũng nên ghi thêm ở đây là theo linh mục L. L. Richard tác giả cuốn The Comprehensive History of China (Shanghai 1910). Thất Châu có thể thuộc Việt Nam hơn là thuộc Trung Quốc.

Về tích Trịnh Hòa bảy lần "hạ Tây Dương," theo ông Tề Tân lại đã từng qua Vạn Lý Thạch Đường, thiết tưởng cần thêm vài chi tiết như sau, ngõ hầu làm sáng tỏ hơn vấn đề này.

Từ năm 1405 đến năm 1421, vua Minh Thành Tổ đã phái Trịnh Hòa sáu lần xuống Tây Dương tới tận vùng Nam Dương, Ấn Độ và Ba Tư để "tuyên dương uy đức" của nhà Minh. Năm 1424, vua Nhân Tôn nhà Minh hạ lệnh ngưng cuộc thám hiểm biển Nam Hải và trao cho Trịnh Hòa sứ mạng bảo vệ Nam Kinh; đến 1430, vua Tuyên Tông nhà Minh mới lại phái họ Trịnh xuống Tây Dương lần thứ bảy, tức lần chót. Bên trên đã nói mục đích những cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa là để tuyên dương uy đức nhà Minh, nhưng về thực tế uy đã thắng đức. Thực thế, mỗi lần xuống Tây Dương, họ Trịnh thống suất mấy vạn quân và hơn trăm chiếc hải thuyền, lần quan trọng nhất thấy có đến hơn ba trăm chiếc thuyền và ngót ba vạn quân. Vua chúa các tiểu quốc nào ở Á châu từ chối không triều cống nhà Minh tất bị đe dọa, khủng bố, lại có khi bị giải về triều đình Trung Quốc để chịu tội, tỳ như một ông vua ở Tích Lan cũng đã lâm vào cảnh đó. Đi đến đâu hải quân của họ Trịnh cũng dựng bia kỷ niệm hành động xâm lược của họ, tỳ dụ ở Tích Lan hiện còn một tấm bia của chúng khắc bằng ba thứ chữ Hán, Ta-Mun và Ba Tư; ngoài mục đích nắm quyền kiểm soát Nam Hải và Ấn Độ Dương, quân Minh lại theo đuổi mục đích nữa là giao dịch buôn bán với các nước ở Đông Nam Á. Dĩ nhiên là "công đức" đó của họ Trịnh đã được Hoa kiều các nước liên hệ ca tụng ghi nhớ, bởi vậy ở nhiều nơi đã thấy có dựng đền thờ Trịnh Hòa, như ở Thái Lan, và ở bến Samarang thuộc Java. ở Malacca còn có cái giếng được đặt tên cho là giếng Tam Bảo Công 三保

公. Tam Bảo Công là chức Tam Bảo Thái Giám 三保太監
vua nhà Minh đã ban cho Trịnh Hòa năm 1431, và ở Đài Loan còn

có một thứ gừng được mệnh danh là gừng Trịnh Hòa. Ngoài ra, ở Trung Quốc lại có những cuốn tiểu thuyết và những bản kịch đã được soạn ra để đề cao công đức họ Trịnh. Tuy nhiên, theo sự phán xét của nhiều sử gia, trong đó có J. V. G. Mills, dịch giả tiếng Anh cuốn Doanh Nhai Thắng Lâm 法涯勝覽 của Mã Hoan 馬歡 đã phải nhìn nhận là ngay ở TQ, sau đời Trịnh Hòa không còn mấy người nhớ tới những cuộc viễn chinh nói trên nữa, và chính những cuộc viễn chinh đó cũng không hề được dân chúng TQ coi là những đóng góp đáng kể vào vinh quang thuở xưa của TQ. Điều này kể ra cũng dễ hiểu, vì bảy lần xuống Tây Dương của họ Trịnh chẳng qua chỉ là những cuộc xâm lăng trá hình của nhà Minh mà thôi. Lại cần thêm rằng chủ nghĩa bành trướng của nhà Minh chỉ giới hạn dưới triều Vĩnh Lạc, và hết đời vua Thành Tổ cũng chấm dứt thời kỳ oanh liệt của nhà Minh. Quân Minh mất dần nhuệ khí và bắt đầu thấy chớm nở trong dân gian TQ những tư tưởng chán ghét và phản đối chính sách quân phiệt cùng chủ nghĩa bành trướng của nhà Minh. Chính do lẽ đó và do nhiều sự thất bại liên tiếp, vua Nhân Tôn nhà Minh đã phải tạm ngưng các cuộc viễn chinh hải ngoại. Ngay ở VN thời đó, lực lượng quân sự của nhà Minh cũng rất bị khốn đốn trước sức phản công anh dũng của nhân dân VN, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Lê Lợi, thậm chí trong năm 1425, quân ta đã đánh cướp được 300 chiếc thuyền lương của quân Minh từ đường biển tới, và sau đó, với nhiều trận đại thắng của quân ta, quân Minh đành phải triệt thoái khỏi nước ta vào năm 1427 là năm Bình Định Vương Lê Lợi dẹp xong giặc Minh, lấy lại giang sơn cho nước nhà.

Với những trường hợp lịch sử đó, chẳng biết quân viễn chinh của Trịnh Hòa có đến VN đương thời hay không, hay chỉ đến địa hạt của Chiêm Thành thôi. Riêng về vùng biển Nam Hải tương đương với vị trí địa lý của quần đảo Hoàng Sa ngày nay vốn nằm trên hải đạo Hương Cảng-Tân Gia Ba, tất nhiên là nơi đội quân viễn chinh đó không thể không qua đó được, nhất là vì đã có tới Chiêm Thành. Tuy nhiên vẫn còn vài nghi vấn liên quan đến những điều mà ông Tề Tân đã thấy chép trong cuốn Vũ Bị Chí của Mao Nguyên Nghi.

Theo như ông Tề Tân đã cho biết, thời trong cuốn sách

trên, có chép về việc Trịnh Hòa bảy lần xuống Tây Dương, và đã từng qua Vạn Lý Thạch Đường, mà ông đã cho là Nam Sa quần đảo, tức là quần đảo Trường Sa ngày nay của VN. Mao Nguyên Nghi quả có soạn ra cuốn Vũ Bị Chí, gồm tất cả 64 quyển, tuy có đề tựa vào năm 1621, nhưng mãi đến năm 1623 mới được dâng lên vua nhà Minh, và sau đó mới được khắc in để lưu hành. Hiện nay chỉ còn giữ được một cuốn duy nhất có bản đồ Á châu hồi thế kỷ 15, hiện được tàng trữ ở Thư viện Quốc Hội Hoa Kỳ (Library of Congress) tại Hoa Thịnh Đốn. Bản đồ này thấy được in trên 40 trang (Folios 2V-Folios 22). Ngoài bản đồ này mà chỉ thấy có trong cuốn Vũ Bị Chí ở Hoa Kỳ, nghe đâu còn có một bản đồ nữa, so với bản đồ trên, nội dung có khác và giá trị kém xa, nhưng chữ Hán ở đó đọc rõ hơn nhiều. Đó là bản đồ thấy có trong cuốn Vũ Bị Bí Thư 武備秘書 (1800) của Thi Vĩnh Đồi 施永剛 cũng là tác giả cuốn Hải Vận Yếu Lược 海運要畧 (1840), theo kiến giải của J. V. G. Mills và J. J. L. Duyvendak, tác giả cuốn Ma Huan Reexamined (1933), thì có thể Mao Nguyên Nghi đã căn cứ vào một bản đồ của ông nội mình là Mao Khôn 茅坤 (1511-1601) vốn là người đã cùng soạn cuốn Trù Hải Đồ Biên 籌海圖編 (1562) với Trịnh Nhược Tăng 鄭若曾, và lại đã đề tựa cho cuốn sách đó. Bản đồ của Mao Khôn tuy đã được vẽ ra hơn 100 năm sau cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa, nhưng hình như đã căn cứ vào những tài liệu thu thập trong cuộc viễn chinh của họ Trịnh. Trên bản đồ đó duy chỉ thấy những danh xưng Thạch Đường 石塘, Vạn Sinh Thạch Đường Dư 萬生石塘嶼, và Thạch Tinh Thạch Đường 石望石塘. Theo sự giải thích đáng tin cậy của Mills, thời Thạch Đường tức là ám tiêu quần đảo Paracels (Paracels Islands), còn Thạch Tinh Thạch Đường tức là danh xưng của Macclesfield Bank trên bản đồ của Mao Khôn. Như vậy trong bản đồ trên, không thấy có danh xưng Vạn Lý Thạch Đường, mà ông Tề Tân đã cho là tương đương với Nam Sa quần đảo.

Ngoài cuốn Vũ Bị Chí của Mao Nguyên Nghi ra còn có một tài liệu nữa có liên quan tới những cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa. Đó là cuốn Doanh Nhai Thắng Lâm 瀛涯勝覽 của Mã Hoan 馬歡. Mã Hoan vốn có đôi chút kiến thức về những tiếng Ả-rập, Ba Tư, đã làm thông dịch viên cho Trịnh Hòa trong những lần

viễn chinh thứ tư (1413-1415), thứ sáu (1421-1422), và thứ bảy (1431-1433). Trong cuốn *Doanh Nhai Thắng Lâm*, về lần viễn chinh thứ bảy, thấy có chép rằng trong chuyến đi Hormuz (Ba Tư), đội quân viễn chinh của Trịnh Hòa đã đến Chiêm Thành (địa hạt Qui Nhơn ngày nay) vào ngày 27-1-1432, chuyến trở về Bắc Kinh, ngày 28-5-1433, đã đến Côn Lôn Dương 崑崙洋 (vùng biển Nam Hải xung quanh Pulo Condor), ngày 10-6-1433 đã đến Ch'ih K'an (Kega), ngày 13-6-1433 lại đến Chiêm Thành (Qui Nhơn) nghỉ ở đó cho tới ngày 17-6-1433 lại lên đường, và đến ngày 19-6-1433 đã đến Wai Lo Shan (Ngoại La Sơn 外羅山, tức Cù lao Ré). Ngoại giả không thấy nói tới Vạn Lý Thạch Đường gì cả. Và lại, Vạn Lý Thạch Đường đâu có phải là Nam Sa quần đảo, như ông Tề Tân đã nhận định. Như bên trên đã nói, theo Groeneveldt, Vạn Lý Thạch Đường tức là một biệt xưng của bãi cồn Macclesfield

(Macclesfield Bank) và kiến giải này cũng đã được những nhà khảo cứu có uy tín như Friedrich Hirth và W. W. Rockhill đã xác nhận. Trong bài tựa cuốn *Chi Nam Chính Pháp* vào cuối đời Khang Hy cũng thấy có chép về Vạn Lý Thạch Đường và cả về Vạn Lý Trường Sa nữa, như sau:

若過七洲，
貪東七更，則見萬里長沙，…使一日見外羅對關，東
七更便是萬里石塘。

"Nhược quá Thất Châu, tham đông thất canh, tắc kiến Vạn Lý Trường Sa... sử nhất nhật kiến Ngoại La đối khai. Đông thất canh tiện thị Vạn Lý Thạch Đường..."

Theo như được chú thích trong cuốn *Lưỡng Chủng Hải Đạo Châm Kinh* 兩種海道針經 của *Trung Hoa Thư Cục* ấn hành năm 1961 tại Bắc Kinh, trong đó được giới thiệu cuốn *Thuận Phong Tương Tống* 順風相送, và cuốn *Chi Nam Chính Pháp*, thời *Vạn Lý Thạch Đường* và *Vạn Lý Trường Sa* được coi là Nam bộ và Bắc bộ của Tây Sa quần đảo (tức là của quần đảo Hoàng Sa của VN), lời chú thích nguyên văn như sau:

萬里石塘：自安南新州港外浣杯嶼北七更，或從外羅貪東，俱可至萬里石塘，即在今越南平定東北。頗疑此即今西沙羣島之南部。

"Vạn Lý Thạch Đường: tự An Nam Tân Châu cảng ngoại hiệu bôi dư bắc thất canh hoặc tòng Ngoại La tham đông, câu khả

chí Vạn Lý Thạch Đường, tức tại kim Việt Nam Bình Định đông bắc. Phả nghi thử tức kim Tây Sa quần đảo chi nam bộ. (từ hải cảng Tân Châu của An-Nam ra ngoài khơi cách hiệu bồi dư 7 canh về phía bắc, hoặc từ Ngoại La đi về phía đông, đều có thể đến được Vạn Lý Thạch Đường, tức là ở phía đông bắc Bình Định Việt Nam ngày nay. Rất ngờ đó là nam bộ Tây Sa quần đảo ngày nay).

萬里長沙在海南島東南大洲頭南只七更。此當是西沙羣島之北部。

Vạn Lý Trường Sa: "tại Hải Nam đảo đông nam Đại Châu Đầu nam chỉ thất canh thử đương thị Tây Sa quần đảo chi bắc bộ." (ở đông nam đảo Hải Nam chỉ cách phía nam Đại Châu Đầu có 7 canh, đó phải là bắc bộ Tây Sa quần đảo.)

Ngoài ra lại thấy chú thích về Tân châu cảng và Ngoại La như sau: 新州港占城國都港口，即今越南之歸仁，屬平定省。

Tân Châu Cảng: Chiêm Thành quốc do cảng khẩu tức kim Việt Nam chi Qui Nhơn, thuộc Bình Định tỉnh (cảng Tân Châu là cửa biển nước Chiêm Thành tức Qui Nhơn Việt Nam ngày nay thuộc tỉnh Bình Định.)

外羅山在越南新州港外，入新州港以此為望山，今地無考。

Ngoại La: tại Việt Nam Tân Châu cảng ngoại, nhập Tân Châu cảng dĩ thử vi vọng sơn; Kim địa vô khảo (ở phía ngoài cảng Tân Châu Việt Nam, vào cảng Tân Châu lấy đó làm vọng sơn, ngày nay thuộc nơi nào thì không khảo cứu được.) Xem đó, *Vạn Lý Thạch Đường* và *Vạn Lý Trường Sa* mà ông Tề Tân đã đề cập tới không phải là địa điểm tương đương với quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Lại có điểm đáng lưu ý là có nhiều sự dè dặt trong những lời chú thích của soạn giả cuốn *Lưỡng Chủng Hải Đạo Châm Kinh* về những địa điểm có liên quan tới vùng quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, cũng như vùng duyên hải Việt Nam và Chiêm Thành, như đã chứng tỏ những danh từ "phả nghi" (rất ngờ), "vô khảo" (không khảo cứu được), v. v. Vậy thiết tưởng ta có quyền nghi rằng đó là những lời thiếu đích xác của những ngoại nhân bàn suông tới những địa điểm không thuộc về lãnh thổ của nước họ.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thừa nhận một trong những nguyên nhân chính yếu khiến Trung Quốc đã có cái thái độ sỗ sàng như vậy đối với lãnh thổ Việt Nam, là vài điều bất hạnh lịch sử đã xảy ra cho dân tộc Việt Nam thuở xưa. Dân tộc Việt Nam đã từng bị người Tàu đô hộ trong hơn 1.000 năm, và chịu ảnh hưởng của họ rất sâu xa về nhiều phương diện. Riêng về đường văn tự chữ Hán, ngay cả sau khi dân tộc Việt Nam đã lấy lại được nền tự chủ về chính trị, vẫn được coi làm thứ chữ của Chính phủ dùng, lại được dùng để biên soạn sách vở, đặc biệt là những sách về lịch sử địa lý Việt Nam. Một kết quả là hầu hết thày nhân danh, địa danh Việt Nam là những danh từ chữ Hán. Thứ tới một số sách lịch sử địa lý Việt Nam đầu tiên đã bị thất truyền.

Năm 1075, vua *Lý Nhân Tông* 李仁宗 có sai *Lý Thường Kiệt* 李常傑 vẽ hình thể núi sông của ba châu *Ma Linh*, *Địa Lý* và *Bố Chính* mà *Chế Củ*, vua *Chiêm Thành*, đã dâng chọ vua *Lý Thánh Tông* 李聖宗 năm 1069 để chuộc mạng. Lại đến những năm 1172-1173, nhân một cuộc đi tuần để quan sát núi sông đường sá, cùng đời sống của nhân dân, vua *Lý Anh Tông* 李英宗 có ra lệnh cho các quan soạn bản địa đồ của nước ta. Nhưng chẳng may những tài liệu trên nay không tìm thấy đâu nữa. Về đời Trần, ngoài cuốn *An Nam Chí Lược* 安南志略 của *Lê Tắc* 黎德, trong đó có một phần dành cho địa lý, chắc còn có những cuốn địa chí, hoặc những cuốn Việt Sử có chép về địa lý VN, như *Việt Sử Cương Mục* 越史綱目, *Đại Việt Sử Ký*

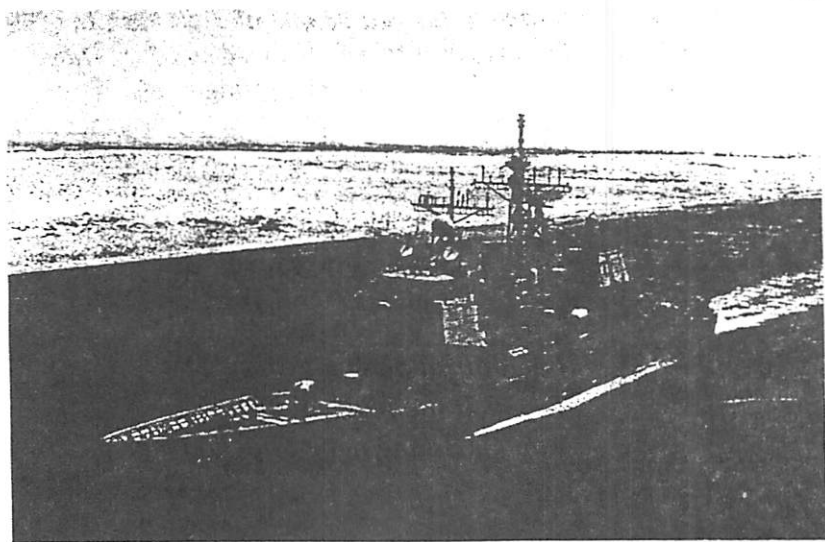
大越史, nhưng những cuốn này cũng như nhiều cuốn khác hồi thế kỷ 15 đã bị quân Minh thu lấy cả, đem về *Kim Lăng* mất rồi.

Mãi tới đời Lê chúng ta mới thấy có quyển sách địa lý đầu tiên của người Việt Nam, là cuốn *Dư Địa Chí* hay *An Nam Vũ Cống* của Nguyễn Trãi. Kế đến, theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, vua *Lê Thánh Tông* có ra lệnh cho các quan trấn thủ các Thừa tuyên, thân hành khám xét núi sông hiểm trở thuộc địa phương của mỗi người để vẽ thành bản đồ và hai lần nhà vua đã giao cho Bộ Hộ qui định những chi tiết do các quan địa phương tiến dâng để lập thành những địa đồ của toàn thể lãnh thổ Đại Việt.

Những tài liệu này cũng bị thất truyền, nhưng rất may còn

thấy được một cuốn Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư của Đỗ Bá 杜伯, tuy đã được soạn vào khoảng cuối thế kỷ 17, nhưng phần nhiều đã căn cứ vào những chi tiết thâu lượm được hồi cuối thế kỷ 15, khi vua Lê Thánh Tông thân chinh Chiêm Thành. Ngoài cuốn địa lý này ra lại phải kể tới vài cuốn khác dưới thời Lê Trung Hưng, và đời Nguyễn. Dưới thời Lê Trung Hưng, Lê Quý Đôn 黎貴惇 (1726-1784) có soạn ra cuốn Phủ Biên Tạp Lục 撫邊雜錄, gồm 6 quyển, tựa viết năm 1776. Sách này được ông soạn ra khi làm Hiệp đồng kinh lý quân sự ở hai đạo Thuận Hóa, Quảng Nam. Nhưng phải đợi tới triều Nguyễn, sau khi thống nhất được lãnh thổ Việt Nam, mới có được những sách địa lý tương đối đầy đủ hơn, như Nhất Thống Địa Dư Chí của Lê Quang Định (1760-1813), Gia Định Thông Chí của Trịnh Hoài Đức (1765-1825), và nhất là bộ Đại Nam Nhất Thống Chí (1865-1882), và quyển Hoàng Việt Địa Dư Chí (1834) trích trong bộ Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú (1782-1840).

Nhờ có mấy cuốn địa lý Việt Nam còn sót lại đó, chúng ta hy vọng có thể khôi phục lại được phần nào sự thực về nhiều địa điểm thuộc lãnh thổ VN, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.



Mừng Thượng Thọ Bát Tuần

Tết Giáp Thân này chẵn tám mươi
Bát tuần miễn nghị đã lên ngôi
Phú Ninh ngày đó vui đùa nghịch
Mỹ Quốc gây triều cựa đạo chơi
Con cháu tiệc vàng bày chúc tụng
Bạn bè chén tạc góp mừng vui
Nhất nhân tác phúc thiên nhân hưởng
Độc thụ khai ba vạn thọ hương

HOÀNG THANH

XUÂN ĐẠ

Nộn hàn tự thủy dạng liêm sa,
Lô hỏa tâm ôn đãi văn trà.
Số bãi xuân tinh vô cá sự
Y song tĩnh đối ngọc mai hoa.

VÂN SƠN – NGUYỄN TRỌNG TRÌ
(1854- 1922)

ĐÊM XUÂN

Lạnh về nước gợn lụa rèm lay,
Lửa đợi trà pha bữa cuối ngày.
Đếm hết sao trời, rồi hết việc
Tựa nhìn dáng ngọc lộng hoa mai.

NHỮNG BÀ VỢ VÀ CÁC CON CỦA QUANG TRUNG NGUYỄN HUỆ

VÕ BÁ HÀ

Tổ tiên nhà Tây Sơn nguyên họ Hồ ở đất Hoan Châu, thuộc Phả Qui Nhơn và đổi ra họ Nguyễn lúc nào không ai biết. Ấp Tây Sơn thuộc địa phận dinh Quảng Nam. Dinh này phía bắc giáp Ai Vân, phía nam giáp Gia Định, phía tây giáp Ai Lao, phía đông giáp biển. Bờ cõi rộng hàng ngàn dặm.

Trong số người di dân lập nghiệp có ông Nguyễn Phi Phúc lấy bà Nguyễn Thị Đồng sinh ra 3 người con trai là: Nguyễn Văn Nhạc (Nguyễn Nhạc) Nguyễn Văn Bình (Nguyễn Huệ) Nguyễn Lữ.

Riêng anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ đã có thể đứng đậm nét trong Sử Việt về chiến tích đánh tan giặc Thanh và bình định đất nước. Nhưng trong cuộc tình trường cũng nêu lên những giai thoại tình sử mà nhiều nhà sử học đã dày công sưu tầm và biên soạn.

Thiết tưởng chúng ta có dịp biết thêm về khía cạnh đời thường của tiền nhân, chắc không phải là điều vô bổ.

Anh hùng Nguyễn Huệ với xuất thân từ nông dân: áo vải cờ đào, đã có ít nhất là ba người vợ chính thức (1) và một thứ phi (2)

- Bà vợ thứ 1: Là trai làng lớn lên ở nông thôn, ông lấy người vợ đầu tiên. Bà Họ Phạm ở thôn Phú Phong, huyện Tuy Viễn (Bình Khê, Qui Nhơn). Bà là chị em cùng mẹ khác cha với Bùi Văn Nhật và Bùi Đắc Tuyên.

Khi Nguyễn Huệ mất, Bùi Đắc Tuyên là trụ cột của Triều Tây Sơn.

Bà Họ Phạm chẳng may mất sớm để lại 2 con là Nguyễn Quang Thùy và Nguyễn Quang Bàn.

Nguyễn Quang Thùy, sau khi cha mất trở thành 1 tướng tài nhiều phen chống nhau với đại binh của Nguyễn Phúc Ánh.

Khi Nguyễn Huệ lên ngôi vua lấy niên hiệu là Quang Trung – ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân 1788 – Ông truy phong cho Bà họ Phạm là:

“ Nhân cung đoan tĩn Trịnh thụy nhu thuận
Vũ Hoàng Chánh Hậu.”

- Bà vợ thứ 2: Sau khi Bà họ Phạm chết, Nguyễn Huệ kết duyên với Bà Họ Bùi ở Xuân Hòa (Qui Nhơn). Tương truyền rằng bà này đẹp được vua yêu trìu hết mực.

Sau khi lên ngôi, vua Quang Trung phong Bà Họ Bùi là Chánh cung Hoàng Hậu.

Bà sinh được tất cả 5 người con:

Nguyễn Quang Toàn, Nguyễn Quang Thiệu, Nguyễn Quang Khánh, 2 Công Chúa.

Quang Toàn được phong làm Thái tử.

Có người tỏ ý bất bình, ngỏ lời với Quang Thùy.

Quang Thùy nói:

“Em tôi làm Thái tử hay tôi làm cũng thế thôi. Điều tốt yếu là làm thế nào cho nước Đại Nam được mỗi ngày thêm giàu mạnh, nhà Tây Sơn mỗi ngày thêm vững bền là tốt”.

Quang Toàn sau này nối ngôi cha lấy hiệu là Cảnh Thịnh. Cũng như 2 bào đệ của mình, Quang Toàn nối ngôi cha mà không nối được chí cha. “Hổ phụ mà không sinh hổ tử”.

Còn Quang Thiệu và Quang Khanh tài năng và nhân cách tầm thường, đều không phải là đối thủ của Nguyễn Phúc Ánh.

Các con vua Quang Trung sau cũng được phong chức tước là:

- Quang Thùy làm Khanh công lĩnh Bắc Thành, Tiết chế thủ bộ chủ quân.

- Quang Bàn làm Tuyên công lĩnh Thanh Hóa đốc trấn, Tổng lý Quân dân sự vụ.

- Bà vợ thứ 3: Đầu năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Phú Như là tướng của Chúa Trịnh ở Phú Xuân được lệnh vào Qui Nhơn thăm dò tình hình Tây Sơn. Phú Như là bạn của Nguyễn Hữu Chỉnh (đã qui hàng Tây Sơn năm Nhâm Dần 1782) đem tình hình nội bộ chia rẽ của quân Trịnh ở Phú Xuân trình bày với Hữu Chỉnh. Hữu Chỉnh lại nói cho anh em Tây Sơn.

Nguyễn Nhạc nắm lấy cơ hội, liền cử Nguyễn Huệ làm Tiết Chế Thủy bộ chư quân, Nguyễn Hữu Chỉnh làm hữu quân Đô đốc, Vũ Văn Nhậm làm tả quân Đô Đốc và Nguyễn Lữ chỉ huy Thủy quân, đồng tiến quân đánh quân Trịnh đang đóng ở Thuận Hóa.

Trong chuyến Bắc phạt này, từ phủ Qui Nhơn ngang qua Điện Bàn, Nguyễn Huệ đã cưới bà Trần Thị Quy, con ông Trần Công Thành, người làng Đông Châu, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn. Khi lên ngôi, vua Quang Trung phong bà làm Thứ phi và Trần Công Thành lên đến chức Thái Úy, tước Chơn quốc Công.

Thế rồi, không thấy sử sách ghi chép thêm gì về Bà Trần Thị Quy. Chỉ biết theo gia phả tộc Trần của Bà thì khi Nguyễn Phúc Ánh thống nhất được giang sơn lên ngôi vua tức Gia Long (1802), bắt bà đưa về chém ở bãi cát. Kim Bồng (nay thuộc xã Cẩm Kim, thị xã Hội An) rồi thả

xác trôi sông. Dân chúng địa phương vô cùng xúc động mới vớt xác lên mai táng ở cánh đồng Trà Quân, làng Thanh Châu, huyện Diên phước.

Về sau, một người cháu đã lập Bia mộ cho bà:

“Nam cố, Đông Châu tiền triều Hoàng hậu Thứ phi tự Quy Trần tổ cô mộ. Mậu Tuất (1838) hạ nguyệt nhật kiết”.

(Mộ Bà Trần Thị Quy, người là Đông Châu là Thứ phi Hoàng hậu của triều trước. Lập Bia ngày tháng tốt, mùa hạ năm Mậu Tuất (1838) do người cháu gọi Bà là Cô).

- Bà thứ phi: Đến ngày 26 tháng 6 năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Huệ vào Thăng Long lần thứ nhất nhằm: “Diệt Trịnh phù Lê”. Cuộc tấn công thần tốc ấy đã rung chuyển kinh thành. Sau chiến thắng này, Nguyễn Hữu Chỉnh đã thay lời vua Lê Hiến Tông, nói với Nguyễn Huệ.

- Hoàng Thượng tuổi đã cao, sau này không biết nương tựa vào ai nên muốn chấp nối nhân duyên kết liên hai Họ thành 1 nhà (giữa Ngọc Hân Công Chúa với Nguyễn Huệ). Không biết chúa công có ý thế nào, nên chưa dám đường đột nói rõ.

Nguyễn Huệ vui vẻ nói:

- Nay ta là em vua Tây Sơn, sánh duyên với cành vàng lá ngọc của vua Bắc Hà cũng là “môn đăng hộ đối”, như thế trong đời dễ có mấy ai.

Hồi đó vua Hiến Tông còn 5, 6 Công Chúa chưa chồng. Nhưng chỉ có Ngọc Hân 16 tuổi là người có nhan sắc, giỏi thơ phú nét na hơn cả, được vua yêu quý. Duyên trời đã định: Ngọc Hân là con gái thứ 21 của vua Lê Hiến Tông được gả cho Nguyễn Huệ. Hôn lễ được tổ chức vào ngày Mùng mười, tháng Bảy âm lịch (1786). Khi Ngọc

Hân theo Nguyễn Huệ về Nam, Nguyễn Huệ được phong làm Bắc Bình Vương ra trấn giữ đất Thuận Hóa.

Đối với Ngọc Hân, Nguyễn Huệ đã yêu vì nét lại trọng vì tài, nên được giao coi giữ các văn thư trọng yếu, được phong chức Nữ học sĩ dạy dỗ các con cái và cung nữ. Trong thực tế Ngọc Hân trở thành công sự viên đắc lực, tin can được giao phó một số vấn đề về lĩnh vực văn hóa, giáo dục, cho chồng. Nhất là khuyên chồng chấm dứt cuộc xung đột với vua anh là Nguyễn Nhạc.

Sau khi lên ngôi, vua Quang Trung phong cho Ngọc Hân là Bắc cung Hoàng hậu và Nguyễn Huệ có 2 con với Ngọc Hân là

Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Thị Ngọc

Một chiều, sau khi đại phá 29 vạn quân Thanh và đang chuẩn bị tiến binh vào Gia Định diệt Nguyễn Phúc Ánh, vua Quang Trung đang ngồi bên cạnh Ngọc Hân, bỗng hoa mắt, mặt mũi tối sầm rồi ngã ra bất tỉnh. Chứng ấy người xưa gọi là “Huyễn vận”, nguyên do não bị tổn thương, thần kinh căng thẳng lâu ngày sinh ra.

Bệnh trạng vua Quang Trung ngày một nặng thêm, ông căn dặn các tướng Tây Sơn:

- Nay ta đau yếu không dậy được, Thái tử (Quang Toản) có chút tài, nhưng tuổi còn nhỏ. Quân Gia Định là quốc thù mà Thái Đức (Nguyễn Nhạc thì tuổi già, cầu yên, tạm bợ, không toan tính cái họa về sau. Khi ta chết rồi, nội trong 1 tháng phải chôn cất. Việc tang chế làm giản tiện thôi.

Bên giường ngự của Vua, các văn quan võ tướng, nước mắt chan hòa, đứng lặng như hóa đá.

Riêng Bắc cung Hoàng hậu Ngọc Hân vật mình, chết đi sống lại, than khóc thảm thiết.

Ngày 29 tháng 9 năm Nhâm Tý (13-11-1792) vua Quang Trung băng hà, thọ 40 tuổi, để lại mối tình dang dở với Thái hậu Ngọc Hân mới 22 tuổi.

Nỗi tiếc thương chồng, nỗi kính phục vị vua thiên tài mà sự nghiệp chưa hoàn tất, khiến Ngọc Hân đau đớn vô cùng, gởi gắm tâm sự vào bài văn “Ai tự văn” rất thấm thiết.

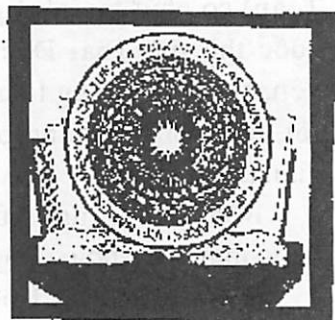
Sự héo hon sâu muộn, thương tiếc chồng khôn nguôi, đã tàn phá rất nhanh sức lực của người công chúa kiêu diễm, viên ngọc quý của vua Lê Hiển Tông, người con gái tài sắc của kinh thành Thăng Long, nhân vật huyền kỳ đã dệt nên mối tình đẹp để lại cho đời, cũng đã thác theo chồng ngày 8 tháng 11 năm Kỷ Mùi (1799) sau 7 năm buồn tuyệt vọng, trước hiện tình suy vi của triều Tây Sơn.

California Sep, 2004

VÕ BÁ HÀ

Chú thích:

- (1) Theo TS Quỳnh Cư
- (2) Theo Trần Gia Phụng
- (3) Theo Lê Trí Viễn



ĐÌNH LÀNG XƯƠNG LÝ

*Có ai về Nhơn Lý,
Nhớ ghé thăm đình làng.
Năm long chùng đồi núi,
Trông lộng lẫy nghiêm trang.*

*Ngôi đình xưa cổ kính,
Bao năm tháng điêu tàn.
Mái ngói cong đổ nát,
Tường loang lổ hoang tàn.*

*Ngày an bình trở lại,
Dân ao ước xây đình.
Bà con góp sức đồng tình,
Đồng hương hải ngoại hết mình chung lo.*

*Bao tháng ngày không quân,
Ngôi đình mới hoàn thành.
Lân giao châu bốn mắt,
Long phụng cuộn vây quanh.*

*Hoa rừng chen lẫn mái nâu,
Tàn cây cổ thụ vươn sâu sân làng.
Bước lên mấy bậc bệ tràng,
Song long chào đón khách quan viếng đình..*

*Trở về làng cũ thăm tình,
Ngôi đình đổi mới lòng mình vẫn vương.*

NGUYỄN BƯỜNG

Đặc San Bình Định 73

NHỮNG NĂM ẤT DẬU TRONG LỊCH SỬ NƯỚC TA

TRÁC NHƯ

Họ Hồng Bàng (2879-258 trước Tây lịch).

Nhà Thục (257-207 trước Tây lịch).

Nhà Triệu (207-111 trước Tây lịch).

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ nhất (111tr. Tây lịch-39).

Trung Nữ Vương (40-43).

1.Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ hai (43-544): Đời Tam Quốc, nhà Đông Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương (227- 540):

Năm Ất Dậu (265), Giao Châu thuộc về Tấn. Vua Tấn Vũ Đế là Tư Mã Viêm sai Mã Dung người Ba Tây sang Giao Châu thay Lữ Hưng làm Thái Thú. Dung bệnh chết, Dương Tác người Kiện Vi thay.

Năm Ất Dậu (505), Thứ Sứ Giao Châu là Lý Nguyên Khải chiếm châu làm phản. Nguyên năm 502, nhà Tề mất. Tiêu Diễn lên ngôi lập ra nhà Lương tức là Lương Vũ Đế Nguyên Khải nhân cơ hội đó chiếm châu, Trương Sứ là Lý Tác đem binh giết Khải.

2.Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ ba, nhà Đường (618-907):

Năm Ất Dậu (865), nước Nam Chiếu sang chiếm Giao Châu, vua Đường sai Cao Biền đem quân sang đánh. Theo sách Cương Mục Trung Quốc, Cao Biền đang rèn luyện quân lính ở trấn Hải Môn, chưa tiến quân; Giám Quân là Lý Duy Chu ghét Biền muốn hại Biền, nên nhiều lần thúc Biền tiến quân. Biền đem hơn 5000 quân vượt biển đi trước, hẹn Chu đem quân tiếp ứng trợ chiến. Khi Biền đi rồi, Chu giữ chặt quân còn lại không chịu động binh.

Quân Cao Biền đến Nam Định, thấy dân Man Phong Châu ngót năm vạn người đang gặt lúa ở ngoài đồng ruộng, Biền ập lại đánh tan, chém Man tướng là bọn Trương Thuyên, thu lấy lúa của dân đã gặt để làm lương cho quân ăn.

3. Nhà Tiền Lê (980- 1009):

Năm Ất Dậu (985)

. Rằm tháng Bảy là ngày sinh nhật của vua Lê Đại Hành, sai người làm thuyền ở giữa sông, lấy tre làm núi giả đặt trên thuyền gọi là Nam Sơn, rồi bày lễ vui đua thuyền. Về sau thành lệ.

. Nhà Tống sai sứ sang thăm. Vua sai sứ sang nhà Tống xin lãnh chức Tiết Trấn. Chức Tiết Trấn là chức Tiết Độ Sứ ở phiên trấn.

Nhà Lý (1010-1225):

4. Lý Thái Tông (1028-1054).

Năm Ất Dậu (1045), dùng voi kéo xe; bộ bành voi kiêu Chiêm Thành gọi là Bồng La Nga thì trang sức bằng vàng. Lại đặt ra toán Long Quân theo hầu xe, dùng Kiêu Kỳ Tướng Quân Trần Nắm quản lĩnh toán quân ấy.

5. Lý Nhân Tông (1072-1127).

Năm Ất Dậu (1105), Thái Úy Lý Thường Kiệt mất. Ông làm quan trải ba triều, đánh Tống, bình Chiêm, công danh càng ngày càng cao, được vua yêu không ai sánh bằng. Đến đây ông mất được tặng phong Kiểm Hậu Thái Úy Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Việt Quốc Công. Cho em là Thường Hiến nối phong tước Hầu.

6. Lý Anh Tông (1138-1175).

Năm Ất Dậu (1165), mùa Hạ, tháng Sáu đại hạn, dân bị nạn dịch lớn, trâu bò, gia súc chết rất nhiều. Giá gạo tăng vọt.

7. Lý Chiêu Hoàng (1224-1225).

Năm Ất Dậu (1225), Chính Thủ là Trần Cảnh hầu hạ Chiêu Hoàng. Chiêu Hoàng trông thấy lấy làm ưa, rồi lấy Trần Cảnh. Tháng Chạp ngày 11, Chiêu Hoàng mở hội lớn ở điện Thiên An, ngự trên sập báu, các quan mặc triều phục vào chầu, lạy ở dưới sân. Chiêu Hoàng bèn trút bỏ áo ngự mời Trần Cảnh lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Kiến Trung. Trờ lên là triều Lý, 9 vua, từ Thái Tổ năm Canh Tuất (1010) đến Chiêu Hoàng năm Ất Dậu (1225), cộng 216 năm.

Nhà Trần (1225-1400):

8. Trần Nhân Tông (1279-1293).

Năm Ất Dậu(1285).

.Tháng Giêng, giặc Nguyên lấy được cửa ải Lạng Sơn, tiến đến sông Vạn Kiếp. Trần Quốc Tuấn dàn trận Dục Thủy nghênh chiến. Thoát Hoan tung quân ra đánh, quân ta rút lui. Quân Nguyên tiến chiếm Bắc Giang, bắt cầu phao tiến chiếm kinh thành Thăng Long. Vua Trần Nhân Tông sai Thượng Tướng Trần Quang Khải đóng giữ Nghệ An.

Tháng Hai: Quân của giặc Nguyên là Toa Đô kéo vào Nghệ An, quân của Quang Khải không thể chống lại được. Trần Kiện cùng thuộc hạ là Lê Trắc đem gia quyến đón đường đầu hàng. Toa Đô sai người đưa Trần Kiện về Yên Kinh. Đi đường Trần Kiện bị gia tướng Hung Đạo bắn chết. Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng đánh nhau với quân Nguyên bị bại trận bị bắt và bị giết. Vương là dòng dõi Lê Đại Hành, làm quan dưới triều Trần, được ban quốc tính.

.Tháng Ba: Nhà vua rước Thượng Hoàng(Trần Thánh Tông) vào Thanh Hoá. Trần Ích Tắc đầu hàng quân Nguyên.

.Tháng Tư: Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật đánh thắng quân Nguyên ở cửa Hàm Tử(Hưng Yên).

.Tháng Năm: Nhà vua mời Thượng Hoàng tự làm tướng đánh quân Nguyên, đánh bại và chém được Nguyên Soái giặc là Toa Đô ở Tây Kết. Vua thấy thủ cấp của Toa Đô, thương hại nói:“ Người làm tôi nên như thế này”. Rồi cởi áo ngự đắp, sai quan đem liệm chôn.

Ô Mã Nhi đang đem kéo quân vào Thanh Hoá, bị quân ta đuổi đánh tan chỉ còn một chiếc thuyền vượt biển trốn thoát. Thoát Hoan bị Hung Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đánh thua ở sông Vạn Kiếp, chạy trốn về nước.

.Tháng Sáu: Vua cùng Thượng Hoàng về cung, phong tặng công thần, trị tội bọn hàng giặc.

9. Trần Dụ Tông (1341-1369).

Năm Ất Dậu (1345).

. Mùa Xuân thi Thái Học Sinh.

.Mùa Hạ, tháng Năm: Đại hạn, nhà vua xuống chiếu xét lại tội các tù phạm, giảm nhẹ cho những người can phạm tội thường.

.Mùa Thu, tháng Tám, sai sứ sang nhà Nguyên. Nhà Nguyên sai Vương Sĩ Hành sang hỏi địa giới Cột Đồng ngày trước. Nhà vua sai Phạm Sư Mạnh sang nhà Nguyên biện bạch về việc này.

Nhà Hồ (1400-1407):

10. Hồ Hán Thương (1401-1407).

Năm Ất Dậu (1405). Mùa Xuân, tháng Hai, Hồ Hán Thương sai Hoàng Hối Khanh làm Cát Địa Sứ, cắt 59 thôn ở Cổ Lâu nhường cho nhà Minh.

Nhà Lê (1428-1788):

11. Lê Thánh Tông (1460-1497).

Năm Ất Dậu(1465):

.Vua ra lệnh quy định quan bên ngoài mắc tội, nhẹ thì gởi thông tri, nếu nặng thì tâu lên, không được tự tiện bắt bớ quan tại chức.

. Trần Phong làm Thượng Thư viện Khâm Hình có người em là Trần Cẩn có tội. Vua dụ các quan:“Trần Cẩn là em Phong. Cẩn có tội, trăm hỏi Phong về hành vi ngày thường của Cẩn. Phong lại nhân thế bới móc hết cái xấu của Cẩn ra định làm hại Cẩn. Cái tình anh em cơ hồ sụp đổ rồi; nhân luân bại hoại không gì bằng thế. Nếu Phong biết sửa chữa làm lỗi một lòng trung hiếu, thì trăm cũng kiêng chân mà chờ kết quả của hắn”.

Trần Phong vì thế bị biếm làm Tuyên Chính Sứ Tây Đạo.

. Ban hành phép duyệt trận đồ thủy bộ.

12. Nhà Lê: Lê Chiêu Tông và Lê Cung

Hoàng (1516-1527).

Năm Ất Dậu (1525):

. Năm này hai lần động đất. Mùa Hạ, tháng Sáu đại hạn, ngày rằm có nguyệt thực.

.Mạc Đăng Dung đem quân đi đánh bại Trịnh Tuy ở Thanh Hoa, giết hại những người chống lại mình chuẩn bị để cướp ngôi nhà Lê.

Nhà Hậu Lê: (1533-1788).

13. Lê Thế Tông (1573-1599).

Năm Ất Dậu (1585) Tiết Chế Trịnh Tùng đánh nhau với họ Mạc ở vùng biên giới rồi rút quân về.

14. Lê Chân Tông (1634-1649).

Năm Ất Dậu (1645)

- . Tha một nửa tiền thuế đinh trong nước.
- . Khuyến khích người làm quan thanh liêm, chăm chỉ.
- . Cấm lấy tiền gạo của dân trong các kỳ tế lễ.

Năm Ất Dậu (1705) Vua Hi Tông truyền ngôi cho con là Thái Tử Duy Đường tức là vua Dụ Tông rồi lên làm Thái Thượng Hoàng.

15. Lê Hiến Tông (1741-1788)

Năm Ất Dậu (1765)

Đàng Ngoài: Lê Quý Đôn đi sứ nhà Thanh về, được cử ra làm quan ở Hải Dương. Ông là người nổi tiếng văn học phải ra làm quan bên ngoài, thất chí nói ra những lời thán oán. Trịnh Doanh không vui bèn bãi chức.

Đàng Trong: Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát chết. Vương có người con trưởng là Phúc Thăng mất sớm, con thứ là Chương Võ. Vũ Vương nhờ Ý Đức Hầu Trương Văn Hạnh nuôi dạy mà lập con nối. Vũ Vương mất, Trương Phúc Loan giả di mệnh lập con nhỏ thứ 16 là Phúc Thuần lên thay (mới 12 tuổi), giết Trương Văn Hạnh, bắt giam Chương Võ rồi sau giết đi. Mầm loạn từ đó.

Triều Nguyễn (1802-1945).

16. Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế (1820-1840)

Năm Ất Dậu (1825), Minh Mệnh thứ 6.

- . Gặp nạn hạn hán vua lo lắng cho lệnh thả ra 100 Cung nữ, những ngày cầu đảo cấm không được xử án và sát sanh, xét lại việc hình án công minh và giảm nhẹ để cầu phúc trời.
- . Ở Gia Định có người bị tội lưu bị phát phối đi Quảng Ngãi mà là con duy nhất của cha mẹ đều hơn 70 tuổi. Cha mẹ xin đi theo con đến chỗ phát phối. Thành thần tâu lên, vua thương cho đi gần, đổi phát phối ở Châu Đốc.
- . Lập đàn tế Trận Vong Tướng Sĩ, đặt đàn chay phổ độ ở Chùa Thiên Mục, vời nhà sư ở Chùa Từ Ân trấn Phiên An là Nguyễn Tâm Đoan về trụ trì Chùa Thiên Mục.

. Dân bị đói kém nhà vua cho thực hiện những công ích như đào vét sông như sông Vĩnh Định ở Quảng Trị, đắp đường, xây cầu đá, đào sông Vĩnh Điện ở Quảng Nam, đào lạch ở cửa Tư Dung, tiếp tục đào sông Ngự Hà v.v. để dân có công việc làm, trả công cho dân thay vì phát chẩn.

. Hiệp Biện Đại Học Sĩ Trịnh Hoài Đức chết. Trịnh Hoài Đức là bực trọng thần, nhà vua chịu ảnh hưởng lớn về phương diện ngoại giao, thân cận với Trung Hoa xa rời các nước Tây phương.

Thượng Thư bộ Lễ Phạm Đăng Hưng chết. Đăng Hưng là Ông Ngoại vua Tự Đức.

. Vua Minh Mệnh nhớ công Sư Bảo Đặng Đức Siêu, Nguyễn Đức Thịnh, Lê Đại Nghĩa, Nguyễn Đăng Vinh, Nguyễn Đăng Thiệp, Phan Đắc Lân đã từng sung việc giảng tập ở tiềm để nên được vua truy tặng hoặc gia thăng có thứ bậc.

. Trường thi Hương Thừa Thiên có thi sinh tên Nguyễn Thiên Điều người Quảng Trị, mới vào kỳ Đệ Nhất thấy bài thi khó quá bèn xúi giục cả học trò vi Tả làm âm lên muốn nhỏ vi đi ra. Cả ba vi Hữu, vi Giáp, vi Ất cũng náo động. Phải quan binh đàn áp mới yên. Sau Thiên Điều thú tội, xử giảo giam hậu. Rồi giảm tội cho Thiên Điều, phát đi làm lính cơ.

. Sao chổi mọc, vua lấy làm lo.

.Cấm đạo: Từ khi Thánh Tổ lên làm vua ngài đã có ý không cho người ngoại quốc vào giảng đạo ở trong nước. Khi chiếc tàu Thétis vào cửa Đà Nẵng, có một người giáo sĩ tên là Rogerot ở lại giảng đạo các nơi, vua Thánh Tổ nhân đó mới có dụ cấm đạo và truyền cho các quan khám xét các tàu bè của ngoại quốc ra vào cửa bể.

Ngài lại sai tìm bao nhiêu những giáo sĩ ở trong nước đem cả về Huế để dịch những sách Tây ra chữ Việt, chú ý không phải vì việc dịch sách, nhưng là để cho khỏi đi giảng đạo ở hương thôn.

Chẳng những nhà vua ghét đạo mà các quan cũng vậy nên sự cấm đạo, giết những người theo đạo lại càng khắc nghiệt

hơn, ai bắt được giáo sĩ đem nộp thì được thưởng. Một giáo sĩ bị bắt bị xử giáo. Ở các nơi trong nước cũng rối loạn vì sự bắt đạo và giết đạo.

Việc cấm đạo đem mỗi hệ lụy không nhỏ cho các vua sau và nổi bi thảm cho dân tộc Việt Nam.

17. Hàm Nghi Đế (1884-1885)

18. Cảnh Tôn Thuần Hoàng Đế (1885-1888)

Năm Ất Dậu (1885): Từ 1 tháng Một đến hết tháng Chín thì chép niên hiệu Hàm Nghi; từ ngày Một tháng Mười trở về sau chép niên hiệu Đồng Khánh.

Tháng Tư:

Ngày 27, Patenôtre đại diện chánh phủ Pháp, Lý Hồng Chương đại diện nước Tàu ký Hoà Ước ở Thiên Tân, đại lược nói rằng nước Tàu nhận cuộc bảo hộ của nước Pháp ở Việt Nam. Đổi lại Pháp sẽ rút khỏi Đài Loan.

Tháng Năm:

Ngày 19, Thống Tướng De Courcy đem gần 500 quân từ Bắc Kỳ vào Huế để bắt triều đình phải chịu quyền bảo hộ, dự định hôm yết kiến vua Hàm Nghi triều đình phải mở cửa chính không những là để quan nước Pháp đi mà thôi, nhưng lại phải để cả quân lính cũng đi vào cửa ấy. Triều đình thấy điều ấy trái với quốc lễ, xin để Thống Tướng đi cửa giữa, theo như sứ Tàu ngày trước, còn quân lính thì xin đi cửa hai bên. De Courcy nhất định không chịu.

Ngày 22, quan ở Cơ Mật Viện sang dinh Khâm Sứ xin bàn định việc vào cửa chính cửa bên, nhưng De Courcy không tiếp. Bà Từ Dụ Thái Hậu sai quan đem lễ vật đến tặng Thống Tướng, Thống Tướng cũng khước từ không nhận.

Sự khinh mạng triều đình đến thế, Tôn Thất Thuyết vô cùng tức giận, nửa đêm nổ súng vào dinh Khâm Sứ và đồn Pháp ở Mang Cá.

Ngày 23, Pháp phản công. Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi xuất bôn ra Tân Sở (Quảng Trị). Ra đến Quảng Bình, ban hịch Cần Vương, nghĩa sĩ các nơi nổi lên ứng nghĩa.

Nguyễn Văn Tường ra thú với Thống Tướng De Courcy và hứa trong hai tháng phải làm cho xong việc. De Courcy cho

Nguyễn Văn Tường ra ở Viện Thương Bạc, có lính Pháp canh giữ.

Tháng Bảy:

Ngày 27, đến kỳ hạn mà không biết vua Hàm Nghi ở đâu?

Ngày 28: Quan Phụ Chính Nguyễn Văn Tường, Thượng Thư bộ Hộ Phạm Thận Duật, thân sinh Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Đính bị Pháp đem đày ra Côn Lôn. Phạm Thận Duật chết trên tàu nên xác ném xuống biển, Nguyễn Văn Tường sau đày sang hải đảo Haiti, rồi chết, xác đem về chôn ở quê nhà.

Tháng Tám:

Ngày 6, Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình được Pháp che chở về triều coi việc triều chính. Ông Chánh Mông, con nuôi thứ hai của vua Tự Đức, cũng là anh ruột vua Hàm Nghi phải thân hành qua đình Khâm Sứ để làm lễ thụ phong rồi làm lễ tấn tôn, đặt niên hiệu là Đồng Khánh.

Tháng Mười Hai:

Thống Tướng De Courcy bị triệu hồi về nước.

Lực lượng giữa hai vua anh, vua em đánh nhau kéo dài đến những năm sau, Vua Hàm Nghi bị bắt bị đày, phong trào Cần Vương tan rã.

19. Hoàng Đế Bảo Đại.

Năm Ất Dậu(1945).

Trong Nam người ta lấy lúa chày máy thay than, trong khi ngoài Bắc không có gạo ăn, dẫn chúng chết đói nằm khắp đường tính hơn triệu người.

.Tháng Ba, ngày 9 và 10 quân Nhật tấn công lật đổ chính quyền Pháp ở Đông Dương.

Ngày 12 Hoàng Đế Bảo Đại cùng ký với Hội Đồng Cơ Mật là : Thượng Thư bộ Lại Phạm Quỳnh.

Thượng Thư bộ Hộ Hồ Đắc Khải,

Thượng Thư bộ Lễ Ứng Hy,

Thượng Thư bộ Hình Bùi Bằng Đoàn,

Thượng Thư bộ Học Trần Thanh Đạt và trương Như Đính **Bản Tuyên Ngôn Độc Lập** trao cho Đại Sứ Nhật là Yokoyama như sau:

“Chiếu tình hình thế giới nói chung, và tình hình Á châu nói riêng, chính phủ Việt Nam long trọng công khai tuyên bố, kể từ ngày hôm nay, hiệp ước bảo hộ ký với nước Pháp được bãi bỏ, và đất nước thu hồi chủ quyền độc lập quốc gia.

Nước Việt Nam cố gắng tự lực, tự cường, để xứng đáng là một quốc gia độc lập, và sẽ theo đường hướng của bản Tuyên ngôn chung của khối Đại Đông Á, hầu giúp đỡ nhau tài nguyên cho nền thịnh vượng chung.

Vì vậy, chính phủ Việt Nam đã đặt tin tưởng vào sự thành tín của nước Nhật, và đã quyết định cộng tác với nước này, hầu đạt mục đích nói trên.

Khâm thư.

Huế, ngày 27 tháng Giêng năm thứ 20 triều Bảo Đại.”

Ngày 19, Phạm Quỳnh đệ đơn từ chức tập thể Nội Các để nhà vua chọn người lập Nội Các mới.

. **Tháng Tư**, ngày 17, một nhà ái quốc chân thành là học giả Trần Trọng Kim trình diện lên Hoàng Đế Bảo Đại chính phủ do ông thành lập như sau:

Thủ Tướng chính phủ: Trần Trọng Kim. Nội Các gồm có:

Bộ Trưởng Nội Vụ: Bác Sĩ Trần Đình Nam,

Bộ Trưởng Ngoại Giao: Luật Sư Trần Văn Chương,

Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục: Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn,

Bộ Trưởng Tư Pháp: Luật Sư Trịnh Đình Thảo,

Bộ Trưởng Tài Chánh: Luật Sư Vũ Văn Hiến,

Bộ Trưởng Bộ Tiếp Tế: Bác Sĩ Nguyễn Hữu Thi,

Bộ Trưởng Xã Hội: Bác Sĩ Vũ Ngọc Anh,

Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên: Luật Sư Phan Anh,

Bộ Trưởng Y Tế: Bác Sĩ Hồ Tá Khanh,

Bộ Trưởng Công Chánh: Ông Lưu Văn Lang.

Ông Phan Kế Toại làm Khâm Sai Đại Thần Bắc Kỳ.

. **Tháng Năm**, ngày 8 ban bố thiết lập Hiến Pháp.

. **Tháng Bảy**, hạ tuần các nước Đồng Minh Hội Nghị Posdam ở Đức, Pháp không được mời tham dự. Trong hội nghị có quyết định đặt Đông Dương vào hai mặt trận khác nhau: Từ vĩ tuyến 16 lên Bắc thuộc quân đội Trung

hoa, từ vĩ tuyến 16 xuôi Nam thuộc quyền hoạt động của quân đội Anh Pháp.

.Tháng Tám,

Ngày 6 Hoa Kỳ thả bom nguyên tử xuống Hiroshima.

Ngày 9 Hoa Kỳ thả trái bom nguyên tử thứ hai ở Nagasaki,

Ngày 15, Nhật đầu hàng Đồng Minh.

Ngày 16, Bộ Tư Lệnh Lộ Quân Miền Nam của Nhật công bố lệnh đầu hàng vô điều kiện ở Đông Nam Á.

Đại Sứ Nhật đến tiếp kiến Hoàng Đế Bảo Đại và theo thỏa ước Nhật trao trả đất Nam Kỳ đặt dưới quyền của nhà vua.

Ngày 18, chính phủ Trần Trọng Kim lập Ủy Ban Cứu Quốc và Bản Tuyên Ngôn kêu gọi các đảng phái chính trị hưởng ứng phong trào cô vũ nền thống nhất và độc lập quốc gia.

Hoàng đế Bảo Đại đánh điện cho các nước Đồng Minh, Hoa Kỳ, Anh, Trung Hoa, mà không gởi cho Staline, quan trọng là bức điện tín gởi cho Tướng De Gaulle:

“ Tôi muốn tỏ bày cùng dân tộc Pháp, tỏ bày với xứ sở của thời niên thiếu của tôi. Tôi cũng muốn tỏ bày cùng vị quốc trưởng, và anh hùng cứu quốc, tôi muốn bày tỏ bằng tình bằng hữu hơn là giữa vị trí quốc trưởng với nhau.

Quý bạn đã trải qua bốn năm đau khổ mà không thể biết rằng dân tộc Việt Nam, từng có một quá khứ rất vinh quang, không muốn nữa, không thể chịu đựng được nữa, bất cứ sự đô hộ nào, cũng như bất cứ một nền thống trị ngoại lai nào.

Quý bạn sẽ hiểu rõ hơn nếu quý bạn trông thấy những gì đã xảy ra ở nơi đây, nếu quý bạn cũng cảm thấy ý chí cương quyết đòi độc lập, đã nung nấu tự đáy mọi con tim mà không sức mạnh nhân tạo nào có thể dập tắt được. Giá quý bạn có đạt sự tái lập nền cai trị Pháp, thì nền cai trị đó cũng chẳng ai tuân theo mà: mỗi một làng sẽ là một tổ kháng chiến, mỗi một cựu cộng sự viên sẽ là một kẻ thù, và các viên chức các di dân của quý quốc, chính họ cũng chỉ còn mong ra thoát bầu không khí ngột ngạt này.

Tôi xin quý bạn hãy hiểu cho rằng, phương tiện duy nhất để quý bạn bảo tồn được quyền lợi của Pháp, và bảo tồn nền văn hoá Pháp ở Đông Dương, chính là sự chấp nhận thành thực nền độc lập của Việt Nam và sự từ chối mọi tư tưởng tái đặt chủ quyền và nền cai trị Pháp bất cứ dưới hình thức nào.

Chúng ta có thể hiểu được nhau dễ dàng, và trở thành bạn tốt, nếu quý bạn đừng có dụng ý muốn trở lại làm chủ nhân ông của chúng tôi.

Kêu gọi lòng công bằng, bác ái của lý tưởng tự do của dân tộc Pháp đã rạng danh sáng láng khắp nơi, kêu gọi sự khôn khéo cao thượng của vị Tổng thống lãnh đạo nước Pháp, chúng tôi ước ao rằng hoà bình và hạnh phúc vui tươi đang đến với khắp các dân tộc trên thế giới, cũng được lan tràn cho tất cả dân chúng từ địa phương đến ngoại kiều đang sống trên bán đảo Đông Dương”.

Ngày 19, Việt Minh cướp chính quyền ở Hà Nội.

Ngày 22, Pháp nhảy dù xuống Tây Ninh tại miền Nam, được Nhật đưa về Saigon và ở miền Bắc Jean Sainteny tháp tùng phái đoàn OSS của Thiếu tá Hoa Kỳ Archimedes Patti nhảy dù xuống phi trường Gia Lâm, rồi được đưa về Hà Nội. Do yêu cầu của Sainteny, Việt Minh đồng ý để phái đoàn trú đóng trong dinh Toàn Quyền cũ của Pháp.

Ngày 25: Hoàng Đế Bảo Đại mặc triều phục đọc bản tuyên ngôn thoái vị trước hàng ngàn người tụ hội vội vàng trước cửa Ngọ Môn như sau:

“ Vì hạnh phúc của dân tộc Việt Nam,

Vì nền độc lập của Việt Nam,

Để đạt được hai mục đích ấy, Trẫm sẵn sàng hy sinh tất cả, và ước mong rằng sự hy sinh của Trẫm đem lại lợi ích cho Tổ quốc.

Nhận định rằng sự đoàn kết của toàn thể đồng bào chúng ta vào giờ phút này là một sự cần thiết cho Tổ quốc chúng ta, ngày 23 tháng 8, Trẫm đã nhắc lại cho toàn thể nhân dân là: Ở giờ phút quyết định này của Lịch sử, đoàn kết có nghĩa là sống, mà chia rẽ là chết.

Chiếu đà tiến dân chủ đang đẩy mạnh ở miền Bắc nước ta, Trẫm e ngại rằng một sự tranh chấp giữa miền Bắc với miền Nam khó tránh được, nếu Trẫm đợi sau cuộc trưng cầu dân ý, để quyết định thoái vị. Trẫm hiểu rằng, nếu có cuộc tranh chấp đó, đưa cả nước vào sau hỗn loạn đau thương, thì chỉ có lợi cho kẻ xâm lăng.

Trẫm không thể không ngậm ngùi khi nghĩ đến các tiên đế đã chiến đấu trên bốn trăm năm để mở mang bờ cõi từ Thuận Hoá đến Hà Tiên. Trẫm không khỏi tiếc hận là trong hai mươi năm ở ngôi, Trẫm không làm gì để đem lại lợi ích đáng kể cho đất nước.

Mặc dù vậy, và vững mạnh trong sự tin tưởng của mình, Trẫm đã quyết định thoái vị, và trẫm trao quyền cho Chính phủ Dân chủ Cộng hoà.

Trước khi từ giã ngai vàng, Trẫm chỉ có ba điều muốn nói:

- Thứ nhất: Trẫm yêu cầu tân chính phủ phải giữ gìn lãng tâm và miếu mạo của hoàng gia.

- Thứ hai: trẫm yêu cầu tân chính phủ lấy tình huynh đệ đối xử với các đảng phái, các phe nhóm, các đoàn thể đã chiến đấu cho nền độc lập của đất nước, mặc dù không theo cùng đường hướng dân chủ của mặt trận, như vậy có thể giúp cho họ được tham gia vào sự kiến thiết đất nước, và chứng tỏ rằng tân chế độ đã được xây dựng trên tình đoàn kết dứt khoát của toàn thể nhân dân.

- Thứ ba: Trẫm yêu cầu tất cả các đảng phái, các phe nhóm, tất cả các tầng lớp xã hội cũng như toàn thể hoàng gia phải đoàn kết chặt chẽ để hậu thuẫn vô điều kiện cho Chính phủ Dân chủ Cộng hoà, hầu cùng cố nền độc lập quốc gia.

Riêng về phần trẫm, trong hai mươi năm ở ngôi, Trẫm đã trải qua bao điều cay đắng. Trẫm muốn được làm Dân một nước tự do, hơn làm Vua một nước bị trị. Từ nay Trẫm lấy làm sung sướng được là dân tự do, trong một nước độc lập. Trẫm không để cho bất cứ ai

được lợi dụng danh nghĩa Trẫm, hay danh nghĩa hoàng gia để gieo rắc sự chia rẽ trong đồng bào của chúng ta.

Việt Nam độc lập muôn năm,

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muôn năm.

Huế, điện Kiến Trung ngày 25 tháng 8 năm 1945.”

Ngày 25, Khâm Sai Nguyễn Văn Sâm bàn giao chính quyền cho Trần Văn Giàu và Nguyễn Văn Trấn tại Sài Gòn, khởi đầu của một thời đồ tể cắt tiết, mổ bụng, khoét mắt, mò tôm với nhữ đao thủ phủ lừng danh

Ngày 29, một Chính phủ Lâm thời do Hồ Chí Minh cầm đầu đã được thành lập.

Tháng Chín, ngày 2 Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên Ngôn Độc lập tại Vườn Hoa Ba Đình mở đầu triều đại của nền Dân chủ Cộng hoà với tiêu đề:

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà

Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc (1)

Ngày 7, Cựu Hoàng nhận làm Cố Vấn Tối Cao cho chính phủ Hồ Chí Minh, thành phần chính phủ gồm có:

Hồ Chí Minh, Chủ tịch kiêm Ngoại giao;

Võ Nguyên Giáp, Bộ Nội Vụ;

Trần Huy Liệu, Bộ Thông tin, Tuyên truyền;

Chu Văn Tấn, Bộ Quốc phòng;

Dương Đức Hiền, Bộ Thanh niên;

Nguyễn Mạnh Hà, Bộ Kinh tế Quốc gia;

Nguyễn Văn Tố, Bộ Cứu tế Xã hội;

Vũ Trọng Khánh, Bộ Tư pháp;

Phạm Ngọc Thạch, Bộ Y tế;

Đào Trọng Kim, Bộ Giao thông Công chánh;

Lê Văn Hiến, Bộ Lao Động;

Phạm Văn Đồng, Bộ Tài chánh;

Vũ Đình Hoè, Bộ Quốc gia Giáo dục;

Cù Huy Cận, Không giữ bộ nào;

Nguyễn Văn Xuân, Không giữ bộ nào. (2)

Ngày 9, toàn quân Trung Hoa đầu tiên đến Hà Nội và tràn ngập khoảng 80 ngàn người, không kể bọn tùy viên phụ thuộc và gia đình họ với danh nghĩa giải giới quân đội Nhật. Ngày 13, quân xung kích Pháp đặt chân xuống Saigon, tái vũ trang cho tù binh chiến tranh Pháp ở Saigon.

Đêm Chủ Nhật 22 rạng ngày 23, Pháp tái chiếm Saigon. Lực lượng Việt Minh của Trần Văn Giàu, dưới quyền chỉ huy của Tổng Tư Lệnh Lê Văn (Bảy)Viễn, một thủ lĩnh đảng cướp Bình Xuyên, phải rút khỏi Saigon. Liên quân Anh – Pháp với sự tiếp sức tù binh Nhật, lần lượt tiến chiếm các tỉnh dưới vĩ tuyến 16.

Tháng Mười:

Ngày 29, De Gaulle ký nghị định đặc cách tăng Đại Úy Vĩnh San (Vua Duy Tân) lên cấp Tiểu Đoàn Trưởng (Thiếu Tá) và được thuyên chuyển về Paris.

Tháng Mười Một:

Ngày 11 Đảng Cộng Sản Đông Dương tự giải tán.(3)

Ngày 30 tân Bộ Trưởng Thuộc Địa Pháp Jacques Soustelle tiếp kiến Vĩnh San.

Tháng Mười Hai, đầu tháng: Vĩnh San gởi cho Bộ Thuộc Địa một văn kiện trong đó Vĩnh San đòi hỏi một Liên Ban Đông Dương gồm có ba xứ Việt, Miên, Lào nhưng thể chế Việt Nam sẽ là **Quân Chủ Lập Hiến**.

Ngày 14 De Gaulle tiếp kiến Vĩnh San.

Ngày 23 De Gaulle tiết lộ Vĩnh San đang thi hành một sứ mệnh bí mật ở Đông Dương.

Ngày 24, Vĩnh San rời Paris về Madagascar .

Ngày 25, Vĩnh San từ nạn cùng Phi hành đoàn và 6 hành khách.

Ghi chú:

(1) Trải qua một chu kỳ 60 năm, dân Việt Nam ta thấy gì ở tiêu đề **Dân chủ, Cộng hoà, Độc lập, Tự do, Hạnh phúc?**

(2) Trong thành phần chính phủ Hồ Chí Minh chỉ có Vũ Trọng Khánh không phải là đảng viên Cộng Sản. Những nhân vật đặc biệt là:

.Hồ Chí Minh là Cộng Sản Quốc Tế. Trước khi chết để lại chúc thư là “sẽ về với ông Mác, ông Lê” chứ không phải về với Lê Lợi, Trần Hưng Đạo.....

. Phạm Văn Đồng: Ông là người làm Thủ Tướng lâu nhất, có việc hệ trọng này nên ghi lại:

Ngày 4 tháng 9 năm 1958, chính phủ Trung Cộng tuyên cáo 12 hải lý kể từ đất liền của họ, có đính kèm bản đồ rõ ràng.

Ngày 14 tháng 9 năm 1958, Thủ Tướng Phạm Văn Đồng tuân lệnh Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi văn thư cho chính phủ Trung Cộng công nhận tuyên cáo ấy trong văn thư xác nhận như sau:

“ Chính Phủ nước Việt- nam Dân chủ Cộng hoà ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung hoa, quyết định về lãnh hải Trung –quốc.

Chính phủ nước Việt-nam Dân chủ Cộng hoà tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng 12 hải lý của Trung quốc, trong mọi quan hệ với nước Cộng hoà Nhân dân Trung hoa trên mặt bể.”

Sự tán thành và tôn trọng bản tuyên bố trên của Trung Cộng có nghĩa là đồng ý nhường cho Trung quốc toàn bộ các hòn đảo của Việt Nam trên biển Nam Hải. Và toàn bộ lãnh hải Việt Nam cách những đảo đó 12 hải lý, nghĩa là toàn bộ biển Nam hải.

. Võ Nguyên Giáp: Nhân vật quan trọng trong chính phủ Hồ Chí Minh, và trong Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam. Cựu Hoàng Bảo Đại kể lại một đoạn có liên quan đến Võ Nguyên Giáp như sau:

“Chính phủ Pháp quyết định cử ông Giáp đi thanh tra các tỉnh, với tư cách là bộ trưởng bộ Nội vụ, tôi đề nghị cùng đi với ông ta, nhưng có lẽ họ lo ngại sự hoan hô tôi ở mọi nơi, nên đề nghị trên không được chấp thuận, Giáp liền thưa với tôi rằng:

- Thưa ngài, khi tôi về, tôi sẽ báo cáo với Ngài sau cũng được.

Một tuần sau, trong khi tôi đang ăn sáng, thì có người gọi cửa. Đó là Giáp, ông ta bảo tôi rằng: Tôi vừa mới đi các tỉnh về...

- Hãy ngồi xuống ăn đi đã....

Ông ta có vẻ bực bội, cúi xuống ăn mà không nhìn tôi. Tất nhiên, xưa nay ông Giáp vốn là người kín đáo, nhưng ngày hôm nay, mặt lại càng xịu xuống. Tôi để yên cho ông ta ăn, và không hỏi gì thêm. Khi ông ăn xong tôi hỏi:

- Thế nào?

- Cần phải thực tế, thưa Ngài. Ông trả lời nhưng đầu vẫn cúi xuống.

- Anh định nói gì ?

- Tôi muốn nói là, cần phải chịu thẳng Pháp vậy.

- Dù sao, thì cũng không đến nỗi trở lại thời đô hộ cũ, chắc thế?

- Có khi vẫn phải trở lại, nếu cần.

Trước câu trả lời lạ lùng đó, tôi kêu lên:

- Thật tôi không thể hiểu nổi các anh. Tôi nhận độc lập từ tay Nhật. Tôi thoái vị. Tôi rời khỏi quyền hành cho các anh, thế mà bây giờ, các anh lại thụt lùi....”

Năm 1958, Võ Nguyên Giáp cũng đồng ý việc tán thành tuyên bố của Trung Cộng trên trong cuộc họp Bộ Chính Trị của Cộng Sản trước khi Hồ Chí Minh ra lệnh cho Phạm Văn Đồng gửi văn thư cho Trung Cộng.

. **Trần Huy Liệu, Cù Huy Cận**, đại diện Việt Minh chấp nhận sự thoái vị của Hoàng Đế Bảo Đại và thu ấn kiếm của nhà vua.

(3) .Sau khi chiếm được miền Bắc liền biến hình thành Đảng Lao Động Việt Nam.

.Sau khi cưỡng chiếm xong miền Nam, ném Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam vào sọt rác, hiện lại nguyên hình Cộng Sản Việt Nam.

Năm Ất Dậu (2005): Chờ xem!

TRÁC NHƯ

Mùa Xuân Luân Vũ

Có con chim én về đầu đò
Gợi nhớ xuân nào nơi cố hương
Năm tháng yên bình trong dĩ vãng
Buông khuông nghe giọng hát lên đường
Những khúc bình ca từ cuối ngõ
Ngọt ngào âm hưởng mẹ yêu thương
Sông núi bao mùa yên giấc ngủ
Chiến tranh ly loạn cõi vô thường ...
Giọt máu anh hùng cho vận nước
Chôn vùi xuân với tóc pha sương
Cánh én mang niềm vui trở dậy
Mùa xuân luân vũ khúc nghệ thường
Đồng ruộng nào còn trơ gốc rạ
Đau lòng chim cuốc khóc tha phương
Thầm hỏi : Đêm dài nào gắn bó
Trăm con nước đổ lệ sầu vương
Cố xứ người về...xuân chẳng đợi
Hành trang mờ cả dấu sa trường
Dấu chẳng Kinh Kha soi dấu sử
Triều, Trung, Phù đồng với Hùng vương
Lung linh hạt cát trên sa mạc
Hay chiếc thuyền con giữa đại dương
Ngược thủy triều nước vô song dập
Vẫn mơ màng hát khúc ly hương ...

Pha Lê

HẠT GẠO VÀ CÁC LỄ HỘI TRÊN THẾ GIỚI

TS TRẦN VĂN ĐẠT

Trong hàng ngàn năm qua, lúa gạo là thực phẩm thiết yếu hàng đầu và đóng vai trò quan trọng trong tiến trình văn minh của nhiều dân tộc trên thế giới. Nguồn gốc của cây lúa đã được nhiều chuyên gia quốc tế nghiên cứu, nhưng các ý kiến và giả thuyết của họ không đồng nhất. Tuy nhiên, nhiều nhà khoa học đã đồng ý rằng cây lúa trồng hiện nay là do sự thích ứng và tiến hóa của loài lúa dại đa niên có cùng chung tổ tiên vào thời đại lục địa Gondwana chưa tách rời nhau. Gần đây, các di chỉ khảo cổ cho biết rằng cây lúa trồng có thể xuất hiện một cách độc lập từ nhiều trung tâm khởi thủy, mà một trong những trung tâm này là miền Bắc Việt Nam cách nay độ 10.000 năm trong nền văn hóa Hòa Bình hoặc xa hơn. Vào năm 2003, một số chuyên gia Đại Hàn khám phá được 59 hạt gạo cổ xưa nhất cách nay 15.000 năm ở miền trung của bán đảo này. Tầm quan trọng của lúa gạo trên thế giới được thể hiện như sau:

- Lúa gạo là thức ăn căn bản của hơn 50% nhân loại trên thế giới hay hơn 3 tỉ người;
- Lúa gạo và phó sản cung cấp 27% năng lượng hấp thụ cho thế giới và 50-70% trong nhiều nước A Châu;
- Lúa gạo cung cấp việc làm cho gần 1 tỉ người trên thế giới;

- Lúa gạo rất quan trọng cho tình trạng an ninh thực phẩm trong nhiều nước kém phát triển;
- Hệ thống trồng lúa không những cung cấp thức ăn dinh dưỡng con người, mà còn mang các chức năng khác: bảo tồn đất đai, thủy lợi, môi trường và nền văn hóa của nhiều cộng đồng trên thế giới;
- Đến năm 2030, thế giới cần tăng gia sản xuất thêm 38% sản lượng lúa của năm 1997-1999 (590 triệu tấn lúa) để phục vụ cho một thế giới hơn 8 tỉ người; và
- Vì thế, năm 2004 được Liên Hiệp Quốc và thế giới vinh danh là Năm Lúa Gạo Quốc Tế.

Thật vậy, lúa gạo đã ăn rễ sâu vào đời sống, văn hóa và lịch sử của rất nhiều dân tộc và cũng phát sinh ra nhiều nền văn minh lúa gạo nổi tiếng trên thế giới; nhưng chúng ta nhiều khi quên đi vai trò văn hóa sơ khai, lâu dài của cây lúa với nhiều tập tục thần thoại và lý thú liên hệ đến hạt gạo. Thật là ngạc nhiên khi thấy loại ngũ cốc này đã không những xâm nhập đặc biệt vào đời sống của người A Châu (sản xuất và tiêu thụ hơn 90% tổng sản lượng lúa trên thế giới), mà còn xuất hiện trong đời sống văn hóa của các châu lục khác, nhất là châu Âu và châu Mỹ. Kể từ thời đại La Mã cổ xưa, trong các đám cưới hỏi, cô dâu thường được những người dự khán ném các loại hạt hỗn hợp như hạt hạnh nhân, hạt đậu và vài loại hạt khác để cầu chúc các cô dâu được nhiều hạnh phúc và sinh nhiều con cái. Về sau, bị ảnh hưởng của nền văn hóa Á Châu, gạo trắng đã thay thế các loại hạt khác trong lễ cưới hỏi vì hạt gạo có màu trắng tinh khiết dễ thương lại nhẹ nhàng, dễ chịu hơn khi được khán giả ném chúc lành. Tục lệ này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay dưới nhiều hình thức, trong đó thói quen rải bông giấy màu trong các lễ hội lớn,

nhất là vào dịp lễ cưới đã được phổ biến rộng rãi. Ở nước Mỹ, chẳng hạn, lễ cưới được xem như chưa hoàn tất nếu cô dâu không được ném gạo và bông giấy nhiều màu.

Đến ngày nay, tục lệ ném gạo vào cô dâu trong ngày lễ cưới vẫn còn được dân chúng nước Ý ưa chuộng. Cách đây vài năm, một tai nạn hiếm có xảy ra ở xứ này do tục lệ ném gạo. Đó là một cô dâu trẻ ở Lecco, một tỉnh thuộc miền nam nước Ý, đang hạnh phúc tràn trề trong một lễ cưới trang trọng vừa xong ở nhà thờ, bỗng cảm thấy khó chịu không ít khi một hạt gạo được ném từ khách chúc lành đã lọt vào tai của cô một cách kỳ lạ. Cô nàng được đưa khẩn cấp vào bệnh viện và hạt gạo được lấy ra an toàn, điều này cho thấy “quyền năng của hạt gạo” và vai trò của lúa gạo trong đời sống con người.

Ở Nhật Bản, trước kia, lúa gạo gặt xong và chỉ được ăn sau khi nông dân tổ chức một lễ hội đặc biệt với các điệu vũ múa và mặc quần áo cổ truyền. Lễ Koshogatsu có nghĩa là “Tiểu Tân Niên” được tổ chức vào ngày trăng tròn đầu tiên trong năm, độ tháng giêng (Nhật không còn dùng âm lịch kể từ 1868), để cầu nguyện được mùa. Đến khi vụ mùa lúa bắt đầu vào ngày 1 tháng 6, những cô gái Nhật mặc áo Kimono với tay áo xếp ngược được buộc chặt bằng những mảnh khăn đỏ, bắt đầu cấy lúa, trong khi nông dân đánh trống, thổi sáo và đánh chuông cũng như hát hò và khiêu vũ, làm vang động và rộn rịp cả một vùng trời. Vào mùa gặt hái tháng 8, hạt lúa mới thu hoạch được dâng lên cúng trời đất ở các địa phương. Ở cấp bậc quốc gia, Nhật Hoàng đến dự lễ hiến dâng gạo mới sản xuất đến Trời Phật. Hiện nay, ngày lễ chào mừng mùa gặt lúa trở thành ngày lễ quốc gia, được gọi là “Ngày Tạ Ôn Lao

Động”, nhằm ngày 23 tháng 11 mỗi năm. Ngày lễ này gần tương tự với “Ngày Tạ Ôn” của Mỹ, được tổ chức vào ngày Thứ Năm trong tuần lễ cuối của tháng 11.

Ở Triều Tiên lúc xưa cũng có lễ hội Ngày Trăng Tròn Âm lịch Đầu Tiên vì bắt đầu vụ mùa nông nghiệp của năm. Vào ngày lễ này, người Triều Tiên thức dậy sớm, ăn năm loại hạt đặc biệt (ngũ cốc): gạo, lúa mè, nếp, đậu và lúa miến được trộn với lá rau cải xanh phơi khô, nhằm chống nhiệt độ lên cao trong mùa hè sắp tới. Những cộng đồng nông nghiệp địa phương tổ chức các nghi lễ để thờ cúng các thần linh và thả điều có đề chữ “đẹp bỏ ma quỷ”, hy vọng mùa thu hoạch sắp tới được mỹ mãn, không bị quyền lực ngoại giới ma quỷ gây thiệt hại. Dân Triều Tiên cũng làm lễ Ch'ousok hay Lễ Hội Mùa Trăng Gặt Hái vào ngày rằm tháng Tám âm lịch để vừa tạ ơn cho mùa gặt vụ thu và đồng thời để tưởng niệm công ơn tổ tiên. Trong mùa lễ này, có một loại bánh gạo hình bán nguyệt cổ truyền với nhiều hạt mè, bột đậu gọi là Songp'yon rất phổ biến trong dân gian, và các gia đình đi tảo mộ ông bà để thăm viếng, cúng bái và làm sạch mộ cho mùa đông sắp tới.

Ở Philippines, Hội Lễ Tạ Ôn là một trong những hình thức lễ lạc của các bộ lạc ở các đảo. Ở bộ lạc Ifugao, những điệu múa vũ chuyển động bất chước như những con gà trống đi rải rác trên nền đất, tượng trưng cầu nguyện tạ ơn đến Thần Kabunian cho được mùa lúa. Cả nam và nữ tỏ ra hoan lạc trong lễ hội Tạ Ôn này. Ở đảo Manerwap, khi gặp trời hạn hán, tộc Bontoc làm lễ cầu nguyện đấng Kabunian (Thượng Đế) mở rộng bầu trời để mưa rơi xuống làm đầy nước ở các ruộng lúa bậc thang và miền

núi non. Những người trẻ tham dự Hội Lễ này phải leo núi khó khăn để đến một nơi thiêng liêng gọi là Fawi hiến dâng rượu và thịt cho Ngài. Họ là những thanh niên mạnh khoẻ phải chịu nhịn đói và chỉ uống nước khi leo núi. Còn các bô lão nhảy múa cầu mưa trong hai ngày liên tiếp và đánh phèn la suốt đêm.

Ở đảo Bali thuộc nước Indonesia, lúa gạo là hiện thân của Thần Dewi Sri, Mẹ Lúa Gạo, Thượng Đế của đời sống và sinh sản. Đây là vị thần thánh được tôn kính cao quý nhất của Ân Giáo (Hindu), xuất hiện ở mọi nơi dưới hình dạng cả nam và nữ. Trong lễ nghi hàng ngày, nông dân đặt từng nhúm gạo dọc theo bờ ruộng để cho các ma quỷ và thú dữ không dám đến phá hại. Người dân Bali rất tôn sùng Mẹ Lúa Gạo vì họ tin rằng nếu không có thần Dewi Sri, họ không có được đời sống như ngày nay. Mọi người từ trẻ đến già, nam hay nữ cần phải hấp thụ quyền lực của Mẹ Lúa Gạo vào thân thể mình, bằng cách làm ướt trán, thái dương và ngực với nước thánh và dán hạt gạo chưa nấu vào da thịt của mình.

Ở Malaysia, Hội Lễ Gặt Lúa còn gọi là Gawai Dayak được tổ chức vào ngày thứ hai của tháng Sáu, nhưng mỗi đảo có một tập tục và truyền thống riêng biệt và ngày tổ chức lễ hội cũng không giống nhau. Dân đảo Sabah tổ chức Hội Lễ Gặt Kadazan. Theo sự tin tưởng của dân đảo này, thần lúa được xem là một phần của Thần Kionoingan còn được biết là Thần Bambaazon, đấng Tạo Hóa của sự sống và sinh tồn. Do đó, người dân Malaysia tôn kính thần lúa Bambaazon qua lòng trân trọng đến mọi bộ phận của cây lúa, từ thân rạ, hạt gạo đến hạt cơm. Nhiều người tin tưởng rằng “Không có lúa gạo, không có sự sống”. Trong

ngày lễ hội, người thổ dân Saba mặc áo cổ truyền nhiều màu sắc, và vui chơi trong bầu không khí lễ lạc từ sáng đến chiều tối. *Tapai, một thứ rượu trắng thổ sản được uống đến say sưa trong ngày lễ hội này.*

Ở miền nam Ấn Độ, Hội Lễ Pongal là một hội lễ 4 ngày mừng thu hoạch lúa và là một trong những lễ hội lớn, quan trọng và vui vẻ nhất trong năm. Ở tiểu bang Tamil Nadu, gạo mới thu hoạch được nấu trong một buổi lễ trang trọng trong cộng đồng địa phương. Ở Kanataka, lễ hội này được gọi là “Sankranti” và những con bò vàng được trang hoàng với màu sắc rực rỡ và được dẫn đi theo nhịp trống kèn. Trong 4 ngày lễ hội Pongal, mỗi vị thần linh được cúng bái một ngày, với những tục lệ khác nhau tùy theo địa phương. Ở Ấn Độ, lễ hội mừng gặt lúa được tổ chức cùng ngày, nhưng lại với tên khác nhau ở mỗi vùng. Tuy nhiên, trong những lễ hội này, đốt lửa mừng và thiết tiệc lớn là hai lễ tục truyền thống luôn luôn phải có để dân làng có cơ hội chung vui và tạ ơn ngày gặt lúa.

Thái Lan là một nước xuất khẩu lúa gạo nhiều nhất trên thế giới từ hơn 70 năm qua, nhưng nông dân trồng lúa vẫn còn tương đối nghèo. Lúa gạo là yếu tố quan trọng của đời sống và nền kinh tế nước này. Trong 700 năm qua, Lễ Hội Cây Hoàng Gia được tổ chức hàng năm vào khoảng tháng Năm rất trọng thể trước Đại Sân Đường ở Bangkok, dưới sự chủ trì của nhà vua. Hội lễ này giống như lễ Tịch Điền ngày xưa của Việt Nam vậy. Bắt đầu buổi lễ này, vị Phraya Raek Na, một công thần trưởng ban tổ chức làm một quẻ bói toán về thời tiết sắp tới, bằng cách chọn một trong 3 mảnh vải màu có chiều dài khác nhau, được che phủ bằng một mảnh vải khác trong một

cái khay, do một nhà tiên tri Brahim bung giủ. Nếu mảnh vải ngắn được chọn, sẽ có mưa nhiều ở trên đất cao, lụt lội ở đất thấp; nếu mảnh vải trung bình, sẽ có mưa thuận gió hòa; và nếu mảnh vải dài, trời sẽ ít mưa, có hạn hán ở đất cao nhưng có nhiều nước ở đất thấp. Sau đó, vị Phraya Raek Na quấn tấm vải đó vào thân, tiến đến ruộng và bái lạy Nhà Vua. Ông ta bắt đầu cày ruộng với hai con bò mộng qua 3 vòng chung quanh thửa ruộng và 3 đường cày chéo góc, trong khi tay gieo hạt lúa đựng trong một rổ bằng vàng được mang bởi 4 Nang Thepis. Sau khi cày xong, hai con bò mộng được tháo ách và dẫn đến trước một nơi có trưng bày sẵn 7 thức ăn uống: hạt lúa, đậu xanh, bắp, cỏ khô, hạt mè, nước và rượu trắng. Thức ăn nào mà hai con bò ưa thích nhất được dùng để tiên đoán tình trạng vụ mùa lúa sắp tới. Chẳng hạn, nếu bò ăn hạt lúa hay bắp, vụ mùa ngũ cốc và cây ăn quả sẽ trúng mùa; nếu bò uống rượu, vấn đề truyền thông sẽ được cải tiến, kinh tế phát vượng và ngoại thương gia tăng. Sau khi cuộc lễ chấm dứt, những người dự khán tranh nhau chạy vào ruộng, lượm các hạt lúa đã gieo và mang về nhà trộn chung với hạt giống của mình để gieo trồng hoặc giữ lại như một vật thiêng liêng của gia đình.

Ở Thái Lan, hiện nay còn có Hội Lễ Tên Lửa rất nổi tiếng, được tổ chức vào tuần lễ thứ hai của tháng Năm ở Yasothon, miền Đông Bắc Thái Lan để cầu nguyện mưa nhiều. Vào đầu gió mùa, nông dân ở các làng Đông Bắc Thái làm những hoả tiễn khổng lồ để bắn vào không trung nhằm “đảm bảo” mưa thuận gió hòa sắp tới, sau khi trải qua những buổi lễ, diễn hành, nhảy múa và ăn uống say sưa, và trước khi bắt đầu những ngày làm việc nặng nhọc ngoài đồng áng.

Ở Việt Nam, từ thời Hùng Vương đã có Hội Lễ Tịch Điền, nhằm khuyến khích dân chúng trồng lúa, phát động mùa lúa mới và cầu nguyện cho mưa thuận gió hòa; nhưng lễ hội này được tổ chức long trọng hơn hết dưới triều đại Nhà Nguyễn. Ngoài ra, còn có các Lễ Thượng Điền, Lễ Hạ Điền, Lễ Cơm Mới được tổ chức ở các đình miếu địa phương. Vào năm 987, Vua Lê Hoàn (980-1.005) đến cày ruộng ở Núi Đọi và núi Bàn Hải (Hà Nam) làm xới bát lên hai hũ vàng và bạc, nên gọi là ruộng vàng, ruộng bạc, với mục đích khuyến khích dân chúng phát triển nghề trồng lúa trong nước. Lễ Tịch Điền được tổ chức vào tháng Năm âm lịch, được gọi là tháng trọng xuân. Vào thời Vua Minh Mạng, lễ này được tổ chức rất trọng thể ở phường An Trạch và Hậu Sinh ở Huế. Trong buổi lễ, Nhà Vua đích thân cày ruộng, tay phải cầm cày, tay trái cầm roi, với hai bô lão dắt trâu và hai người khác đỡ cày. Theo sau, một triều thần gieo thóc. Nhà Vua cày ba lượt giữa tiếng nhạc, phèn la vang. Tiếp theo Nhà Vua, các Hoàng Tử cày 5 lần, quan viên văn bộ cày 9 lần và cuối cùng nông dân xã Phú Xuân. Lúa thu hoạch ở các ruộng lễ hội Tịch Điền này được phân phối cho nông dân làm lúa giống cho mùa tới.

Không cần nói nhiều, bất cứ lễ hội nào trong năm ở nước ta, từ các đình miếu đến gia đình, gạo và nếp hay cơm, xôi và rượu trắng đều được trân trọng dùng làm thực phẩm thờ cúng ông bà, tổ tiên, thần thánh và Trời Phật. Tết năm nay cũng như mọi năm, nhà nhà đều có bánh chưng hay bánh tét, thức ăn truyền thống làm bằng gạo nếp từ đời Vua Hùng Vương Thứ VI, cách nay độ 2.500

năm, bên cạnh các món ăn cổ truyền khác, để tưởng nhớ tổ tiên và đón mừng Năm Mới và Hy Vọng Mới.

TS TRẦN VĂN ĐẠT

Tài liệu tham khảo

FAO. 2004. Tài liệu của Năm Lúa Gạo Quốc Tế.

Duy Từ. 2000. Lễ Tịch Điền. *Lễ hội cung đình triều Nguyễn*. NXB Thuận Hóa, Huế, trang 82-85.

TÌNH CHA

Tình cha gói trọn một niềm thương,
Ngời ánh hào quang khắp bốn phương;
Sông biển ngàn khơi, con thoả chí,
Hải đăng vôi vọi, bố soi đường.
Nỗi chìm vinh nhục, ba an ủi;
Thành bại sang hèn, bố đỡ nương
Giọt nước mền yêu hằng chảy xuống
Tình cha giềng mối đạo luân thường.

Lê Văn Ngô

Anh Viết Cho Em

Anh viết cho em cứ mỗi ngày
Hơi sương còn quyện phủ hàng cây
Chim ghi âu yếm bên sườn núi
Nhè nhẹ ru em giấc ngủ đầy

Anh viết cho em vẫn mỗi ngày
Vàng hồng chưa lộ ánh ban mai
Mùi hương thoang thoang nương theo gió
Quyện nhẹ thân em vóc dáng gầy

Anh viết cho em lại mỗi ngày
Hương yêu chuyền nhẹ đến bàn tay
Gởi vần thơ đến người thương mến
Ngào ngạt hương nồng thêm ngát ngây

Anh viết cho em mỗi một ngày
Trăng mờ nhỏ lệ xuống thành mây
Tan vào làn gió tìm hơi thở
Gợi nhớ vai gầy em có hay

Đặng Đức Bích

Lời giới thiệu: Tiến sĩ Thái Công Tụng, nhà Khoa học, Thở nhường học, Văn học đã làm việc tại VNCH và chương trình FAO Lương Nông Quốc Tế". Ông có nghiên cứu về đất đai Bình Định, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu tài liệu này.

Tài Nguyên Tái Tạo Được Của Tỉnh Bình Định

THÁI CÔNG TỤNG

1. Tổng quan.

Trong khoa học về tài nguyên, người ta thường phân loại tài nguyên tái tạo (renewable resources) và tài nguyên không tái tạo (non-renewable resources)

Tài nguyên tái tạo như nước, đất, rừng, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp nghĩa là có thể tồn tại mãi với thời gian, nếu được quản lý tốt. Tài nguyên không tái tạo như hầm mỏ (mỏ dầu, mỏ vôi, mỏ than..), một khi cạn kiệt thì sẽ cạn luôn.

Bài tham luận này chỉ giới hạn trong phạm vi các tài nguyên tái tạo được của tỉnh Bình Định do đó sẽ trình bày về đất đai, nước, rừng. Nói khác đi, đến các hệ sinh thái chính và đồng thời vai trò các tài nguyên này trong sự chi phối đến sự sử dụng đất đai của con người và làm thế nào để có phát triển bền vững (sustainable development) .

Như mọi tỉnh miền duyên hải Trung Việt, Bình Định nằm giữa giãy núi phía Tây và biển Đông.

Phía Bắc tỉnh Bình Định là một dãy núi ra tận biển, chỉ có đèo Bình Đê là thông qua với tỉnh Quảng Ngãi

Phía Nam Bình Định có đèo Cù Mông ngăn chia với tỉnh Phú Yên:

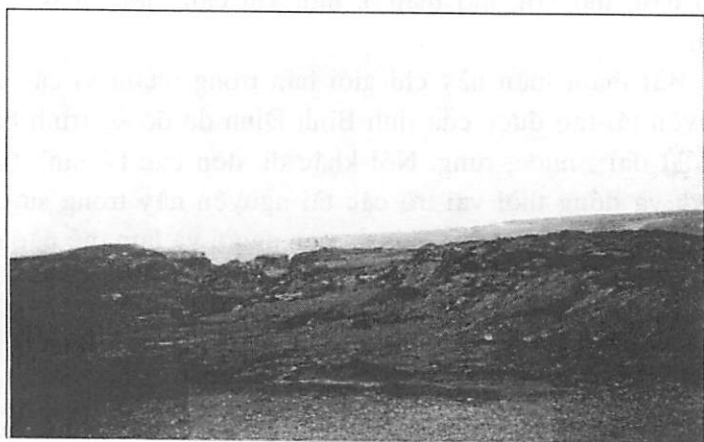
*Có ai về Bình Định
Qua Sông Cầu lên giốc Cù Mông
Nhìn biển Qui Nhơn sóng trào gành đá
Bờ cát trắng phau quỳen lấy rừng thông*

Đèo Cù Mông được thi vị hoá ở dạng ca dao quen thuộc:

*Ở nhà thì sợ cái nghèo
Ra đi thì sợ cái đèo Cù Mông*

Về phía Tây tỉnh có hai đèo và đèo An Khê Mang Giang để lên Pleiku ..

*Có ai về Bình Định
Đi mạn Pleiku đổ xuống An Khê
Theo giòng sông Côn xuôi về hạ bạn
Gió cuốn cao nguyên từng đợt nã nê*



Vùng đồi núi đất đỏ An Khê, phía tây tỉnh Bình Định

Tổ chức hành chính thay đổi theo thời gian. Chẳng hạn

- dưới triều các vua Minh Mạng, Tự Đức thì Kontum thuộc tỉnh Bình Định
- vào thời 1915, Kontum thành tỉnh riêng, nhưng Bình Định lại thêm Phú Yên, mãi đến 1930 thì Phú Yên mới không thuộc Bình Định. Lúc đó tỉnh chia ra 7 phủ huyện: phủ An Nhơn, phủ Hoài Nhơn, phủ Tuy Phước, huyện Phù Mỹ, huyện Hoài Ân, huyện Bình Khê, huyện Phù Cát, và dưới đơn vị phủ, huyện có tổng
- thời Việt Nam Cộng Hoà thì không còn phủ, tổng mà tỉnh phân chia ra quận. Và lúc đó, tỉnh Bình Định có thêm quận An Túc (tức An Khê), nhưng sau 1975, An Khê sát nhập vào tỉnh Gia Lai (Pleiku)

Hiện nay, sau 1975, các quận gọi bằng huyện và tỉnh Bình Định có 10 Quận:

- Từ Bắc xuống Nam các huyện sau đây:

Quận An Lão, diện tích 700 km²

Quận Hoài Ân (thị trấn Tăng Bạt Hổ), diện tích 747km²

Quận Hoài Nhơn (thị trấn Bồng Sơn), diện tích 411km²

Quận Phù Mỹ (thị trấn Phù Mỹ), diện tích 565 km²

Quận Phù Cát (thị trấn Ngô Mây) diện tích 667km²

Quận An Nhơn (thị trấn Bình Định) diện tích 243 km²

Quận Tuy Phước (thị trấn Tuy Phước), diện tích 283 km²

- ba Quận phía Tây là:

Quận Vĩnh Thạnh (diện tích 698 km²),

Quận Tây Sơn (thị trấn Phú Phong) với diện tích 718 km², -trước đây là quận Bình Khê -, Quận Vân Canh diện tích 826 km² .

Riêng thành phố Qui Nhơn có diện tích 218km²
Như vậy, diện tích tổng cộng tỉnh Bình Định hiện nay là
6 076 km² hoặc 607 600 hecta

Trong 10 Quận thuộc Bình Định thì có

5 Quận thuộc đồng bằng:

Tuy Phước, An Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn

3 Quận vừa đồng bằng, vừa đồi núi là: Quận Tây Sơn,
Vân Canh, Hoài Ân

2 Quận miền núi: An Lão, Vĩnh Thạnh

Trong các Quận trên thì mật độ dân số lớn nhất là Quận
Tuy Phước và An Nhơn. Còn thưa dân phải kể Quận An
Lão, Vĩnh Thạnh và Vân Canh .

2. Địa hình

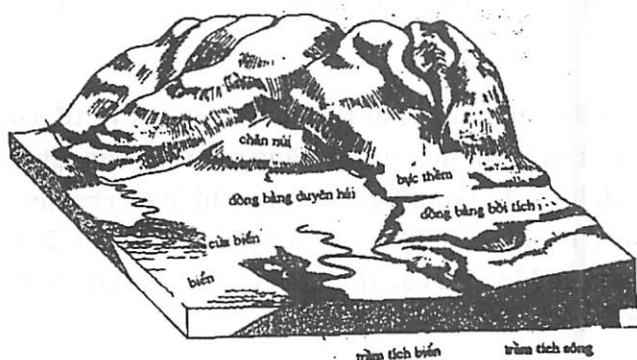
Bình Định có hai loại địa hình rõ ràng: miền núi và miền
đồng bằng

Nếu làm một phễu diện từ Trường Sơn đến biển Đông, ta
có thể phân biệt nhiều loại địa hình sau đây:

a/ miền núi , giáp giới với tỉnh Pleiku (Gia Lai), địa hình
dốc nhiều. Dãy núi Trường Sơn ở Bình Định có nhiều đỉnh
với nhiều cao độ khác nhau . Từ các vùng này, núi dốc đổ
xuống rất nhanh: các sườn núi vừa dài, vừa dốc nên xói mòn
dễ xảy ra, sự chảy tràn rất mạnh, nhất là trong các điều kiện
trien dốc lớn và khi không có rừng cây che chở. Do đó, dễ
có lụt lội ở miền hạ lưu .

Trên dãy núi Trường Sơn ở Bình Định, có thể kể các loại đá
sau đây:

.đá hoa cương (granite)



Hình 1. Sơ đồ các địa mạo chính của Bình Định

.các loại đá acid khác như diệp thạch, phiến thạch, sa thạch (sandstone)

b/ miền gò đồi chân núi .

Miền gò đồi là vùng giáp giữa núi non và đồng bằng duyên hải., có nhiều thung lũng ngang (vallées latérales) ... được cải biến thành ruộng lúa. Các đồi thấp thường có đỉnh bằng, sườn thoải và vì không xa vùng đồng bằng nên “thượng gia hạ điền”, đây là nơi được khai phá tích cực nhưng cũng là nơi dễ bị xói mòn nhiều nên lắm khi đồi trọc trở sỏi đá với nhiều khe rãnh...

c/ miền thềm phù sa cổ

Ngày xưa, ngày xưa, đồng bằng Bình Định, cũng như đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long còn nằm dưới biển !

Hiện nay trong đồng bằng còn vài đồi còn sót lại trước kia cũng chỉ là những hải đảo, ngày nay sát nhập vào bờ .

Với thời gian địa chất trôi qua, biển rút từ từ, cộng thêm phù sa trầm tích từ các rặng núi trên cao lấp dần các vịnh biển, tạo thành nhiều thềm biển (terrasses marines) ở các cao độ khác nhau 40mét, 25 mét, 20mét...; càng ra gần biển thì các thềm biển cứ thấp dần và tuổi địa chất cũng trẻ dần .

Trong các thềm phù sa cổ, ở dưới lớp đất mặt luôn luôn có những cuội sỏi . Thềm phù sa cổ lâu ngày đã bị tác động xâm thực gọt rửa, nhiều nơi có dạng lượn sóng và có nhiều sỏi laterit kết thành đá ong. Chính người Chăm sử dụng các tảng đá laterit này để làm các tháp vì khi laterit mới đào lên thì còn rất mềm có thể gọt rửa được nhưng khi khô thì trở nên cứng lại vì bị oxyt hoá.

Bình Định có nhiều tháp Chăm như tháp Phú Lộc ở huyện Phù Cát, tháp Nhạn và tháp Cánh Tiên ở huyện An Nhơn, tháp Đồi ở Quy Nhơn, tháp Thủ Thiện và chùm tháp Dương Long ở huyện Tây Sơn (Bình Khê)



Tháp Đồi gần Cầu Đồi Quy Nhơn
Tháp Đồi bên cạnh Cầu Đồi

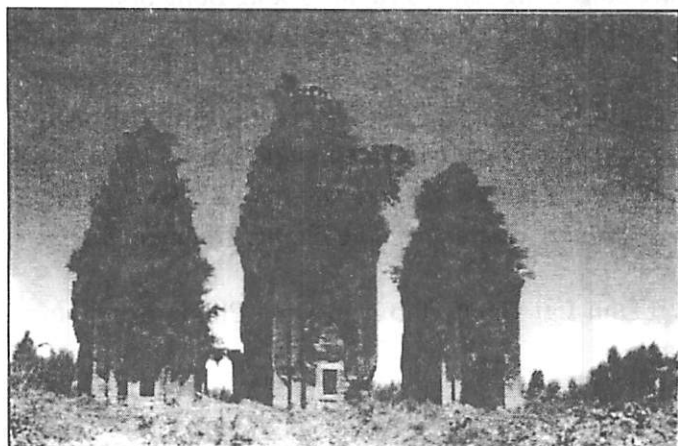
Đôi ta đẹp lúa đẹp đôi trên đời

d/ miền đồng bằng bồi tích sông biển có cồn cát cũ và đầm cũ. Các đồng bằng đều là những châu thổ rộng hay hẹp của các dòng sông như sông Côn, sông Lại; vì các dòng sông thường ngắn nên trầm tích phù sa đệ tứ kỷ khá mỏng, không giống như đồng bằng sông Cửu Long có bồi tích rất dày vì sông này dài cả hàng ngàn cây số chảy qua 5 nước như nam Trung Hoa, Miến Điện, Lào, Kampuchia và Việt Nam. Các trầm tích bồi lấp các vũng biển; các vũng biển này được tạo nên trong các giai đoạn hải tiến do băng hà thế giới tan hoặc do các dao động của các thời kỳ băng hà (période glaciaire) và tan băng (période interglaciaire) của thời kỳ đệ tứ nguyên đại Pleistoxen.

Nền địa chất miền đồng bằng là bồi tích phù sa, vừa nguồn gốc sông, vừa nguồn gốc biển:

nguồn gốc biển vì có những vật liệu thô của các dải cồn cát lẫn lộn với các vỏ sò ốc biển trong các lớp đất,

nguồn gốc sông vì sông bào mòn các răng núi Trường sơn gồm nhiều loại đá khác nhau (đá granit, phiến thạch v.v).



*Tháp Dương Lăng thôn An Chánh xã Bình An
thuộc quận Bình Khê, tỉnh Bình Định*

Cũng cần nói thêm ở đây là miền núi Bình Định gồm những loại đá rất xưa, có từ một khối nền cổ mà các nhà địa chất học thường đặt tên là khối Kontum. Khối này có một đứt gãy địa chất (geological fault) quan trọng theo chiều Bắc Nam. Đoạn đứt gãy đó tạo sông và chính con sông Ba cũng chảy theo hướng Bắc Nam trong đường đứt gãy này. Thực vậy, miền Tây tỉnh Bình Định, có sông Ba chảy từ miền thượng Kontum, chảy qua An Khê về Cheo Reo theo hướng Bắc Nam trước khi nghẹo về phía Đông ra biển.

Ngoài hai nguồn gốc trên, các đồng bằng duyên hải miền Trung nói chung và đồng bằng Bình Định nói riêng lại vừa chịu ảnh hưởng các vật liệu feralit từ các vùng đồi di chuyển xuống; vì nhiều nguồn gốc nên trác diện đất phức tạp.

Tỉnh Bình Định có nhiều đồng bằng nhỏ (Tam Quan, Bồng Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát) với tổng diện tích chừng 1 550 km², nhưng chỉ có đồng bằng Qui Nhơn là rộng nhất vì chiếm đến 500km² Có thể kể:

. đồng bằng sông Lại tạo ra đồng bằng Bồng Sơn:

Đất phù sa, ven bờ cây trái mượt

Rừng dừa xanh với bãi mía, nương dâu

Qua hai mùa mưa nắng, nước nông sâu,

Mang nhựa sống gieo vào lòng đất lạnh

Những chuyến đò sang ngang, chiều hiu quạnh

..

(Tỉnh Lại Giang, thơ Ngô Đình Phùng trong Hoa Vông Vang)

. đồng bằng sông Côn do sông Côn bồi đắp tạo ra đồng bằng các huyện An Nhơn, Tuy Phước.

e/ miền các dải đồi cát duyên hải,

f / miền đầm, hồ, đất sinh lầy nằm kẹp giữa các dải đồi cát duyên hải và đồng bằng phù sa như Đầm Trà Ổ ở phía Đông Bắc huyện Phù Mỹ, thông với biển qua sông Trúc và Đầm Thị Nại với bãi triều lầy (tidal marsh), có rừng ngập mặn gồm những loại cây sù, vẹt, đước, vùng cửa sông (estuary) như Thiện Chánh, Hà Rá, Phú Thứ, Đề Gi, Thị Nại

Bờ biển có bán đảo che phía ngoài vũng Qui Nhơn là bán đảo Phương Mai, trên bán đảo có núi cùng tên. Phía Nam bán đảo này có mũi đất nhô ra biển, phía Đông thành phố Qui Nhơn gọi là Mũi Én

3. Khí hậu

Như trên cho thấy, có 2 dạng địa hình chính là vùng núi và vùng đồng bằng.

Vùng núi có nhiều tiểu khí hậu (microclimate) khác nhau do sự khác biệt về tiểu địa hình (microrelief): có sườn núi hướng về phía Bắc, có sườn hướng về phía Nam, sườn đón gió Đông v.v Tuy nhiên miền núi Bình Định mưa rất nhiều Vùng đồng bằng mưa nhiều và mưa muộn: thay vì mưa khởi sự từ tháng 7 như ở Hà Nội thì ở đây phải chờ đến tháng 9, tháng 10 mới mưa.

Mưa nhiều nhất từ tháng 9 d.l. đến tháng 11 d.l. Trung bình, tại trạm khí tượng Qui Nhơn, tháng 9 dương lịch, lượng mưa 219mm, tháng 10 có lượng mưa cao nhất là 516mm, rồi tháng 11 với 443mm, giảm dần vào tháng 12 với 183mm. Tổng cộng hàng năm, lượng mưa trung bình ở Qui Nhơn là 1781mm, so với Quảng Ngãi phía Bắc gấp hai, 352mm. Một cách tổng quát, từ Bình Định trở vào đến Phan Thiết, lượng mưa giảm rõ rệt so với các tỉnh từ

Quảng Ngãi trở ra .(Đồng Hới : 2 111mm, Quảng Trị : 2 535 mm, Huế : 2 890 mm),

4. Tài nguyên đất

Ở đây, ta cũng phân biệt đất đai theo các địa hình nói ở phần 2.

4.1 Miền núi: Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều dốc . Vì đốn rừng bừa bãi nên sự xói mòn trên các triền dốc đất này khá mạnh và hiện nay có nhiều lớp laterit gấn mặt đất .

Vùng núi có đất xám feralit (Ferralic Acrisols) phát triển trên các loại đá macma acid như đá hoa cương, đá rhyolite, đá dacite v.v Đây là đất thường gặp tại các vùng núi thấp, dưới 1000 mét, trên các thượng nguồn sông ngòi và trong điều kiện khí hậu mưa nhiều. Nhóm đất này chiếm đến nửa diện tích tỉnh Bình Định, nghĩa là trên 300 000 hecta. Vì có đặc tính feralit nên trong trầm tích đất cũng có màu đỏ vàng. Trên những sườn dốc, có đất xám nhiều đá (Lithic Acrisols) có đá nông cạn gấn đất mặt.

Đất xám mùn trên núi (Humic Acrisols) chiếm các vùng núi cao, nơi có người Thượng với cuộc sống du canh.



Hầm Hô, thắng cảnh thuộc quận Bình Khê tỉnh Bình Định

4.2. Miền gò đồi:

Tại địa mào này, nhóm đất thường gặp là đất xám điển hình (Haplic Acrisols) , nằm trên các phù sa cổ sinh có độ cao biến thiên 10-20 mét; đặc biệt, trong trác diện đất có nhiều cuội sỏi . Thêm phù sa cổ thường bị xoi mòn gọt rũa nên nhiều nơi có dạng lượn sóng. Đất phù sa cổ thường dễ thoát nước, nghèo hơn phù sa mới và thường là nơi có làng mạc, trồng hoa màu phụ hoặc chỉ bỏ hoang vì sỏi laterit ngay mặt đất và ở trên các gò đồi với nhiều dạng khác nhau:

- có gò đồi đất có độ dốc cao, tầng đất dày, phát triển trên granit, chân đồi thì đất nhiều chất hữu cơ
- có gò đồi bát úp bỏ hoang sau sản xuất nông nghiệp, đất bị bạc màu nhưng đất còn dày
- có gò đồi trơ sỏi đá, đất phát triển trên đá phiến (schist), đá cát (sandstone)...

Vì lớp laterit gần lớp đất mặt nên các loại đất này nghèo nàn và thảo mộc thiên nhiên phần lớn chỉ là những lùm bụi thấp với các loại sim, mua, chà là, chành rành, cỏ tranh...:

Con tu hú kêu, chà là chín

Trái chín chiều nay rụng lưng đồi

Ngày xưa em thích chà là chín

Thần thờ anh nhật trái chín rơi

Thoáng nghe hơi gió luồn trong lá

Và nắng vàng phai ở cuối trời

(Về Chánh Lộc, thơ Trần Hoàn, tuyển tập thơ Hoa Vông Vang)

Những đồi hoa sim rất nhiều không những ở Bình Định mà ở khắp các đất nghèo nàn miền duyên hải Trung Việt :

Những đồi hoa sim,

Những đồi hoa sim,

Màu tím hoa sim,

Tím cả chiều hoang biển biệt (thơ Hữu Loan)

Ngoài đất xám điển hình, tại những nơi có mức thủy cấp gần mặt đất, có những đất xám glây (gley) tức Gleyic Acrisols

Nhiều chỗ có thể gặp đất xám có đá ong dưới lớp đất mặt, tức laterit, gọi là Ferric Acrisols.

4.3. Miền đồng bằng bồi tích:

Tại địa mạo này, có những loại đất phù sa (Dystric Fluvisols) và đất glây (Dystric Gleysols) với quăng 60 000 hecta là những loại đất được nước chuyên chở và dần dà lắng tụ xuống. Vì từ nhiều nguồn gốc nên sắc thái cũng rất đa dạng. Đó là những đất phì nhiêu cao, gặp ở Tuy Phước, An Nhơn, dùng để trồng lúa và hoa màu, cây ăn trái. Nhờ công trình trị thủy nên sản lượng nông nghiệp trên loại đất này được bảo đảm.

4.4. Miền duyên hải:

Đất mặn (Salic Fluvisols) ở các vùng cửa biển với quăng 6 000ha. Trên các dải đất mặn, cần nghiên cứu các mô hình sử dụng đất khác nhau: có nơi ngư lâm kết hợp, có nơi chỉ nuôi tôm sú, có nơi mô hình rừng sú vẹt vừa giữ đất, vừa nuôi trồng các loại thủy sản, có nơi ruộng tôm chuyên canh trên đất trũng bùn mềm ..

Đất cát trên cồn cát duyên hải (Arenosols) với quăng 13 000 ha thì vừa khô hạn, vừa nghèo nàn. Trong nhóm này, có thể kể:

- **Đất cồn cát trắng vàng (Luvic Arenosols)**, thường có nơi cồn cát khá cao, có nơi cồn tình trạng di động, có nơi chảy theo suối cát vào đồng lấp đất trồng hoa màu. Những cồn cát này thường có hai sườn dốc: sườn dốc đứng quay về phía đất liền, sườn dốc thoải thoải về phía biển. Gió biển thổi cuốn các hạt cát từ sườn thoải, rơi xuống sườn dốc đứng và lấp dần vào bên trong nội

đồng. Mức phì nhiêu các loại đất này kém vì khả năng giữ nước yếu

- Đất cát biển ở địa hình bằng (Haplic Arenosols) và đất cát biển gley (Gleyic Arenosols), do sự bồi lắng phù sa và tham gia vào việc lấn biển, tạo thành các dải rộng hẹp khác nhau, có màu trắng xám, pha vỏ sò, vỏ ốc..Một phần loại cát biển này đã được sử dụng trong nông nghiệp như trồng rau, khoai lang biển hoặc rừng dừa trái bát ngát ở miệt Tam Quan:

-Công dâu công uống công thừa

Công dâu mức nước tưới dừa Tam Quan ...

-Tam Quan đất tốt trồng dừa

Nam thanh nữ tú cho vừa ý anh

Như vậy, so với diện tích đất của tỉnh Bình Định là 600 000 ha,

. các đất vùng núi phía Tây độ dốc lớn, cao trên 500 mét (quận Bình Khê, quận An Lão, quận Vĩnh Thạnh, quận Vân Canh) chiếm 70% diện tích của tỉnh

. các đất vùng đồi thấp, bực thêm..(Phù Mỹ, Phù Cát,) chiếm khoảng 10% diện tích

. các đất vùng đồng bằng (Tuy Phước, An Nhơn) chỉ chiếm 20% diện tích mà trong đất đồng bằng này, ta đã “rộng lượng” gom luôn các dải đồi cát trắng dọc duyên hải và đất mặn vốn không sử dụng được trong nông nghiệp.

5 Tài nguyên nước (water resources)

Từ ngoài vào, phải kể:

- Sông An Lão (còn gọi sông Trà Bình) bắt nguồn từ vùng núi huyện Ba Tơ tỉnh Quảng Ngãi

Nước Ba Tơ chảy vô Bình Định

Nhấn bẹn chung tình tránh nịnh, chớ theo

và chảy từ Bắc xuống Nam qua các quận An Lão, Hoài Ân tỉnh Bình Định và hợp với sông Lại (Lại Giang) ở gần thị trấn quận lỵ quận Hoài Nhơn trước khi đổ ra biển

*Nước Lại Giang mênh mang mùa nắng
Dòng sông Côn lai láng mùa mưa
Đã cam thág đợi năm chờ
Duyên em đực chịu, trông nhờ quản bao*

-Sông Trúc chỉ là một sông nhỏ chảy từ đầm Trà Ổ ra biển ở huyện Phù Mỹ.

-Sông Côn dài hơn sông trên, phát nguyên từ khối núi Ngọc Rô ở huyện Kon Plong tỉnh Kontum, đoạn thượng lưu là sông Dak Cron Bung, đoạn trung lưu, chảy vào quận Vĩnh Thạnh và quận Bình Khê có tên sông Hà Giao, đoạn hạ lưu chia ra nhiều chi lưu, đổ ra vịnh Quy Nhơn. Hợp lưu với sông Hà Giao ở thị trấn Phú Phong có một sông nhánh bên phải, tục gọi sông Phú Phong

-sông La Tinh bắt nguồn từ địa phận quận Vĩnh Thạnh, chảy về phía Đông, qua hai quận Phù Cát và Phù Mỹ, rồi đổ ra đầm Nước Ngọt

Ca dao Bình Định có ghi vài địa danh thuộc Bình Định như sau:

-Nghĩa nhân, ba gánh tràn trề

Gánh từ Phù Mỹ, gánh về Bồng Sơn

Em về, em kể công ơn

Bạc vàng nặng ít, nghĩa hơn nặng nhiều

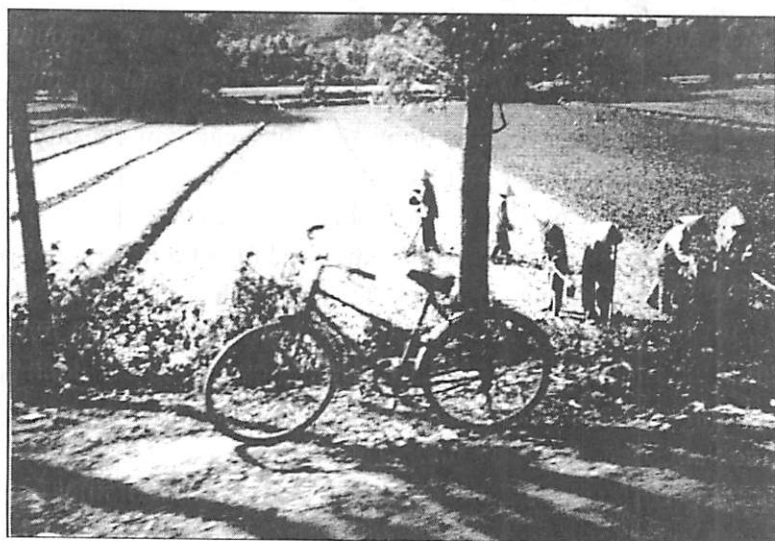
-Anh về Đập Đá, Gò Găng

Để em kéo vải sáng trắng một mình

Lưu vực các dòng sông Bình Định không lớn so với vài dòng sông khác miền Trung:

Sông Mã đồng bằng Thanh Hoá, dài 410 km, lưu vực rộng 28.400 km²; Sông Ba ở Phú Yên dài 388 km, lưu vực 13.800 km², ngay cả sông Thu Bồn chảy qua đồng bằng Quảng Nam dài 205 km và lưu vực rộng 10.496 km².

Lưu lượng các dòng sông miền đồng bằng Bình Định thay đổi theo mùa: mùa nắng, lưu lượng nước rất nhỏ, nên có thể lội qua sông ở nhiều chỗ, nhiều cồn bãi hiện ra giữa dòng. Các dòng sông Bình Định chuyên chở phù sa ít hơn các dòng sông lớn khác. Ví dụ Sông Hồng cuốn cuộn chuyên chở lượng phù sa là 940 g/m³. và màu đỏ đúng như tên gọi. Mùa mưa, lưu lượng rất lớn dễ gây nạn lụt.



Nông dân quận Tuy Phước đang canh tác Vụ Hè

Vì các dòng sông trên không dài nên nước mưa, vốn tập trung vài tháng trong năm, dễ gây ra lụt, nhất là khi không có kinh rạch để xả bớt nước lũ. Mùa nắng thì nhiều đoạn trên sông có thể lội qua được. Nói khác đi, lượng nước mưa mùa lụt và lượng nước mưa mùa nắng (lưu lượng kiệt) chênh lệch nhau rất lớn. Nếu có các công trình giữ nước trên núi hay vùng gò đồi thì vào mùa kiệt mới có thêm nước sông để

tươi rộ và vào mùa mưa, bớt được lũ lụt ở hạ lưu . Ngoài ra, vì trên núi hiện nay còn lại rất ít rừng, nên nước mưa xâm thực trong phạm vi lưu vực các dòng sông trên đã đem theo cả sỏi đá lẫn cát bùn nên vào mùa lụt, các dòng sông trên rất đục. Như vậy, các cửa gần sông cũng như các hồ chứa nước, cũng dễ bị bít và cạn, phải nạo vét định kỳ.

Nguồn gốc: ta phải phân biệt hai loại nước: đó là nước mặt (surface water) và nước ngầm (underground water)

Nước mặt do các dòng sông cung cấp; nước ngầm có nguồn nước chảy vào trong đất.

Nước ngầm không phải chỗ nào cũng có mà phân phối phụ thuộc vào một số yếu tố. Nước ngầm phong phú là ở vùng đồng bằng, ven các dòng sông hay các cồn cát duyên hải. Đặc biệt, tại các đồi cát này, chỉ có thể khai thác nước ngầm từ từ, vì nếu bơm nước nhiều quá, nước mặn sẽ vào nước ngầm và như vậy, không thể sử dụng cho nông nghiệp hay cho nước uống.. Dù sao, để tránh tình trạng mực nước ngầm (thủy cấp) tụt quá sâu trong lòng đất khó khai thác tài nguyên này, vẫn phải tránh tình trạng phá rừng, vì rừng giúp các dòng nước thấm sâu xuống đất giúp phong phú hoá nước ngầm.

Nếu nói về chất lượng của nước, ta có: nước ngọt (freshwater), nước lợ (brackishwater) và nước mặn (saline water); cả 3 loại này có thể gặp từ thượng lưu đến hạ lưu một dòng sông:

-nước ngọt là nước của các khe suối và sông ngòi phía thượng lưu.

-nước lợ là nước pha giữa nước ngọt và nước mặn và gặp các vùng gần cửa biển hoặc khi mùa nắng, nước mặn xâm nhập sâu vào dòng sông thì nước sông bị nhiễm mặn.

-nước mặn ở ngoài biển. Nếu nước biển có những đặc điểm nhất định như độ mặn, thì chất lượng nước sông lại biến thiên rất nhiều vì phụ thuộc vào nhiều thông số như địa chất của lưu vực, thảo mộc trên lưu vực và vật liệu do con người đổ vào lưu vực. Vài ví dụ: con người với các hoạt động nông nghiệp và kỹ nghệ cũng đổ xuống sông suối nhiều chất độc, gây ô nhiễm cho nước; nước chảy qua thung lũng đá vôi thì nước trong hơn vì các chất lơ lửng trong nước dễ bị lắng tụ xuống ...

Môi trường nước ngọt

Trong ba thứ nước: ngọt, lợ, mặn thì loại nước ngọt quan trọng nhất vì nước ngọt sử dụng trong nhiều lãnh vực khác nhau như phục vụ sinh hoạt (nấu cơm, tắm rửa, giặt), phục vụ nông nghiệp (tưới cây, nuôi cá, chăn nuôi), phục vụ kỹ nghệ (các công nghệ chế biến, sản xuất giấy, thuộc da, phân bón..)

Trong môi trường nước ngọt có nhiều loại thủy sản cung cấp nguồn protein quý giá; có thể kể nhiều loại cá: cá lóc, cá rô, cá trê, cá chạch, cá chài, cá chép v.v.

Môi trường nước lợ

Tại môi trường nước lợ (nước lợ) có kiểu địa hình hỗn hợp sông biển như các cồn cát và các vùng trũng giữa cồn xưa kia là các đầm phá nay được biến thành ruộng lúa. Trong môi trường này có thể phân biệt:

- bãi triều lầy (tidal marsh),
- rừng ngập mặn gồm những loại cây sù, vẹt, đước, mắm..
- đầm phá (lagoon) là những vực nước được tạo ra do một hệ thống những cồn cát ngăn với biển và ăn thông với biển phía ngoài qua một hay nhiều cửa dẫn nước. Vùng đầm

phá này có nhiều loại cá trong đó phải kể các loại sau đây: cá dầy, dĩa, đối, cơm, bống thệ, cò chấm ..

Môi trường nước mặn

Bình Định có nhiều loài cá biển, tuy không nhiều như Bình Thuận vì thêm lục địa nhỏ, sông ngòi ngắn, ít phù sa

Trong môi trường nước mặn, có thể kể:

- vùng vịnh nhỏ (embayment);
- các rạn san hô (coral reefs)

Tuy nhiên, các nơi có độ mặn ít thay đổi có tiềm năng nuôi tôm sú. Những dải rừng ngập mặn là nơi nhiều loài tôm cá có giá trị sinh sôi nảy nở. Thực vậy, khi lá cây rụng xuống bị vi sinh vật phân hủy sẽ tạo thức ăn cho sinh vật; ngoài ra dải rừng này có khả năng chống gió bão . Khi các dải rừng này mất đi, đất bị khô thiếu nước ngọt thì đất sẽ bị xì phèn, tạo nên thêm đất phèn. Do đó nhiều dải đê lấn biển được tạo ra để có thêm đất khai khẩn nhưng chỉ vài năm sau, đất lại bị bỏ hoang vì đất bị phèn . Có những nơi phá rừng ngập mặn để nuôi tôm nhưng nhiều nơi đắp bờ bao nên đất không được ngập nước do đó đất bị oxydhoá và làm độ chua đất giảm xuống, nên đất phải để hoang không còn nuôi tôm được nữa.

6. Sử dụng đất đai

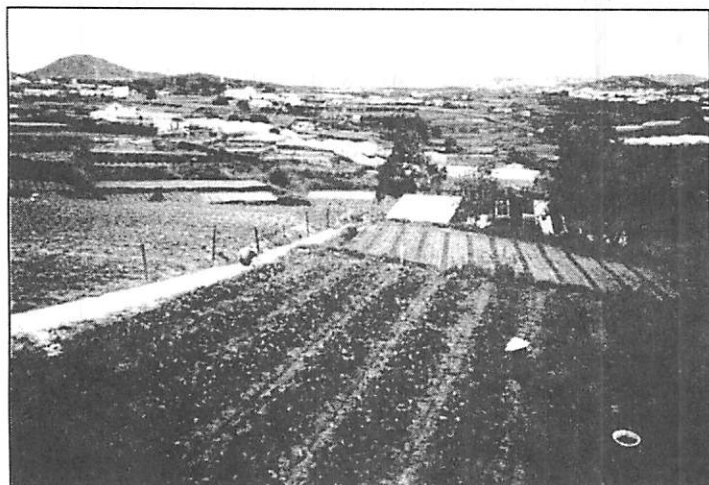
Bình Định có diện tích đất tổng cộng 600 000ha nhưng diện tích đất nông nghiệp rất nhỏ, tập trung vùng đồng bằng và một phần ở gò đồi . Vì đất nông nghiệp rất nhỏ, nên cùng một thửa đất, nông dân phải trồng nhiều vụ trong năm như có thể là 3 vụ lúa, hoặc một vụ lúa và một hoa màu (bắp, đậu phụng, khoai lang ..) v.v.

Tùy theo ruộng cao, ruộng thấp mà các giống lúa cũng khác nhau.

Ra đi mẹ có dặn dò

Ruộng sâu cấy trước, ruộng gò cấy sau

Lúa tháng 3, gieo sạ vào tháng 11 âm lịch và gặt vào tháng 3 âm lịch. Năng suất lúa này tùy mức độ phì nhiêu của đất phù sa. .



Nông dân quận An Nhơn đang chăm sóc hoa màu vào Vụ Hè

Lúa tháng 8 gieo sạ vào tháng 4 âm lịch trên các chân ruộng thấp và gặt vào tháng 8 âm lịch, trước khi mùa lụt đến (thường vào tháng 9 âm lịch), do đó nông dân phải sử dụng các giống có chu kỳ sinh trưởng chỉ từ 90 đến 100 ngày.

Hiện nay, trong chiều hướng thâm canh, nông dân sử dụng các giống chu kỳ sinh trưởng ngắn, năng suất cao hơn nên sử dụng phân đạm rất nhiều so với phân lân và kali. Vì vậy, mất cân bằng nên làm đất suy thoái nhanh chóng. Thực vậy, phân đạm làm tăng lượng hút P, K lên.

Ngoài các loại ruộng làm được hai vụ lúa, cũng có các loại ruộng chỉ làm được một vụ lúa và một vụ hoa màu như đậu phụng, bắp, rau cải.

Ngoài lúa, Bình Định có nhiều loại đậu như đậu xanh, đậu đen, đậu ván (*Dolichos lablab*), đậu ngự (*Phaseolus lunatus*), đậu nành

Các loại rau cải và gia vị: ớt, tiêu, gừng, sả, tía tô, rau thơm, rau cúc v.v,

Các loại cây ăn trái: xoài, quít, bưởi, chanh, khế, saptotier, mít, ổi, .

Các loại củ : khoai lang, sắn, khoai môn, khoai tía, khoai lùng

Nhớ cây ớt nhớ hoa cà

Nhớ cây xoài tượng sau nhà trái sai

Nhớ hoa cúc nhớ bông mai.

Nhớ cây khế ngọt đứng gần hàng thơm

Nhớ cây chuối sứ chuối cơm

Nhớ cây lựu đỏ hoa đơn mùa hè

Nhớ bông vải nhớ đám mè

Nhớ cây nhãn ngọt bóng xoè quanh năm

(Nhớ nhà, thơ Đặng Đức Bích, Hoa Vông Vang)

Vài sản phẩm đặc biệt liên hệ đến các địa danh ở Bình Định:

Nón ngựa Gò Găng
Bún song thần An Thái
Lựa đậu tư Nhơn Ngãi
Xoài tượng chín Hưng Long

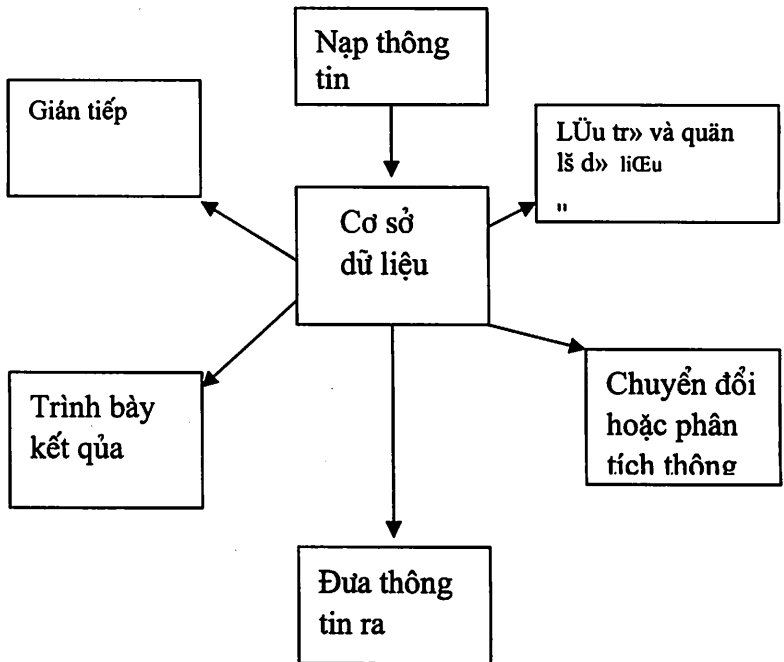
Bún song thần An Thái có tên gọi như vậy vì xuất phát từ “song thẳng” tức giầy bún đôi, kéo ra một lần hai sợi, đọc trại lâu ngày thành “song thần”. Gọi là An Thái vì bún này làm ở thôn An Thái, quận An Nhơn là ngon nhất. Bún làm từ bột đậu xanh.

7 .Thiết lập một hệ thống địa lý (Geographical Information system)

Ngay từ thời Việt Nam Cộng Hoà (trước 1975), chúng ta đã có các bản đồ địa hình tỉnh Bình Định với nhiều tỷ lệ xích khác nhau: có cái 1/100 000; có cái 1/250 000; có cái khá chi tiết như ở đồng bằng. Bộ Nông Nghiệp Việt Nam Cộng Hoà cũng có bản đồ đất đai tỷ lệ xích 1/ 1000 000 (từ sông Bến Hải trở vô Nam). Nên mã số hoá (digitalize) các bản đồ trên. Ngày nay, các điều kiện môi trường như đất, nước, rừng, lưu vực, cần được nghiên cứu thêm trong chi tiết bằng cách thiết lập các trạm đo, các trạm nghiên cứu vì các số liệu về khí hậu, độ dốc, thảm thực vật, phì nhiêu, sử dụng đất đai như vậy sẽ rất có ích cho một dữ liệu căn bản (data base), từ đó sử dụng sự hiểu biết và hệ thống địa lý (geographical information systems). Với phần mềm (software) của chương trình, ta có thể truy cập, lồng ghép, cải biên, biến đổi, tạo bản đồ mới theo từng chủ đề (carte thématique) , tiết kiệm thời gian tìm tòi và liên kết các số liệu, nói nôm na, là với ngân hàng dữ liệu, ta có thể « xào nấu » lại để tìm những cái mới. Một hệ thống thông tin địa lý cho tỉnh Bình Định được luôn luôn cập nhật hoá sẽ giúp tư vấn về mọi vấn đề sử dụng đất đai, từ sổ địa bộ cho đến quy

hoạch đô thị, chuyên chở, hạ tầng cơ sở, trồng rừng, chống cát bay.

Nói khác đi, phải áp dụng sự hiểu biết kỹ thuật (information technology) trong vấn đề chỉnh trang, hoạch định .



Hình 2. Mô hình của một hệ thống thông tin địa lý

8 Bảo vệ đất đai, quản trị lưu vực (watershed management) và tăng cường độ phì nhiêu đất đai

Đất là cơ sở của mọi thực vật và động vật: nếu đất nghèo, xói mòn thì thực vật mọc trên đó không thể có năng

xuất cao; do đó, cần phải gìn giữ gia tài này, làm đất được phì nhiêu mãi mãi hầu có sản xuất bền vững.

Tài nguyên đất đai Bình Định có nhiều vấn đề: nạn sa mạc hoá, nạn hoang hoá, nạn mặn hoá, nạn bờ biển bị xâm thực, nạn đất dốc bị xói mòn, nhưng ta nên phân loại theo phần địa hình nói ở phần 2, nghĩa là phân chia vấn đề của tài nguyên đất theo miền núi và miền đồng bằng

8.1 Miền núi

Trước hết là nạn xói mòn (erosion) và rửa trôi (leaching) trong mùa mưa.

Đất dốc vùng núi rất nhiều . Xói mòn phụ thuộc vào nhiều thông số như chiều dài của độ dốc, độ dốc nhẹ hay nặng (trên 25 độ), độ che phủ thực vật.

Xói mòn trên các lưu vực sẽ làm các hồ chứa nước bị lắng tụ rất nhanh và làm lòng sông cạn dần, khiến lưu lượng nước chảy ít đi.

-tại các ven suối, khe có ẩm độ mát nên trồng chuối plantain như chuối trồng tại các hệ thống canh tác truyền thống tiểu nông ở Cuba, Haiti vì giống chuối này kháng bệnh và có tinh bột nhiều, ăn như cơm.. Chuối giữ được đất, mau cho lợi tức và chống được xói mòn.

-trên các triền dốc trung bình (từ 10 đến 35%), có thể vừa trồng cây hàng năm phối hợp với cây lâu năm, có rễ sâu, trong hệ thống nông lâm kết hợp để vừa có lương thực, vừa duy trì bảo vệ được môi trường.

-tại các triền dốc mạnh thì tuyệt đối phải trồng rừng hỗn hợp để vừa có gỗ cung cấp nhanh chóng cho đồng bằng vừa bảo vệ đất

-tại các địa điểm thuận tiện về mặt địa hình, nên thiết lập thêm các hồ chứa nước. Các hồ này giúp giảm bớt nạn lụt ở hạ lưu, giúp tăng thêm lưu lượng nước cho sông ngòi vào mùa nắng để có đủ nước tưới cho miền đồng bằng. Loại

đất núi này sau khi khai hoang thì mất chất hữu cơ nên khả năng giữ dinh dưỡng của đất sẽ không cao. Chất hữu cơ giảm sẽ kéo theo một loạt suy thoái: suy thoái về dung tích hấp thu (cation exchange capacity), về đạm, về cacbon. Các loại đất dốc thường nghèo dinh dưỡng, chua, nghèo đạm, lân và kali dễ tiêu. Cần tạo băng chắn cây xanh bảo vệ đất dốc, giảm độ dốc để chống xói mòn và rửa trôi, cải thiện độ phì nhiêu đất dốc, nông lâm kết hợp, tăng ẩm độ. Giúp các xã lân cận rừng bảo vệ rừng bằng cách giao đất cho xã tự lo liệu lấy việc quản trị bền vững vì “cha chung không ai khóc”.

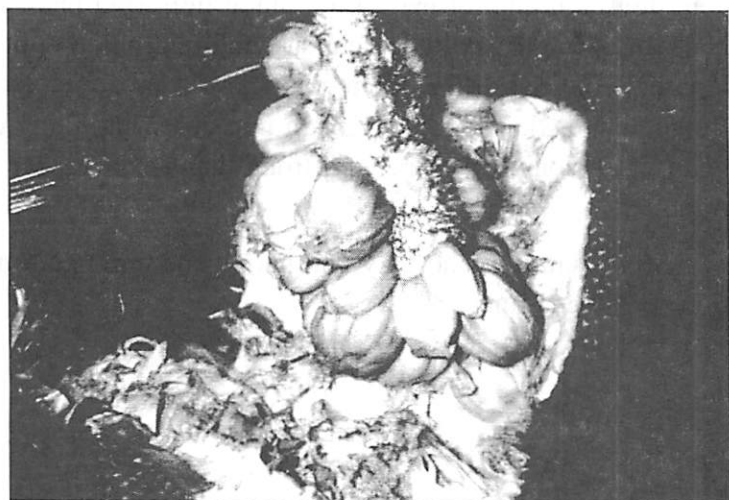
Ngoài các loại cây này, có thể trồng các loại cây rừng sinh trưởng nhanh như soan Ấn độ (*Azadirachta indica*) rất kháng hạn và chịu được đất nghèo nàn, bạch đàn (*Eucalyptus* sp), cho củi cũng như cho gỗ. Nuôi bò chú trọng vào phẩm hơn lượng và phải quản trị các trảng cỏ sao cho số lượng trâu bò không quá sức tái sinh của cỏ, làm đất chống xói mòn thêm.

Nên có nông lâm kết hợp, cộng thêm các biện pháp công trình (bực thêm, hố) và biện pháp sinh học (băng cây, trồng cây đậu phủ đất làm phân xanh..). Nhưng nếu chỉ bảo vệ đất không thôi thì cũng chỉ mới là biện pháp sơ khởi vì mới cải thiện phần hữu cơ do đó vẫn cần bón thêm phân vô cơ (hoá học) trên các cây đa niên, rễ sâu. Đất hẹp, người đông mà nếu đất không được sử dụng hợp lý thì con người tự làm hại đến mình: đất thoái hoá thêm, nghèo thêm

Mùa nắng, độ ẩm đất sụt xuống nhanh do gió Lào khô nóng nên trong các vườn trồng cây ăn trái vẫn cần các biện pháp giữ ẩm độ .

8.2 Miền gò đồi và bực thềm

Đây là các vùng đất như ở Hoài Ân, An Lão, Vĩnh Thạnh, hay Phù Cát, nếu có đầu tư cũng có thể cải thiện đất đai để làm ra kinh tế vườn với những trang trại trồng cây ăn trái như xoài, nhãn, chôm chôm, kết hợp với nuôi bò. Nhưng khi nói muốn đầu tư thì nghĩ ngay đến ngân hàng cho vay, mà muốn được vay, thì phải có giấy quyền sử dụng đất làm giấy thế chấp, trong khi đó hiện nay chỉ có một số rất ít được cấp giấy này mà thôi . Vùng gò đồi có tiềm năng trồng cây kỹ nghệ lâu năm và cây ăn trái, nhưng cần nghiên cứu kết hợp với các kỹ nghệ biến chế để sản phẩm được tiêu thụ dễ dàng.



Trái mít nhiều múi, trồng tại quận Hoài Ân tỉnh Bình Định

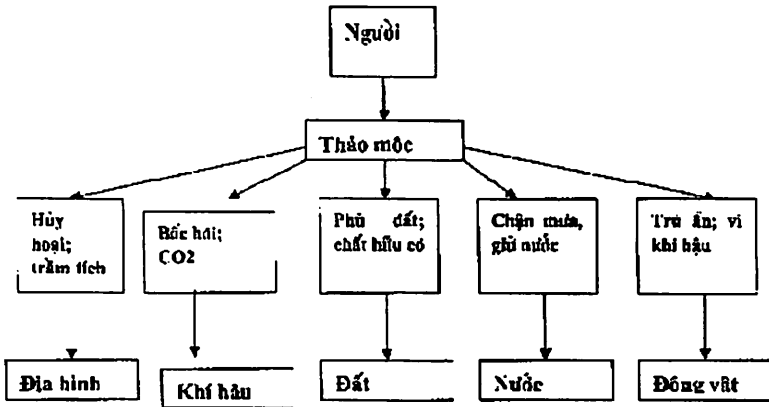
8.3 Miền đồng bằng cũng nhiều vấn nạn:

Trời hành cơn lụt mỗi năm... Các dòng sông chảy qua đồng bằng Bình Định thường ngắn và có một lưu vực hẹp. Do đó, nước sông lên rất nhanh. Mùa lụt đi sát với mùa mưa lớn, vào tháng 11, cùng với các trận bão nhiệt đới thổi từ Thái Bình Dương .

Vì lưu vực các dòng sông thường nhỏ và độ dốc lưu vực rất lớn nên mưa xuống làm nước mưa dâng cao rất nhanh. Lũ lụt thường đến bất thành linh và thay đổi tùy năm.. Có lúc mưa bão gây ra một lượng mưa rất lớn, có thể vài trăm mm trong 24 giờ . Ảnh hưởng của dãy núi cũng gây ảnh hưởng. Một phần thì rặng núi gần đồng bằng, mặt khác, núi có triều dốc rất lớn, nên vận tốc của dòng chảy cũng rất mạnh.

Vì đây là vùng đất có nhiều tiềm năng sản xuất thực phẩm, nên cần lập các bản đồ đất đai trong chi tiết vì nhờ vậy, mới có thể bón phân hoá học chính xác được, giúp bớt ô nhiễm đất và nước. Thực vậy, bón phân thái quá cũng không đem đến hiệu quả tốt mà lại tốn nhiều tiền. Bón phân hoá học cân đối nghĩa là không chỉ sử dụng quá nhiều đạm và lân mà còn chú trọng thêm phân kali và các vi lượng (oligoelements). Tăng cường phân hữu cơ và tận dụng các phân mục (compost) từ rác rến trong thành phố và các thị trấn.

Sơ đồ sau đây cho thấy ảnh hưởng của con người trên độ che phủ của rừng.



Hình 3. Ảnh hưởng của người và rừng trên các yếu tố đất, nước, địa hình và khí hậu

Dù là núi, gò đồi hay đồng bằng, thì tài nguyên đất cần được nuôi dưỡng cho một dân số càng ngày càng tăng. Quỹ đất vốn cố định, nên phải cải tạo đất vì đất đai Bình Định bị thoái hoá do 4 tác nhân sau đây:

- do nước (xói mòn, sụp lở, bờ biển bị xâm thực),
- do gió (đồi cát bị gió bay gây sa mạc hoá),
- do hoá học (mặn hoá), do lý học (đất dốc, địa hình núi cao, vực thẳm, do bị nén cứng (soil compaction) vì trâu bò dẫm chân quá tải).

Tùy địa phương, tùy vùng, các tác nhân trên gây thiệt hại nhẹ hay nặng

9. Tại sao một O đẻ ra 4 U ?.

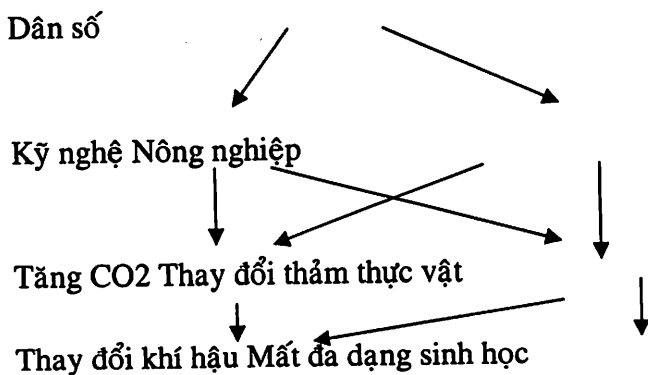
Thực vậy, với dân số cao (Overpopulation), sẽ tạo ra thất nghiệp (Unemployment), khiếm dụng (Underemployment), thiếu dinh dưỡng (Undernutrition) và không học hành vì con đông, học phí đắt không thể trả tiền trường (Undereducation).

Tóm lại, một O đẻ ra bốn U !.

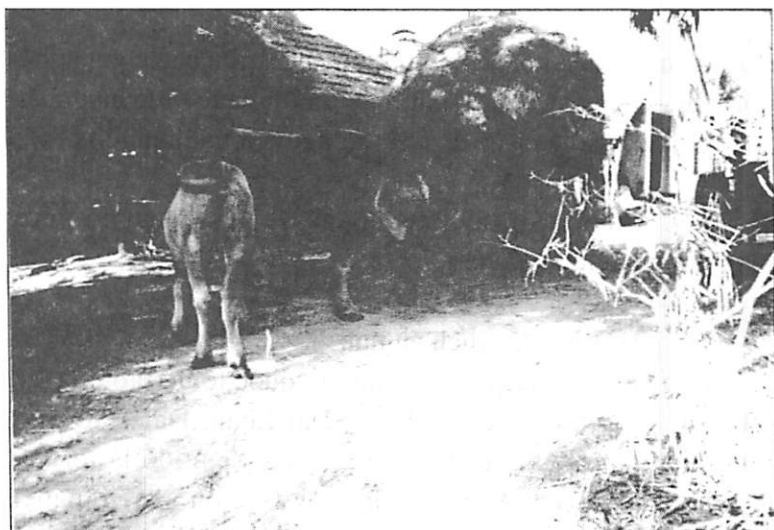
Bình Định cũng như các tỉnh khác miền Trung có đặc tính đất hẹp, người đông. Dân số cao sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường: phá rừng, xói mòn, ô nhiễm, lạm thác tài nguyên v.v.. Với dân số tăng, nhu cầu nước sinh hoạt cũng gia tăng trong khi đó gặp những năm hạn hán thì hồ chứa nước bị cạn kiệt, sông ngòi cũng không đủ nước dùng .

Do đó, bài toán phát triển Bình Định không những là phát triển kinh tế rừng, kinh tế vườn, kinh tế du lịch mà cũng phải bao trùm luôn phạm trù khống chế sự bùng nổ sinh đẻ, điều hoà sinh đẻ, tạo thành dân số có chất lượng cao chứ không phải số lượng nhiều. Điều này bao hàm nhiều thông số khác trong đó giáo dục phụ nữ đóng phần quan trọng. Bài toán điều hoà dân số phải đi song song với phát triển kinh tế vì nếu chỉ lo tăng trưởng kinh tế mà không lo đến sự giảm sinh đẻ thì GDP vẫn ì ạch một chỗ , nghèo vẫn nghèo .

Sơ đồ sau đây cho thấy các thành phần của sự thay đổi môi trường do ảnh hưởng của dân số, sự gia tăng dân số liên quan đến nông nghiệp, kỹ nghệ, đô thị hoá :



Hình 4. Mô hình liên quan giữa dân số, nông nghiệp và kỹ nghệ



Trâu bò giúp nông dân cày bừa trong vụ mùa

10. Vài đường hướng phát triển

Bình Định đất hẹp, người đông nên sự phát triển các kỹ nghệ dịch vụ như ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, giao thông vận tải rất cần thiết để giúp giảm áp lực trên đất trồng trọt vốn mỗi ngày một hiếm do dân số tăng .

Nông dân không đất nên giúp phương tiện , đào tạo ngành nghề để họ chuyển sang khu vực kinh tế ngoài nông nghiệp (off-the-land activities). Tại nông thôn, để yểm trợ sản xuất, cần phát triển kỹ nghệ tại nông thôn để giữ nông dân lại tại nông thôn , nếu không họ tràn vào đô thị, gây thêm nhiều vấn nạn xã hội .Các kỹ nghệ như biến chế nông sản, sản xuất và sửa chữa nông cơ, nông cụ, kỹ nghệ xây dựng và các dịch vụ tại nông thôn , buôn bán các phương tiện sản xuất (phân bón, thuốc chủng, giống cây trồng..) giúp giảm áp lực dân số trên đất trồng trọt .Bình Định với những

người cần cù hiếu học, có điều kiện phát triển các công nghệ thông tin, các công nghệ sinh học, tóm lại các việc cần chất xám, làm giảm được sức ép trên tài nguyên thiên nhiên.

Đây là hướng đi trong tương lai, vì Bình Định có tiềm năng nông nghiệp quá hẹp .

Cần phát triển các dịch vụ như

Bình Định cũng cần nhiều đầu tư quốc tế để tạo một kỹ nghệ du lịch cho du khách Nhật, Đài Loan, Đại Hàn trốn mùa đông lạnh lẽo tìm cái nóng phương Nam: đó là lợi thế so sánh trong toàn cầu hoá hiện nay. Các du khách, ngoài thư giãn ở biển, còn có thể tổ chức cho họ đi thăm các tháp Chăm, hoặc lên những vùng rừng núi, qua suối, qua khe, nhìn thác nước, nhìn trăng lên ở miền núi ..cũng là khía cạnh cần khai triển trong du lịch sinh thái, du lịch văn hoá v.v..

. kỹ nghệ đồ mộc, do đó cần trồng cây gỗ mọc nhanh, thân cây suông sẻ trên đất hướng lâm.

. kỹ nghệ giao thông . Bình Định là cửa ngõ đi Cao nguyên, qua quốc lộ 19 và từ Cao nguyên sang miền Đông Bắc Campuchia hoặc đến miền Hạ Lào và giúp lưu thông thương mại hàng hoá nhanh chóng hơn, tạo sự phồn thịnh kinh tế theo chiều hướng khu vực hoá mà tổ chức ASEAN đề ra. Trong khung cảnh khu vực hoá và toàn cầu hoá có thể phối hợp các hoạt động giữa 4 tỉnh sau đây: tỉnh Bình Định, tỉnh Gia lai (tức Pleiku và Kontum), tỉnh Attapeu của Lào và tỉnh Ratanal kiri của Campuchia để có sự hỗ trợ tương quan, tạo ra đồng vận (synergy): Hạ Lào có gỗ, Gia Lai và Campuchia có cây kỹ nghệ, Bình Định có biển. Nên chăng tổ chức phiên họp giữa các cấp lãnh đạo các tỉnh trên

để tìm kiếm phương hướng phát triển, trao đổi hàng hoá và dịch vụ? .

Các kỹ nghệ phi nông nghiệp này kéo theo một loạt các dịch vụ khác, tạo công ăn việc làm như trạm xăng, sửa xe hơi, bảo hiểm, ngân hàng..

11 Thay lời kết

Không thể chối cãi rằng hiện nay, tài nguyên tái tạo được của Bình Định bị nhiều chấn thương quan trọng do nhiều yếu tố; ngoài yếu tố thiên tai, con người đã tác động xấu đến môi trường do sức ép dân số nên sự cân bằng sinh thái bị đảo lộn, trên núi với hiện tượng xói mòn, duyên hải với sa mạc hoá, đồng bằng với nhiễm mặn .

Cải thiện môi trường đòi hỏi xem môi trường như một hệ thống gồm nhiều yếu tố có tương quan lẫn nhau; cái này dẫn đến cái kia, do đó muốn cải thiện môi trường, phải tác động lên toàn bộ và đồng thời mới có hiệu năng. Nhằm bảo vệ và ngăn ngừa các hậu quả tai hại trước khi hậu quả xấu xảy ra và không phải chỉ nhằm mục tiêu duy nhất là sản xuất mà còn phải kết hợp với các chức năng khác như giải trí ngoài trời, du lịch sinh thái, bảo vệ chất đẹp, chất thơ, chất hồn, nhưng cũng quan tâm đến nhu cầu kinh tế chính đáng của các cộng đồng sống quanh hệ thống sinh thái, nói khác đi, khai thác tiềm năng phát triển của Bình Định, là vừa khai thác khoa học tài nguyên thiên nhiên trên các miền đất đai khác nhau, vừa tôn trọng cân bằng sinh thái, có như vậy thì mới có sự phát triển lâu bền .

Tác động toàn bộ có nghĩa cụ thể từ giáo dục để nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, đến sinh đẻ có kế hoạch, từ quản trị lưu vực trên núi đến ngăn sa mạc hoá dưới đồng

bằng, tóm lại phải làm đẹp cả hai loại môi trường là môi trường cảnh quan thiên nhiên và môi trường cảnh quan văn hoá. Chỉ khi mà cả hai loại môi trường thiên nhiên và sinh thái nhân văn này được hài hoà, hài hoà giữa rừng và núi, giữa núi và sông, giữa người và đất, giữa đồng bằng và núi thẳm thì con người mới thăng hoa trong cuộc sống nghĩa là tiến bộ về vật chất và an bình trong tâm hồn.

THÁI CÔNG TỤNG

Thư Tịch (sơ lược)

Tôn Thất Chiêu, Lê Thái Bạt .Nghiên cứu phân loại đất vùng duyên hải miền Trung (Thực hiện mô hình toàn tỉnh Bình Định) .

Tạp san Khoa học đất số 10, năm 1998

Hội Khoa học đất Việt Nam . Đất Việt Nam. Nhà Xuất Bản Nông Nghiệp Hà Nội 2000

Nguyễn Dược-Trung Hải. Sổ tay địa danh Việt Nam .Nhà xuất bản Giáo dục-Tp Hồ Chí Minh 1999

Đào Đức Chương . Võ-Học Bình Định Tạp chí Làng Văn số 142, 1996 Canada

Đào Đức Chương . Nhà Lá Mái .Tạp chí Làng Văn số 226, 2002 . Canada

Nguyễn Đình Đầu . Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn-Bình Định, tập I . Nxb TP/HCM, 1996

Hoa Vông Vang. Bút Duyên Hội Tụ xuất bản 2003 . Hoa Kì

Đặc San Bình Định bắc Cali

Thái Công Tụng . Địa lí nông nghiệp Nam Việt Nam. Viện Khảo cứu Nông Nghiệp . Saigon 1972

Thái Công Tụng . Natural environment and land use in South Viet Nam. Institute of Agricultural Research . Ministry of Agriculture Saigon 1968

Thái Công Tụng Thổ Nhưỡng học .Nhà xuất bản Lửa Thiêng .Saigon 1972

Hai Thế Hệ Một Niềm Tin

Tặng các anh chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa

Tôi và anh sinh ra khác thế hệ
Nhưng cội nguồn chỉ một mẹ Việt Nam
Anh ngày xưa, lòng dũng cảm can trường
Quyết bảo vệ vùng trời Nam đất Việt

Mười mấy năm trong lò giam oan nghiệt
Thân chẳng toàn thân, người chẳng toàn người
Hoa tự do vẫn nở rộ trên môi
Yêu dân chủ, đấu tranh người bút thép

Thuở mới biết yêu, tình yêu cao đẹp
Yêu tự do, dân Việt sống thanh bình
Yêu dòng sông, đồng lúa trở mệnh mông
Lời mẹ dạy: Quên mình cho tổ quốc!

Mất quê hương, hồn núi sông bật khóc
Tôi ngậm ngùi trước dân tộc ly tan
Mối tình đầu rồi cũng vội dờ dang
Tìm tan vỡ, lòng hoang mang khờ dại

Sống nơi đây, với quăng đời còn lại
Đêm từng đêm, nuối tiếc mãi quê hương
Thức giấc trở mình, nhớ nhớ thương thương
Thương nhiều lắm, mẹ Việt Nam yêu quý

Chiến sĩ Cộng Hòa, anh là Dũng sĩ
Mỗi bước đi lũ giặc quỷ tan tành
Trang sử vàng in đậm chiến công anh
Dân tộc Việt Vinh danh anh mãi mãi

Một niềm tin, Hồn Việt Nam sống lại!
Quê hương là nguồn cội của tình yêu
Dù thân anh như bóng ngã về chiều
Nhưng niềm tin yêu vẫn còn vững mạnh

Mỗi chúng ta, hồn chia xa hai mảnh
Nửa mảnh quê hương, nửa mảnh xứ người
Mảnh xứ người nung sôi niềm tin mới
Nửa mảnh quê hương trởi dậy đấu tranh

Thế hệ này chung ước vọng tôi anh
Giành độc lập, tự do cho nhân loại
Nơi quê hương biết bao người mong mỏi
Hẹn ngày về, nối lại mảnh hồn ta.

HÒA NGUYỄN

San Jose, CA 3/2004



BẢN CHẤT NÔNG DÂN TRONG VĂN CHƯƠNG VÀ CUỘC ĐỜI: *COETZEE GIẢI NOBEL 2003*

HUY LỰC BÙI TIÊN KHÔI

Tôi gặp John M. Coetzee lần đầu tiên vào năm 1989, trong ngày hội kỷ niệm nhà văn Hoa Kỳ William Faulkner tại tiểu bang Mississippi. Tôi đại diện nhà thơ gốc Á Châu, ông Coetzee thay mặt các nhà văn đến từ Phi châu. Trong bài phát biểu về sự nghiệp văn chương của William Faulkner, nhà văn Hoa Kỳ được giải thưởng Nobel văn chương năm 1949, tôi đã phát biểu, nguyên văn bằng Anh ngữ như sau:

I was not brought up on American literature, but first discovered the truth of America's heart in Faulkner novels. In 1972 when I was in the agriculture ministry in Vietnam, I had translated into Vietnamese "A Rose for Emily" to introduce Faulkner to Vietnamese readers. I admired his novels, which expressed the capacity to endure grief, misfortune, and injustice, then endure again. That is a fundamental virtue of humanity. I found these characteristics shared by Faulkner's farmers and Vietnamese farmers.

Trích đoạn nguyên văn này sau đó đã được đăng trên tạp chí National Geographic số tháng 7 năm 1989. Xin chuyển ngữ ra Việt văn: "Tôi đã không được nuôi dưỡng và lớn lên trong nền văn chương Hoa Kỳ, nhưng lần đầu

tiên tôi đã khám phá ra sự thật của quả tim Hoa Kỳ qua những tác phẩm của Faulkner. Năm 1972 khi còn làm việc tại Bộ Canh nông của Việt Nam, tôi đã dịch sang Việt văn truyện ngắn “Một hoa hồng cho Emily” để giới thiệu tác phẩm của Faulkner đến độc giả Việt Nam. Tôi ngưỡng mộ những tác phẩm văn chương của ông, nó diễn tả nói lên được cái sức bền bỉ chịu đựng những khổ đau lầm than bất công con người triền miên bất hạnh, Đó là cái nền tảng căn bản của đạo đức nhân đạo con người. Tôi đã tìm thấy những đặc tính bản chất này của người nông dân trong tác phẩm Faulkner và của người nông dân Việt Nam”

Ông J.M. Coetzee nhiệt liệt tán đồng quan điểm của tôi về cách nhìn những nhân vật của Faulkner qua các tác phẩm của nhà văn Hoa Kỳ này. Chính sự nhẫn nại, bền bỉ chịu đựng mà người nông dân Việt Nam đã vượt qua những thử thách cam go, những âm mưu đô hộ đồng hóa có kế hoạch hàng ngàn năm của người Tàu đều bị thất bại; Chính sự bền bỉ chịu đựng của người dân Nam Phi, quê hương của Coetzee, cuối cùng chế độ kỳ thị phân biệt chủng tộc đã được xóa sạch.

Chúng tôi đến từ những quốc gia nông nghiệp kém mở mang, chúng tôi có chung những quan điểm về văn chương và cuộc đời. Sau cuộc gặp gỡ năm 1989, tôi gặp thêm ông một số lần nữa khi ông đến giảng dạy ở đại học Texas tại thành phố Austin, và có một lần chúng tôi tham dự đêm đọc tác phẩm văn chương của mỗi tác giả tự đọc thơ truyện của mình.

Ông Coetzee và tôi đều không ăn thịt và không uống rượu, chúng tôi thích nghiên ngẫm suy tư trong đời sống nội tâm và rất ghét những cái rỗng tuếch ồn ào bề ngoài. Ông có nghệ thuật né tránh sự đột nhập từ bên ngoài vào thế giới

riêng tư của ông một cách tài tình. Có lần một nhà báo cứ đeo bám dai dẳng hỏi ông” “Có phải quyển truyện **Disgrace** là một nửa tâm sự của đời ông?”. Ông chỉ cười đáp lễ: “Ông về đọc lại nhiều lần nữa và sẽ thấy câu trả lời”.

Disgrace, nổi nhục là tên quyển tiểu thuyết thứ 9 của Coetzee, đã đưa ông lên ngôi vị độc đáo kỷ lục trên văn đàn của người viết văn bằng Anh ngữ; với tiểu thuyết này ông đã đoạt giải thưởng Booker Prize lần thứ hai, giải thưởng văn chương danh tiếng nhất của Anh Quốc, xứ sương mù.

Tiểu thuyết **Nổi nhục** mô tả nhân vật chính là một giáo sư đại học hai lần kết hôn, hai lần ly hôn rồi yêu cô sinh viên trường mình. Mối tình vòng tay học trò say mê lãng mạn này nổi lên những dư luận tai tiếng nhục nhã, người giáo sư không thể nào chịu đựng nổi và ông xấu hổ bỏ thành phố về quê ở ẩn trong một nông trại, chủ nhân là con con gái của mình, cũng đang trong tuổi sinh viên. Giáo sư đại học là người trí thức ngay thẳng trung trực, những cách cư xử đối thoại giữa cha và con, giữa thế hệ trẻ và thế hệ già bình tĩnh đối diện với vấn đề; câu chuyện trở nên sống động trong chiều sâu của tâm lý, sinh lý và triết lý cuộc đời.

Chưa có một nhà văn nào đoạt giải thưởng Nobel văn chương mà viết Anh văn giản dị trong sáng dễ hiểu như ông Coetzee. Năm 2003, 18 hội viên trọn đời Hàn Lâm Viện Thụy Điển xoa tay hân hoan nhận định rằng: tiểu thuyết của Coetzee được viết với lối hành văn cực kỳ trong sáng, nhưng đối thoại phân tích sâu sắc thông minh và việc lựa chọn ông lãnh giải Nobel văn chương năm 2003 là một việc làm quá dễ dàng.

Thông báo của Viện Hàn Lâm Thụy Điển viết thêm: “Ông Coetzee cũng đồng thời là một người thận trọng,

ông chỉ trích phê phán chủ nghĩa duy lý tàn nhẫn và những tiêu chuẩn đạo đức hóa trang bề ngoài của nền văn minh tây phương”.

J.M. Coetzee sinh vào tháng 2 năm 1940 tại thành phố Cap Town, quốc gia Nam Phi. Cha mẹ ông là người Đức và người Anh, nhưng ông rất giỏi về ngôn ngữ Taal, quốc ngữ chính thức của nước Nam Phi, một quốc gia nông nghiệp nghèo nàn. Lớn lên ông tốt nghiệp đại học Cap Town với hai bằng cử nhân toán và Anh ngữ. để tiến thân, ông rời bỏ Phi Châu đến Texas Hoa Kỳ vào năm 1965, làm phụ giáo tại Đại học Texas thành phố Austin và tiếp tục theo học chương trình cao học và tiến sĩ. Năm 1969, J.M. Coetzee tốt nghiệp văn bằng Tiến sĩ Anh văn tại Đại học này. Năm 1995 ông chính thức trở lại giảng dạy tại Đại học Texas thành phố Austin và ông xuất hiện nhiều lần trong các chương trình các tác giả đọc tác phẩm của mình tại các đại học trong tiểu bang Texas. Ông Coetzee viết trên tạp chí Alcalde Magazine trong số tháng 12 năm 2001: “Tiểu bang Texas và đại học Texas, Hoa Kỳ cả hai đã vô cùng rộng lượng chào đón tôi ngay từ lúc đầu tôi đến đây năm 1965. Tôi đã học được rất nhiều điều trong thời gian tôi còn là sinh viên, cũng như những lần tôi đến đây giảng dạy. Đó là một nguồn vui vô cùng thích thú cho đời tôi được giữ mãi sự liên hệ thắm thiết với những người bạn Texas cho đến ngày hôm nay.”

Ông bảo tôi: “Những người bạn Texas đáng nhớ nhất trong đó có vợ chồng tôi”. Một kỷ niệm khó quên, Kim Yến vợ tôi, chuyên viên nắm rơm của Viện Khảo cứu nông nghiệp, đã đãi ông Coetzee món chả giò chay được cuốn với bún đậu xanh song thần làm tại Bình Định và nắm hương ngọt ngon tuyệt hảo, ông cho đây là một trong những món ăn ngon nhất suốt cuộc đời ăn chay của mình.

J.M. Coetzee bắt đầu viết tiểu thuyết năm 1974, khi ông 34 tuổi. Quyển tiểu thuyết đầu tay **Dusklands**, vùng đất tối tăm mô tả những hình thức thù hận nằm trong một con người. Từ năm 1977 đến năm 1980, ông cho xuất bản hai tiểu thuyết chuyên về đề tài tranh chấp xã hội: quyển **Từ trái tim đất nước** (1977) và quyển **Chờ đợi những người Barbarians** (1980). Năm 1983 quyển tiểu thuyết **Cuộc đời và những dấu mốc thời gian của Michael K** đã đưa Coetzee lên đài danh vọng, ông được giải thưởng cao quý của văn chương Anh quốc Booker Prize. Và năm 1999 với quyển tiểu thuyết **Nỗi nhục** ông được giải thưởng này lần thứ hai, nhưng cả hai buổi lễ trao giải thưởng cao quý nhất này của văn chương Anh quốc, ông đều không có mặt. Khi Viện Hàn Lâm Thụy Điển tìm cách liên lạc với ông ở Viện đại học Adelaide, miền nam nước Úc, nơi ông giảng dạy từ năm 2002, để báo tin ông được trao tặng giải thưởng Nobel văn chương năm 2003, họ rất bối rối không biết ông ở đâu, và mãi sau mới tìm ra ông đang là giáo sư thăm viếng tại đại học ở Chicago, Hoa Kỳ.

Ông là một giáo sư, một nhà văn nhũn nhặn khiêm tốn, thích yên tĩnh ẩn dật; việc ông rời qua Adelaide, miền nam nước Úc để giảng dạy là do gợi ý của tôi vì Adelaide là nơi tôi trải qua những năm tháng tuyệt thú trong đời, ở đó con người thưởng thức sự yên tĩnh thiên nhiên trải dài từ những đồi cỏ mượt nhưng thoải mái đến tận biển xanh bao la mịt mù ...

Cho nên những tâm hồn văn chương đồng điệu khi gặp gỡ nhau, từ trong tinh thần ngôn ngữ và lối sống, chúng tôi đã thấy hòa hợp với nhau như những người bạn thân cách biệt ở hai phương trời...

HUY LỰC BÙI TIÊN KHÔI

Đặc San Bình Định 139

VỀ THĂM QUÊ CŨ

Một sớm tôi về thăm chốn xưa,
Hàng cây lá ngọn, thoảng hương đưa.
Tôi như lạc bước vào nơi lạ,
Đường đất quanh co mát bóng dừa.

Chính tại nơi này tôi lớn lên,
Buồn vui kỷ niệm tuổi hoa niên.
Sanh thành, dưỡng dục công trời biển,
Nghĩa trọng tình thâm khó báo đền.

Bốn chục năm rồi biệt cố hương,
Từ ngày làng xóm ngập đau thương.
Chiến tranh, thù hận gây tang tóc,
Máu đỏ, đầu rơi khắp nẻo đường.

Cách mặt mà lòng vẫn nhớ nhau,
Quê hương lia bỏ, một niềm đau.
Người xưa cảnh cũ không tìm thấy,
Hàng xóm bà con quá dãi dầu.

Tôi đã đi thăm khắp mọi miền,
Cái nghèo, cái đói vẫn triền miên.
Kẻ còn người mất, người lưu lạc.
Kẻ lấy Tàu, người bán sang Miên.

Đâu có ai ngờ một chuyến đi
Là xa vạn dặm, cách Đông Tây
Là không trở lại làng quê cũ,
Bốn chục năm dài nỗi biệt ly.

Ngô Đình Phùng

Xin Nhớ Quay Về

Rồi một mai lớn lên con hỏi,
Liệu mẹ còn để nói con nghe.
Con hỏi mẹ quê hương đâu má?
Mẹ nghẹn ngào đất sống là đây,
Còn quê hương bây giờ xa quá!
Bên kia bờ ngăn cách đại dương.
Con hỏi mẹ đông đây lạnh quá!
Bên quê nhà có ấm không mẹ?
Đông quê nhà dấu thiếu chăn bông
Trên quê hương vẫn thấy ấm lòng.
Quê hương ta có gì hờ má?
Có nắng vàng hàng cau Vỹ Dạ.
Con dò chiều khua nước Sông Hương.
Dừa Bến Tre ngọt như sữa mẹ,
Dòng Cửu Long tắm mát ruộng vườn
Có hàng me thu về lá đổ,
Lá vàng bay rơi ngập phố đường.
Mẹ thương con đôi tay làm võng,
Hò ca dao muôn thuở tự tình.
Sớm bình minh cha đi cày ruộng,
Chiều con về không đủ cơm no.
Có ngoại con lò mò chống gậy,
Ra đầu sân đón cháu học về.
Cảnh chia ly nào nề rơi lệ!
Mẹ ôm con như thuở lọt lòng.
Buổi chiều đông con tàu rời bãi,

Đưa người đi, đi mãi không về,
Đường trùng đương bao về giặc biển,
Không đưa con tới được bến bờ.
Có trẻ thơ nhìn qua song cửa,
Đợi mẹ về ấm lửa tình thương,
Kẻ tha phương thương người ở lại,
Dù trăm năm sỏi đá phai mòn.
Quê hương ta còn gì nữa má?
Còn hòn Vọng Phu ngàn năm đứng đợi,
Người ra đi xin nhớ quay về.

QUÁCH TỬ



LỐI XƯA

BÙI ĐẮC KHẢI

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Đền cũ lâu đài bóng tịch dương.

(Bà Huyện Thanh Quan)

Xin mượn chữ trong thơ Bà Huyện Thanh Quan làm đầu bài ghi chép một số dấu vết của nhà Tây Sơn còn để lại.

Một: Từ Qui Nhơn đi theo Quốc Lộ Số Mười Chín, dừng ở thị trấn Phú Phong, rẽ phải, qua cầu Kiên Mỹ thì tới điện Tây Sơn. Xưa kia nơi đây là một ngôi nhà của ông bà Hồ Phi Phúc, song thân của anh em Nguyễn Nhạc. Trước nhà có cái giếng hình vuông. Vùng này người ta đào giếng xây bộng hình tròn, bộng nung bằng đất sét. Đàng này giếng làm hình vuông và xây bằng đá ong mới là điều lạ. Hiện nay giếng vuông ấy vẫn còn, nằm bên vệ đường trước mặt tiền của điện. Nước giếng vuông lúc nào cũng đầy và trong.

Hướng về phía Bắc sau đền là một gò mả hoang. Trước kia là điểm đóng quân của Tây Sơn lúc khởi nghĩa.

Từ điện Tây Sơn theo tỉnh lộ dọc về hướng Đông qua các thôn Kiên Luông, Kiên Ngãi tới thôn Trường Định, có một cái gò đất trống phía bên phải vệ đường có hai cái mả vôi một cái mả nằm ở bên đường, viên mả rất dày và chất làm bằng nhựa ô-dược trộn vôi. Trước mộ bia đề tên người nằm trong mộ là nữ giới. Gò mả này thường gọi tên là **Gò Mả Vôi**. Rẽ Gò Mả Vôi về phía bên phải đường đi qua thôn Vĩnh Lộc, kế Gò Mả Vôi là **Gò Giữa**, ngôi mộ thứ hai làm bằng vôi nằm ở đó. Theo các cụ bô lão trong làng Trường Định kể lại thì hai ngôi mộ này là mộ của hai vị quan lớn trong triều Tây Sơn. Khi nhà Tây Sơn sắp mất, người trong gia đình mới đem bia mộ của bà thế vào mộ ông để tránh nhà Nguyễn biết được là đào lên ngay. Người trong làng cũng cho biết nhân vật nằm ở mả Gò Giữa chức tước lớn hơn người nằm ở ngôi mộ Gò Mả Vôi. Nhưng không biết danh tánh hai vị ấy.

Hai: Từ Phú Phong xuôi về hướng Đông, xé về phía Nam Quốc Lộ Mười Chín có một cái bàu tục gọi là **Bàu Bờ Lặng**. Bàu sâu, rộng, nước trong xanh, mặt nước phẳng lặng. Đó là nơi các người địa phương thường tới lui câu cá. Từ bàu này đi dọc theo Quốc Lộ Mười Chín sẽ gặp một cái miếu gọi là **Miếu Lý Trung**. Nơi miếu này có một cái hồ sâu nhỏ. Một cây sung toả cành qua hồ. Mặt nước phẳng lặng, quang cảnh thật tĩnh mịch thâm u, chỉ có người câu cá dạn gan lui tới mà thôi. Từ đây xuyên suốt đến **Suối Đồng Sim** có một cái hồ nước đục vì do nước đục từ ruộng chảy vào. Ba địa điểm vừa kể trên là dấu vết của một con sông xưa kia bắt nguồn từ Hầm Hồ chảy xuống. Thời Tây Sơn họ đã chuyển nguồn nước nhập vào sông Côn. Dòng nước cũ được lấp dần thành ruộng, những nơi sâu còn sót lại là những ao hồ như đã nêu trên.

Ba: Dưới Phú Phong men sông Côn bên trái, Quốc Lộ Mười Chín bên phải ta sẽ thấy một cái gò tên là **Gò Lặng**. Nơi đây trước là **lặng tảm** của nhà Tây Sơn nay đã thành **gò**. Tên Gò Lặng đã nói lên được di tích lịch sử ấy. Cứ đi xuống nữa, thuộc thôn Xuân Huệ, đầu xóm Lý Bắc có **Miếu Ông** thờ Trần Quang Diệu. Đi xuống phía dưới có **Miếu Bà** thờ bà Bùi Thị Xuân. Khoảng giữa hai miếu có **Chùa Mục Đồng**. Sao người địa phương gọi là cái chùa nhưng nó chỉ được dựng lên bởi bốn trụ cột lợp ngói bên trong có để bình hương. Người đi qua hay vào đó đốt hương. Trẻ chăn trâu chăn bò thường tụ tập tại nơi này thường hay chơi trò **Sai Roi** hay **U Quạ**. Tuy thế về chiều cảnh Chùa Mục Đồng trở nên u tịch huyền bí lạ thường, ít người dám đi ngang qua chùa một mình. Điều này còn lạ hơn nữa, là nhiều người trong làng từng thấy, có một đôi rắn có mòng đỏ như mòng gà thường xuất hiện từ Chùa Mục Đồng qua Miếu Ông rồi sang Miếu Bà rồi trở về lại Chùa Mục Đồng thì biến mất dạng. Lúc nào đôi rắn cũng đi cặp không bao giờ người thấy xuất hiện riêng lẻ một con. Miếu Ông và Miếu Bà mặt xoay về hướng Bắc là phía sông Côn, ẩn hiện dưới làn cây sum suê, ẩn hiện ít ai để ý tới.

Dưới Miếu Bà ngã về phía Đông thuộc xóm Lý Đông, có một thửa đất gieo mạ. Ngày xưa đó là **Vườn Dinh**, nơi đóng quân của bà Bùi Thị Xuân.

Từ Vườn Dinh đi dọc theo Suối Đồng Sim cắt ngang qua Quốc Lộ Mười Chín là **Sân Tập Voi** và **Trường Võ** của bà Bùi Thị Xuân.

Bón: Tại làng Xuân Huê (Hoà) có một dòng họ Bùi. Họ sống một cách hiền hoà và an phận.

Sau khi nhà Tây Sơn mất, một số con cháu họ Bùi bị tàn sát, tù đày. Một số phải sống chui để bảo toàn sự sống, bằng cách đặt tên, giữ lại họ và tên mà không dám để chữ lót “**Đắc**” e liên hệ đến con cháu Bùi Đắc Tuyên, Bùi Thị Xuân.....hoặc lấy chữ lót khác thành ra Bùi Gia..., Bùi Thúc.....Cho mãi đến thập niên 30 sau những loạt nghiên cứu bình luận đánh giá về nhà Tây Sơn, nhất là quyển Việt Nam Sử Lược của học giả Trần Trọng Kim xuất hiện năm 1925, trong chương Nhà Nguyễn Tây Sơn ông đồng dục tuyên bố với luận cứ thật vững chắc hùng hồn như sau:

“**Những người làm sử nước Tàu nước ta thường chia những nhà làm vua ra chính thống và nguy triều. Nhà nào, một là đánh giặc mở nước, sáng tạo ra cơ nghiệp, hai là kế truyền phân minh, thần dân đều phục, ba là dẹp loạn yên dân, dựng nghiệp ở đất trung nguyên, thì cho là chính thống. Nhà nào một là làm tôi cướp ngôi vua, làm sự thoán đoạt không thành, hai là xưng đế xưng vương ở chỗ rừng núi, hay ở đất biên địa, ba là những người ngoại chủng vào chiếm nước làm vua, thì cho là nguy triều.**

Vậy nay lấy những lẽ ấy mà xét xem nên cho nhà Nguyễn Tây Sơn là chính thống hay nguy triều, để cho hợp lẽ công bằng và cho xứng cái danh hiệu những người anh hùng đã qua.

Nguyên nước ta là nước quân chủ, lấy cái nghĩa vua tôi làm trọng hơn cả, thế mà từ khi nhà Lê trung hưng lên trở về sau, họ Nguyễn hùng cứ phương Nam, họ Trịnh xưng chúa miền Bắc; trên tuy còn tôn vua,

nhưng mà quyền về cả nhà chúa. Trong nước đã có vua lại có chúa, làm thành ra vua không phải là vua, tôi không phải là tôi, ấy là một thời loạn. Đến sau ở trong Nam thì có Trương Phúc Loan chuyên quyền làm bậy, ở ngoài Bắc thì có kiêu binh làm loạn, giết hại quan đại thần, vua chúa phải nhún mình mà chiều dãi, đình thần phải khoanh tay mà chịu một bề, ấy lại là một lúc đại loạn vậy.

Lúc ấy anh em Nguyễn Nhạc là người dân áo vải, dấy binh ở ấp Tây Sơn, chống nhau với chúa Nguyễn để lập nghiệp ở đất Qui Nhơn. Tuy rằng đối với họ Nguyễn là cừ địch, nhưng đối với nước Nam, thì chẳng qua cũng là một người anh hùng lập thân trong lúc biến loạn đó mà thôi.

Còn như Nguyễn Huệ là vua Thái Tổ nhà Nguyễn Tây Sơn, thì trước giúp anh bốn lần vào đánh đất Gia Định đều được toàn thắng, phá hai vạn quân hùng beo của Tiêm La, chỉ còn được mấy trăm người lủi thủi chạy về nước; sau lại ra Bắc hà, dứt họ Trịnh, tôn vua Lê, đem lại mối cương thường cho rõ ràng. Ấy là đã có sức mạnh mà lại biết làm việc nghĩa vậy.

Nhưng vì vua nhà Lê nhu nhược, triều thần lúc bấy giờ không ai có tài kinh luân, lại để cho Trịnh Bồng và Nguyễn Hữu Chính nổi nhau mà chuyên quyền, đến nỗi thành ra tán loạn. Dầu thế nào mặc lòng, khi Nguyễn Huệ giết Vũ Văn Nhậm rồi, không nỡ dứt nhà Lê, đặt Giám Quốc để giữ tôn miếu tiền triều; như thế thì cách ở với nhà Lê không lấy gì làm bạc.

Sau vua Chiêu Thống và bà Hoàng Thái Hậu đi sang kêu cầu bên Tàu, vua nhà Thanh nhân lấy dịp ấy mượn tiếng cứu nhà Lê, để lấy nước Nam, bèn sai binh tướng sang giữ thành Thăng Long. Bấy giờ cứ theo như tờ mật dụ của vua nhà Thanh, thì nước Nam ta, bề ngoài tuy chưa mất hẳn, nhưng kỳ thật đã vào tay người Tàu rồi.

Vậy nước đã mất, thì phải lấy nước lại, ông Nguyễn Huệ mới lên ngôi Hoàng Đế, truyền hịch đi khắp nơi, đường đường, chính chính, đem quân ra đánh một trận phá 20 vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ, tướng sĩ nhà Thanh thất đẫm. Tướng từ xưa đến nay nước ta chưa có võ công nào lẫm liệt như vậy.

Vả đánh đuổi người Tàu đi lấy lại nước mà làm vua thì có điều gì mà trái đạo ? Há lại chẳng hơn nhà Lý, nhà Trần nhân lúc ấu quân, nữ chúa, mà làm sự thoán đoạt hay sao?

Vậy thì lấy lẽ gì mà gọi là nguy ? Huống chi sau vua nhà Thanh cũng công nhận cho ông Nguyễn Huệ làm vua nước Nam, và lại sai sứ sang phong cho ông làm An Nam Quốc Vương theo như lệ các triều trước, như thế thì nhà Nguyễn Tây Sơn mở nước có khác gì nhà Đinh và nhà Lê không ?

Tuy rằng chẳng được bao lâu nhà Nguyễn Tây Sơn sinh ra nội loạn, vua Thế Tổ Cao Hoàng nhà Nguyễn lại thu phục được cơ nghiệp cũ mà thống nhất cả nam bắc lại làm một, nhưng việc thành bại hưng vong là mệnh trời, vả lại khi hai người anh hùng đuổi một con hươu, tất là người nọ gọi người kia là cừu địch. Vậy lấy lẽ tôn bản triều mà xét thì nhà Nguyễn Tây Sơn là nguy, mà lấy công lý mà suy thì vua Quang Trung Nguyễn Huệ là một ông vua cùng đứng ngang vai với vua Đinh Tiên Hoàng, vua Lê Thái Tổ, mà nhà Nguyễn Tây Sơn cũng là một nhà chính thống như nhà Đinh và nhà Lê vậy.” (Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, Quyển II, trang 127-129, [Bộ Giáo Dục, Trung Tâm Học Liệu Xuất Bản Lần thứ nhất, 1971])

Công chính đã phân minh, nhắm thấy đã an toàn. họ Bùi Xuân Huề mới phục hồi họ **Bùi Đắc** trở lại.

BÙI ĐẮC KHẢI

Sợ Xa nhau

Ta sợ ngày nào phải xa nhau ,
Cấn răng nuốt lệ nén thương đau .
Chiều nao không phải chiều tận số ,
Em ở nơi nào ? em ở đâu ?
Ta vẫn yêu em mãi không thôi ,
Ta để tim ta khóc thành lời .
Theo dõi cánh bằng ngoài muôn dặm ,
Một ánh sao băng cuối nẻo trời .
Không dám nghĩ nhiều đến tiếc thương ,
Nằm nghe đé khóc suốt canh trường .
Chập chờn giấc ngủ nhiều ác mộng ,
Tắt lịm hồn ta trong tiếc thương .

THƯ TRANG

Khát nước

Trưa nóng khát nước dạ nôn nao
Nhớ nước lòng ta luống nghẹn ngào
Nước mát thân này cam tùi phận
Nhà tan thương bạn kiếp long đong
Giận quân bán nước ngồi thao túng
Ghét kẻ mua danh đứng ồm ờ
Hồn nước đâu đây vắng vắng gọi
Đàn con nhớ nước vẫn mong chờ

THƯ TRANG

HÌNH ẢNH SƯƠNG KHÓI SÔNG HỒ TRONG THƠ ĐƯỜNG

LAM NGUYỄN

Ngày xưa các bậc tiền bối của chúng ta yêu thơ Đường là một điều dễ hiểu vì quí cụ đều phải học chữ Nho để đi thi nên rất gần gũi với văn chương Trung Hoa. Nhưng chúng ta, những kẻ hậu sinh chịu ảnh hưởng của Tây học lại vẫn yêu thơ Đường là một điều đáng nói. Có lẽ thơ Đường đã trở thành di sản quí báu trong văn chương Việt Nam. aKho tàng văn học ưu tú ấy không những chỉ riêng cho dân tộc Việt mà còn cho cả các nước lân bang của Trung Hoa nữa.

Thơ Đường có một nghệ thuật tuyệt vời với nội dung phong phú và hình thức chặt chẽ v.v... Nhà văn Lỗ Tấn từng phát biểu: “Thơ Trung Quốc đến đời Đường có một sự biến đổi lớn”. Đó là muốn chỉ ở việc hình thành một kiểu suy tư nghệ thuật và một hệ thống thi pháp mới. Thơ Đường không những đề tài rộng rãi mà số lượng cũng rất nhiều. Trong cuốn TOÀN ĐƯỜNG THI quy tụ được 2300 thi sĩ với 48900 bài thơ. Tuy rằng mỗi giai đoạn riêng biệt nhưng nổi nhất là trào lưu lãng mạn và hiện thực. Đặc điểm của thơ Đường trong nội dung và hình thức, có ý nghĩa mỹ học độc đáo với tính chất cổ kính trang nghiêm, tính chất hàm súc, tính chặt chẽ niêm luật của thể loại từ thơ 4 chữ phát triển thành thơ 5 chữ, 7 chữ. Từ CỔ THI phát triển thành TÂN THỂ THI và CẬN THỂ THI đối

Đường, cho thấy lịch sử thi ca Trung Hoa đã bước những bước khá dài.

Nếu chúng ta đi ngược dòng lịch sử sẽ thấy thời kỳ Nam Bắc Triều đất nước Trung Hoa bị chia cắt để rồi Tùy Văn Đế (tức Dương Kiên cướp ngôi Bắc Chu năm 581 diệt Triều Trần năm 589 thành lập nhà Tùy), nhưng sau đó Tùy Dương Đế (tức Dương Quảng hay còn gọi là Tùy Dạng Đế từ năm 604 đến năm 619) đã giết cha và anh lên ngôi đã phá tan hết cơ nghiệp nhà Tùy vì Tùy Dương Đế tham lam, dâm loạn . . . Nhân thế mà Lý Uyên (tức Đường Cao Tổ) đã lập nên nhà Đường. Nhà Đường kéo dài gần 300 năm từ năm 618 đến năm 907 đã tạo cho văn học đời Đường thành một vườn hoa văn học trăm sắc nở rộ nên các nhà văn học sử đã gọi thời kỳ này là thời kỳ HOÀNG KIM của thi ca Trung Quốc. Nếu ai đã từng yêu thơ Đường ắt hẳn phải nhớ bài TĨNH DẠ TU của thi tiên Lý Bạch:

*“Sàng tiên minh nguyệt quang.
Nghị thị địa thượng sương.
Cử đầu vọng minh nguyệt,
Đê đầu tư cố hương.”*

Cụ Bùi Khánh Đản và cụ Đỗ Bằng Đoàn đã dịch:

*“Trước giường thấy bóng trăng soi,
Tưởng chừng mặt đất sáng ngời ánh sương.
Ngẩng đầu trăng tỏ như gương.
Cúi đầu chạnh nhớ cố hương xa vơi.”*

Gọn gàng chỉ có 20 chữ mà thi tiên Lý Bạch đã tạo thành bức tranh hết sức sống động và đầy màu sắc, dù chỉ là màu sắc của một bức tranh thủy mặc. Nếu ta nghiên cứu thơ Đường thì ắt hẳn ai cũng thấy những từ ngữ như: hạt sương buổi sớm, khói sóng hoàng hôn, mặt nước hồ thu, sông dài chảy mãi, mây trắng ngàn năm . . . là những

biểu cảm thời gian đầy áp chất thơ! Trong bài thơ NGỌC GIAI OÁN cũng của thi hào Lý Bạch ta sẽ thấy những chữ “sương móc trắng, ánh trăng thu.”

*“Ngọc giai sinh bạch lộ,
Đạ cứu xuân la miệt’
Khước há thủy tinh liêm
Linh lung vọng thu nguyệt”*

Lam Nguyên xin tạm dịch:

*“Móc sương trên thềm ngọc,
Chăn lạnh xuân đêm thâu.
Toan bông bức rèm xuống
Nhìn trăng thu ánh màu.”*

Và ta cũng nhìn thấy qua cảm giác khi đọc bài thơ TRƯỜNG TƯỚNG TỬ của Lý Bạch:

*“Nhật sắc dục tận, hoa hàm yên
Nguyệt minh như tố sấu bất miên.
Triệu sắt sơ đình phượng hoàng trụ,
Thục cầm dục tấu uyên ương huyền.
Thử khúc hữu ý vô nhân truyền
Nguyện tùy xuân phong ký Yên Nhiên
Ức quân thiêu thiêu cách thanh thiên.
Tích thời hoành ba mục,
Kim vi lưu lệ tuyền.
Bất tín thiếp trường đoan,
Quy lai khán thủ minh kính tiền!”*

Lam Nguyên dịch:

*“Hoa ngậm khói sắc trời sắp lặn,
Ngắm trăng gà thức trắng buồn thương.
 Phượng hoàng đàn Triệu vừa buông,
Thục cầm lại thổi uyên ương phiếm hòa
Sao chẳng thấy ai ca khúc ấy
Nhờ gió xuân qua dãy Yên Nhiên.*

*Trời xa thương nhớ triền miên,
Ngày xưa sóng mắt đưa duyên cùng chàng.
Nay tuổi lệ chứa chan uẩn khúc,
Chàng hiểu cho ruột đứt đêm trường.
Hãy về xem lại tận tường.
Lòng này thiếp gửi trong gương mỗi ngày!”*
Lam Nguyên

Một cảnh sương tủa, trăng tà và hàng cây phong dọc theo bờ sông yên lặng giữa vài đóm lửa của thuyền chài hiu hắt làm buồn lòng lữ khách cộng thêm tiếng quạ kêu rong đêm vắng kết hợp với tiếng chuông Chùa từ xa vọng lại đã khơi dậy hồn thơ của Trương Kế nên ngày nay chúng ta mới có được danh tác PHONG KIỀU DẠ BẠC:

*“Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hòa đối sầu miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.”*

Thi sĩ Tản Đà dịch:

*“Trăng tà tiếng quạ kêu sương,
Lửa chài, cây bến, sầu vươg giắc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn.”*

Tản Đà

Nhắc đến HÌNH ẢNH SƯƠNG KHÓI SÔNG HỒ TRONG THƠ ĐƯỜNG thì ắt hẳn khách văn chương từng yêu thơ Đường không quên bài thơ ĐÊM TRĂNG TRÊN SÔNG XUÂN mà nguyên tác của thi sĩ Trương Nhược Hư là XUÂN GIANG HOA NGUYỆT DẠ mà Lam Nguyên xin dịch sau đây:

*Thủy triều dậy sông xuân liền biển.
Nước mênh mông một phiến trắng ngà.
Dập dồn sóng vỗ dặm xa,*

Nơi nào mà chẳng trăng ngà sông xuân?
Nước uốn chuyển theo rừng thơm ngát,
Nguyệt hoa kia bâng bạc tươi xinh.
Trời cao sương giải vô tình,
Trên vùng cát trắng nhạt hình xa trông.
Không mấy bụi trời sông một sắc,
Lững từng không vắng vặc trăng soi.
Ai kia thấy trước trăng trời,
Và trăng kia lại soi người năm mô?
Kiếp hòa sinh những vô cùng tận,
Năm lại năm trăng vẫn như xưa.
Trăng sông biết chiếu ai giờ!
Trường giang chỉ thấy lơ dờ nước trôi.
Mảnh mây bạc bên trời bay mãi,
Rừng phong xanh sông trái u sầu.
Thuyền ai lơ lững đêm thâu,
Nơi mô trăng giải trên lầu tương tư?
Trăng lầu ấy nguyệt như thương cảm,
Vào trang dài dục thăm, ly nhân.
Trong rèm trăng vẫn tần ngần,
Chày kia đập áo bao lần không đi
Mong gặp gỡ tin thì vắng bật,
Nguyện theo trăng giáp mặt người thân.
Nhạn bay trăng vẫn ở gần,
Ngư long khuất bóng nước vờn nao nao.
Mộng đêm trước nghe bao hoa rụng,
Thương nửa xuân lặn đặng phương trời.
Dòng sông cuộn cuộn xuân trôi.
Sông sâu hoa rụng nguyệt đời phương Tây.
Trăng xế thấp chìm ngay bể cả,
Sông núi xa vạn ngã mộng lung.
Người nào cõi nguyệt về chung,

Trăng tàn cây nước một vùng buồn sao!

Lam Nguyệt

Thi sĩ Trương Nhược Hư như những thi nhân đời Đường khác thường yêu trăng sông và có thể nói sông nước khói trắng gần như gắn liền với cuộc đời:

*“Xuân giang triều thủy liên hải bình,
Hải thượng minh nguyệt cộng triều sinh”*

Tôi đã dịch:

*“Thủy triều dậy sông xuân liền biển,
Nước mênh mông một phiến trăng ngà.”*

Nếu đọc giả nhìn kỹ bốn chữ *xuân, giang, hoa, nguyệt* trên đầu đề bài thơ thì sẽ thấy mỗi chữ như đang hoạt động rõ ràng: trăng gặp nước mà nước sông của mùa xuân thì không có gì đẹp bằng, nhờ có *xuân* nên *hoa* mới nở. Tất cả bốn chữ ấy làm thành một bức họa đẹp đẽ vô cùng:

*“Diễm diễm tùy ba thiên vạn lý,
Hà xứ xuân giang vô nguyệt minh?
Giang lưu uyển chuyển nhiều phương diện,
Nguyệt chiếu hoa lâm giai như tiền.”*

Tôi dịch là:

*“Dập dồn sóng vỗ dặm xa.
Nơi nào mà chẳng trăng ngà sông xuân?
Nước uyển chuyển theo rừng thơm ngát,
Nguyệt hoa kia bàng bạc tươi xinh.”*

Nếu ta đi sâu vào ý nghĩa của bài thơ thì ta sẽ thấy “nhân sinh” (tức đời người) luôn luôn kế tục như dòng sông từ năm này qua năm nọ vẫn chảy đều, nhưng trong từng sát na ở thân xác của mỗi cá nhân đều phải trải qua bốn cửa: THÀNH, TRỤ, HOẠI, KHÔNG . . . Qua sách vở và qua kinh nghiệm tự ngộ mà thi sĩ Trương Nhược Hư đã hạ bút như một Thiền sư:

*“Nhân sinh đại đại vô cùng dĩ,
Giang nguyệt niên niên vọng tương tư.”*

Lam Nguyên dịch:

*“Kiếp hóa sinh những vô cùng tận,
Năm lại năm trăng vẫn như xưa.”*

Đó là thác vật ngụ tình, hình ảnh mây trắng bay và dòng sông chảy biểu tượng cho cuộc sống lang thang bất định và mỗi khi nhắc đến hai câu thơ:

*“Nhân tiên hữu cảnh đạo bất đắc,
Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu.”*

của thi sĩ Lý Bạch làm ta nhớ đến bài thơ HOÀNG HẠC LÂU của Thôi Hiệu đầy hình ảnh “mây trắng, sông tạnh, bóng hoàng hôn và khói sóng v.v. . .” mà thi sĩ Tản Đà dịch rất hay:

*“Hạc vàng ai cưỡi đi đâu?
Mà nay Hoàng Hạc riêng lâu còn trơ!
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán Dương sông tạnh cây bầy,
Bãi xa Anh Vũ xanh dầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?”*

Tản Đà

Những ai đã từng tiễn bạn ở bên sông mà khi cánh buồm kia xa dần rồi mất hút giữa trời nước mênh mông sẽ cảm thông cùng nhà thơ Lý Bạch trong bài HOÀNG HẠC LÂU TỔNG MẠNH HẠO NHIÊN CHI QUẢNG LĂNG.

*“Cố nhân Tây từ Hoàng Hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến trường giang thiên tế lưu.”*

Thi sĩ Bùi Khánh Đản và Đỗ Bằng Đoàn dịch:

*“Bạn tự phương tây biệt Hạc lâu,
Tháng ba hoa khói xuống Dương Châu.
Cánh bướm xa tít vào xanh thắm,
Trời nước Trường Giang vẫn một màu.”*

Có lúc một mình lên lầu trên bờ sông yên lặng đứng nghĩ ngợi giữa khi trăng sáng như nước, nước sáng như trời. Nhưng người đã cùng ta lên đây ngắm trăng giờ ở phương nào? Còn phong cảnh thì vẫn y như xưa . . . Đó là ý tứ trong bài GIANG LÂU THỨ HOÀI của thi sĩ Triệu Hổ (810-856) đã được cụ Tản Đà dịch:

LÂU BÊN SÔNG TẢ HOÀI

*“Lên gác bên sông một ngậm ngùi,
Sáng trăng như nước, nước như trời.
Bạn chơi năm ngoái nào đâu tá?
Trăng nước như xưa chín với mười.”*

(Đăng ở báo Ngày Nay số 111 ngày 22-5-38)

Và đây là nguyên tác:

*“Độc thương giang lâu tứ tiểu nhiên,
Nguyệt quang như thủy, thủy như thiên.
Đồng lai ngoạn nguyệt nhân hà tại,
Phong cảnh y hi tự khứ niên.”*

Triệu Hổ

Hàm súc là một nhu cầu nghệ thuật của người Trung Hoa, nhất là thơ Đường. Trong thơ Đường những từ ngữ sát na đốn ngộ rất được phổ biến, có lẽ thơ Đường chịu ảnh hưởng của Phật giáo nên mới có những chữ như: nhất giác (chợt hiểu), hốt (bỗng), thủy (mới) và khước (trái lại) v.v. . . để thể hiện sự bừng tỉnh của nhà thơ và đánh thức người đọc như trong bài QUA SÔNG TANG CÀN của Gia Đào mà tôi đã dịch thành hai bản:

Bài dịch I: QUA SÔNG TANG CÀN

“Tinh Châu từng ở suối mười sương,
Lòng nhớ Hàm Dương năm tháng trường.
Mới vượt Tang Càn sông nước ấy,
Tinh Châu nhìn lại tựa quê hương.”

Lam Nguyễn

Và bài dịch II:

“Mười năm từng sống ở Tinh Châu
Lòng nhớ Hàm Dương năm tháng sầu.
Sông nước Tang Càn vừa mới vượt.
Tinh Châu, cố lý mền như nhau.”

Lam Nguyễn

Nguyên tác như sau: Độ Tang Càn

Khách xá Tinh Châu dĩ thập sương,
Qui tâm nhật dạ ức Hàm Dương.
Vô đoan cảnh độ Tang Càn thủy,
Khước vọng Tinh Châu thị cố hương.

Giả Đào

HÌNH ẢNH SƯƠNG KHÓI SÔNG HỒ TRONG THƠ ĐƯỜNG rất nhiều nên tôi chỉ tóm tắt một ít hình ảnh mà thôi và để tạm biệt quý độc giả hôm nay tôi xin trích bài thơ TỪ BIỆT BẠN TRÊN SÔNG HOÀI của thi sĩ Trịnh Cốc đời Đường. Nguyên tác là:

HOÀI THƯỢNG BIỆT HỮU NHÂN

“Dương Tử giang đầu dương liễu xuân,
Dương hoa sầu sát độ giang nhân.
Sở thanh phong dịch ly đình vân,
Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tần.”

Trịnh Cốc

“Sông Dương ngàn liễu đua tươi,
Hoa dương buồn chết dạ người sang sông.
Đình hôm tiếng sáo nào nùng,
Anh đi bến Sở, tôi trông đường Tần.”

Ngô Tất Tố dịch

Đọc bài thơ ta thấy hiện rõ cảnh hai người bạn sắp chia tay nhau giữa hàng cây dương liễu bên bờ sông Hoài (tức là Dương Tử Giang) một khúc sông của Trường Giang; phong cảnh ở đây đã đượm sắc xuân tươi thắm, xinh đẹp lạ thường! Vào lúc cuối xuân nhìn hoa dương liễu đẹp bao nhiêu thì lòng của kẻ ra đi lại thấy buồn bấy nhiêu. Sau Lý Thương Ẩn và Đỗ Mục ít có nhà thơ nào thời Văn Đường mà có thể so sánh với Trịnh Cốc. Nói thế mới nghe như quá đáng nhưng khi đọc bài thơ HOÀI THƯỢNG BIỆT HỮU NHÂN với những từ trùng lặp, với âm điệu luyện láy đã tả được sự bồi hồi vương vấn của lòng người thì ta mới thấy rằng câu khen ngợi thi sĩ Trịnh Cốc ở trên thật phải lắm! Thi sĩ Trịnh Cốc đã duy trì được ái điệu thơ phong phú của thi sĩ Đỗ Mục và thi sĩ Lý Thương Ẩn.

Xét về hai câu đầu của bài thơ ta thấy cảnh ở trong tình và tình ở trong cảnh được biểu hiện qua những từ chọn lựa đầy nghệ thuật. Ba chữ *dương liễu xuân*, trong thơ Đường *CẢNH DƯƠNG LIỄU* là hình ảnh ước lệ, biểu tượng của sự chia ly; lại thêm màu xanh của cây liễu cộng với âm thanh vi vút của gió chiều làm những sợi tóc liễu rung rinh cùng hoa liễu bay lãng đãng:

*“Dương tử giang đầu dương liễu xuân,
Dương hoa sầu sát độ giang nhân.”*

Cụ Ngô Tất Tố dịch:

*“Sông Dương ngàn liễu đưa tươi,
Hoa dương buồn chết dạ người sang sông.”*

là một bức vẽ thủy mặc thật thanh nhã, thêm dùng từ lại hàm súc, nghĩa là lời ít mà ý nhiều, nên đã đánh mạnh vào tâm hồn người đọc. Tại sao thi nhân lại dùng hai chữ sầu sát? Có phải tác giả muốn nhấn mạnh cho độc giả

thấy rằng đây là sự ly biệt giữa hai kẻ tri âm rất thương quý nhau mà phải chia tay; lòng của cả người đi lẫn kẻ ở lại đều chết điếng tâm hồn! Đó là cả một nghệ thuật dùng từ của thi sĩ Trịnh Cốc. Và hai câu kết của bài thơ:

*“Sở thanh phong địch ly đình vãn,
Quân hưởng Tiêu Tương ngã hướng Tân.”*

từ phong cảnh bên sông nước lại chuyển qua cảnh buổi tiệc tại ly đình (ngày xưa bên Tàu có cái đình để mỗi khi chia tay nhau thì đến đó mở tiệc tiễn biệt, được gọi là Cao đình mà cổ thi đã có câu “Cao đình tương biệt xứ”) và chúng ta cũng thấy trong truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du:

*“Tiễn đưa một chén quan hà,
Xuân đình thoát đã dạo ra Cao đình.”*

Giữa buổi tiệc bỗng nổi lên tiếng địch véo von, thê lương, sâu thẳm làm đôi bạn tri âm càng thấy thấm thía buồn và tiếng địch nào nùng ấy đã làm cho bầu trời cũng dường như trĩu màu ảm đạm để rồi đây mỗi người một ngả:

“Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tân.”

Tóm lại, bài thơ TỪ BIỆT BẠN TRÊN SÔNG HOÀI của thi sĩ Trịnh Cốc còn lưu lại cho văn học nhân loại là nhờ ở phần Mở, Kết của bài thơ chặt chẽ, ý thơ dồi dào, lời thơ hàm súc và miêu tả được nghệ thuật không gian nghệ thuật thời gian mà không gian nghệ thuật là hình thức tồn tại của hình tượng và thời gian nghệ thuật là thời gian sáng tạo ở trong tác phẩm sẽ chảy mãi trong hồn của độc giả.

LAM NGUYỄN

Vịnh Hồ Tây

Đặt bước Tây Hồ ngắm cảnh chơi
Tháp rùa Trấn Quốc chọc mây trời
Thăng Long hùng vĩ còn bao thuở
Quốc Tử nguy nga vững mấy thời
Kim cổ vang lừng trang sử tích
Tân thời nổi bật cố đô ơi
Biết bao cơ nghiệp ông cha dựng
Rạng rỡ Rồng Tiên đất Việt ngời

Minh Tâm Phạm Hà Hải

TRĂNG VIỄN XỨ

Quê nhà em có nhớ ta,
Trăng tình còn đó hay là tàn phai.
Dù xa muôn dặm đường dài,
Trăng tình viễn xứ vẫn hoài nhớ thương.
Nhớ ai má đỏ môi hường,
Nhớ ai cười mím dễ thương vô cùng
Bàn tay nhỏ ánh màu hồng
Để ai say đắm mộng lung cỏi người
Em là một đóa hoa tươi,
Ngàn năm vẫn đẹp trong tôi muôn đời

*Mang Đức Long
Tampa, 2004*

Gửi Bằng Hữu Qui Nhơn

*Ta thềm dẫm chén bên bằng hữu
Ngây ngất thềm trăng đêm cố hương
Cười khóc cho vui sâu cô lữ
Thoáng trong địa ngục bóng thiên đường*

*Mười lăm năm đó, ô ! nhanh nhi
Ta sắp đi xong một đoạn đường
Cho dấu đầu thai làm thế kỷ
Khổ đau nào rồi như khói sương*

*Ta thềm lên núi mơ trời biết
Và ngắm dòng sông ngan ngát xanh
Núi vẫn trơ gan và bất diệt
Sông dài lấp lánh mộng đời xanh*

*Ta thềm gọi đêm thao thức
Gió bão ngoài song gió bão hoài
Có nét trăng vàng mây chẳng khuất
Tấc lòng ai đó gọi riêng ai*

*Ta thềm cùng bạn đi cho hết
Sông núi gấm hoa cả cuộc đời
Lòng mãi hẹn lòng nơi Bắc khuyết
Phong trần càng thấm vị càng cay*

Lê Phương Nguyên

Ca Dao

Bình Định

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Bình Định là một tỉnh lớn, dân số đông và là cái nôi Văn hóa của Dân tộc Việt Nam.

Bình Định nổi tiếng không những có anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ bách chiến bách thắng, phá tan quân Thanh ở phía Bắc, đánh bại quân Xiêm ở phía Nam; Bình Định còn là một địa danh nổi tiếng khắp nước Việt Nam về võ thuật, mà ngay cả đàn bà, con gái vẫn biết côn, quyền, qua câu ca dao:

Ai về Bình Định mà coi

Con gái Bình Định cầm roi đi quyền

Nhiều sản phẩm nổi tiếng ở Bình Định, khi thăm viếng chúng ta thường mua làm quà để tặng cho nhau, những đặc sản đẹp, cổ truyền, biểu tượng tấm lòng chung thủy của người con gái:

Bình Định nón Gò Găng

Bún Song thân An Thái

Lụa Đậu tư Nhơn Ngãi

Xoài Tượng chín Hưng Long

Mặc ai mơ táo ước hồng

Tình quê em giữ một lòng trước sau

Đôi trái gái quen nhau lâu ngày, chàng từ giã nàng về thăm quê nhà, nhưng qua kỳ hẹn không thấy trở lại, nàng vừa hái dâu vừa đếm từng lá dâu, tính từng ngày xa cách:

*Anh về Bình Định chi lâu
Bỏ em ở lại hái dâu một mình
Thương chi cho uống công tình
Nẫu về xứ Nẫu bỏ mình bơ vơ*

Hoặc:

*Anh về Bồ Dịch, Giếng Vuông
No cơm ấm chiếu luôn tuần bỏ em*

Ngày xưa ở Việt Nam, đàn bà con gái đều biết làm bếp, nấu cơm. Mấy câu ca dao sau đây trêu chọc, đùa giỡn cho vui:

*Tiếng đồn con gái Phú Trung
Nấu cơm không chín mở vung xem hoài
Tiếng đồn con gái Phú Tài
Nấu cơm không chín đốt hoài cơm khê
Nhưng chồng em lại không chê
Khen em khéo nấu cơm khê thơm nhà*

Trai gái đối đáp nhau dưới ánh trăng thanh ngày mùa, trong đêm trăng giả gạo, hoặc các cô vừa cấy lúa vừa hát hò và đặt câu hỏi đến người nam:

*Tiếng đồn anh hay chữ
Tài ngang Cử, Tú
Lại đây em hỏi một vài câu
Ngọt ngay nước chảy dưới cầu
Gọi cầu Nước Mặn có bởi đâu hỏi chàng?*

Hoặc:

*Tiếng đồn anh hay chữ
Thường đọc sách kinh thi*

Hỏi anh ông Văn Vương đi cưới bà Hậu Phi năm nào?

Hay

*Tới đây không hát thì hò
Không phải con cò ngóng cổ mà nghe*

Hoặc

*Tưởng rằng đó địch cùng đây
Hay đâu đó giắt ông thầy sau lưng*

Nhiều điệp ngữ một mai, chiều chiều được lập đi lập lại trong ca dao Bình Định:

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ người lữ thứ khăn điều vắt vai*

Hoặc

*Chiều chiều én lượn truông mây
Cảm thương Chú Lía bị vây trong thành*

Hay

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ nổi cơm nguội nhớ niêu nước chè*

Và điệp khúc một mai:

*Một mai ai chớ bỏ ai
Bỏ ai thì bỏ chị Hai xin đừng*

Hoặc:

*Một mai mai một ngó chừng
Ngó truông truông rậm ngó rừng rừng cao*

Hay:

*Một mai nước lớn đờ trôi
Cây khô lá rụng bậu ngồi chờ ai
Bậu ngồi chờ củ chờ khoai
Chờ cam chờ quýt chờ xoài cà lăm*

Phong cảnh và địa danh nhiều nơi ở Bình Định đã ăn sâu vào lòng người dân, với những câu ca dao mời gọi:

Bình Định có hòn Vọng Phu

*Có dầm Thị Nai có Cù Lao Xanh
Em về Bình Định cùng anh
Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa*

Hoặc:

*Về thăm Bình Định quê tôi
Để ăn nếp mới nấu xôi nước dừa*

Bồng Sơn, Tam Quan là xứ dừa Bình Định, dừa nhiều đến nỗi không thể nào tưới nổi:

*Công đâu công uống công thừa
Công đâu gánh nước tưới dừa Tam Quan
Công đâu cổng uống công hoang
Công đâu gánh nước Tam Quan tưới dừa
Ai về Bình Định ban trưa
Dùng chân uống bát nước dừa Tam Quan*

Hoặc:

*Lấy chồng Phù Mỹ ăn dưa
Lấy chồng Dương Liễu đập xơ dừa mỗi tay*

Bình Định có nhiều tháp đẹp như Tháp Đôi, Tháp Cánh Tiên, có Cầu Đôi nước chảy hai dòng, có đèo An Khê mịt mù mây phủ:

*Cầu Đôi đứng cạnh Tháp Đôi
Đôi ta đẹp lúa đẹp đôi trên đời*

Hoặc:

*Nước trên nguồn chảy tuôn ra biển
Cảm thương người một kiển hai quê
Cầu Đôi liền lối đi về
Mịt mù mây phủ An Khê, Phú Tài*

Câu ca dao dưới đây nhiều người đã nghe và thuộc lòng từ khi còn nhỏ, mãi đến lúc tuổi về chiều vẫn nhớ rành rành:

*Mẹ ơi đừng đánh con đau
Để con bắt ốc hái rau mẹ nhờ*

Bắc ốc ốc lúi vô bờ
Hái rau rau héo mẹ nhờ gì đâu

Hoặc:

Chim quyên ăn trái nhãn lông
Cá kia quen chấu vợ chồng quen hơi

Hay:

Đêm nằm gối gấm không êm
Gối lụa không mềm bằng gối tay anh

Đập đá, Gò Găng là những địa danh thường được nhắc tới trong ca dao Bình Định:

Anh về Đập Đá đưa dò
Trước đưa quan khách sau dò ý em

Hoặc:

Anh về Đập Đá quê cha
Gò Găng quê mẹ Phú Đa quê nàng

Hay:

Em về Đập Đá, Gò Găng
Không về Phù Mỹ sợ ăn củ mì

Hoặc:

Gò Găng có chợ có đình
Người quen thấy mặt thần linh chứng lời

Phú Phong, Gò Găng, An Thái là những nơi Sản xuất nón lá, dệt lụa, dệt lanh nổi tiếng:

Lụa Phú Phong nên duyên chồng vợ
Nón Gò Găng khắp chợ mến thương
Áo hồng quân lụa vấn vương
Nghiêng nghiêng chiếc nón gió sương bên chàng

Hoặc:

Anh về Bình Định thăm nhà
Tháng hai trở lại tháng ba cưới nàng
Cưới nàng đôi nón Gò Găng
Xấp lanh An Thái một khăn trầu nguồn

Gò Bồi, Cách Thử, Vũng Nôm là những nơi cung cấp nhiều cá, tôm, ai đi qua cũng nhớ đến mùi nước mắm:

*Gò Bồi có nước mắm cơm
Ai đi cũng nhớ cá tôm Gò Bồi*

Hoặc:

*Anh về dưới giã chiều hôm
Gánh phân đổ ruộng gió nôm bay lên*

Hay:

*Anh về qua cửa Đê-Zi
Nghe mùi chả cá chân đi không đành*

Hoặc:

*Chợ Thành chợ Dã
Chợ Dinh bán chả
Chợ Huyện bán nem
Chợ gồm đồ gốm
Phú Hội đồ đan
Tiệm đường ghé chợ Cảnh Hàng
Mua thêm chiếc võng cho nàng ru con*

Măng le trên nguồn, cá chuồn dưới vũng, là những đặc sản trao đổi nhau giữa miền cao rừng núi và miền biển:

*Ai về nhớ với nậu nguồn
Măn le gỏi xuống cá chuồn gỏi lên*

Hoặc:

*Em về dưới chợ Kỳ Sơn
Mua tôm mua cá đên ơn mẹ già*

Sông Côn, Lại Giang là đề tài của nhiều sử tích, là nguồn cung cấp nước cho cánh đồng Bình Định, tô thêm duyên sắc, sự chịu đựng đợi chờ của người con gái:

*Nước Lại Giang menh mang mùa nắng
Giòng sông Côn lai láng mùa mưa
Đã cam thánng đợi năm chờ*

Duyên em đực chịu trong nhờ quản bao

Hoặc:

*Nước chảy xuôi con cá buôi lội ngược
Nước chảy ngược con cá mược lội ngang
Thuyền em đậu bến Lại Giang
Sao thuyền anh lại ngược đàng Kim Sơn
Hay anh đem dạ giận hờn
Để cho em chịu cô đơn một mình*

Đi lên nguồn nước uống càng trong, xuống gần biển càng nhiều tôm nhiều cá:

*Muốn ăn đi xuống, muốn uống đi lên
Quán Ngõng Gò Chim, Cầu Chàm Đập Đá
Vũng Nồm nhiều cá, Vũng Bắc nhiều tôm
Chợ chiều bán cơm, chợ mai bán gạo*

Người con gái bán nước trà xanh tại chợ Quán Mới thôn Lộc Thuận, nổi tiếng là gái đẹp với mái tóc huyền và nụ cười duyên, làm dừng bước khách giang hồ, chạnh lòng người lữ thứ:

*Đi đâu vội vã anh ơi
Ghé chợ Quán Mới anh xơi chén trà
Hỏi thăm cha mẹ có nhà
Trước là thăm Bác sau là thăm em*

Hoặc:

*Chỉ điều sao khéo vấn vương
Gặp nhau một thuở mà thương suốt đời*

Chợ Dinh, chợ chiều cũng thường được nhắc đến qua các câu ca dao:

*Chợ Dinh bán nón quan hai
Bộ tua quan một bộ quai năm tiền*

Hoặc:

*Ngó lên hòn tháp Chợ Dinh
Biết ai có tưởng đến mình hay không*

Hay:

*Chợ chiều nhiều khế ế chanh
Nhiều con gái quá nên anh chàng ràng
Chàng ràng bắt cá hai tay
Cá kia sẩy mất chim bay về rừng*

Đôi khi người con gái phải xử trí khéo léo để tiện lợi
đôi chàng:

*Giếng sâu nhiều mạch giếng trong
Em đây không phải con dòng họ Phan
Cũng vì chút nghĩa duyên chàng
Cho nên em phải lập đàn xuống lên*

Tính nét đứng đắn của phái nữ làm phía nam nề
trọng:

*Ngó lên cây mít ít trái nhiều xơ
Con gái lẳng lơ trai kia bậy bạ
Con gái đàn hoàng trai nọ dám dâu*

Có những câu ca dao trong dân gian trách cứ nhau:

*Giếng sâu thăm thẳm
Con chim trên cao nó đổ tằm tằm
Nghĩa hơn anh tích để ngàn năm
Lẽ gì sớm viếng tối thăm duyên chàng
Nào ai ngờ bụng em ở dở dang
Sao mê xứ khác không phụ phàng đến ta dâu
Hồi nào anh nói em trao
Anh chờ em đợi tòng cao bá tòn
Thôi em ở vậy dương gian
Chồng em em giữ chữ nghĩa chàng em đừng quên*

Hoặc:

*Củ lang Đồng Phó
Đậu phộng Hà Nhung
Chồng bòn vợ mót đổ chung một gùi
Chẳng qua duyên nợ sứt sùi*

Anh giận anh đá cái gùi anh đi

Hình ảnh trò Ba, người học trò đi học xa, phảng phất trong ca dao:

Trò Ba đi học trường xa

Cơm canh ai nấu cửa nhà ai coi

Cửa nhà thời có cô Ba

Trầu cau cô Bốn rượu trà cô Năm

Chìa khóa giao lại cô Sáu cầm

Giang Sơn cô Bảy giữ tảo tần cô Tám lo

Tình yêu trai gái đôi khi kín đáo, yêu nhau tha thiết mà không dám tỏ tình:

Thương anh chẳng dám nói ra

Mỗi chiều đi dạo vườn hoa một mình

Hoặc:

Nhà anh thành vách khó dòm

Thương anh em khóc đổ lờm con người

Hay:

Ai về nhắn với ông câu

Cá ăn không giết để lâu mất môi

Vợ chồng phải làm hòa với nhau để tạo hạnh phúc gia đình:

Vợ giận thì chồng cười mơn

Hai tay vượt nạng giận hờn làm chi

Hoặc:

Chồng giận thì vợ làm thịnh

Vợ giận chồng hỏi rằng mình giận ai

Vợ rằng giận trúc giận mai

Vợ chồng ai có giận ai bao giờ

Bình Định và Quảng Ngãi thường tranh chức Thủ khoa tại các kỳ thi mở tại trường thi Bình Định, qua các câu ca dao sau đây:

Tiệc công Quảng Ngãi đường xa

Để cho Bình Định thủ khoa ba lần

Hoặc:

Tiệc công Bình Định xây thành

Để cho Quảng Ngãi vô danh thủ khoa

Ngày xưa, trai Bình Định ra Huế thi, khi về mời gọi
gái Huế theo chàng, đến nơi có biển đông sóng vỗ, có
Tháp Chàm ghi sử tích anh hùng hào kiệt:

Mãng vui Hương thủy, Ngự bình

Ai vô Bình Định với mình thì vô

Chẳng sang chẳng lịch bằng đất kinh đô

Nhưng Bình Định không đồng khô cỏ cháy

Ba dòng sông chảy, bảy dãy non cao

Biển đông sóng vỗ dạt dào

*Tháp xưa làm bút ghi tiếng anh hào vào mây
xanh*

Qua ca dao, chúng ta đã nghe một số câu đố phải nữ
hỏi phái nam và bây giờ chúng ta nghe nam hỏi nữ:

Tiếng đồn chị hay chữ

Gái Bình Định có tài

Vậy chúng tôi hỏi chị

Con hư tại mẹ là sai

Chồng hư hỏi chị tại ai chị nói giùm?

Ca dao Bình Định gồm nhiều thể loại khác nhau,
được truyền tụng trong dân gian qua nhiều thế hệ.

Tôi sưu tập một số câu ca dao trên đây do sự truyền
khẩu của bạn bè và người quen quê quán Bình Định, xin
cố gắng quý vị để nhớ lại quê hương xứ sở của chúng
ta, nằm bên kia bờ Đại dương, nửa vòng quay trái đất:

Ca dao Bình Định thật hay

Câu thơ như giọt rượu cay ấm lòng

Quê hương trái đất nửa vòng

Ngày thương đêm nhớ như mong mẹ về

Anh giận anh đá cái gùi anh đi

Hình ảnh trò Ba, người học trò đi học xa, phảng phất trong ca dao:

Trò Ba đi học trường xa

Cơm canh ai nấu của nhà ai coi

Cửa nhà thời có cô Ba

Trầu cau cô Bốn rượu trà cô Năm

Chìa khóa giao lại cô Sáu cầm

Giang Sơn cô Bảy giữ tảo tần cô Tám lo

Tình yêu trai gái đôi khi kín đáo, yêu nhau tha thiết mà không dám tỏ tình:

Thương anh chẳng dám nói ra

Mỗi chiều đi dạo vườn hoa một mình

Hoặc:

Nhà anh thành vách khó dòm

Thương anh em khóc đổ lờm con người

Hay:

Ai về nhắn với ông câu

Cá ăn không giết để lâu mất môi

Vợ chồng phải làm hòa với nhau để tạo hạnh phúc gia đình:

Vợ giận thì chồng cười mơn

Hai tay vuốt nụng giận hờn làm chi

Hoặc:

Chồng giận thì vợ làm thịnh

Vợ giận chồng hỏi rằng mình giận ai

Vợ rằng giận trúc giận mai

Vợ chồng ai có giận ai bao giờ

Bình Định và Quảng Ngãi thường tranh chức Thủ khoa tại các kỳ thi mở tại trường thi Bình Định, qua các câu ca dao sau đây:

Tiếc công Quảng Ngãi đường xa

Để cho Bình Định thủ khoa ba lần

Hoặc:

Tiệc công Bình Định xây thành

Để cho Quảng Ngãi vô danh thủ khoa

Ngày xưa, trai Bình Định ra Huế thi, khi về mời gọi
gái Huế theo chàng, đến nơi có biển đông sóng vỗ, có
Tháp Chàm ghi sử tích anh hùng hào kiệt:

Mãng vui Hương thủy, Ngự bình

Ai vô Bình Định với mình thì vô

Chẳng sang chẳng lịch bằng đất kinh đô

Nhưng Bình Định không đồng khô cỏ cháy

Ba dòng sông chảy, bảy dãy non cao

Biển đông sóng vỗ dạt dào

Tháp xưa làm bút ghi tiếng anh hào vào mây xanh

Qua ca dao, chúng ta đã nghe một số câu đố phải nữ
hỏi phái nam và bây giờ chúng ta nghe nam hỏi nữ:

Tiếng đồn chị hay chữ

Gái Bình Định có tài

Vậy chúng tôi hỏi chị

Con hư tại mẹ là sai

Chồng hư hỏi chị tại ai chị nói giùm?

Ca dao Bình Định gồm nhiều thể loại khác nhau,
được truyền tụng trong dân gian qua nhiều thế hệ.

Tôi sưu tập một số câu ca dao trên đây do sự truyền
khẩu của bạn bè và người quen quê quán Bình Định, xin
cố gắng quý vị để nhớ lại quê hương xứ sở của chúng
ta, nằm bên kia bờ Đại dương, nửa vòng quay trái đất:

Ca dao Bình Định thật hay

Câu thơ như giọt rượu cay ấm lòng

Quê hương trái đất nửa vòng

Ngày thương đêm nhớ như mong mẹ về

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Đặc San Bình Định 173

Mùa xuân trong ký ức

NGỌC AN

Chu kỳ trái đất, một năm có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông Thời tiết của bốn mùa cũng khác biệt nhau, mùa Xuân ấm áp, mùa Hạ nóng nực, mùa Thu mát mẻ và mùa Đông rét lạnh đó là khí hậu thực tại của chúng ta : Hoa Kỳ, còn các nước khác thật tình chúng ta không nắm rõ, duy nước Việt Nam yêu dấu của chúng ta thì bốn mùa cũng không lấy gì xác định rõ ràng lắm, bởi nóng dường như quanh năm, mùa đông cũng chẳng thấy lạnh bao giờ, chỉ hơi se lạnh vào dịp Noel mà thôi, bởi vậy những chiếc áo len dày cộm, những áo Jacket hoặc thậm chí bộ Veston cũng khó lòng mà mặc vào những tiệc cưới thời điểm không phải là mùa Noel hay tết

Ở Việt nam có hai mùa rõ rệt : Mùa nắng và mùa mưa, mưa thì ôi thôi...thời trời tối đất, cho nên cây cối có phần tốt tươi sẫm uất, những ngọn núi chẳng chịt cây xanh cao ngất chừ không là núi trọc như ở Hoa Kỳ này...những con đường trơn trượt vào mùa mưa, tai nạn giao thông xảy ra hàng ngày, hàng giờ, hàng phút...mưa như thác đổ, câu nói này rất đúng, những ngôi nhà có mái lợp bằng tôn lạnh hoặc tôn cemen cơn mưa lớn đổ xuống âm âm hòa lẫn tiếng sét, tiếng gầm của không gian long trời lở đất, ở trong nhà hồn vía cũng muốn bay lên mây đừng nói chi đang mắc kẹt ngoài đường phố hay nương rẫy...Cách đây khoảng 20 năm tại miền Tây (hậu giang) đã có một vụ sét đánh người chết đứng giữa ruộng và thỉnh thoảng vẫn nghe thiên hạ bàn tán sét đánh vào nhà, sét đánh vào những tàng cây có người ẩn úp lúc mưa

to...Việt Nam có những tình huống mà vào thời chiến tranh ở thập niên 50 những nơi vắng vẻ ít dân cư thường có ma, dân chúng đi xem cải lương về khuya, qua các cây lớn như cây da, cây me thường bị ma nhát, có khi con ma nó rớt từ cánh tay xuống, rồi rớt từ cái chân xuống, có khi cái đầu rơi xuống đất đánh phịch, cũng có khi trên lộ đêm lù lù một đồng thật lớn, càng tới gần càng lớn lên chặn cả ngã đường và lúc ấy người ta ù té chạy bán sống bán chết...Một việc mà tôi tin là đúng sự thật dù lúc ấy tôi chỉ lên 5 tuổi, nhưng đã in sâu trong tiềm thức không quên, Ba tôi đã bị ma dấu vào một hóc cây lớn khi ông đi họp về khuya, lúc đó đang thời kỳ phục hưng của thể chế Tổng Thống Ngô Đình Diệm, một nhà ái quốc anh minh và khí tiết, vào năm 1958 có lần ông Ngô Đình Diệm đích thân đến thăm trường tư thục Lạc Hồng do Ba tôi vừa làm Hiệu Trưởng vừa làm thầy giáo dạy học, Tổng Thống đã tặng Ba tôi 2000\$ và gởi Ba tôi một bằng khen thưởng...ngày ấy tôi còn nhớ Tổng Thống mặc một bộ veston màu xám đen, đầu đội mũ nỉ xám có vành, tay cầm cây gậy baton dài, gương mặt sáng tinh anh đầy phúc hậu, trước những hàng học sinh đứng nghiêm chỉnh chào Tổng Thống, tôi chỉ là con bé con nhỏ xíu đứng hàng đầu, Tổng Thống bước tới xoa đầu tôi cười nhân hậu... Giờ này ông đã đi thật xa vào thế giới vô hình và Ba tôi...cũng không còn nữa, nhưng kỷ niệm thì không bao giờ mất trong trí óc nhỏ nhoi này. Tôi vẫn còn nhớ rõ như in trong đầu những câu châm ngôn mà ba tôi viết bằng bút "Rong" rất đẹp treo trên tường để răn dạy học sinh : Trò chơi chẳng thiếu thứ gì, Trò cây đánh lộn em thì chớ nên...Tiên học lễ, hậu học văn...tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác...Có học phải có hạnh...những câu châm ngôn đó là nền tảng của trường tư thục Lạc Hồng,

sau này học sinh xuất thân từ trường của ba tôi đều nên danh phận – Trong huyện này không ai mà không biết ông giáo Tình, nhất là ông Quận Trưởng kính trọng và thân tình một mực với ba tôi...Cho đến bây giờ tôi cũng không tìm lại được từ bốn thập niên qua những nét chữ viết bằng bút Rong rất đẹp như của ba tôi – Thật tình mà nói ba tôi có thực tài về ngòi bút Rong, tôi tiếc là đã không học nghề của ba và sau đó cây bút Rong cũng bị quên lãng trôi dạt về đâu, dọn nhà về tỉnh Ba tôi phải lo kinh tế gia đình, ba tôi vào làm cho hãng Ba Xoong tại Gia Định với chức vụ Phó Giám Đốc vào năm 1960 -

Lúc ba tôi còn dạy học, tôi nhớ có một lần Ba tôi đi họp trong quận vào buổi chiều lúc 4 giờ, không hiểu sao tới sáng hôm sau cũng không thấy về nhà, Mẹ tôi và các anh chị em tôi học tốc đi tìm, khi ngang qua hốc cây lớn nhìn sâu vào trong mới biết Ba tôi bị ma dấu trong hốc cây, miệng còn đầy những vãi vụn nhét cứng không ú ớ được tiếng nào...chúng tôi phải đưa Ba tôi ra khỏi hốc cây và đưa về nhà, chừng tỉnh táo nghe Ba tôi kể lại mới thật sự biết là có ma dấu thật và từ đấy ít khi ai dám ra đường về đêm nữa...

Vào thời điểm chiến tranh, những biến cố như in đậm nét trong đầu tôi, tôi không thể nào quên được ngày chạy loạn, Ba Mẹ tôi lạc nhau, Mẹ tôi phải dìu dắt 5 con thơ trong vùng lửa đạn ngút trời, tôi lúc ấy vừa hơn 3 tuổi, em út tôi vừa hơn 1 tuổi...chạy trước đạn đuổi theo sau, mấy mẹ con tưởng đã chầu diêm vương mấy kiếp rồi ! Đêm đến không biết phải ẩn vào đâu qua đêm, mọi người chạy tán loạn cũng đã lạc mỗi người một hướng, Mẹ tôi túng cùng phải dẫn 5 chị em tôi vào núp trong một đám nương mì (cây khoai mì) rậm rạp...Nửa đêm nghe tiếng voi gầm, càng lúc càng gần, mà đến mấy con voi gầm chứ

không phải một con, khi chúng đến nơi Mẹ con tôi thiếu điều ngất xỉu, Mẹ tôi lấy hết bình tĩnh cầu nguyện Phật Trời, Thượng Đế cứu nguy...May thay, đàn voi quật ngã mấy cây chuối gần bên rồi bỏ đi, thế là mấy mẹ con tôi được sống, bây giờ nhớ lại lòng tôi ghen ngào, thổn thức bởi mẹ tôi cũng không còn trên thế gian này nữa !...

Tôi còn nhớ...Ba tôi là một học giả uyên thâm, ông giỏi nhiều ngôn ngữ và đã từng du học nước ngoài... Năm đó vì tình hình phải ẩn thân nơi vùng thâm sơn cùng cốc, một chiều nọ có một toán công an vào nhà bắt Ba tôi đem về tỉnh Bà Rịa giam và điều tra tàn ác, chúng đổ nước lạnh vào mũi, châm điện chạy vào tay chân, Ba tôi vẫn cương quyết chịu đựng, bởi vì ông bị nghi ngờ, bắt oan thì biết gì để khai, cuối cùng chúng phải thả Ba tôi về sau khi đã giam giữ hành hạ 6 ngày liên tục...ba tôi về nhà ngồi buồn làm mấy câu thơ :

Hăm ba tháng chạp vừa qua
Công an chiến dịch vào nhà bắt tôi
Tưởng rằng có việc lôi thôi
Dem đi Bà Rịa giữ tôi sáu ngày
Điều tra liên tiếp ba ngày
Té ra chẳng biết chẳng hay việc gì
Về nhà ngày nghĩ đêm suy
Biết ơn chính phủ không khi nào bằng...

Từ đó gia đình tôi trong đầu đã phát sinh hình tượng hận thù lũ công an ác độc, nhưng vẫn phải sống tại nơi này không thể dời nhà đi đâu vì tình cảm xóm giềng, tình cảm của ông Quận Trưởng và nhất là tình cảm của phụ huynh, học sinh đang học với ba tôi...và nữa...đám vườn, đám ruộng bê bê mà ba Mẹ tôi đã đổ biết bao mồ hôi công sức...Tôi vẫn nhớ những ngày tết nơi đây, vào sáng mồng 1 tất cả mặc quần áo mới, dày giép mới đứng xếp

hàng dài khoảng 60 đứa kéo nhau đi đến từng nhà hàng xóm, Ba tôi dẫn đi chúc tết để học sinh kiếm tiền lì xì mà...tới đâu là cả đám nghiêm chỉnh hát lên :

Chúng cháu là học sinh
Trường tư thực ông Tình
Đến đây chúc năm mới
Chúc may mắn suốt đời
 Chúc sống lâu trăm tuổi
Chúc bình yên vô sự
Chúc gặp lành tránh dữ
Chúc hạnh phúc đời đời
Chúc phú quý nơi nơi
Chúng cháu có đôi lời
Đến đây chúc năm mới...

Năm nào cũng vậy, ngày tết vui không thể tưởng, đêm giao thừa thức sáng đêm không ai ngủ cả, già trẻ gái trai tụ họp hát hò, nấu bánh tét bánh chưng, đúng 12 giờ khuya dọn ra sân cúng giao thừa rồi nổ pháo rền trời, đặc biệt là ai về nhà nấy trước giao thừa, bởi tục lệ ông bà là như thế, không ai được ở nhà ai hoặc ngoài đường khi bước qua đầu năm mới, mồng 1 mồng 2 mồng 3 tết không được quét nhà cho nên mấy ngày tết nhà cửa tràn đầy những xác pháo đỏ, pháo hồng loạn xạ...ngày nay những tục lệ đó đã bị phôi thai rồi, nhất là ở Hoa Kỳ, giao thừa chả mấy nhà cúng kiếng ngoài sân, mồng 1 tết 5 giờ sáng đã dậy lui cui bỏ cơm canh vào giỏ mang đi làm, chả cử kiêng sẽ cực suốt năm gì cả, cho nên dùng từ cày như trâu cũng không ngoa tí nào phải không thưa quý vị? Đã như thế thì còn tết với nhất gì nữa, ối chớ chớ...nhắc lại mà phát ớn , vậy mà tôi cũng chịu đựng được 13 cái tết như thế rồi đó các bạn ơi...ồ ! xin lỗi nhen, tôi nói hơi

dóc bởi vì cái tết Quý Mùi tôi đã bị layoff rồi còn đâu, và tôi biết chắc rằng vài cái tết nữa tôi cũng chẳng tìm ra việc làm như ý đâu với tình trạng đất nước Hoa Kỳ trong cơn dâu bể, thế là tôi được 2 mùa xuân ngủ đã đời, ngủ để quên khỏi ra đường xuất hành, biết đi về đâu mà xuất hành xuất tử ? đời đã không đãi ngộ thì tìm kiếm chỉ mất công thôi các bạn ơi, “ có phần không cần gì lo” “ bôn ba không qua thời vận” mà li...

Tôi còn nhớ vào khoảng năm 1968 tôi theo ông xã ra sống ở Quân Hàm Tân (Tam Tân) thuộc tỉnh Bình Tuy, vào đầu xuân năm đó có chuyện rất lạ, nếu những ai cư ngụ tại quận này vào thời điểm đó không thể không biết...Chuyện là thế này :

Một hôm đột nhiên ngọn lửa từ đâu bốc cháy trên mái nhà hàng xóm sát nhà tôi đang ở, ngọn lửa màu xanh um không đỏ như những vụ cháy bình thường, mà rất lạ ngọn lửa cháy ngược lại với hướng gió thổi... chú lính leo lên dùng chân và bao cát dập tắt ngọn lửa, lạ lùng lửa không nóng, không hề xây xát gì chú lính cả, nhưng mái nhà vẫn bị cháy một lỗm lớn, một lát sau anh chị Trung sĩ Thành thách thức rằng : ma cỏ gì mà ma cỏ, lửa ma hủ, cháy thử coi...tức thì ngay trong chiếc vali quần áo của anh chị phục lên ánh lửa cũng màu xanh và quần áo bên trong cháy rụi thành tro...Chuyện này đến tai ông Quận Trưởng lúc đó là Thiếu Tá Thiện ông công giáo nên không tin, ông đến nhà anh chị Thành nhìn cảnh tượng và nói : Tôi công giáo tôi không tin việc này, làm gì mà có ma lửa, tức thì mũi giày ông đang mang phát lên ngọn lửa, ông hoảng hốt kêu cứu, mọi người phải lấy bao cát dập tắt cho ông...Chuyện lạ này xảy ra liên tục trong vòng 4 tuần lễ, ai thách thức là cháy ngay trước mặt, cháy ngay bên cạnh hoặc cháy ngay nhà mình, cháy bất cứ đồ

vật gì của người thách thức, tôi ngày ấy thê thảm lắm, cả ngày ở ngoài đường không dám vào nhà, sợ chết oan mạng, đồ đạc quý, tốt, giấy tờ cần thiết luôn nằm ở ngoài sân phòng khi cháy nhà còn giữ lại được những gì cần giữ... Thường thường là đến 2 giờ sáng mới dám vào nhà ngủ, mà cũng lạ lửa chỉ cháy vào ban ngày chứ không cháy vào ban đêm. Tình trạng nháo nhác ăn không được, ngủ không yên cả tháng trời cho quận lỵ Hàm Tân mà cho đến bây giờ tôi mới có dịp viết ra một sự thật lạ lùng này, trong đời tôi chắc chắn không thể gặp lần thứ 2. Nếu vị nào đọc được bút ký ngắn này, mà biết sự thật này, tức là nhân chứng sống hãy đến tìm tôi vì chắc chắn là hàng xóm của tôi trong thời điểm đó rồi bạn ạ ! Tôi không quen viết truyện, hồi ký hoặc làm thơ bằng hư cấu, tưởng tượng, cho nên những gì tôi viết ra đều là thật, thật đến 100% đó quý vị ạ !

Năm mới mà tôi nói chuyện quái gở, chuyện ma có nhiều e không vui phải không quý đọc giả ? nhưng nó không phải là chuyện buồn mà chỉ là chuyện lạ muốn quý đọc giả thân thương cùng chia xẻ tận tường những việc khó tin mà có thật...Bây giờ tôi đổi chủ đề vậy , tết này tôi chắc chắn không dậy sớm đi cày rồi, quý vị hãy cùng tháp tùng tôi đi thăm nước Pháp nhé ? Rồi tôi sẽ hướng dẫn các bạn đi cả Bỉ (Bruxells), Hoà Lan , Đức Quốc, Thụy Sĩ ... nhưng những nước này tôi chỉ ghé một vài hôm nên không biết chi nhiều, còn nước Pháp và Bỉ tôi trú lại hơn một tuần nên tôi tham quan biết hơi khá một chút, mời các bạn theo tôi đến thăm xứ Paris hoa mộng (thủ đô ánh sáng) trước nhé :

Chúng ta hãy bắt đầu chuyến du hành từ xuôi theo giòng sông Seine , bắt đầu là cầu Iéna dưới chân tháp Eiffel đến cầu Alma (Pont de L'alma) nơi công chúa Lady

Diana tử nạn , rồi chúng ta đi tiếp đến cầu Invalides (Pont des Invalides) tiếp đó là cầu Alexandre III (Pont Alexandre III) cầu này được xây vào năm 1886 và hoàn tất vào năm 1900 cho cuộc đấu xảo thế giới (Exposition Universelle) cây cầu này được trang trí tốn kém nhất với 4 tượng mạ vàng trên 4 góc cầu tượng trưng cho : Thương Mãi, Công Nghiệp, Khoa Học và Nghệ Thuật. Từ cầu này nhìn thẳng vào là Les Invalides nơi yên nghỉ cuối cùng của Hoàng Đế Napoléon cùng các danh tướng của nước Pháp, nơi đây cũng là nhà thương đầu tiên cho các thương bệnh binh...quay lưng lại với Les Invalides là 2 ngôi điện được xây từ năm 1900 là Grand Palais và Petit Palais . Kế đó là cầu Concorde (Pont de la Concorde). Hạ Nghị Viện nước Pháp đối diện với quảng trường Concorde nơi chôn đầu vua Louis 16 – Marie – Antoinette, giữa quảng trường là cây cột Luxoz được đem từ Ai Cập về. Quanh quảng trường là 8 hình tượng, tượng trưng cho 8 thành phố lớn của nước Pháp, dọc dài theo bờ sông Seine là vườn Tuileries, đối diện vườn Tuileries là Bảo tàng Viện Orsay mà xưa kia là một nhà ga lớn của Pháp. Tiếp đến là Bảo Tàng Viện Bouvres ...Trong những cây cầu chạy dài trên sông Seine có một cây cầu duy nhất được lót bằng cây đó là cầu Pont des Arts. Đi một đoạn nữa là đến đảo Cité (Ile de la Cité) đã chia sông Seine ra làm hai nhánh, một bên là Tòa Án (Palais de la Justice) và một bên là Tổng Nha Cảnh Sát (Préfecture de la Police) của Paris, nối theo là đảo Saint Louis . Nhà thờ Notre Dame de Paris nằm bên cạnh ngược bên giòng sông Seine...

Nếu là lần đầu tiên đi dưới cầu Marie (pont Marie) thì chúng ta nên khẩn nguyện để xin một điều ước cho riêng ta, rất hiển linh và hiệu quả, đó là theo lời dân nước

Pháp nói lại nên hôm đó tôi cũng lâm râm cầu nguyện sao cho dân quốc được bình yên, nhà nhà hoan hỉ...và quý vị đã tháp tùng với tôi, chúng ta hãy cùng nhau khẩn nguyện cho non sông nước Việt an cư, thái bình để có một ngày thật gần thôi chúng ta sẽ trở lại nơi chôn nhau cắt rốn, nơi đã nuôi dưỡng chúng ta thành người, nơi đã cho chúng ta biết bao là kỷ niệm suốt đời còn lại không quên...

Kế theo đó là Tòa Đô Cảnh của Paris (Hotel de Ville), đi một đoạn nữa sẽ đến cây cầu xưa nhất cũng bắc ngang sông Seine được đặt tên là Pont Neuf, mặc dầu nó mang tên “ cầu Mới” nhưng nó là cây cầu xưa nhất của các cây cầu bắc ngang trên giòng sông Seine...Cây cầu mới nhất của Paris là cầu Charles De Gaulle nối liền nhà ga Austerlitz và nhà ga Lyon . Tổng số cầu bắc ngang sông Seine trong thành phố Paris là 22 cây cầu cả thủy . Chúng ta đã tham quan bằng thuyền trên giòng sông Seine hơn 2 giờ liền, bây giờ chúng ta lên bờ nhé...nơi đây đường xá có phần chật nên những chiếc xe phần đông ngấn đôn để dễ đậu vào parking, thường thì cư dân ở Pháp họ dùng xe Renault, Peugeot của Pháp chế tạo, hai bên đường phố rất hẹp nên phần đông dân chúng dùng phương tiện lưu thông bằng xe Métro (xe điện ngầm) và đi xuyên bang các nước bằng xe Bus và tàu thủy, đã đến Paris chúng ta không thể không đến khu 13 nơi đây người Việt sinh sống rất đông, những nhà hàng, khu buôn bán phần nhiều của người Việt và người Hoa, các bạn muốn mua sắm hoặc ăn uống thức ăn người Việt nơi đây sẽ cung ứng đầy đủ, tại đây chúng ta hãy vào thăm Miss Sài Gòn Restaurant bán toàn thức ăn VN và anh chị chủ quán lịch sự vui vẻ vô cùng khi gặp đồng hương từ các nước đến ...Nơi đây các nước không cách

xa nhau lắm nên chỉ cần dùng xe Bus từ sáng đến tối là ta đã đến một nước khác rồi, hãy chịu khó cực khổ ngồi xe Bus 12 tiếng đồng hồ là quý vị đã đến được Vương Quốc Bỉ rồi đó... đầu tiên tôi xin mời quý vị đi thăm đồi Sư Tử Waterloo, nơi mà cách nay gần hai thế kỷ là một chiến trường khốc liệt giữa quân Pháp do tướng Nã Phá Luân chỉ huy với Liên quân Anh – Hòa lan – Bỉ – Phổ và Nga ...

Ghi chú: Để thăm viếng các nước Bỉ – Hòa Lan – Đức – Thụy Sĩ ... Xin xem tiếp trong Đặc San Bình Định kỳ tới.

Lời Tỏ Tình Mùa XUÂN

*****000*****

Mùa Xuân con én đưa duyên
Cho đôi lứa đến gần liền bên nhau
Kìa đôi mắt biếc xôn xao
Kìa hoa đua nở đón chào Xuân sang
Nụ cười e ấp chứa chan
Ngập ngừng se sắt như đang tỏ tình
Nói chi duyên thắm đôi mình
Ngỏ chi lời ước trao tình trăm năm
Ngẩn ngơ mây nước xa xăm
Đắm trong khóe mắt âm thầm dấu yêu
Giờ đây nhan sắc điểm kiêu
Cho lòng xao xuyên ra chiều luyến lưu
Cho nhau đính ước thiên thu
Khôi tình xin ngỏ cho dù đắng cay !

Xuân 2005

Nguyễn Đăng Khoa

TRƯA HÈ TRÓN NGỦ

Thu Ngân

Nhớ lúc xưa còn nhỏ
Ở làng mạc quê tôi
Ngày nay ngồi nghĩ lại
Ôi thương nhớ nhiều thêm

Trưa hè nào cũng vậy
Trón ngủ ra bờ ao
Bắt cá, cua, lươn, trạch
Rồi leo trèo cây cao

Bọn em đi từng đám
Chạy nhảy khắp mọi nơi
Đứa leo trèo cây ôi
Đứa hái sung ăn chơi

Tuổi thơ ngây kỳ lạ
Có nhiều cái cũng hay
Không ngắt bông hoa dại
Thì cũng đám cỏ may

Đứa thích gấp thuyền giấy
Đem ra thả trôi sông
Thích tắm mưa ,lội cống
Thế có nghịch lắm không ?

Một hôm trời mưa giở
Bên song cửa nhà em
Anh hồi đó cũng nhỏ
Bày đặt sang làm quen

Bị bà Nội quở mắng
Ba Mẹ nói chẳng nghe
Trưa nào cũng trón ngủ
Đề ra chơi câu tre

Có hôm bà Nội dọa
Có con ma ngoài ao
Cháu ra hoài nó bắt
Bà không biết làm sao?

Nhưng chúng cháu không sợ
Vẫn rủ nhau ra chơi
Xúm xít năm bảy đứa
Như đám vượn đười ươi...

Đêm nay nằm ôn lại
Những chuyện vụn năm xưa
Cửa một thời thơ dại
Nghe lòng mình kỳ chưa !?

Còn học làm Bác sĩ
Cô y tá nhà mình
Cô giáo làng duyên dáng
Cô dâu hiền xinh xinh.

Chuyện Cười Vui Xuân

PHAN VĂN HÀM

Nhân dịp Xuân Ất Dậu, Tết Con Gà, tôi xin kể một chuyện vui có thật xảy ra vào năm 1965, khi gia đình tôi cư ngụ tại Thị xã Pleiku, thuộc cao nguyên Trung phần Việt Nam; nơi tôi đang làm Trưởng cuộc Công an.

Nhà vợ tôi có nuôi một con gà mái đẻ. Chuồng gà ở ngoài mái hiên, có đẻ một cái ổ cho gà đẻ. Bất ngờ một đêm tối trời 30 tháng chạp tết năm Ất Ty (1965), tên trộm nhảy rào vào bắt con gà mái và bung lôn ổ trứng đi mất. Đến sáng mừng một Tết vợ tôi ra ngoài đến chỗ chuồng gà xem thấy mất con gà và ổ trứng. Vợ tôi mới tri hô lên, định chửi bới kẻ trộm nào bắt nhân bắt mất con gà và lấy luôn ổ trứng. Tôi thấy vậy mới khuyên vợ tôi đừng làm ồn ào sáng mừng một Tết không tốt. Tôi bèn làm một bài thơ “thất ngôn bát cú” và bảo vợ tôi dán ở chuồng gà với mục đích để khuyên răn kẻ trộm một cách tao nhã. Bài thơ như sau :

*“ Nhà tao có mất con gà mái,
Bay bắt nó rồi hãy thả ra.
Đứa lớn dạy răn cùng đứa nhỏ,
Đàn ông khuyên nhủ với đàn bà.
Buông tha chồng đặng về mừng vợ,
Chấp chừa con thời chết bỏ cha.
Nuôi nắng công lao tao quá tiếc,
Xóm gần ráo riết đến làng xa. ”*

Qua ngày hôm sau vào mừng hai Tết, tôi và vợ tôi ra chỗ chuồng gà xem lại, thấy có bài thơ cũng “ thất ngôn bát cú” họa lại dán tại chuồng gà gần bài thơ của tôi. Bài họa như sau :

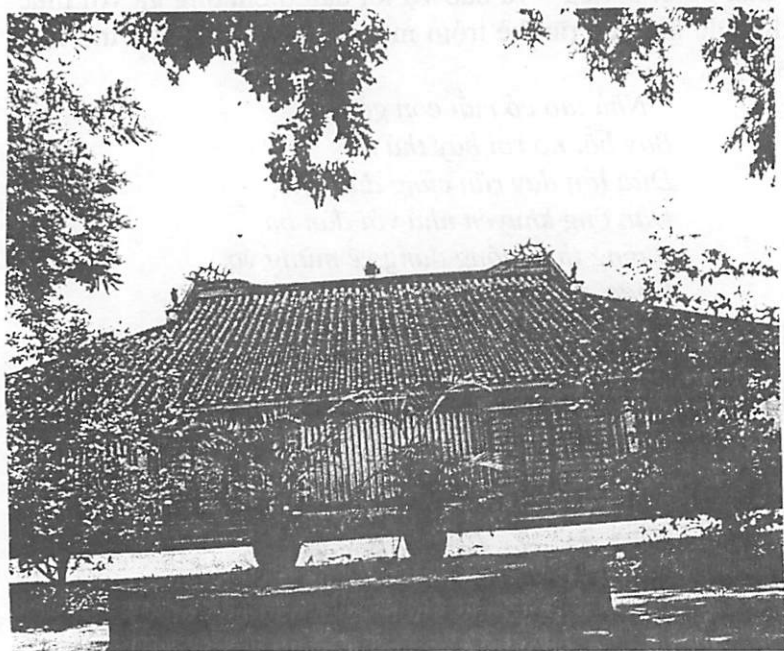
*“ Tôi đây vừa bắt một con gà,
Bắt đặng nó rồi chẳng thả ra.
Đứa lớn nhỏ lông cùng đứa nhỏ,*

*Đàn ông kho nấu với đàn bà.
Phao câu béo lấm chồng nhường vợ,
Chéo cánh ngon giòn con kính cha.
Nuôi nấng mãn chi mà quía tiếc,
Xóm gần bắt riết đến làng xa “*

Không ngờ tên trộm này là một tay tham lam , lì lợm, cũng có chút tài thi phú , đã trộm ổ trứng và con gà còn họa lại bài thơ trên ghẹo. Thế mới biết tên trộm này cũng là một tay hảo hán dám vào tận nhà tôi “ sò dái ngựa “ và đáp lễ đầu năm với bài thơ khá dí dỏm !

Nay nhân dịp Xuân về lại là năm Ất Dậu con gà, tôi nhớ lại chuyện cũ trên đây , xin kể lại cùng bạn hữu vui Xuân, trong lúc trà dư tửu hậu, bên ly rượu nồng, thịt cá ê hề không còn thiếu thốn như bên nhà phải đi “ chôm chia “ gà hàng xóm về để vui Xuân.

Xuân Ất Dậu 2005
Phạm văn Hàm



Thuyền Dạ Khách

Bến nước sâu trắng, chày lừng lờ
Ngập ngừng thu ủa, lá thu rơi
Thuyền ai trên sóng là lời
Thuyền tôi đợi gió ngàn khơi thổi về ...

Qui nhơn gió lạnh, bến buồn tênh !
Mặc khách sâu trông sóng vỗ về
Đêm sao sáng nổi đê mê
Trôi miên miên viễn, bến bờ vô biên ...

Đêm dạ khách nổi buồn miên viễn
Rượu lạt sâu, đắng nổi cô đơn
Đêm nay đom đóm đầy trời
Chấm lòng sáng tối nửa vời say sưa

Tình đã chết sao lòng ray rức
Rượu đã tan, men lại còn nồng
Hương xưa, gió thổi mên mông
Lòng như riệu chết bên bờ xa xôi

Bóng vẫn sóng, sao lòng mê mãi
Hồn đã điên trí vẫn còn bình !
Cạn mùi quá khứ đón mời tương lai ...

Trăng không sáng Cù Lao Xanh khuất
Vận chưa về thuyền vẫn còn neo
Miên man sóng vỗ vì vèo
Thuyền trăng chờ nặng kiếp bèo viễn phương !...

Mạnh Linh Diệp Kỳ Mãnh

Thuyền neo trên bến sông Bạch Đằng Qui Nhơn—1978—

Đi Giữa

Hoàng Hôn

TÂM TRIỀU

Bóng người đổ dài trên bãi cát ven biển, hai người đàn ông đi song song, có thể là thanh niên, hình như chiếc bóng không có tuổi tác. Nhưng hai người đang dạo bước nhìn ra, đó là các vị cao niên Công Bình và Hữu Lễ cũng họ Phạm.

- Này Bác, có lẽ mấy con chim Hải Âu kia, chúng cũng không còn ngăn mình nữa. Chim đâu có thềm tránh mình, lại còn ngẩng cổ nhìn lại cơ chứ. Chả bù gặp đám người khác, chim đã ù té cao bay thẳng cánh từ lâu rồi.

- Thì Bác và Tôi nay thành các tiên ông hiền từ, nên chim cũng trực giác thấy không khí hòa bình và thân hữu.

Hai tâm tư cùng miên man trở về hành trình quá khứ, một dĩ vãng xa như tiền kiếp.

- Bác có nhớ thuở bọn mình còn là các chú lỏi tí chạy đuổi theo con dã tràng cuống quýt chui vào các lỗ nhỏ trên bãi cát ở Việt Nam.

Ngày ấy thắm thoát đã trên nửa thế kỷ rồi, thời gian trôi nhanh tựa bóng câu qua cửa.

Hoàng hôn trên bãi biển đang rực rỡ vàng son cùng với hai người đàn ông nữa cũng vào tuổi hoàng hôn.

Họ nhìn lại đoạn đời đã qua, với thời gian nay trở thành mật ngọt say name như loại rượu quý. Những nhan sắc người tình lại càng thêm lộng lẫy hơn trong hồi tưởng. Bao nhiêu công danh phú quý, những ba đào chìm nổi, hạnh phúc khổ đau của một đời hoạn lộ, tất cả thành những bức họa tuyệt phẩm, lập thể hay siêu thực hoang đường.

- Hãy nhìn mặt trời càng xuống thấp, lại đỏ như gấc, với diện mạo của kẻ say rượu! Bác còn nhớ lời một nhà văn Pháp không? Mặt trời lặn nhìn người già luống tuổi đang tàn phai và ông lão cũng nhìn lại mặt trời sắp ngủ yên. Sao ngậm ngùi quá nhỉ!

Cụ Bình rít thêm một hơi thuốc dài trong chiếc tẩu đỏ rực lên lần cuối, đúng lúc mặt trời đã chìm xuống trong biển xanh.

- Ngày xưa Tô Vũ bị lưu đầy gần mãi kiếp nơi xứ người, đến ngày được hồi hương thì tóc đã bạc trắng. Thế nhưng bọn mình tóc bạc từ lâu đến hói đầu, chẳng còn tóc tai, răng long rụng cũng đã gần hết rồi, mà ngày về cố quốc vẫn xa thăm nghìn trùng.

Các đợt sóng thần chồm lên cao, bỗng đổ ào xuống âm âm, tưởng như tiếng thở dài của hai vị cao niên.

Cụ Bình mân mê tặng phẩm do cụ Lễ trao tặng nhân ngày sinh nhật thứ 80. Đây là một đồ chơi dành cho tuổi già tại Mỹ: một chiếc cần câu bắt cá ở trên cạn. Đó là dụng cụ để nhặt lượm các đồng su hào rơi rớt từ kẻ qua đường, một thú vui giết thì giờ cho những ai nhàn rỗi. Cụ Bình rất khoái trò chơi nhặt các cents vương vãi trên cát.

Mỗi khi lượm được một xu, cụ mừng như vừa câu được một con cá.

Nếu không ra biển, cụ Bình còn môn giải trí khác, hay lang thang như một du tử khắp phố phường, để nhặt lon bia cạn vương cãi đâu đây. Khi đây một bọc lon lượm, cụ mang về nhà, chấm dứt cuộc rong chơi. Thế rồi cụ đem rửa lon nhôm sạch sẽ, dùng búa đập lon, cán nhỏ để có thể đựng nhiều trong bao, đem ra tặng các cơ quan từ thiện xã hội.

Cụ Lễ kể một truyện cho bạn vàng nghe, đã từng đọc từ một nhà văn nào đó quên tên. Câu chuyện kể một cụ già ở Cali đất sa mạc, rất hiếm hoi những cơn mưa, thành ra cứ mỗi buổi chiều xuống, cụ thường ra tưới nước khắp vườn sau nhà. Khi những luống rau, hoa lá cành đã ướt sũng nước, cụ bắt đầu tưới lên tường gỗ, rồi tưới trên mái nhà rạt rào nước. Để rồi nước từ từ nhỏ xuống trên mái hiên, như quang cảnh mưa ở quê nhà. Ôi! Những ảo ảnh tội tình của một đời trọn kiếp lưu vong, mà những cơn mưa ở trong tim đã thành giọt lệ, mưa rơi quá khứ, chẳng thể nào quean được nơi quê người.

Khác với cụ Bình, con, cháu, chất đông đảo đây nhà, cụ Lễ tuy đã lớn tuổi, nhưng vẫn còn độc thân, cả đời cụ chưa bao giờ có thú vui được làm chồng, cha, rồi ông nội, ông ngoại. Bởi vậy có lẽ trong tâm hồn cụ vẫn true mãi không già, giống như nhà tu hành có bao giờ già nua được đâu.

Cụ Lễ có người yêu ý trung nhân, nàng qua đời đúng vào tuổi mười tám xuân thì. Kể từ khi người vợ sắp cưới từ trần, cụ Lễ đành ở vậy suốt đời. Tuy có dăm ba người tình, sau này vài thiếu nữ ngoại quốc nữa, cụ Lễ vẫn không tìm được ai có thể thay thế Thanh Hương, người đẹp muôn thuở trong tình yêu. Trong cái ví mang trên

người, Cự luôn trưng ảnh một thiếu nữ trẻ đẹp mỹ miều. Nếu ai hỏi, mắt cự sáng lên khi trả lời, đó là người vợ tôi, nàng mất khi vừa tròn 18 tuổi. Có lần người khác hỏi, thì cự lại nói đó là con gái tôi hồi còn trẻ, nay nó ở xa lắm. Ảnh bên là một thanh niên đẹp trai chụp chung kê má với một thiếu nữ xinh đẹp: hình chụp thời cự còn thanh xuân bên người tình Thanh Hương. Có người hỏi, cự Lễ bèn mau mắn trả lời: Đây là thằng con trai tôi chụp chung với vợ nó, coi con dâu tôi có dễ thương không nào? Vì không có con, nên nhiều khi nhìn ảnh chính mình, cự bèn tưởng tượng đó là con trai mình. Dòng lên tưởng cứ tiếp diễn, giả dụ nếu cự lập gia đình thì con trai cũng bằng tuổi thanh niên trong ảnh.

Hằng năm, mỗi ngày giỗ hay sinh nhật người yêu, cự Lễ bày biện, trang hoàng nhà cửa với cỗ bàn tươm tất, hương nến khói nhang đầy đủ. Bên giường, cự bày sẵn hai chiếc gối; dưới giường, hai đôi dép nam nữ kê nhau. Tôi bữa ăn, trên bàn, đôi điện cũng bát đĩa, chén, thì, đũa; chiếc ghế trước mặt được kéo ra. Cự bắt đầu bữa cũng bằng lời mời chào, và suốt bữa ăn, vẫn có những lời đàm thoại. Rõ ràng cự đang trò chuyện với hồn ma người diên vì tình, diên vì trung thành suốt cả cuộc đời, chỉ dành riêng cho một hình bóng duy nhất mà thôi.

Vào dịp Nô-en, tại các trung tâm thương mại, shopping centers, người ta thường thấy một cự già mua sắm cũng khá rộn ràng. Cự thường la cà mãi miết chọn lựa hàng tiếng nào vải vóc, quần áo, giày dép, kể cả đồ lót phụ nữ, mũ ví, xách tay, đặc biệt ở khu hàng dành cho các thiếu nữ trẻ teenagers. Thiên hạ tò mò không ít, tại sao một cự già lại đi sắm hàng toàn dành cho thiếu nữ măng non thế này? Cho cháu chất ư"? Đâu có ai ngờ cự đi mua cho bà xã, mà phu nhân thì đúng là đào nhí ở tuổi

đôi tám. Người nâng khăn sửa túi của cụ có bao giờ già đâu, vì đã lìa đời ở tuổi thanh xuân. Vậy có nghĩa là nàng trẻ đẹp bất tử, muôn năm ngàn kiếp ở trong tim người yêu.

Chiều nay cụ Lễ một mình lang thang ra biển, người bạn hiền Công Bình còn bận ở nhà, tiếp con cháu ở các tiểu bang khác về. Chưa bao giờ cụ Lễ thấy cô độc như chiều nay. Cụ xắn quần, xách dép, đi chân trần sát phía thủy triều. Sóng biển đập nhẹ vào chân cụ thấy mát rượi. Cụ bỗng nhớ đến đôi chân thon dài của người yêu đẹp như người mẫu hoa hậu. Nhìn dấu chân in trên cát, cụ tưởng như dấu chân nhỏ, loại xinh xắn, hiện lên đôi gót ngọc đỏ hồng như cánh sen. Tự nhiên không có rượu mà say, cụ cảm thấy cả một đại dương biến thành biển rượu và biển tình. Như một chàng trai trẻ, cụ Lễ cúi xuống viết tên “Hương” người tình trên cát vừa khi nước thủy triều rút. Bỗng cặp kính lão rơi xuống, hình như bị đè nặng bởi những giọt lệ tình ái. Cụ dơ tay định lượm kính nhưng thủy triều vừa lên rút lệ cuốn theo chiếc kính lão bao nhiêu năm mang hình bóng người yêu, đồng thời xóa nhòa.

Cụ Lễ cất tiếng gọi Hương yêu dấu, sóng biển mang theo tiếng gọi về quê nhà bên kia Thái Bình Dương. Cụ Lễ bỗng thầm nói Em Yêu Dấu, anh gửi tạm cặp kính theo sóng gió về bên kia cố hương xa nghìn trùng. Kính sẽ là mắt anh say name nhìn Em mãi mãi cho tới cuối cuộc đời. Hẹn gặp Em không lâu nữa ở bên kia thế giới, sau đó chúng mình lại đầu thai tái sinh, và lần này chúng mình sẽ mãi mãi bên nhau cho tới khi đầu bạc răng long.

TÂM TRIỀU

NỖI BUỒN MẮT MẸ

Buổi phân ly mẹ đã tiễn con đi
Lòng xao xuyến không nói được câu gì
Chỉ nhìn nhau mà mắt rung rung lệ
Con mạnh bước mà hồn như tái tê
Mẹ trở lại cũng ngậm ngùi thương nhớ
Con ra đi phương trời xa cách trở
Vì bao la biển cả Thái Bình Dương
Bên trời tây con vọng về cố hương
Thương nhớ mẹ già tóc đã màu sương
Mòn mỏi trông con thao thức canh trường
Con những tưởng về kịp với ước nguyện
Ôm vào lòng mẹ vòng tay triều mến
Nhưng nào ngờ đâu khi con về đến
Mẹ đã ra đi vĩnh biệt trần gian
Trước bàn thờ con thắp ba nén nhang
Lạy tạ mẹ thứ tha con bất hiếu
Con trở ra lòng âm đạm buồn hiu
Vì từ đây đã mất mẹ kính yêu
Con tìm đến nghĩa trang một buổi chiều
Đường hoang vắng, gió lộng, mưa hiu lạnh
Vạn vật giờ này hoang hôn vắng lặng
Chỉ nghe vang vọng gió thổi lá lay
Trước mộ bia con chắp tay lạy mẹ
Cầu hương hồn siêu thoát tận trời mây
Tạm biệt mẹ, con cũng phải ra đi
Hẹn vài năm nữa về thăm mộ mẹ

Đỗ Hùng (Hayward)

ĐÊM TÙ

NGUYỄN TRÁC HIẾU

Mùa đông 1975 thật lạnh. Thời tiết như đồng lỏa với quân thù hành hạ những người trai sa cơ thất thế của miền Nam. Chúng tôi bị giam ở Hốc Mồ. Trại giam là một khu trại cũ của công binh VNCH. Chung quanh trại có hào sâu và rộng, sát hào là những bờ đất cao chống chiến xa. Trên bờ đất là những hàng dây kẽm gai chằng chịt và những tháp canh cách nhau khoảng 50 thước, trên đó bọn vệ binh CS ngày đêm chĩa mũi súng AK vào chúng tôi.

Đêm Hốc Mồ gió bắc thổi luôn qua căn trại lợp tôn không vách cắt vào da thịt. Chúng tôi nằm sát nhau trên mặt đất, mỗi người có được khoảng 5-6 tấc bề ngang. Nhiều người trong chúng tôi, vì nhẹ dạ tin tưởng cải tạo 10 ngày, không mang theo mền nên phải mặc thêm quần a/o hay đắp chung mền với người bên cạnh. Tôi mang theo mền dày mà khí lạnh từ nền đất vẫn thấm sâu vào lưng làm nhức nhối xương thịt.

Ngày tù qua thật chậm. Cảm giác đại bàng gãy cánh, ray rứt, uất hận phủ chụp lấy chúng tôi. Đêm không ngủ được, chúng tôi thay phiên nhau, kể cho nhau nghe những mẩu chuyện của đời lính.

Có đêm, một đại úy cảnh sát kể chuyện tình báo. Cơ quan anh kiên nhẫn cài người vào hàng ngũ CS bắt được tên cán bộ cao cấp VC nằm vùng từng tấn công đồn quốc gia giết chết cả đàn bà con nít. Đêm khác, một đại úy nhảy dù kể chuyện lính dù xung trận. Trong một trận đánh cách đó không lâu, đại đội anh bị Cộng quân phục kích nhưng chiến sĩ dù không nao núng, vừa hô xung phong

vừa bắn vừa chạy tràn vào vị trí của địch quân làm chúng hoảng hồn tháo chạy để lại cả thương binh, xác chết và vũ khí. Một đêm khác, một đại úy phi công trực thăng kể chuyện phi cơ anh bị phòng không của cộng quân bắn rơi trên đất địch và anh đã phải chiến đấu cam go để được đồng đội cứu thoát.

Tôi, một quân y sĩ, phục vụ tại một quân y viện, chưa hề nếm mùi chiến trường gian nguy, nằm nghe say mê chuyện binh chiến như đang được coi phim chiến tranh. Đêm tù dường như có ngăn bớt lại, những câu chuyện chinh chiến cũng phần nào sưởi ấm được những cõi lòng đang tê lạnh bởi gió bắc và lao tù. Chuyện gay cấn, hấp dẫn thì nhiều dù chẳng ai theo dõi. Tỉnh thoảng lại có đôi chuyện buồn làm cho lòng chúng tôi chùn xuống.

Có một đêm, một đại úy phi công gunship trẻ tuổi kể về những phi vụ hiểm nghèo mà anh và đồng đội từng yểm trợ quân bạn trên vùng rừng núi cao nguyên hay ngoài vùng giới tuyến rục rủa giao tranh. Trước khi chấm dứt lượt kể chuyện của anh, anh nói thêm, “Còn một chuyện này nữa mới xảy ra cách đây vài tháng mà tôi muốn kể cho quý bạn nghe. Tôi muốn quên mà không quên được. Cho tới lúc này, nằm đây, nhiều đêm cố nhắm mắt ngủ nhưng những hình ảnh cũ lại cứ mồn mọt trở về . . .”

Đêm tù tương đối yên tĩnh. Gió bắc vẫn thổi từng cơn lạnh ngắt. Giọng anh phi công trẻ trầm buồn, “Đà Nẵng thất thủ. Phi đoàn của chúng tôi, gồm nhiều loại trực thăng, được lệnh di tản về Cam Ranh. Chúng tôi bay dọc theo bờ biển để tránh phòng không của địch. Khi bay được nửa đường thì những phi công bay đầu khám phá ra có giao tranh giữa ta và địch dưới đất, gần bờ biển. Trong cảnh chiến rùng rợn mịt mù khói lửa, chúng tôi thấy có rất

đông dân chúng chạy loạn đang bị kẹt giữa hai làn đạn trên bờ biển. Phi đoàn trưởng của chúng tôi lập tức ra lệnh cho phi đoàn tìm cách lao xuống bốc cứu dân chạy loạn. Nhiều trực thăng đã lên lối qua được lưới đạn phòng không của địch và đáp xuống bãi biển. Một số khác bay vòng trên không yểm trợ các trực thăng hạ cánh. Các trực thăng vẫn giữ máy nổ, cánh quạt quay tít thổi tung từng vùng cát bụi mịn mù trên bãi như những cơn lốc nhỏ. Dân chạy loạn, phần lớn là cụ già đàn bà và con nít. Thành lính thấy trực thăng đáp xuống và các binh sĩ ta vẫy gọi, họ mừng rỡ, bỗng bế dắt díu nhau rời chỗ núp, bưng bả chạy về hướng các trực thăng đang chờ. Trong phút chốc, Cộng quân cũng thấy rõ sự có mặt của các trực thăng nên tức tốc nã đạn súng cối vào chúng tôi và đám đông dân chạy loạn. Tiếng đạn của Cộng quân nổ vang rền khắp nơi. Có nhiều người chạy loạn ngã quỵ trên vũng máu trước khi tiến gần được trực thăng. Các binh sĩ đi theo trực thăng đã xông vào trong đám cát bụi, khói lửa bỗng từng em bé, cụ già đưa họ lên trực thăng. Phi đoàn trưởng ra lệnh bốc nhanh và cất cánh vì Cộng quân bắt đầu dùng hỏa tiễn tầm nhiệt A7 bắn vào các trực thăng. Các chiếc đang bay đã phải thả hỏa châu để đánh lạc hướng hỏa tiễn. Khi chiến trực thăng cuối cùng nặng nề bốc khỏi mặt đất thì viên phi công khám phá ra một em bé gái khoảng 5-6 tuổi đang quỳ gối trên bãi, hai tay bịt mắt, hả miệng khóc ngất. Ngạc nhiên và xúc động, viên phi công cố gắng điều khiển chiếc trực thăng của anh đáp xuống lần nữa để bốc em bé bị bỏ sót nhưng ngay lúc ấy có tiếng la, A7 sau đuôi! Nguy hiểm! Dang ra xã Quân ta sẽ cứu em ấy! Chiếc hỏa tiễn A7 cũng vừa nổ tung sau đó không xa lắm phía sau trực thăng khi chạm hỏa châu. Viên phi công đành ngậm ngùi đưa phi cơ ra xa bờ biển. Anh nấc lên từng

hồi vì đã không cứu được em bé gái. Có lẽ em đã quá khiếp đảm vì đủ loại tiếng nổ và bị cát bụi chui vào mắt nên không thấy đường chạy theo mẹ em. Cơn lốc bụi cát đã che lấp dáng dấp nhỏ thó của em nên các binh sĩ trong lúc vội vã đã không nhìn thấy em. Chiếc trực thăng bốc được lên cao và bay theo đoàn. Khi biết con gái mình còn sót lại trên bãi biển, mẹ em bé đã than khóc thảm thiết, cố nhào ra khỏi trực thăng để đi cứu con. Mọi người phải cố giữ cho bà khỏi rơi ra khỏi trực thăng và trấn an bà rằng binh sĩ Cộng Hòa đang ở gần đó sẽ cứu em. Bà vẫn vùng vẫy than khóc van xin mọi người cố cứu con bà và cuối cùng bà đã ngất xỉu khi trực thăng đáp xuống Cam Ranh ..”

Giọng anh phi công ghen ngào vào những lời chót trước khi anh ngưng kể. Tim tôi se thắt, mắt tôi cay sè. Chúng tôi không ai nói một lời. Phần lớn chúng tôi đều đã có con nhỏ trước khi bị giam giữ. Tôi biết các bạn nằm quanh tôi cũng đang thổn thức vì một câu chuyện có kết cục buồn. Câu chuyện gợi tôi nhớ lại quá khứ vào ba năm trước đó. Một buổi chiều tại Qui Nhơn, tôi, vợ tôi và hai con gái 3 và 4 tuổi của chúng tôi đang chuẩn bị tắm biển thì tình linh một chiếc trực thăng quân sự bị trục trặc máy, đáp ngay trên bãi biển gần chỗ chúng tôi ngồi. Tiếng máy trực thăng nổ âm âm, cánh quạt trực thăng thổi tung cát bụi vào chúng tôi. Hai đứa con gái bé bỏng của chúng tôi kinh hoàng, run rẩy ôm chặt lấy chúng tôi cho tới khi chiếc trực thăng tắt máy và các bụi lắng dịu. Tôi lớn lên ở liên khu 5 và lúc nhỏ đã từng nhiều phen bị khiếp đảm bởi tiếng bom nổ, tiếng đạn đại liên và tiếng gầm thét của các khu trục cơ AD6 của quân Pháp nhào lộn oanh tạc trên xóm làng tôi.

Đêm ấy, đêm nghe câu chuyện của anh phi công gunship, tôi thao thức thật khuya, cố dỗ giấc ngủ để khỏi phải tưởng tượng ra nỗi kinh hoàng tột cùng của em bé bị bỏ sót lại giữa cuộc giao tranh và nỗi đau thương ngút ngàn của một bà mẹ bị mất con. Trong tù, chúng tôi hy vọng quân bạn đã tìm cứu được em khi cuộc giao tranh chấm dứt. Cho tới giờ này, 28 năm đã qua mà tiếng trực thăng, ngoài đời hay trong TV, nhiều lúc vẫn còn gọi lại cho tôi hình ảnh một em bé gái bé bỏng quỳ gối ôm mặt khóc ngất trên bãi biển mịt mù khói lửa chiến tranh.

NGUYỄN TRÁC HIẾU

Orlando, Thanksgiving 2004



Khung Trời Thương Nhớ

Thương biết mấy , tiếng quê tôi Hưng Lạc

Tận miền xa, không phố thị đèn màu

Dãi cát dài, xanh dương liễu che sau

Ngăn bão tố cho ấm tình làng xóm

Giòng Đạm Giang theo thủy triều lên xuống

Nuôi ngư dân đậm mạch sống tình quê

Sớm tinh mơ rộn rã đón thuyền về

Khoan đầy cá, tươi ngon than bạc trắng

Đáy ruộng muối phơi mình trưa hè nắng

Mồ hôi rơi đổi hạt muối trắng tinh

Đồng lúa vàng reo trước gió lung linh

Da sạm nắng, chắc chiu từng hạt thóc

Quê tôi nghèo, nhưng tình quê đùm bọc

Tối lửa tắt đèn hôm sớm có nhau

Tình than thương khi đau bụng , nhức đầu

Lời thăm hỏi nguyện cầu đầy no ấm

Tôi chào đời...lớn lên...không nhưng gấm

Cũng tay chai , da nám...tuổi hoa xuân

Học trường làng...trường tỉnh.. để thành nhân

Hình hài ấy...nhờ công ơn cha mẹ

Hưng Lạc đó, tổ tiên nằm lặng lẽ

Cha ngửa nhìn vầng nhật nguyệt dân qua

Tiếng nguyện cầu của con , cháu gần xa

Cha ghi nhận và âm thầm phù hộ

Thương biết mấy! tuy quê mình nghèo khó

Dẫu ngàn xa, nhưng tình nhớ không xa

Có ai về xin nhắn gởi quê nhà...

Tim còn đập, trong tôi còn Hưng Lạc.

VÕ NGUYỄN

RỚT, NỔ, CHÌM.

PHỐ ĐÀO NGUYỄN

Sinh cố nhớ lại về nguồn gốc của Hai Rớt. Sinh sợ rằng trí nhớ của mình đã giảm rồi chăng ? Vì ở lứa tuổi gần năm mươi này thì trí nhớ đã không còn sắc bén nữa đâu !

Sinh để trí nhớ lần lần đi ngược dòng thời gian, nhưng tới khoảng đó thì hết. Không thể nhớ thêm gì hơn trước đó nữa. Khoảng đó là vào khoảng 7 hay 8 tuổi, hơn bốn mươi năm về trước, hồi còn ở xóm Thiện Trường, dưới chân núi Hòn Vồ. Cái xóm nghèo có khoảng hơn ba mươi nóc nhà, nằm dài theo chân núi.

Sinh biết chắc anh Hai Rớt không phải là người địa phương của xóm Thiện Trường. Vì anh không có một ngôi nhà nào, và cũng không có bà con họ hàng nào ở xóm Thiện Trường. Anh đã ở với nhiều gia đình, có lúc anh cũng đã tá túc với gia đình của ba má Sinh nữa. Anh đã có mặt ở đó từ khi Sinh có trí nhớ, đấy là cách kết luận đúng nhất.

Anh có nhiều cái quía đặc biệt, ngoài cái tên Hai Rớt, nó làm cho người nghe ái ngại, bất an, lo âu thắc thỏm, vì sợ một cái gì sắp đổ vỡ hay đã đổ vỡ một lần rồi, còn có cặp mắt. Không ai thấy rõ cặp mắt của anh ra sao, vì đâu có ai nỡ nhẫn tâm đặt vấn đề để tìm hiểu đôi mắt như mù lòa tàn tật của anh. Chỉ biết là trong cái đồng hồ đồng, dày cộm ấy, có lông, có da, có một chút ghen trắng, ghen vàng, là phải có hai con mắt vì anh vẫn thấy sự việc chung quanh. Nghe nói là anh bị lông quặm từ hồi còn nhỏ nên hai mí mắt dày hẳn lên và cuộn vào bên

trong, làm cho đôi mắt của anh chỉ còn là hai kẽ hở nhỏ thông ra bên ngoài. Còn hai con mắt thật bên trong thì đã bị kéo màn mây trắng xóa trông thật dễ sợ khi anh cố ý trợn mắt dọa nạt những đứa trẻ trong làng.

Anh có một thân hình khá gọn gàng, có góc cạnh, trông không thua gì những trai tráng khoẻ mạnh trong làng đâu! Nhưng đã có lần trong khi ngồi nghỉ chân và ngủ quên dưới một gốc cây to bên đường, khi thức dậy anh thấy có ai cho anh tiền bỏ trong chiếc mũ để giữa của anh để bên cạnh. Anh vẫn thấy và hoạt động như tất cả mọi người không có một chút gì gọi là mù lòa cả!

Con người anh, cái tên của anh đã lạ, cuộc đời của anh lại càng lạ hơn. Người đàn bà anh yêu đầu tiên ở xóm Thiện Trường là Lúa, con dâu góa chồng của vợ chồng ông Phên. Chồng của cô ấy chết vì bị phong đòn gánh. Năm ấy con Lúa, kêu theo như Hai Rớt thường gọi, còn trẻ măng, mới 18 tuổi, như còn con gái chưa chồng!

Sau mùa đồng áng, Lúa thường theo trai tráng trong làng đi chẻ đá để kiếm thêm lợi tức, cạnh ga Diêu Trì, bên kia chân núi Hòn Vồ. Họ thường đi thành từng đoàn, hú gọi nhau mỗi buổi sáng như thuở còn đi học vậy. Vì nhà của Lúa ở cuối xóm nên Lúa không có cái may mắn được réo gọi mỗi buổi sáng, nên thường đi trễ, đi sau và đi một mình. Người thứ hai cũng thường đi trễ và đi sau là thằng Bình. Bình đã có vợ và có con, ở cách nhà Lúa một quãng không xa mấy. Bình có xe đạp nên hay đèo con Lúa khi thấy Lúa đi trễ, đi sau và đi một mình.

Chuyện Hai Rớt yêu con Lúa là một chuyện công khai rõ như ban ngày, ai ai cũng biết. Dù không nói ra nhưng vợ chồng ông Phên như đã mặc nhiên công nhận

ngâm rồi. Hai Rớt có thể đến và đi bất cứ lúc nào, kể cả việc vào buồng riêng của con Lúa.

Còn chuyện thằng Bình đeo con Lúa khi Lúa đi làm trễ, đi sau và đi một mình cũng rõ như ban ngày, ai ai cũng biết, và là một chuyện thường tình giữa những người hàng xóm với nhau. Có vậy thôi, không có gì thắc mắc cả! Nhưng đối với Hai Rớt thì lại là một vấn đề nan giải! Dù anh đã gạn hỏi con Lúa mấy lần. Lúa vẫn quả quyết một cách chắc chắn rằng không có một quan hệ đặc biệt nào với Bình, ngoài cái chuyện leo lên xe phía sau yên, ngồi hai chân để một bên chứ không phải ngồi chàng hắng mỗi chân một bên như bọn đàn ông con trai hay như những đứa con gái không đàng hoàng đứng đắn, một tay quàng chặt qua bụng thằng Bình để khỏi bị té, đi đến nơi về đến chốn, có thế thôi!

Nhưng Hai Rớt không dễ dàng tin như vậy. Hồi ấy Hai Rớt đang ở nhà Bác Xã Quý, ở giữa xóm, cho nên sáng nào anh cũng dậy rất sớm ra đón con Lúa trước ngõ. Nếu Lúa đi làm sớm và đi với mọi người thì anh tươi cười chào đón con Lúa, rồi chạy vào ngủ tiếp. Còn nếu Lúa đi trễ, đi sau, đi một mình và được thằng Bình đeo sau xe thì anh phải vịn xe, chạy lúp xúp theo cho tới tận chỗ làm của con Lúa rồi mới trở về. Có hôm anh phải ở lại, ngồi ngay dưới gốc cây gần đó cho đến chiều để về một lượt với Lúa. Vì những hôm ấy ít người đi làm quá, và đóng đá chỗ Lúa làm lại quá gần chỗ của thằng Bình. Thường thường những hôm như vậy, Lúa có chia phần cơm trưa cho anh, nhưng anh không ăn hết mà để lại cho Lúa, vì Lúa phải đập đá cả ngày, còn anh chỉ ngồi canh chừng và ngủ thôi.

Một hôm khác, anh cũng phải ở lại. Đến chiều khi sắp sửa ra về thì một viên đá lớn lăn trúng phải chân của

Lúa, làm Lúa đau đớn, đi đứng rất khó khăn, nên bất đắc dĩ lăm anh mới đồng ý để thằng Bình chở Lúa, còn anh thì chạp lúp xúp đằng sau, một tay vịn vào bắp đùi chắc nịch của con Lúa. Sau này kể lại, Hai Rớt nghĩ rằng hôm ấy khi qua khỏi đường xe lửa và xuống dốc, thằng Bình cố ý không thắng cho xe chậm lại, mà để cho xe xổ dốc tự do chạy quá nhanh làm anh chạy theo bỏ cả hơi tai, đuối sức, và vấp chân ngã nhào xuống sông tát nước bên đường. Lúa nhảy phóc xuống xe, hốt hải khập khiển vừa chạy vừa nói, đến đưa tay kéo Hai Rớt lên.

– “ Có sao không ? Trời ơi! Mặt mày của anh dính đầy bùn. Khổ ghê! Ai biểu anh đi theo làm gì!”. Rồi Lúa cởi quần áo dính đầy bùn của anh đem xuống sông tát nước mà giặt tạm để anh mặc lại, rồi cùng đi bộ về.

Hai Rớt không có nghề nghiệp gì rõ rệt. Khi tá túc nhà nào thì anh làm nghề của người ấy. Nhưng anh có biệt tài đánh trống. Theo anh nói thì anh đã học được đường trống chân truyền của Tây Sơn. Có thể nói anh là truyền nhân duy nhất còn sót lại. Sau này có nhiều người theo học nghề trống của anh, nhưng không bao giờ anh dạy hết, lúc nào cũng dấu lại một hai đường trống, giống như nghề võ vậy. Hồi ấy anh có hùn hạp với ông Sáu Cai lập một đoàn hát bội. Anh là tay trống của đoàn.

Năm ấy vào những ngày đầu xuân sau tết, cánh đồng giữa xóm Thiện Trường và thôn Thanh Huy vẫn còn ngập nước, sự đi lại giữa hai bên vẫn phải bằng sông, bằng xuồng. Đoàn của anh được mời hát tại đình Thanh Huy. Những dịp như vậy dân chúng đi coi đồng đảo, vì dân chúng chẳng có việc gì làm ngoài việc đi coi hát bội.

Cả gia đình ông Phên và con Lúa đều có mặt ngay hàng đầu trước khi sân khấu mở màn. Nhưng đến nửa

chừng, sau vài màn hát, con Lúa không còn ở đó nữa. Hai Rớt nóng ruột và lo sợ, nhưng anh không thể bỏ dù trống để đi tìm con Lúa. Vì hát bội mà không có trống hòa điệu theo tình tiết của câu chuyện thì hỏng hoàn toàn. Anh không dám nghĩ đến những chuyện không có lợi cho mình, vì nghĩ như thế sẽ làm anh phân tâm, mất tinh thần, sẽ không theo sát được những buồn vui, thương ghét giận hờn của đào kép trên sân khấu để mà thúc trống. Nên anh chỉ nghĩ đến những chuyện thông thường như đau bụng, bị Tào Tháo đuổi, hay bị Phạm Nhan phá đám, nên Lúa phải ra một mé buổi nào đó để xoắn ruột vậy thôi! Nhưng cho tới vẫn hát vẫn không thấy Lúa trở lại. Khi anh về đến nhà thì Lúa đã có mặt ở nhà rồi. Hai Rớt ngạc nhiên hỏi:

– “Sao nửa chừng em không còn xem hát nữa?”

– “Em bị đau bụng nên bỏ ra ngoài”. Lúa trả lời.

– “Ai đưa em về?”

– “Em theo sông của anh Bình về trước”

– “Ừa, Bình có đi xem hát à? Sao anh không thấy hẳn?”

– “Anh Bình đưa ba má ảnh đi coi hát, nhưng ảnh không thích hát bội nên chỉ ngồi ngắm trăng và hút thuốc ở bên ngoài. Thấy ảnh ngồi không nên em nhờ ảnh đưa em về trước”.

Hai Rớt chết lặng trong lòng! Nhưng anh vẫn hy vọng là đã không có chuyện gì khác xảy ra ngoài chuyện đau bụng, ỉa chảy, và được thằng Bình dùng sông đưa về trước. Nhưng anh lại nhớ đến những đêm gió mát trăng trong như thế này, anh và Lúa cũng thường lén trốn ra phía sau núi để tình tự. Những hôm anh đi làm ruộng giúp vợ chồng ông Phên, đến nửa chừng thì anh cũng đã tìm một lý do rất chính đáng để về trước, để được tự do tình tự với Lúa. Anh cảm thấy một luồng khí lạnh lẽo khi

tự ái bị tổn thương bỗng chạy xuyên qua người làm anh như muốn đông cứng lại. Rồi một luồng khí nóng của giận hờn nghi ngút bốc lên phừng phừng làm Hai Rớt muốn nghẹt thở không còn nói gì được nữa. Một ý nghĩ quyết liệt thoáng qua trong đầu. Anh đã có chủ ý rồi. Anh có cách biết thằng Bình có để lại dấu vết gì trên mình con Lúa hay không, nội trong đêm nay.

Sáng sớm hôm sau, khi mọi người thức dậy thì Hai Rớt đã bỏ đi rồi. Kể cả con Lúa cũng không biết Hai Rớt ra đi lúc nào.

Sau đó thì con Lúa có bầu. Khi biết Hai Rớt đã bỏ đi rồi, một kép hát trong đoàn hát bội đã xin cưới Lúa. Việc cưới hỏi xảy ra rất dễ dàng và nhanh chóng vì đã xảy ra đúng lúc, đúng người và đúng chỗ. Nói một cách văn hoa là đủ cả ba yếu tố: thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Lúa đã theo chồng về ở thôn Luật Lễ, xã Phước Long từ đó.

Ghi chú: Mối tình giữa Hai rớt và con Lúa tiếp tục ra sao? Nhân vật Nổi là ai? Nhân vật Chìm là ai? Sự liên hệ giữa 3 nhân vật Rớt – Nổi – Chìm ra sao? Còn nhiều gay can – Xin xem tiếp trong Đặc San Bình Định kỳ tới.

Nhóm thực hiện

Xuân ~ Nhớ ~ Nhà

*Xuân về nhắc nhớ Quê Hương
Tìm tôi sóng vỗ, dâng tràn nhớ thương
Nhớ bờ ruộng nhỏ cạnh nương
Nhớ từng khóm trúc, đường mòn về quê*

*Nhớ ơi thắm cỏ bờ đê
Nhớ con cá chép, câu về từ ao
Nhớ hàng bông bụt quanh rào
Nhớ con sáo sậu, hót chào bình minh*

*Nhớ bao cảnh đẹp quê mình
Nhớ đàn cò trắng, bay về xa xa
Nhớ Cha, nhớ Mẹ, nhớ ông bà
Nhớ tình thôn dã, thật thà sáng trong*

*Nhớ từng xóm nhỏ làng trong
Bà con chòm xóm, thật lòng mến thương
Cây đa rợp bóng đầu đình
Đong đưa hè hội, đượm tình nước non*

*Phong tục tập quán đâu còn
Ba mươi ngày ấy, héo hon cảnh đời
Cầu xin ơn đức bề trên
Quê mình sớm được, xa rời nhiều nhưng*

*Xuân về trăm nỗi nhớ thương
Hương xuân năm ấy, đâu còn quê ta
Từ ngày một lũ gian tà
Buôn dân bán nước, quì ma trị ngôi*

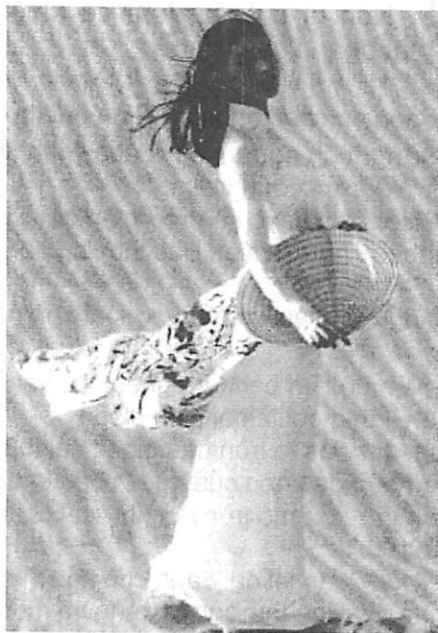
**Bình Khánh
Nguyễn Văn Ngọc**

CHIẾC NÓN QUÊ HƯƠNG

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

*Nón này che nắng che mưa
Nón này để đội cho vừa đôi ta*

Ca dao



Nón lá không xa lạ với chúng ta, ngày nay ở hải ngoại chỉ thấy nón lá xuất hiện trên sân khấu, trình diễn nghệ thuật múa nón và áo dài duyên dáng mềm mại kín đáo của thiếu nữ Việt Nam nổi bật bản sắc văn hoá dân tộc, áo dài và nón lá là nét đặc thù của đàn bà Việt Nam, chắc chắn không ai chối cãi. Nếu mặc áo đầm, hay quần tây mà đội nón không tạo được nét đẹp riêng.

Nón dùng để che nắng mưa, có lịch sử lâu đời đã khắc trên trống đồng Ngọc Lũ, trên thạp đồng Đào Thịnh vào khoảng 2500-3000 năm. Nón lá gắn với đời sống tạo nhiều nét bình dị, đoan trang, yêu kiều, duyên dáng và thực tiễn với đời sống nông nghiệp, một nắng hai sương, trên đồng lúa, bờ tre lúc nghỉ ngơi dùng nón quạt cho mát mẻ ráo mồ hôi. Nón lá ở Việt Nam có nhiều loại khác nhau qua từng giai đoạn lịch sử:

Nón dẫu : nón có chóp nhọn của lính thú thời xa xưa
Nón Gò Găng, nón ngựa: sản xuất ở Bình Định làm bằng lá dừa dũi khi cỡi ngựa
Nón rơm. Nón làm bằng cộng rơm ép cứng
Nón quai thao : người miền Bắc thường dùng trong lễ

hội

Nón cối : người miền Nam rất sợ loại nón này xuất hiện sau năm 1975.

Nón Gõ: Nón gõ làm bằng tre ghép cho lính hồi xưa

Nón lá Sen: cũng gọi là nón liên diệp

Nón thúng: thứ nón lá tròn bầu giống cái thúng.

Nón khua :Viên đầu nón của người hầu các quan xưa

Nón chảo : thứ nón mo tròn lên như cái chảo úp nay ở

Thái Lan còn dùng

Nón cạp: Nón xuân lồi đại dành cho người có tang

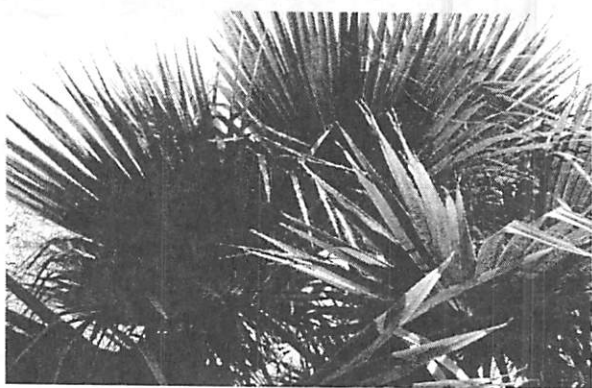
Nón bài thơ : ở Huế thứ nón lá trắng và mỏng có lộng

hình hay một vài câu thơ

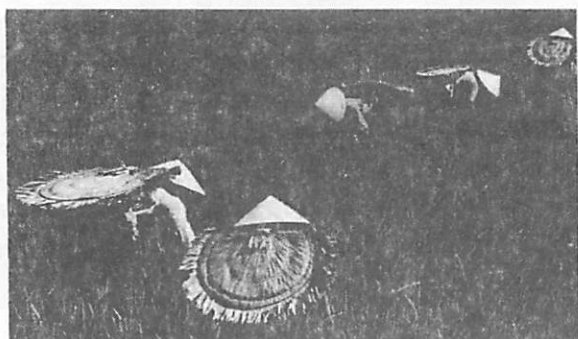
v.v

Người Việt từ nông thôn cho tới thành thị đều dùng nón lá, nhưng ít người để ý nón lá có bao nhiêu vành, đường kính rộng bao nhiêu cm. ? Nón lá tuy giản dị rẻ tiền nhưng nghệ thuật làm nón cần phải khéo tay. Nghề chằm nón không chỉ dành riêng cho phụ nữ mà cả những người đàn ông trong gia đình cũng có thể giúp chuốt vành, lên khung nón. Với cây mác sắc, họ chuốt từng sợi tre thành 16 nan vành một cách công phu ; sau đó uốn thành

vòng tròn trịa và bóng bẩy. Người phụ nữ thì chăm sóc vành . Để có được lá đẹp, họ thường chọn lá nón non vẫn giữ được màu xanh nhẹ, ủi lá nhiều lần cho phẳng và láng. Khi xây và lợp lá, người ta phải khéo léo sao cho khi chêm lá không bị chồng lên nhau nhiều lớp để nón có thể thanh và mỏng. Nghề làm nón lá thường sản xuất từ miền Bắc và miền Trung trong các làng quê sau các vụ mùa. Ở các tỉnh miền Nam không thấy người ta chăm nón ?



Vật liệu làm nón tuy đơn sơ nhưng khó tìm loại lá làm nón, lá mọc ở những vùng núi, sau này người ta đem giống về trồng ở vườn, có tên Du Qui Diệp là lá làm áo tơi. Thời gian văn minh chưa phát triển, người ta dùng loại lá này làm cái tơi để mùa đông mặc chống mưa gió. Một loại khác là Bồ Qui Diệp là loại mỏng và mềm hơn để làm nón lá. Người Bình Định gọi tên văn là Nón lá chăm áo tơi người ta gọi là Lá Áo Tơi.



Ngày nay dù đã phát triển nhưng trên những cánh đồng lúa xanh tươi ngoài Bắc, trong những trưa hè nắng gắt, người ta còn dùng lá tươi để che nắng, giống như con công đang xòe cánh .

Người ta chặt lá nón non còn búp, cành lá nón có hình nang quạt nhiều lá đơn chưa xòe ra hẳn phơi khô, cột lại thành từng bó nhỏ gánh bán cho những vùng quê có người chằm nón. Ở Quảng Nam ngày xưa vùng Bà Rén chuyên buôn bán nón lá, từ đó phân phối đến các chợ như chợ Hội An, có khu bán nón lá nhiều loại

Lá non lúc khô có màu trắng xanh, người mua phải phơi lá vào sương đêm cho lá bớt độ giòn vì khô, mở lá từ đầu tới cuộn lá, cắt bỏ phần cuối cùng, dùng lưới cày cũ hay một miếng gang, đặt trên nồi than lửa nóng đỏ, dùng cục vải nhỏ độn giống như củ hành tây, người ta đè và kéo lá nón thẳng như một tờ giấy dài màu trắng, có nổi lên những đường gân lá nhỏ, lựa những lá đẹp để làm phần ngoài của nón. Người ta dùng cái khung hình giống như Kim Tự Tháp Ai Cập, có 6 cây sườn chính, khoảng cách giống nhau để gài 16 cái vành nón tròn lớn nhỏ khác nhau lên khung. Cái khung này phải do thợ chuyên môn làm

kích thước đúng cỡ khi lợp lá và chằm nón xong, tháo nón ra dễ dàng. Nón thường chỉ 16 vành tròn làm bằng tre cật vót nhỏ đều nhau nối lại, Nón bài thơ nhẹ mỏng chỉ 2 lớp lá trong chen hình cảnh và các câu thơ. Nón thường độ bền lâu hơn, dày có 3 lớp, phần trong lót thêm loại lá đốt, (loại cây này giống cây sậy, khi trở bông người ta lấy bông làm chổi) Chằm xong nón tháo khỏi khung, cắt lá thừa, nước miếng nón và làm quai, nón rộng đường kính thường 41 cm, người ta phết phía ngoài lớp mỏng sơn dầu trong suốt nước mưa không thấm qua các lỗ kim vào bên trong. Để có được một chiếc nón, phải trải qua 15 công việc, từ lên rừng hái lá, rồi sấy lá, mở, ủi, chọn lá, xây độn vành, chằm, cắt lá, nước vành, cắt chỉ...

Thời gian chưa có chỉ cước người ta dùng bẹ lá cây thuộc loại thơm (hùm) tước lấy phần tơ ngâm nước vài ba ngày cho nát phần thịt của lá, dùng bàn chải, chải lấy phần tơ dùng làm chỉ để chằm nón, hay dùng chỉ đóc. Nhưng sau này phát triển người ta dùng cước nhỏ bằng nylon, chằm nón có đường nét thanh nhã hơn. Nón lá đã đi vào thi ca bình dân Việt nam

*Nón em chẳng đáng mấy đồng,
Chàng mà giật lấy ra lòng chàng tham
Nón em nón bạc quai vàng
Thì em mới dám trao chàng cầm tay
Tiếc rằng vì nón quai mây
Nên em chẳng dám trao tay chàng cầm*



Nón quai thao, hay nón thúng các cô gái Bắc thời xưa chưa chồng thường dùng, ngày nay đến Hà Nội không còn thấy ai đội nón quai thao, trên đường phố cổ trầm mặc dưới bóng cây cổ thụ, thiếu nữ Hà Nội che dù màu, đội mũ lát, đội mũ thời trang, nhưng vào thăm Văn Miếu sẽ thấy trình diễn văn hoá, hát quan họ, các cô đều trang sức giống như thời xưa với chiếc nón quai thao (hình trên trong Văn Miếu)

Thưở xưa con gái sau khi lập gia đình, bốn phận làm vợ, làm mẹ, họ chỉ chú trọng đến niềm vui tận tụy làm tròn bốn phận trong gia đình, xao lãng những vẻ đẹp bề ngoài..

*Chưa chồng nón thúng, quai thao
Chồng rồi, nón rách, quai nào thì quai
Chưa chồng, yếm thắm, đeo hoa
Chồng rồi, hai vú bỏ ra tẩy giành.*

*Túa ống tơ ngà tha thướt gió
Vàng vàng lá lụa nắng tươi xinh
Khuôn hoa e lệ trong khuôn nón
Say mắt chàng trai tiếc gửi tình*

*Nhung dệp cong nghiêm bước thẳng đường
Đâu ngờ tơ nón gió vương vương
Chàng về, mắt dắm sâu xa vắng
Cả một trời xuân nhạt nắng hường
Chiếc nón quai Thao Anh Thơ*

Đôi khi đội nón không phải che mưa nắng, nhưng như là một trang sức thêm duyên dáng, trong các lễ hội đêm rằm dưới ánh trăng vàng,

*Chê tre đan nón, kià nón ba tấm
Anh cho em đội xem hội cái đêm hôm rằm, là rằm
tháng Giêng.*

Miền Bắc thời xưa thường sử dụng loại nón mặt tròn đường kính khoảng 80 cm, cao 5 cm, quai nón có tua thao dài buông xuống

*Cái nón ba tấm, quai thao mở vệt bịt bạc là nón ba
tấm
Để em đội qua rằm tháng Giêng*

Quan niệm về nhan sắc người đẹp xưa qua ca dao hữu tình, chiếc nón đã tạo thêm vẻ duyên dáng, nhưng không thể tồn tại với thời gian và định mệnh, những bóng hồng về chiều nhan sắc tàn phai ...!

*Còn duyên nón cụ quai tơ
Hết duyên nón lá quai dừa cũng xong*

Dáng dấp con gái Việt Nam mềm mại, dịu dàng, nếu trên đầu nghiêng nghiêng vành nón trắng. Nụ cười, ánh mắt giấu sau vành nón ấy mới cơ hồ e ấp, rạo rục vì những băng khuôn ...



Mỗi thiếu nữ đều có một cái duyên để làm say đắm người khác phái. Nhưng tựu trung, nhan sắc của các nàng cũng không ngoài những điều đã được ca dao truyền tụng, Có nàng đẹp nhờ mái tóc thề hay cất ngấn, đôi chân mày cong vòng như vàng trắng non dưới vành nón lá :

*Sao em biết anh nhìn mà nghiêng nón
Chiều mùa thu mây che có nắng đầu
Nắng sẽ làm phai mái tóc xanh màu
Sẽ làm khô làn môi en dịu ướt
Còn ta mắt anh..
Có sao đâu mà em phải cúi đầu từ khước
Nếu nghiêng nón có nghĩa là từ khước
Thì mười ngón tay em sao bỗng quăn quít
đan nhau
Nửa vầng má em bỗng thắm sắc hồng đào
Đôi chân bước ..anh nghe chùng sai nhịp.*
Thu Nhất Phương

Ở Huế, có nhiều vùng chằm nón nổi tiếng từ xa xưa cho đến bây giờ như: Phú Hồ, Phước Vĩnh, Dạ Lê, Triều Sơn, Nam Phổ, Kim Long, Dương Nỗ, Tân Mỹ, Hương

Sơ, Mỹ Lam, làng Chuồn, bên dòng sông Như Ý, thuộc xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Nón bài thơ dáng thanh mảnh, độ mỏng, màu nón nhã nhặn người ta còn cất những bức tranh với chùa Linh Mục, cầu Trường Tiền, con đò trên sông Hương... và đặc biệt nhất là vài câu thơ chất chứa tâm hồn xứ Huế

*Sông Hương lắm chuyến đò ngang
Chờ anh em nhé, đừng sang một mình*
Ca dao

*Sao anh không về thăm quê em
Ngắm em chăm nón buổi đầu tiên
Bàn tay xây lá, tay xuyên nón
Mười sáu vành, mười sáu trăng lên*
Nguyễn Khoa Điềm

*Tà áo dài trong trắng nhẹ nhàng bay
Nón bài thơ e lệ nép trong tay*
Bích Lan

Những chiếc nón bài thơ thường trở thành vật "trang sức" của biết bao thiếu nữ. Lựa nón, lựa quai, cũng là một thú vui nên không ít người đã kỳ công đến tận nơi làm nón để đặt cho riêng mình với dòng thơ yêu thích. Buổi tan trường, các con đường bên sông Hương như dịu lại trong nắng hè oi ả bởi những dáng mảnh mai với áo dài trắng, nón trắng và tóc thề.

*Dòng nước sông Hương chảy lặng lờ
Ngàn thông núi Ngự đứng như mơ
Gió cầu vương áo nàng tôn nữ
Quai lỏng nghiêng vành chiếc nón thơ*

Nón bài thơ hiện hữu trên khắp nẻo đường và trở nên gần gũi, thân quen trong cuộc sống thường nhật của

phụ nữ Huế, dùng nón lá nâng hay đựng xoài, cũng tạo nên nét đẹp mỹ miều



*Anh về Bình Định ba ngày
Dặn mua chiếc nón lá dầy không mua*

Nón bài thơ đặc sản Huế nón Gò Găng ở Bình Định có một loại đặc biệt gọi là nón ngựa làm bằng vành tre cật, chuốt nhỏ như tăm, đan thành ba lớp mê sườn; bên ngoài phủ lớp lá kê non, chằm bằng những đường chỉ tàu trắng muốt và đều đặn. Trên đỉnh chóp được gắn chụp bạc hoặc đôi mồi có chạm trổ long-lân-qui-phụng. Quai nón được làm bằng lụa xanh hoặc đỏ, bản rộng và đều người ta chằm một chiếc nón ngựa phải mất cả tháng trời dày công nhọc sức. Vì vậy giá thành rất đắt, nó chỉ dành cho những người cao sang quyền quý, những chức sắc quan lại của triều đình. Dần dần theo nhu cầu của giới bình dân, nón ngựa được cải biên thành ngựa đơn rồi nón buôn, nón trằm, rẻ hơn nhiều. Các loại này đều không có chụp bạc, nó được thay bằng những tua ngũ sắc ở chóp nón cho đẹp. Ở các vùng làm nón, ngày cưới, nhà giàu rước dâu bằng kiệu, chàng rể thì đội nón đi ngựa; còn những nhà nghèo cũng ráng sắm đôi nón ngựa cho cô dâu chú rể đội đi trong ngày cưới. Vậy nên có câu ca dao:

*Cười nàng đôi nón Gò Găng
Xấp lãnh An Thái, một khăn trầu nguồn*

Hoặc là:

*Lụa Phú Phong nên duyên chồng vợ
Nón Gò Găng khắp chợ mến thương
Áo hồng, quần lụa vấn vương
Nghiêng nghiêng chiếc nón gió sương bên chàng*

Ngày nay các cô gái làm nón hầu như không còn giữ được phương pháp làm nón ngựa nữa. Họ quen với công đoạn nhanh, giản tiện và dễ tiêu thụ của chiếc nón trắng mảnh mai - một sản phẩm của sự cải cách lâu dài. Để làm loại nón này phải qua nhiều giai đoạn như: vấn sườn, lợp lá, chèn lá, chằm và nức. Việc làm lá đòi hỏi nhiều tính tỉ mỉ và kinh nghiệm lâu năm:

*Bình Định nón Gò Găng
Bún Song Thần An Thái
Lụa Đậu Tư Nhân Ngãi
Xoài tượng chín Hưng Long
Mặc ai mơ táo ước hồng
Tình quê em giữ một lòng trước sau.*

Nghề nón lá thuộc thị trấn Gò Găng, Nhơn Thành – An Nhơn. Nơi đây có một chợ nón lớn, họp thường ngày từ 3-4 giờ sáng. Cứ hết một đợt làm được 25-30 chiếc thì bà con các vùng phụ cận lại mang nón đến bán và mua sắm vật liệu cho đợt sau. Mỗi tháng Gò Găng có thể cung cấp cho cả nước 50.000 chiếc nón. Gần đây nón Gò Găng còn được xuất cảng sang các nước láng giềng như Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia dưới dạng sửa đổi cho hợp với

xứ người. Như vậy, từ vùng núi cao nguyên mưa nguồn
cho đến các miệt vườn miền Nam đến:

*Nhớ nón Gò Găng
Vàng trắng Đập đá
Sông dài sóng cả
Người quân tử,
Khăn điều vắt vai..*

Đời sống văn minh, phát triển nhưng nón lá Việt
nam vẫn thuần túy nguyên hình của nó. Ở bất cứ nơi đâu,
từ rừng sâu hẻo lánh, trên đồng ruộng mênh mông, dọc
theo sông dài biển cả, đều thấy chiếc nón lá ngàn đời
không đổi thay.



NGUYỄN QUÝ ĐẠI

QUÊ TÔI

Quê tôi Bình Phú thuộc Bình Khê,
Ruộng lúa xinh tươi ngập bốn bề:
Mưa nắng Sông Côn, dòng sâu cạn,
Sớm trưa Cây Cốc, chợ đi về. (1)
Dấu xưa Phú Mỹ oai phong quá. (2)
Chuyện cũ Xuân Huế dưng liệt ghê; (3)
Xa xứ đêm dài chìm mộng寐,
Giật mình nào biết tỉnh hay mê.

NGUYỄN ĐIỀU

Ghi chú:

- (1) Cây Cốc: Chợ Phú Phong nằm bên bờ sông Côn, trên đường đi từ Phú Phong qua Kiên Mỹ có tên gọi là chợ Cây Cốc.
- (2) Phú Mỹ: thuộc thôn Phú Phong là quê hương của Võ Văn Dũng, một trong Ngũ Hổ Tướng của nhà Tây Sơn.
- (3) Xuân Huê: là quê hương của bà Bùi Thị Xuân. Xuân Huê (Hòa) là một thôn của xã Bình Phú.



TÌNH QUÊ

À ơi . . . Gió đưa ông đội về Tàu,

Bà đội ở lại xuống bàu bắt cua.

Bắt cua làm mắm cho chua,

Gửi về ông đội đừng mua . . . mà . . . tốn tiền.

Dân Bình Định mà nghe bài ca dao đó là nhớ quê nhà, nhớ từ đèo Cù Mông nhớ ra tới rừng dừa Tam Quan; nhớ từ đèo An Khê nhớ xuống tới biển đông, chùa ông Núi, đầm Thị Nại. Xa quê, nghe những gợi cảm qua ca dao, qua thơ văn làm sao mà khỏi nhớ quê. Nhớ quê là cái chắc. Mà nhớ những gì, hè! Chẳng lẽ nhớ núi đồi, sông rạch, nhớ đồi cây nhọn cổ không thôi? Chẳng lẽ lại chỉ nhớ thêm những món quý của quê hương với cảnh sinh hoạt thân thương nơi chôn nhau cắt rốn, như món mắm cua chua xứ Nẫu? Không đơn giản như thế đâu. Nhớ quê là nhớ người, người trong cuộc, người gắn bó tạo nên những kỷ niệm của một thời. Nhớ quê là nhớ người thân, cha mẹ, anh em, dòng họ bà con, thân bằng trong xã hội; và những người tình, tình trong rượu, tình trong thơ văn, trong tình tính tang. Con người và xứ sở quyện ròn vào nhau. Nhớ quê là nhớ người với những sinh hoạt gắn bó vui buồn. Tình quê là đấy.

Trước đây, trong đặc san Bình Định có vài người viết về món mắm cua, mắm cua chua. Một chị và một anh. Chắc anh chị là người trong cuộc của món mắm cua. Là kẻ tha hương, nhớ quê qua món mắm cua là nhất, vì ở đâu có món ấy, ngoài Bình Định. Chúng ta là những người đã từng gắn bó với món mắm cua chua làm sao mà không nhớ quê khi được nghe nhắc đến món đó. Chỉ sợ rằng sau này, các con cháu của chúng ta quên đi món đặc

sản của quê hương vì đã xa quê, vì chỉ được nghe mà chẳng có chút gì vướng bận. Và cũng vì, theo thời gian, theo sự đổi thay của cuộc sống, món đặc sản của quê hương ngày xưa đã không còn trong thực tế hôm nay, mà chỉ còn trong vang bóng mơ hồ.

Bà đội làm mắm cua chua gửi cho ông đội, không chỉ món mắm cua chua đâu, mà còn tình, còn nghĩa, còn những thương nhớ bao trùm trong việc bắc cua, làm mắm và gửi đi. Chắc là ông đội thích lắm, mừng lắm, và sung sướng ngút ngàn với những kỷ niệm xưa nào đó, giữa ông với bà, giữa đôi vợ chồng ngày cũ đã từng ấp yêu. Làm mắm cua chua dễ lắm, mà cũng khó lắm. Dễ vì ai cũng làm được; mà khó vì dễ bị hư, vì không có một công thức rõ rệt về lượng cua, lượng nước và lượng muối, mà chỉ làm theo truyền miệng; phải có tay làm mắm cua. Mắm cua mà bị hư, tức là bị lên mùi khai, rồi có mùi xú uế, phải đổ đi. Khi được rồi, mắm cua chua có mùi dễ thương. Ấy đấy, dễ thương lắm, mà cũng dễ sợ lắm. Khi ăn xong nên súc miệng thật kỹ, nên đứng xa người lạ, hay là người quen mà chưa thân. Họ chịu không nổi mùi mắm cua chua đâu. Còn như thân, thân như vợ chồng ông bà đội thì khỏi phải nói, vì họ đã từng trao cho nhau những mùi thân thương của thịt da, của gần gũi bên nhau, trong đó có mùi mắm cua chua mà! Ngoài chuyện mắm cua chua ra, Bình Định có lắm ca dao nói lên tương quan giữa người với cảnh, với những sinh hoạt thường nhật của quê nhà ngày xưa.

Một chú Lía:

Chiều chiều én liệng tròng Mây

Cảm thương chúa Lía bị vây trong thành

Một nghề buôn:

Ai về nhẩn với nậu nguồn,

Măng le gửi xuống, cá chuồn gửi lên.

Một người con gái với những đặc sản quê hương:

Bún song thân An Thái,

Lua đậu tư Nhân Ngãi,

Xoài tượng chín Hưng Long

Mặc ai mơ táo ước hồng,

Riêng em, em vẫn giữ một lòng thủy chung.

Và nhiều, nhiều nữa, ca dao và cuộc sống của ngày xưa thân ái. Nhưng ngày xưa rồi cũng qua đi, ngày nay cũng theo thời gian mà thành ra xưa, cũng sẽ qua đi. Mỗi một giai đoạn của cuộc sống lại có văn thơ nói lên thực trạng ngày ấy, với niềm vui, nỗi buồn, và có thể với những ước mơ! Văn thi sĩ, các người bình thường, bằng cách này hay cách khác, họ bày tỏ sự xúc động của họ, họ viết về quê hương, ca tụng hay đau buồn về quê hương, một quê hương mở rộng từ Bắc chí Nam theo thời gian, theo những biến động của thời cuộc, biến động của quê hương, ảnh hưởng đến bản thân của cá nhân hay của cộng đồng.

- Chào ông bạn.
- Chào anh.
- Anh ra đây lúc nào?
- Không để ý.
- Lại không để ý nữa rồi.
- Thực đấy. Gió man mát vùng vịnh, mây trời lững thững trôi trê cao làm cho người già thấy khỏe, chừng đó chả đủ sao mà còn để ý đến thời gian.
- Tôi hiểu. Có điều tôi muốn biết, với gió, với mây hợp với tuổi già, còn có gì nữa.

Anh đang suy nghĩ gì đó.

- Chả dám suy nghĩ gì đâu, vì suy nghĩ làm giảm tuổi thọ mà! Tôi ham sống.

- Không suy nghĩ là điều đúng. Nhưng những bất chợt gì đó hiện về trong trí làm sao mà không nghĩ, hả anh! Nói thật đi.

Bạn Nguyên nói có lý. Nguyên không dám suy nghĩ, nhưng những bất chợt của ngày xưa lại hiện về, hôm nay cũng như những ngày qua, cũng như mọi ngày.

Hè năm ấy, Nguyên và 3 người bạn đi chơi trên sông nước Tiền Giang. (1) Trông vào bờ, những lùm cây chập chờn ẩn hiện. Xa xa, về phía trên, bên trái, cồn Phụng của ông Đạo Dừa mơ màng trong sóng nước. Và xa hơn nữa, về phía thượng nguồn, khói sóng lơ mờ. Nguyên tưởng mình là tiên, ngỡ rằng mình gặp lại những người xưa thân ái, những thi hào Lý Bạch, Bạch Cư Dị . . . những thi nhân thuở xưa. Chàng khẽ ngâm:

*Trông Tiền Giang, ngỡ Trường Giang
Hồn thơ tình sử man man gọi sầu.*

Với hai câu, và chỉ hai câu thôi, chàng đã thấy khoái nhưng lại hết ý rồi. Hồn thơ tình sử, chứ không phải Đường vào tình sử của nhà thơ Đinh Hùng, đã làm cho chàng mê mê.

*Này nhé, bài Hương Đông Sơn của Lý Bạch:
Bất hướng Đông Sơn cứu,
Tường vi kỷ độ hoa.
Bạch vân hoàn, tụ, tán,
Minh nguyệt lạc thùy gia. (2)*

Một bài thơ 4 câu, Nguyên chỉ để ý đến câu chót: Minh nguyệt lạc thùy gia, người yêu nay đã có chồng và về nhà ai nhi. Lý Bạch nhớ người yêu, chúng ta, trong đó có chàng, cũng nhớ về người yêu của ngày xưa nào đó. Một cảm thông của người xưa truyền sang người nay, truyền sang chàng, không mê sao được. Lại một bài quen nữa, bài *Đề tích sử kiến xứ của Thôi Hộ*:

*Khử niên kim nhật thử môn trung,
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong. (3)*

Chuyện của Thôi Hộ ngày xưa là chuyện của chúng ta ngày nay, của việc tìm người thân quen, tìm người yêu mà không gặp. Biết bao thi nhân đời Đường đã cảm xúc thay ta, đã nói thay ta, từ sự vui sướng đến cảnh bẽ bàng. Khi chàng mơ tưởng mình lạc vào xứ tiên là lúc chàng còn trẻ, còn yêu đời, còn nghĩ đến chuyện tình trong nhung lụa, và chàng đã mê hồn thơ tình sử ngày xưa. Nhưng biến cố 1975 lại là chuyện động trời, chuyện có một không hai, chuyện của bất ngờ quái đãng . . . Chàng hững hờ, ngây người, chẳng biết toan tính ra làm sao. Thời gian lặng lẽ trôi.

Câu chuyện ngày xưa trên sông Tiền Giang được kể lại với những thềm thuồng một thuở xưa, lại được một người bạn nối tiếp hai câu:

*Người về đâu, ta về đâu,
Mà sao lỡ những nhịp cầu hẹn nhau. (4)*

Một bất ngờ, đúng vậy; một bất ngờ, một chao đảo của cuộc sống làm đổ vỡ những dự tính: Người về đâu, ta về đâu. Nỗi bàng hoàng dấy lên trong tâm khảm của mọi người tìm gặp nhau để tìm biết tin, và chỉ thấy những bờ phờ trên khuôn mặt người thân. Đôi khi, tìm người thân mà chẳng gặp người thân, lại gặp toàn những hững hờ của hoa lá:

*Hoa sứ, trời ơi, hoa sứ nở,
Vườn hoang, mây trắng gọi chim về.
Mái đổ, tường xiêu dồn gói vỡ,
Người đâu, hương sứ quyện bơ vơ . . . (4)*

Người đâu, ai mà biết. Chỉ biết rằng người đã đi rồi, đi lên đồi cao, núi thẳm; vượt đại dương với sóng nước mông mênh để tìm cuộc sống. Biết chừng đó thôi, biết trong tưởng tượng, trong ước mơ, và không dám biết cái tận cùng của chết chóc, của tang thương.

Người đã đi xa rồi, đi đâu không biết, sao giống Thôi Hộ ngày xưa quá, giống cái cảnh

Nhân diện bất tri hà xứ khứ Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

Cuộc sống đã là đề tài sống động cho thơ văn. Thơ văn đã ghi lại đầy đủ cuộc sống. Một thời để thương, để nhớ; một thời để ước mơ thay đổi. Nhưng, theo thời gian, cái già sồng xộc đến, những ước mơ của tuổi trẻ, mơ cho tương lai của chính mình, đã hết. Hết mơ cho mình rồi. Một bạn già của Nguyên tiếp vào haic âu cuối của bài thơ xưa:

Áp iu dĩ vãng mà đau,

Bồng bênh bọt nước, trắng phau mái đầu (5).

Già rồi, đầu đã bạc rồi, hết ước mơ cho chính mình rồi. Áp yêu quá khứ để chờ chết, bạn Nguyên đã nghĩ thế. Và bạn Nguyên là những người có dính líu với chế độ ngày trước, còn lại trong nước, nên nói trong dè dặt mà lòng quặn đau.

Dù là gì, một giai đoạn đã qua, tương quan cố hữu giữa người với cảnh phải có. Là kẻ tha hương, bất đắc dĩ Nguyên nghĩ lại và buồn cho thân phận. Chả phải tha hương cầu thực như thuở cha ông ngày xưa, mà là tha hương tìm sống. Tìm sống trong chết chóc, tìm sống trong mập mờ giữa còn và mất. Và quê hương là đâu, đã 30 năm rồi. Những người tha hương như Nguyên cũng đã nhớ về quê hương, nhớ những người thân thương với những kỷ niệm xưa.

Nhớ tiếng ai, giọng hò thanh thót

Tình quê hương như rót vào lòng. (6)

Hay: *Chiều nhớ nhà, thương quá, mẹ ơi! (7)*

Ngất ngây tà áo cô thôn nữ,

. . . Chạnh lòng thương nhớ nước non nhà. (8)

Nhớ quê hương là nhớ người tình, nhớ cha mẹ. Nhớ quê hương là nhớ bạn bè, kẻ còn, người mất; là nhớ nghĩa trang xưa với pho tượng lính:

Nhớ nghĩa trang xưa, quê hương bạn bè

Nhớ pho tượng lính, buồn se bụi đường. (9)

Nhớ quê hương với mong chờ, với ước nguyện rồi có một ngày:

Mai một tôi về

Thăm người tình cũ

Hẹn hò nhau đi dọc quê hương . . . (10)

Nhưng ước nguyện đó, theo thời gian, vẫn còn là ước nguyện. Quê hương còn xa với vợ, người thân vẫn còn tìm sống trong tăm tối, điêu tàn.

Mới đây, ai đã đội lốt quê hương bắt đầu nghĩ đến những đứa con tha hương? Những *cây đa bến cũ, con đò năm xưa* bắt đầu vang vọng. Những *gió đưa cành trúc la đà, Tiếng chuông Thiên mục, canh gà Thọ xương* có thể gợi cảnh nhớ quê của những con người đã từng gắn bó với tiếng chuông, với canh gà. Nhưng quê hương và tình người có còn gắn bó? Nguyên nhân nào đã tạo ra cảnh trông về quê cũ mà lòng đau đớn lòng. Quê hương thân yêu ngày cũ ới: Những trẻ em của quê hương thân yêu giờ ra sao nhỉ? Những người lớn của quê hương thân yêu tìm sống như thế nào? Cả trăm ngàn câu hỏi về quê hương với những nghẹn ngào, uất hận. Quê hương vẫn là quê hương, vẫn núi đồi, sông rạch, vẫn đồi cây ngọn cỏ, vẫn còn đó những người thân thương. Nhưng núp bóng

quê hương xưa đuổi hàng triệu người lìa quê hương để tìm sống nơi xứ lạ là ai nhỉ? Giờ đây, cái trò núp bóng quê hương lại được tiếp diễn với chuyện “khúc ruột ngàn dặm”. Đau lòng thay chuyện 30 năm về trước, và đau lòng thay chuyện của hôm nay. Quê hương đâu phải là nhà nước, đau phải là bọn người không quan tâm đến con người và đến cả xứ sở thân yêu. Quê hương ư?

Phố cũ bây giờ xa lạ,

Hắc hiu đợi gió giao mùa. (11)

Nhìn qua ông bạn già bên cạnh, Nguyên thấy ông im lặng, nhìn mây hững hờ trôi. Ông ta đang nghĩ gì đó, nghĩ về quê hương chăng? Bất giác Nguyên nhớ thơ xưa

Nhật mộ hương quan hà xứ thị,

Yên ba giang thượng sử nhân sầu. (12)

THANH HƯ

Ghi chú:

- (1) Họ Lê Thanh – Quận Cam, họ Đào – Boston, họ Trần – chết bên Thụy Sĩ.
- (2) *Đã lâu không về Đông Sơn, Hoa Tường Vi đã bao lần nở, mây trắng tan hợp, trăng sáng rơi vào nhà ai?*
- (3) *Đề chỗ đã thấy năm trước: Ngày này năm ngoái, nơi cổng này; mặt người cùng với hoa đào sáng màu hồng. Mặt người bây giờ đi về đâu nhỉ, (Chỉ còn) Hoa đào cười với gió đông.*
- (4) *Thơ Lê Phương Nguyên.*
- (5) *Thơ họ Phạm.*
- (6) *Thơ Quách Tú.*
- (7) *Thơ Phan Tường Niệm.*
- (8) *Thơ Nguyễn Bường.*
- (9) *Thơ Du Tử Lê.*
- (10) *Thơ Nguyễn Thế Giác.*
- (11) *Thơ Hoàng Ngọc Ẩn.*
- (12) *Thơ Thôi Hiệu, bài Hoàng Hạc Lâu.*

Chiều về, quê cũ nơi nào nhỉ,

Khói sóng trên sông gợi lấm sầu.

Cơ Bản Kỹ Thuật

NGUYỄN THẾ GIÁC

Chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, Chính Phủ Việt Minh hô hào chiến dịch: *Vườn không nhà trống!* Còn ra lệnh cho người dân trong vùng ảnh hưởng bởi chiến cuộc, đề cao cảnh giác, tất cả ở vào tư thế sẵn sàng, bắt buộc phải di tản bất cứ lúc nào, đồng bào không được than van gì hết, Nhà Nước có bổn phận và trách nhiệm đưa dân đến những hậu phương an toàn hơn.

Cùng lúc đó, Chính Quyền sở tại lại phát động phong trào: *Tiêu thổ kháng chiến!* Không ngoài mục đích tối hậu, muốn cho Quân Đội Nhân Dân, một Lực Lượng Diện Địa vừa tay cày tay súng này, chẳng còn bận bịu đến gia đình, để dễ bề chống càn, đánh tăng... và tiêu diệt từng đơn vị địch lăm le phá xóm phá làng.

Thứ Quân Đội Viễn Chinh Pháp thời bấy giờ, người ta thường nghe đến danh xưng là lũ Lê Dương, loại lính đánh thuê, được tuyển mộ từ Phi Châu, hung hăng như con bọ xít, lúc nào cũng như chú bò mộng thấy tấm vải đỏ, súng ống nghênh ngang, mặt mày đen dúa hơn cò lọ nôi, hi hục trên xe bọc thép, đổ bộ từ cửa khẩu đập Kiến Thiết và cứ thế mò mẫm tiến sâu vào xóm làng, nơi mà quê cha đất tổ bao đời chôn nhau cắt rốn, dựng lên mái ấm, cho con cháu yên vui.

Làng tôi thuộc vùng cận duyên, Miền Trung của Trung Phần, nên lũ Tây Sơn Đá thường xuyên quấy nhiễu, hơn những địa phương nào khác ở trong Tỉnh.

Mỗi lần lính khố xanh, khố đỏ của Lê Dương đi qua, là vụ mùa năm đó coi như thất thu hoàn toàn, nạn đói lại có dịp hành hạ triền miên, từ năm này gói đầu sang năm nọ, nhà nông lam lũ cả đời vẫn không đủ gạo nuôi sống gia đình, cho dù bữa cháo, bữa hờ, muối dưa đậm bạc, đừng nói đến xa xỉ phẩm.

Thử hỏi, đồng lúa đang tới thời kỳ con gái mơn mớn, chuẩn bị đơm bông, nghiêng mình phơi phới dưới ánh nắng vàng rực rỡ, trên đồng ruộng bao la bát ngát, báo hiệu cho nhà nông tràn trề hy vọng. Nhưng làm sao có thể đứng vững dưới gót giày đinh, xe lội nước, tàu bay, tàu bò... thậm chí những giây xích sắt nghiền nát cả cánh đồng, cho tới bùn non cũng còn ngập lên trên mắt cá.

Lũ Mọi Phi Châu cùng quan thầy Pha Lang Sa quần thảo thế đó, thì còn gì mùa màng, nhà cửa?

Uổng công nông dân tranh thủ lấy đêm làm ngày, bỏ cả thời gian dài dằng dặt, dốc hết công sức, chăm bón thửa sắn, nương khoai, bằng mồ hôi chan hòa nước mắt.

Thực Dân Pháp muốn tiêu diệt tiềm lực kinh tế của Chính Phủ Việt Minh thời bấy giờ, chỉ còn cách phá hoại mùa màng, cắt đứt giao thông vận tải, gây hạ tầng cơ sở ở trong tình trạng nhân tâm ly tán, quan niệm nạn đói là thứ vũ khí lợi hại nhất, một khi chiếc bao tử xẹp lép, là chấp nhận mọi yêu sách. Từ đó, họ cho là hoàn thành công cuộc đô hộ người bản xứ, tạo một thuộc địa vững chắc miền Viễn Đông, dưới chiếc dù mẫu quốc.

Thế là vụ chiêm, chiêm mất, vụ mùa cũng tan hoang! Kế đến, vừa thiên tai, vừa nhân tai, cho nên đời sống người dân của quê tôi vốn dĩ cơ cực, lại tiếp tục bần cùng, quanh năm sống với nước mắt đau thương, trộn lẫn hận thù, miệt mài trên thửa ruộng, nương dâu với tương lai mù mịt, đôi khi nhìn lại đời sống của một nông dân, thừa hưởng mảnh đất ông cha, còn thua một vũng trâu nằm.

Người Pháp đã sai lầm, những tướng kế hoạch điều ngoa: **Đói đầu gối cũng bỏ!** Là tiêu diệt được lòng ái quốc của giống dân bị trị.

Cùng lúc đó, chiếc ách nô lệ đặt trên lưng người bản xứ. Thủ hành động thất nhân tâm, hết sức vô nhân đạo kia, vô tình đã dệt nên những thiên Anh Hùng Ca sống mãi với thời gian, cho người Việt Nam, để rồi nhiều cuộc khởi nghĩa, đã làm Thực Dân Tây tán đởm kinh hoàng, mà tiếng bom Sa Điện là một trong những trái phá vang trời, chẳng những làm cho Thủ Đô Ánh Sáng rung rinh, mà còn chấn động trên toàn thế giới.

Trong khi ấy, Phong Trào Cần Vương ở quê nhà gây sôi nổi và động viên tinh thần ái quốc trong giới sĩ phu ngày một rầm rộ.

Thầy Mẹ tôi, cũng như những người dân trong làng, vì sự sống còn đến gia đình, vừa lo lắng cho con cái ăn học, không còn cách gì hơn, bắt buộc phải trở lại vùng quê xưa, tiếp tục đổ thêm mồ hôi chăm lo canh tác, mặc dù sau những trận tàn phá gần hết huê màu, dân quê bất kể bán sức lao động, ngày đêm quần quật, cố dựng lại túp lều tranh, sau khi bom đạn san thành bình địa, một phần máy bay địch oanh tạc ngày... đêm, một phần hưởng ứng Phong Trào Tiêu Thoả, để Trường Kỳ Kháng Chiến chống ngoại xâm.

Kể đến, bàn cờ Đông Dương được thiết lập một trật tự mới, Pháp cúi đầu trước thế lực Nhật, đất nước tôi đã mang lấy thân phận nô lệ còn tồi tệ gấp mấy lần, hăm hiu thay, lại rơi vào tay một loại phát xít mới.

Thủ Quân Đội Thiên Hoàng còn ghê tởm hơn Đế Quốc Da Trắng ngày trước. Cứ xem lá cờ biểu hiệu cho mặt trời, lại nhuộm một màu máu đỏ tươi, cũng đủ hiểu được ít nhiều tính tình của giống dân đã được huyền thoại hóa,

thành một chủng tộc kiêu hùng, còn được mệnh danh là con cháu của Thái Dương Thần Nữ.

Rồi, thứ quân phiệt nào có điều ngoa bao nhiêu, cuộc chiến nào dù có tàn bạo cách mấy, chắc chắn cũng không đứng vững với thời gian, mà cảm hóa lòng người, dần dà theo định luật bù trừ của tạo hóa, cũng đi lần đến kết thúc.

Ác quỷ phải chịu mọi hình phạt cuối cùng của đấng tối cao. Quả thật, phe Trục đầu hàng Đồng Minh, sau hai trái bom Nguyên Tử của Hoa Kỳ quyết định vận mạng thế giới, đã biến một Đế Quốc sùng sỡ của Đông Phương thời bấy giờ, kéo cờ trắng, giơ tay đầu hàng vô điều kiện. Nhật Hoàng phải bước xuống ngai vàng, ra lệnh trả thảm đỏ, rước danh tướng Mc Athur của Hoa Kỳ vào cung điện, ký kết Thỏa Hiệp đầu hàng. Hành động thúc thời của nhà Vua, tuy tổn thương đến danh dự Quân Đội Thiên Hoàng, nhưng nếu phải so sánh với các Thiên Tử cùng thời đại, chính Nhật Hoàng Hirohito là một vị vua sáng suốt nhất Thế Kỳ, đã đưa nước Nhật vào thời đại huy hoàng, sau thế giới chiến tranh (chưa từng có trong lịch sử của xứ Phù Tang)

Thế là cả hoàn vũ mở màn đón nhận một vận hội mới, Pháp đành phải trả chủ quyền lại cho các quốc gia nhược tiểu, đất nước tôi thoát khỏi ách bạo tàn, may mắn được tự chủ từ đó!

Nhưng oan nghiệt tiếp nổi trên giòng sinh mệnh của dân tộc, lòng người tráo trở không ít, đã biến tinh thần yêu nước chống Tây diệt Nhật của toàn dân, thành ra yêu Xã Hội Chủ Nghĩa hồi nào không hay, đến nỗi những người trẻ còn nằm trong lòng Chiến Khu, đã phải khóc thét lên, vội vàng vác tầm vông vạc nhọn trở về thành, để bảo toàn sinh mệnh và may ra có thể thay đổi được cục diện Quốc Gia.

Một lần nữa, tôi lại bỏ quê sơ tán trong vùng an toàn, Thầy Mẹ tôi khẳng định rằng, không thể nào tôn vinh

một Chủ Thuyết ngoại lai, thiếu cả Nhân Bản, chẳng có tình tự Dân Tộc, nghiêm nhiên chế ngự trên quê hương mình.

Mặc dù với mớ tuổi ăn chưa no lo chưa tới, nhưng tôi cũng đã bắt đầu nghĩ ngợi đến Tư Bản và Cộng Sản trong khối óc chưa đủ dữ kiện để so sánh, tại sao lại hiện diện trên quê hương này.

Chú học trò vừa vứt bỏ chiếc áo nhà quê, bước chân còn chập chững thăm dò, xêu vẹo lên tinh, ngơ ngác trước cuộc sống của người thành phố, nhìn lại tuổi đời còn non nớt với tâm hồn bình dị. chưa vướng mắc gì nhiều đến bụi trần, tưởng chừng tôi sẽ bước xa trong tương lai trên con đường học vấn.

Nào ngờ... Không biết bất hạnh hay diễm phúc đây nữa? Trong trái tim của người trẻ mới lớn, đã bị tiếng gọi tình yêu đánh thức những tế bào vừa tới tuổi dậy thì. Tội vội nhìn lại dấu vết yêu đương, hẳn lên từng phiến nhỏ của da thịt hồng hào và hình bóng của người con gái ấy sừng sững, trở thành kỷ niệm đầu đời, làm cho thiên sử tình ngày một dày cộm, trong trí tưởng tượng của chú bé nhà quê với tình cảm bộc bạch chân thành.

Không dám dối lòng, tôi đã bắt đầu yêu cô Bắc Kỳ nho nhỏ, ngày càng sâu đậm hơn, lúc đó nếu nhớ không lầm, em cũng vừa tròn tròn mười ba, tuổi tình yêu đến sớm nhất, đã làm cho người con gái ngày càng giàu mơ mộng, thay hình đổi dạng chưa kịp qua một biến trình nào, nhan sắc mặn mà nở rộ, đốt giai đoạn trưởng thành của nữ tính.

Vẫn nhớ rõ mồn... một từ trong gia phả, cả giọng tộc tôi theo đạo thờ ông bà, chiếc áo nho gia thể hiện dưới gia đình ảnh hưởng đến tư tưởng Khổng Mạnh. Thờ ông bà cha mẹ gần như người lương, nên tôi khó có cơ hội gặp nàng, họa chẳng ngày Chủ Nhật. Nhưng ngày Chủ Nhật có bốn Thánh Lễ, biết em đi lễ nào để còn rước đèn đây nữa!

Cho chắc ăn, dù giờ nào tội cũng lò dò mò đến Vương Cung Thánh Đường, để may ra được nhìn em sau một tuần vui đầu vào việc học, mua lấy chữ nghĩa, ngõ hầu làm vui lòng đấng sinh thành, riêng tôi cố tiến thân trong một xã hội mà vật chất chi phối mọi hoàn cảnh.

Cha Chánh Xứ của Thánh Đường Chánh Tòa Qui Nhơn ngày đó thật nghiêm nghị, bọn trẻ chỉ nhìn loáng thoáng chiếc áo chùng thâm, chuỗi Thánh Giá trên tay, Ngài chống hèo lăm lăm bước, đã làm khiếp đảm lũ choai choai, mà ông cho là những nhân tố ảnh hưởng làn sóng mới Tây Phương, mất thuần phong mỹ tục, thứ văn minh ngoại lai chưa đủ tin chi trước chiếc áo nho gia, manh nha du nhập vào Việt Nam, làm đảo lộn mọi trật tự xã hội, cứ nhìn Ngài xách cây hèo đi chung quanh nhà thờ, cũng đủ biết vị chủ chiên quan tâm không ít đến thế hệ trẻ, mà tệ nạn mồi mọc đã và đang xảy ra nhan nhản. Do đó, ngài chẳng bao giờ cho lũ trẻ như bọn tôi được tự do đi lễ nhất, một Thánh Lễ đầu tiên trong ngày, dành riêng cho người lớn tuổi.

Trên tòa giảng, lúc nào Ngài cũng kêu gọi cha mẹ hưởng ứng đến trách nhiệm của đấng sinh thành, Cha còn cả quyết tuổi trẻ cần học giáo lý, trong ngày lúc nào cũng có một Thánh Lễ đặc biệt cho giới trẻ, để con em đầy đủ ơn kêu gọi, chuẩn bị xưng tội rước lễ lần đầu.

Tôi đinh ninh lúc nào cũng bị Cha ngăn cấm và khó khăn như thế! Nhưng nếu tôi thối chí bỏ lễ nhất, nhờ cô bé đi theo mẹ nàng, thì tôi khó lòng nhìn em ngày đó. Có ai biết cho chẳng về cậu bé si tình, một giờ thiếu hình em trong võng mô, tưởng chừng cả ngày dài không có ánh mặt trời trở về quả đất. Vẫn hiểu, kẻ si mê được gì ngoài mối tình câm như hến, nhưng sao trong tâm tư háo hức không ít!

Thiết tưởng muốn gặp cô Bắc Kỳ, chỉ việc về nhà cũng dễ dàng thôi, nhưng hình ảnh quá thước của Thầy

nàng, làm tôi rét vô cùng. Tuy ông chưa bao giờ nói với tôi điều gì, làm tổn thương đến tuổi trẻ. Và lại, cũng chẳng ngăn cấm tôi đeo đuổi cô con gái cưng của ông, nhưng không hiểu tại sao mỗi khi gặp mặt, tôi run lên bần bật như chiếc lò xo, vừa rời ra khỏi hai ngón tay kiềm chế.

Hồi ấy, tôi đâm ra bần hản với Cha Chánh Xứ. Những nghi vấn thường xuyên trở về trong khối óc chật hẹp, làm thành nhiều câu hỏi cứ ám ảnh mãi. Tại sao cô Bắc Kỳ nho nhỏ của tôi, lại được nhiều đặc ân hơn ai hết, nhất là được cử hành Thánh Lễ bên cạnh Mẹ nàng, phía Nữ Tú! Còn tôi và những người bạn cùng trang lứa, sao không được tự do ngồi phía Nam Thanh? Từ đó, công bằng và bác ái, dòn dập đưa tôi vào quỹ đạo so sánh.

Suy nghiệm hồi lâu, nhưng cũng gục gặc đầu như tìm thấy câu trả lời đúng nhất, nên tự giải thích lấy, cho mình cảm thấy thỏa đáng phần nào cái tính hiếu kỳ:

- Rất có thể Mẹ nàng xin Cha chuẩn nhận chăng? Nên cô Bắc Kỳ không có vẻ gì sợ sệt cả. Nhiều lúc Cha đi tạt qua, nàng vẫn an nhiên tự tại, nhìn Cha không chút lo âu.

Lớn lên chút nữa, đức tin vững vàng, ý tứ chín chắn, tôi mới hiểu nhiều về nếp sống đạo, của một gia đình Ki Tô hữu.

Thế mới biết cũng tại tình yêu lai láng trong tâm hồn, nên con tim tôi đã làm cho tuổi trẻ càng trở nên dạn dĩ thêm, không gì cả, chỉ vì muốn thấy nàng vòng tay khép nép bên Mẹ, lâu lâu bắt gặp nàng cũng về mắt nhìn tôi, cả hai như những ánh mắt nẩy lửa chạm vào nhau, tạo thành tiếng sét ái tình. Tôi đoán chắc rằng, lòng nàng cũng lâng lâng sung sướng như tôi vậy.

Cảm khoái trong sợ sệt, trái tim thiếu điều muốn lỗi nhịp. Mỗi lần thấy Cha Chánh Xứ sửa soạn đi qua hàng ghế bên cạnh, tôi vội vàng cúi mọp người xuống nền đá hoa,

khệ nệ mang cuốn sách kinh lên, hành động kính cẩn giả vờ, trong đôi tay xuyt xoa tưởng chừng trù mến, che mắt hàng giáo phẩm. Thế là tôi tránh được đôi mắt quát thốt của Cha. Vẫn biết người chủ chiên có nhiều nỗi âu lo và chịu trách nhiệm trước mặt Thiên Chúa, về cuộc đời sống đạo của con chiên trong Giáo Xứ mình.

Không ai có thể hiểu được nỗi thâm ước sâu xa của tôi và tôi cũng chẳng biết ai để mình trần tình cầu cứu, chỉ còn có cô Bắc Kỳ nhỏ nhỏ mới thấy được lòng người yêu của cô ta rộng mở, nên cô bé thường xuyên khuyên lơn, hễ mỗi lần gặp nhau, điều trước tiên nàng van nài bằng một vài yêu sách, thấy cũng không đến nỗi nào khó thực hiện.

- Muốn lấy lòng Thầy Mẹ em, chẳng khó khăn gì đâu! Việc đầu tiên, nên chuẩn bị tư tưởng để hướng cuộc đời mình cùng nhau đi về một mối, sau này mọi sở thích nào của cá nhân cũng dễ dàng thôi!

Nàng còn búng hai ngón tay, tạo thành thứ âm thanh không một lời dẫn giải, nhưng thật hùng hồn chứng minh qua ít nhiều tiếng động chắc chắn ngăn và gọn.

Thiết tưởng, người lớn thấy được hạnh phúc con cái, dù gì cũng quan niệm là ân sủng của Thiên Chúa, nên nổi quyết tâm thể hiện bằng nhiều hành động, những mong tương lai gia đình cùng có cái nhìn vào một đối tượng. Có như thế hậu duệ đi vào bóng mát thiêng liêng.

Vấn đề trở lại đạo, đâu khó khăn gì đối với kẻ có đức tin, tôi vẫn thường mặc khái, tôn giáo nào cũng là tôn giáo kia mà! Tất cả đều hướng dẫn, khai lối cho con người đi đến chân, thiện, mỹ, để thờ phượng Thiên Chúa, như Giáo Lý vẫn thường nhấn nhủ!

Lý luận bao giờ vẫn thế và tưởng chừng dễ dàng đạt được ý nguyện trong tầm tay, trong gang tấc, nhưng ngặt một điều lũ bạn học mỗi lần gặp mặt, thường biếm nhẽ cho

một thằng bạn có tiếng quan niệm, tình yêu không phải qua sự xúc tác của tôn giáo, nên tối ngày cứ khinh khỉnh:

- Mày theo đạo, để được em!

Tự ái của thằng con trai đã dùng dằng giữa lý trí và tình cảm. Cuối cùng, của một trận chiến tâm lý đầy thủ thách, thế là tôi đã chiến thắng, như người có đạo mặc khải, lúc nào cũng tin có Chúa ngự trong hồn, nên tự nhủ thầm:

- Chỉ có Mẹ Maria mới thấu hiểu được lòng con hơn ai hết, trước biết bao đổ kỵ của người đời, làm thành tướng lũy thành kiến nhất cả những tư duy dù nhỏ bé trong lòng kén ganh tị.

Tôi lại lảm nhảm đọc mấy câu thơ cũ, mà ngày xưa lữ học trò chúng tôi thường thuộc lòng, như kinh nhật tụng, mỗi lần muốn làm quen một cô em nào có đạo:

Lạy Chúa con là người ngoại đạo.

Nhưng con tin có Chúa ngự ở trên cao.

Ghi chú: Mối tình giữa “Chàng” và cố Bắc Kỳ nho nhỏ đi đến đâu và kết thúc ra sao? Xin xem tiếp trong Đặc San Bình Định kỳ tới.

Nhóm thực hiện

Quê Hương Ngày Về

Viết với nỗi niềm đau thương của người Việt tị nạn sau một chuyến về thăm gia đình. Nếu quý vị muốn hát Karaoke nên hát lời này trên bản nhạc *Nha trang ngày về*.

Quê hương ngày về
Niềm đau dằng tái tê
Dân quê nghèo thiếu áo
Em thơ chờ xin cháo
Bao dân lành ngơ ngáo u sầu
Ngày xưa đâu ?
Ai đã gieo bao sầu đau

Năm xưa biển đầy
Người yêu tôi ở đây
Trình Vương tà áo trắng
Dang tay đưa trong nắng
Vui reo cùng tiếng sóng dạt dào
Người xưa đâu ?
Ai rẽ chia mối tình đầu

Đất nước tan thương
Bao người chết thê lương
Rừng già góc phố nương dâu
Vùi mình nơi biển sâu
Oan hồn ai khóc ai than
Dân nghèo đói rách lang thang
Gia đình xa cách ly tan từ đó

Chát ngát đau thương
Tôi đành mắt Quê Hương
Bùi ngùi lúc tuổi đôi mươi
Nụ cười mắt trên môi
Theo dòng sông cuốn ra khơi
Xứ người tôi vẫn không nguôi
Mang về nắng mới nơi nơi

Ôi ! Quê Hương năm nào
Trời cao muôn ánh sao
Trao ân tình say đắm
Đêm trăng nằm trên cát
Thông reo cùng tiếng hát ngọt ngào
Người yêu ơi !
Vui biết bao muôn vì sao

Quê Hương dạt dào
Lòng tôi luôn khát khao
Mai mang về gió mới
Đem thanh bình khắp lối
Muôn dân hồn phơi phơi sum vầy
Tự do đâu ?
Mau xóa tan bao hận sầu .

Người Qui Nhơn
San Jose, Tháng 3 /04.



MẮM LÓC CHUNG.

QUẾ LAN

Vào những hôm tiết trời lạnh lạnh, hay những hôm trời mưa rả rích (ôi buồn ào nào- cái lương quá) cả nhà quây quần bên bữa cơm chiều với món ăn “độc chiêu” thuần túy Việt Nam, món **mắm cá lóc chung**. Xin lưu ý món mắm cá lóc chung khác với loại mắm chung với thịt nạc băm và hột vịt.

Cách làm món mắm cá lóc chung cũng không có gì là phức tạp. Trong lòng cái tô một con mắm lóc. Nếu con mắm lớn thì cắt đôi ra. Trên mặt cá bỏ thêm đồ gia vị: tiêu, hành lá, tóp mỡ, nước mỡ, đường để giải bớt mặn.....sau đó đem chung theo lối cách thủy độ vài ba mươi phút là mắm chín.

Nhắc nồi mắm chung xuống, giờ vung ra còn nghi ngút khói, nhìn tô mắm lúc ấy vẻ đẹp của nó thật hài hoà về màu sắc, màu của mắm nâu đậm bóng hơn của nước mỡ thơm ra, mùi tiêu, mùi hành lá quyện vào nhau... Ôi, thì trời ơi hấp dẫn quá!. Quý vị chỉ cần gắp một miếng mắm chung, thêm một tí rau, dưa leo, kèm theo rau muống luộc, hay một chút rau ghém rau thơm khác....Sau đó đưa từ từ vào miệng kèm thêm một ít cơm nóng thì, eo ơi thật là tuyệt cú mèo!.

Cả nhà xúm xít ngồi ăn, chẳng mấy chốc mà nồi cơm vơi dần, tô mắm cá lóc chung cũng thanh toán đẹp.(Đang viết đến đây thì bụng của tiêu muối kêu rột rột, nước miếng chảy nuốt không kịp, đói bụng quá đi thôi. Ước gì có ngay tô mắm cá lóc chung thì thật là tuyệt hảo.)

Sau bao nhiêu năm lưu vong xứ người, tiêu muối chưa được thưởng thức lại món mắm cá lóc chung của thời niên thiếu đó.

Bây giờ thì lại càng không được nữa vì năm tháng xoi mòn tất cả, chứng máu cao chỉ còn cách thưởng thức nó trong nỗi u hoài. Thần thờ tôi bắt chước thi sĩ làm thơ:

Nhớ sao, nhớ quá nhớ chừng,

Nhớ quê, nhớ mắt lóc chung mặn mà.

Tè vui đậm ấm cà nhà,

Tung tăng, áo tím hoa cà nào đâu?

Tháng năm mưa nắng dài dài,

Mười hai: trong, đục, cạn, sâu, bến nào?

QUẾ LAN

XUÂN NHẬT HỮU CẢM

Hoàng mai chi thượng khiếu hoàng oanh,

Xuân vũ như cao thấp thạch thành.

Phát pháo lệnh truyền chu trại tướng,

Nghinh xuân nghi tướng xuất quân hành.

MAI XUÂN THƯỜNG

(1860- 1887)

NGÀY XUÂN CẢM XÚC

Mai vàng cành động tiếng hoàng oanh,

Quý hạt mưa xuân tẩm vách thành.

Súng lệnh vang truyền quân các trại

Đón xuân ca khúc bước quân hành.

VIỆT THAO dịch

TẾT

Nửa đêm trừ tịch nổ đi ùng
Nhà nhà đốt pháo ăn mừng Tết ta
Thành San xác pháo đồ nhòa
Trước thềm năm mới, cùng ta chúc mừng

Mẹ già sống mãi ngàn năm
Với đàn con cháu sum sê lá, cành....
Chính quyền cấm pháo nơi nơi
Nhưng "nẫu" vẫn cứ đốt chơi tung bưng

Gọi xuyên qua nửa địa cầu
Chúc mừng mấy chị sống lâu phước nhiều
Mấy ông anh rẻ hơi già
Nhưng hút thuốc lá rượu trà như diên!

Bên đây Tết nhất mơ hồ
Trong ba ngày Tết nhờn nhơ đi làm
Nếu không Boss sẽ phàn nàn
Tháng giêng ăn Tết phủ phàng trời mưa

Nhớ người con gái ngày xưa
Chợ Gò Tuy Phước năm xưa gặp nàng
Yêu em, rón rã, vội vàng
Tìm hoa ép vở tình buồn tuổi thơ

Già đâu chưa hết mộng mơ
Dù em đi bộ hái thơ trên trời
Tiếng chim bay vút qua đời
Ôm cô gái đẹp, bờ môi dầy thì

Tết tiết còn biết làm chi
Làm chàng thi sĩ bút chì ngâm thơ
Đầu óc rỗng tuếch, ngẩn ngơ
Mùa xuân trống trải vẫn vợ nhớ nàng

Nhớ nàng lòng dạ rối ren
Mặt mày nhón nhác đê ngòi viết cong !
Biết em còn nhớ mình không
Mà mình nhớ mãi hàm răng em cười

Thành San xác pháo đồ nhà
Mùng năm trẩy hội nhớ đời tha hương
Ước mơ gặp được người thương
Cho tim bớt lạnh, cho đời bớt đau

Ngày cơm quán, tối bơ vơ
Đêm đêm ôm gối mà mơ mẩn nông
Mưa nguồn nước đổ ra sông
Tình tôi dồn lại thành đầm tương tư!

Dù không áo vải anh hùng
Nhưng từng xuống biển lên rừng tìm em
Tình đầu anh đã trao em
Trong đôi mắt biếc từng đêm bão bùng

Hoa tàn lưu lạc về đâu ?
Cuộc tình tôi đã biến dâu hoang tàn
Trời xa, mây khói mơ màng
Tình tôi thương ấy là ngàn cánh hoa

Bây giờ bóng xế trăng tà
Bên chung rượu nhạt, ngắm hoa nhớ nàng
Ngẩn ngơ bên cánh hoa vàng
Còn Xuân, còn Tết, ta còn nhớ em

Già Trường

BÚN GIÉ

NGUYỄN ĐIỀU

Bún gié là một món ăn đặc biệt chỉ có ở quận Bình Khê, nhưng không phải tất cả mọi người trong quận đều biết dùng món đặc sản này. Nhưng đã ăn được một đôi lần thì cảm thấy thích rồi thấy ghiền. Nói chuyện thích bún gié nai thì phải nói đến cụ Huỳnh Yên, nói đến việc ghiền bún gié bò thì phải nhắc đến ông quận Thường.

Cụ Huỳnh Yên người Thừa Thiên, sau khi đậu Phó Bảng (1919) một thờ gian ngắn được bổ làm Tri Huyện Bình Khê. Tính Cụ rất phóng khoáng lại thân dân, có lần cùng các vị hương chức trong huyện tổ chức đi săn ở núi Thuận Ninh. Lần đi săn này may được con nai chà lớn lắm. Ông Lý Trường Thuận Ninh muốn mang về làm tiệc ăn uống tại đình Thuận Ninh cách chỗ được con nai không xa. Nhưng quan huyện muốn thưởng thức ngay tại chỗ theo lối thợ săn địa phương vẫn thường làm. Thế là con thú rừng được đem thui, làm thịt nấu nướng ăn nhậu tại chỗ. Món mà cụ Hoàng thích vẫn là món gié nai mà cụ còn nhắc lại sau bao năm vật đổi sao dời, cụ lên làm Tổng Đốc Bình Định, rồi tới thời Việt Minh, gặp lại người hương chức cũ cùng tham dự lần đi săn đó.

Ông Lê Thường là người có duyên nợ rất nhiều với dân Bình Khê. Thời gian làm Quận Trưởng, lúc đầu mới ngồi vào bàn tiệc nhắm thử món bún gié, ông Tân Quận Trưởng nói là món ăn gì mà hôi mùi phân bò quá vậy. Thế mà sau khi ăn vài ba lần, đâm ra ghiền đến nỗi tuần nào ông Quận Trưởng cũng nhắc hỏi anh em món bún gié bò, ước lại được chén một châu cho thoả thích.

Vậy chớ gié là gì đó bà con biết được! Tra Tự Điển chẳng ? Không có đâu! Tôi đoán chắc cụ Huỳnh Tịnh Của chưa bao giờ thưởng thức món bún gié nên không thấy cho vào sách Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của cụ!

Gié là tên gọi riêng phần ruột non của giống thú rừng thuộc loài nhai lại như nai, hươu...gia súc như trâu, bò. Có lẽ vì đùm ruột non oằn oèo trông hơi giống gié lúa, gié nếp nên nhà nông đặt cho nó cái tên gié chăng? Nhưng giải thích như vậy cũng có người thắc mắc: Sao ruột non của heo cũng oằn oèo như ruột non bò người ta không gọi là gié? Thì đành bí vậy!.

Nói đến món ăn là lạ này, chắc khởi kỳ thúy người ta chỉ dùng ruột non của nai hay hươu là thành phần chính dùng để nấu nồi cháo gié, hoặc để ăn với bún tươi gọi là bún gié do đám thợ săn nghĩ ra. Họ nghĩ rằng con hươu, con nai ở rừng núi chỉ ăn cỏ tranh, ăn lá cây các thứ, mà rất khoẻ, chạy nhanh đến nỗi **nai mà giạt móng thì chó săn cũng le lưỡi**, thì chắc rằng những chất đem nuôi cơ thể nó phải bổ lắm. Bỏ cho thú rừng chắc phải bỏ cho thợ săn.

Sau khi bắt được con nai hay con hươu, người ta mổ bụng lấy bộ đồ lòng của con vật gồm có tim, gan, cật, phổi và ruột, bao tử để riêng, còn thịt xương thì người ta chia đều cho những người có mặt lúc đi săn, sau khi họ đã để dành phần thưởng cho người có công nhất và phần thưởng cho con chó nào săn giỏi nhất nhì. Còn bộ đồ lòng người ta đem nấu làm món ăn cho những người tham dự cuộc đi săn cùng thưởng thức.

Cách nấu gié. Cách làm không có gì khó, có thể chia ra ba phần công việc:

- . Xắt tim, gan, cật, phổi đem xào chín với dầu phộng và gia vị, để sẵn một bên.
- . Đem khúc gié cật kỹ hai đầu làm cho chất nhũ trấp ở trong gié khong chảy ra được, rồi đem luộc khúc gié đó. Khi nồi nước luộc gié sôi lên độ hai ba lần là được. Vớt gié ra để sẵn một bên.
- . Một rổ lá gian hái sẵn rửa sạch để sẵn một bên.
- . Nấu một nồi nước khác thật sôi; đang sôi đổ chảo lòng xào khi nãy vào trước rồi xắt gié từng khúc cho vừa miệng ăn đổ vào sau. Nhớ quậy để nhũ trấp tan đều trong nồi nước. Cho gia vị vào nồi cho vừa ăn rồi tiếp tục đun.....

. Cho rô lá gian rửa sạch vò nát vào nồi.

Tiếp tục đun thêm độ mười phút nữa thì ta đã làm xong một nồi nước giế rồi đó. Nồi nước giế lúc bấy giờ màu hơi xanh màu lá cây, có vị chua của lá gian và vừa béo của lòng xào quyện với nhũ trấp của ruột non.

Đôi khi nồi nước giế có vị nhân nhân vì người làm bếp lấy giế lán qua phần ruột già một tý và cũng vì thế mà trường hợp này có chút xíu bay mùi cò. Tuy nhiên kẻ sành thưởng thức món bún giế cho mùi nhân nhân ấy mới là đúng cách. Cũng như lúc trước có dịp vào Chợ Lớn thưởng thức món Bao Tử Heo Chiên, có người bạn vẫn khen món ấy nếu còn phảng phất mùi cám thì mới thật là “tơi” vậy.

Lá gian là tên gọi một loại giấy leo thường mọc ở vùng gò đất cát sỏi, xứ nóng . Vùng xứ lạnh tuyết nhiên không có giống này. Về mùa Hè lá gian thường xanh tươi tốt. Lá gian có chứa vị chua khi vò nát ra, nếu để nguyên lá thì vị chất nhiều hơn chua. Chất chua chỉ có nơi lá gian mới là đúng cách nấu giế. Còn trái me, trái khế hay trái chanh cũng có vị chua nhưng nấu giế ăn không được ngon. Có khi khó ăn nữa là khác.

Về việc nêm nếm cũng cần lưu ý. Nếu nồi nước dé thấy hơi lạt, cần phải thêm muối thì phải chờ cho nồi nước giế hơi nguội một tí rồi mới hoà muối chêm vào. Nếu nước giế đang sôi đỏ thêm bao nhiêu muối nêm thử vẫn thấy lạt, đến khi nước giế nguội thì quá sức mặn, ăn không được.

Trường hợp bị mặn muốn gia nước thêm, phải dùng nước đang đun sôi chêm vô, không được chêm nước lạnh; nếu cho nước lạnh vào thì nồi giế sẽ bị hôi mùi cò.

Một điều đáng lưu ý hơn là khi ăn nước giế cũng phải thật sôi, nếu để nguội sẽ khó ăn và sẽ có mùi cò.

Vấn đề nai hươu đầu dê có thường xuyên nên người ta dùng ruột non bò thay thế ăn cũng ngon. Từ đó giế bò thịnh hành ở Bình Khê.

Giế bò ăn với bún tươi mới là đúng cách.

NGUYỄN ĐIỀU

Một Số Cỏ Cây Hoa Lá

Cỏ Độc Tính

HỒ PHÙNG

Sưu tầm và dịch

Đa số những loài thực vật trong tài liệu này có rất nhiều ở Hoa Kỳ. Để bạn đọc dễ nhận diện thực vật, chúng tôi có in hình màu và một số vẫn giữ nguyên tên tiếng Anh hoặc đã được chuyển ngữ nhưng vẫn để tên tiếng Anh trong ngoặc đơn đồng thời còn có tên khoa học bằng tiếng La-tinh. Cũng có cây hoặc cỏ có đến năm sáu tên gọi. Chẳng hạn như, cỏ Jimson-Weed còn có tên là Táo Gai (thorn apple), Jamestown; còn các nhà thực vật học khắp nơi trên thế giới thì gọi cỏ này là *Datura stramonium*.

1) CHẤT ĐỘC MÀU XANH LỤC

Vào một ngày hè, một cô gái ở Ohio không muốn đi ra ngoài vườn bèn bày trò chơi ở trong nhà. Dùng một cái đĩa, cô ta sắp xếp những quả dâu màu đỏ (red berries) thật là xinh mà cô hái từ một bụi cây trong vườn từ chiều hôm qua. Vài tiếng đồng hồ sau, sau khi ăn những trái dâu đỏ mà cô đã bày biện làm như ăn bữa cơm chiều, cô ta lăn ra chết. Bác sĩ cho biết đã quá trễ vì cô ta đã ăn nhầm những quả giống như quả dâu từ một cây có độc tính.

Ở Georgia, năm em bé bị trở bệnh sau khi uống “trà” mà chúng đã hái lá từ một cây đào (peach). Ai cũng biết trái đào, trông thật mon mơn và ăn lại rất ngon. Nhưng những phần khác của cây đào, nhất là cái nhân bên trong hạt đào, chứa một trong những chất rất độc đáng ngại.

Có một cháu nhỏ ở Washington chết một cách đột ngột, các bác sĩ nghĩ rằng cậu bé này bị nghẹn vì một cục kẹo, sau đó phát hiện ra rằng cậu đã ăn những trái dâu hái từ một bụi cây hoang trong rừng.

Tuy ít người chết vì ăn những thực vật có chất độc, nhưng lại có hàng ngàn người bị ảnh hưởng bởi chất độc của một số loài. Nếu chúng ta có một chút hiểu biết về những loài cây cỏ độc, chúng ta sẽ tránh được những nguy hiểm này.

Trong số 30.000 loài cây cỏ mọc ở Hoa Kỳ, có đến khoảng 700 loài có chất độc. Không phải hầu hết các loài đó làm chết người. Một số làm cho ta khó chịu. Một số khác, tưởng chừng như vô hại, nhưng thật ra có thể gây nhức nhối, gây bệnh, và đôi khi gây chết người.

Những cây nguy hiểm chứa chất độc chỉ có trong lá hoặc thân, hoặc rễ..., trong khi có những cây khác thì bất cứ phần nào của cây cũng có độc tính. Nhưng không phải tất cả những cây có chất độc đều vô dụng vì người ta có thể dùng những phần hoặc một vài phần của các cây để bào chế thuốc men trị bệnh cho con người.

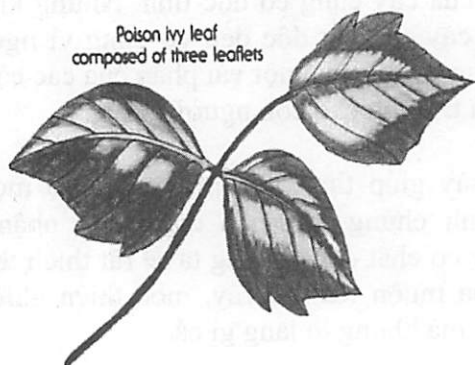
Tài liệu này giúp tìm hiểu những cây cỏ mọc hay trồng xung quanh chúng ta, nhận diện, hay nhận dạng được những cây có chất độc. Chúng ta sẽ rất thích thú với những vẻ đẹp của muôn loài cỏ cây, mọc thiên nhiên hay trồng trong nhà, mà không lo lắng gì cả.

2) THẢO MỘC GÂY NGỨA

Nếu chúng ta hỏi những người bạn về một cây độc, rất có thể các bạn ấy trả lời “cây Ivy độc” hay “cây Sồi độc” (poison oak). Chất nhựa bên trong những cây này chứa một chất độc gọi là urushiol. Nếu ngọn lá bị bẻ hay ngọn chồi bị gãy sẽ ứa ra chất nhựa, nếu đụng vào sẽ làm cho da bị đỏ và gây cho ta cảm giác như đang bị cháy bỏng. Sau đó, da nổi lên những cục đỏ, làm cho da ngứa kinh khủng. Nếu bạn gãi những cục đỏ, tức thì những mảng đỏ tựa mày đay lộ ra và gây nên nhiễm trùng.

Chất urushiol rất mạnh đến nỗi chỉ cần một giọt nhỏ nhựa cây cũng đủ làm phiền hà cho hàng trăm người. Tay bạn có thể làm lây lan đến những phần khác trên cơ thể. Chó hay mèo chui qua lỗ hổng bụi ivy hoặc chạm vào áo quần hay vật dụng chạm vào cây có thể làm cho da nổi mụn đỏ.

Poison Ivy [*Toxicodendron radicans*] Dây Ivy độc. Đây là loài Ivy mọc thấp hay bò dọc theo mép đường, trong rừng có bóng im, trên đụn cát, trong công viên, và đằng sau vườn. Lá gồm ba lá đơn. Cây có hoa nhỏ màu trắng trắng và hơi xanh nhạt, còn trái thì hình dạng giống như trái dâu màu vàng nhạt treo lủng lẳng từng cụm.



Poison Ivy leaflet in autumn



Về mùa thu, lá trở màu đỏ, vàng kim hay vàng da cam.

Poison Oak Loài Sồi độc này, nếu mọc ở vùng duyên hải phía tây thì có tên khoa học [*Toxicodendron diversilobum*], nếu mọc ở vùng đông nam thì có tên [*Toxicodendron toxicarium*]. Sồi độc thường mọc gần cây Ivy độc.



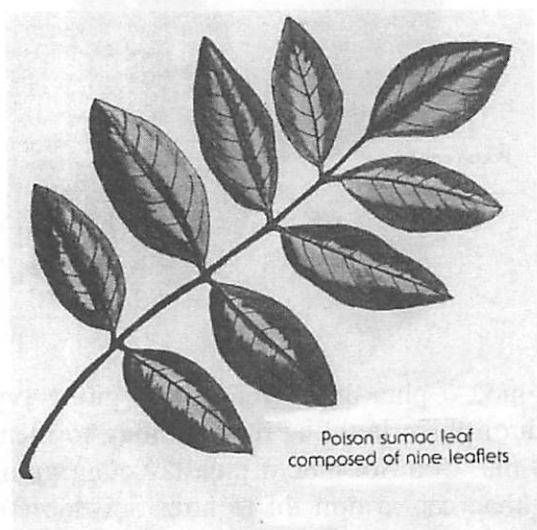
Sồi độc mọc ở phía đông Hoa Kỳ rất giống Ivy độc, chỉ khác ở dưới phiến lá thì có một lớp lông tơ mềm trông có vẻ mượt mà. Còn Sồi mọc ở phía tây cũng giống như Ivy độc chỉ khác các lá đơn thì to hơn. Sồi độc có hoa nhỏ, xanh vàng nhạt và trái nhỏ màu vàng kem giống như trái của ivy độc. Lá đổi màu đỏ đậm về mùa Thu.

Poison Sumac [Toxicodendron vernix]

Bụi Sumac độc. Hình dáng giống như cây nhỏ thấp hay lùm bụi. Sumac độc mọc gần những con suối, trong vũng nước hay trong vũng bùn ở phía đông Hoa Kỳ. Lá gồm có từ năm đến mười ba lá đơn. Cây Sumac độc có hoa nhỏ màu trắng nhạt, sau đó trở thành trái tròn cũng màu trắng mọc thành chùm. Còn loài Sumac không độc (non-poisonous sumacs) thì trái màu đỏ. Về mùa thu, lá Sumac độc đổi màu đỏ sáng.

Dùng thuốc mỡ (ointment) hay thuốc nước có mùi thơm (lotion) mua ở các hiệu thuốc để làm giảm ngứa. Nhưng nếu bị nổi mụn đỏ nhiều quá thì nên đi bác sĩ.

Lưu ý: Đừng bao giờ đốt cây ivy độc, cây sồi độc hay cây sumac độc vì chất nhựa bị cháy sẽ bốc vào trong không khí làm cho mắt và phổi nhiễm độc.



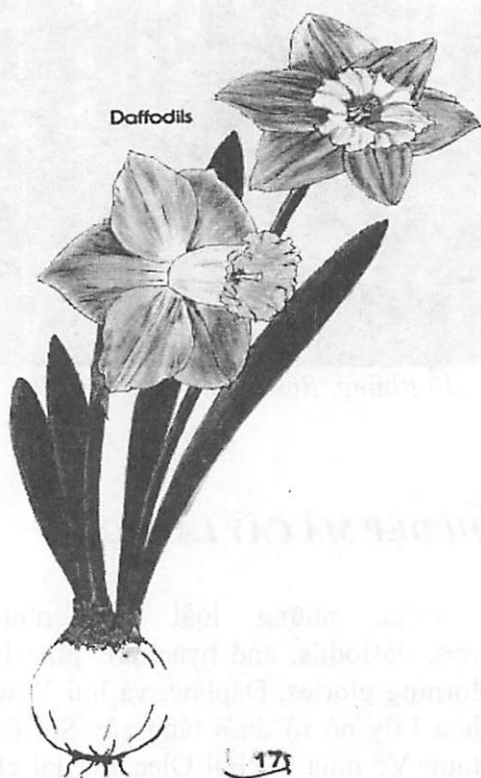


Hồ Phùng, Research Forester 1995

3) HOA THÌ ĐẸP MÀ CÂY LẠI ĐỘC

Vào mùa xuân, những loài hoa như: azaleas, rhododendrons, daffodils, and hyacinths phát hoa. Những bụi cây: Morning glories, Daphne, và bụi Yew mọc cạnh nhau. Cây hoa Lily nở rộ dưới tàng cây Sồi (oak) và cây Horse chestnut. Về mùa hè, bụi Oleander lại cho hoa phủ thành màu đỏ, cây Đậu Castor che phủ một góc vườn trồng, và những luống Foxglove và Delphinium cũng tràn đầy hoa. Vào cuối Thu, cây Crocuses (nghệ tây) nở hoa. Vườn nở đầy hoa rất đẹp nhưng hầu hết những loài hoa này đều có độc tính.

Daffodil [*Narcissus pseudo-narcissus*] có củ và hoa tựa như cây hoa Thủy Tiên nhưng không trồng trong nước, nở hoa rất sớm vào mùa Xuân. Hoa có hình dáng như cái loa kèn, màu vàng ửng, còn lá đẹp và dài.



Cây Daffodil trồng bằng củ tựa như củ Hành (onion). Nhưng ăn nhầm lá, nhất là củ, rất nguy hiểm. Chỉ một miếng củ này có thể làm cho buồn nôn. Củ của hai loài hoa giống như Hoa Thủy Tiên (daffodil) này là Jonquils [Narcissus jonquilla], một số tự điển Anh-Việt dịch là Hoa Trường Thọ; và Narcissus [Narcissus poeticus], cũng gọi là Hoa Thủy Tiên, có chất độc làm cho buồn nôn, mửa.

Hyacinth [Hyacinthus orientalis] Hoa nở vào mùa Xuân, rất đẹp. Hoa mọc quanh một cái trụ, có nhiều màu sắc, từ màu trắng cho đến màu tím đậm, giống như các màu ngũ sắc của một cái cầu vồng (rainbow).

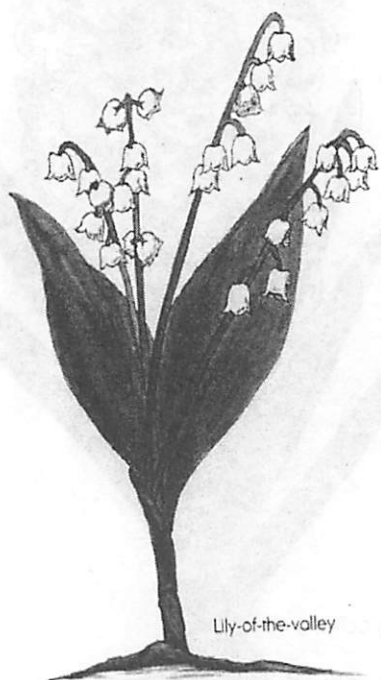
Lily-of-the Valley [Convallaria majalis] Hoa Lan Chuông
có những nhành hoa màu trắng hay màu hồng hình dáng
như quả chuông. Lá hình chếc ca-nô. Hoa có chút hương

mùa.

Là Hyacinths đẹp, phẳng, phát ra từ đầu củ. Củ giống y củ
Hành và có chất độc. Chỉ ăn nhấm một miếng nhỏ củ này,
bao tử bần sẽ bị cơn đau kinh khủng, có thể gây ra nôn



thơm dịu dàng, dễ chịu. Thuở xa xưa, người ta tin rằng chà hoa này trên trán là một phương thuốc sẽ làm cho ta “cảm thấy dễ chịu”. Nhưng đừng vì sự “cảm thấy dễ chịu” mà ham đùa giỡn với loài hoa Lily này. Toàn thể cây hoa này, nhất là những trái nhỏ, chứa chất độc rất mạnh, chỉ cần 4 giọt ép ra là có thể giết chết một con chó.



Yew [Taxus spp.] Có nhiều loài thuộc họ cây Yew tìm thấy khắp nước Mỹ,



Yew

thường trồng gần nhà, có lá xanh quanh năm. Trái mềm, màu đỏ, dáng như trái dâu nhưng chứa một hạt màu nâu đen có chất độc chết người. Ăn nhầm hạt này sẽ chết trong vài phút.

Rhododendron, Azalea

[*Rhododendron* spp.] là những bụi cây mọc ở vùng duyên hải và vùng núi. Cây nở hoa từng bó màu trắng, vàng cam, hồng, đỏ và tím vào mùa Xuân. Tất cả những bộ phận của cây hoa này đều độc, nhất là hoa và lá. Nhai hay múm nước lá này trong sẽ bị nôn mửa.

Rhododendron



Tinh chất từ hoa này làm cho bạn bệnh. Không phải các loài thuộc họ cây Rhododendron đều độc. Một số như Huckleberry, Blueberry và Caranberry thì vô hại, trái ăn ngon.

Oleander [*Nerium oleander*] có tự điển dịch là cây Quế Đại, Giáp Trúc Đào, mọc thành bụi ở phía Nam nước Mỹ và

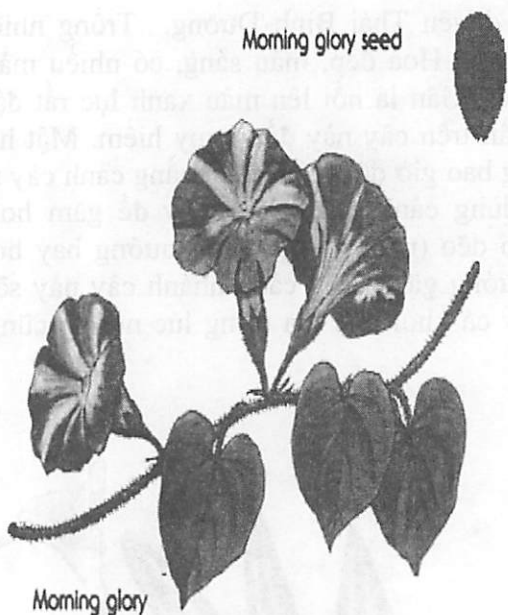


Azalea

vùng cận duyên Thái Bình Dương. Trồng nhiều ở vùng phía Bắc Mỹ. Hoa đẹp, màu sáng, có nhiều màu từ trắng đến đỏ sậm. Gân lá nổi lên màu xanh lục rất đậm. Tất cả những phần trên cây này đều nguy hiểm. Mật hoa này rất độc. Đừng bao giờ đốt củi nấu ăn bằng cành cây này. Đừng bao giờ dùng cành nhánh cây này để găm hot dog hay quyet kẹo dẻo (marshmallow) để nướng hay hơ trên lửa. Ăn thịt nướng găm bằng cành nhánh cây này sẽ bị nhiễm độc. Ngay cả khói bốc lên trong lúc nướng cũng làm bạn nôn mửa.



Morning Glory [*Ipomoea purpurea*] mọc tràn lan khắp nơi, rất dễ sống.



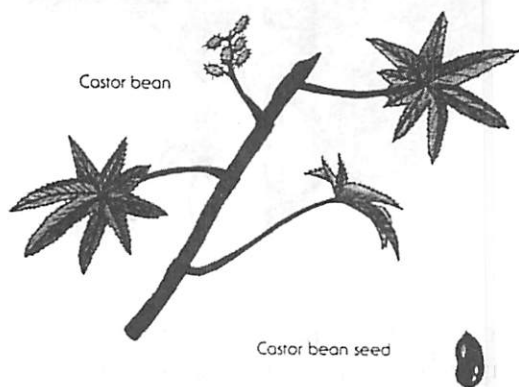
Giống như dây Bìm bìm, có hoa hình dáng như cái phễu, có màu trắng, màu hồng, màu xanh, nở vài tiếng đồng hồ vào buổi sáng. Lá giống hình trái tim. Hạt rất nguy hiểm. Ăn hạt này sẽ bị hư não bộ (brain damage) làm cho người bị rối loạn tinh thần (mental problems).

Daphne [*Daphne mezereum*] Hoa chùm nhỏ đẹp nở vào tiết Xuân trước khi rụng lá. Những nhánh mọc đầy hoa có bốn cánh mỏng có màu hồng nhạt đến màu tím. Khi hoa tàn, cây Daphne lại sản sinh ra một loại hạt giống như hạt vòng ngọc màu đỏ chói. Tất cả những phần trên cây Daphne rất u là nguy hiểm, nhất là hạt, vỏ và lá cây. Một vài hạt này đủ giết một em bé.



Daphne

Castor Bean [*Ricinus communis*] cây nhỏ, cành có màu xanh lục, màu đỏ, hay ửng tím, mọc nhiều nơi.



Castor bean

Castor bean seed

Hoa chùm sản sinh ra những trái như trái đậu, mỗi trái có 3 hạt rất độc. Chỉ cần 2 hạt đủ giết một em bé và 6 hạt giết được một người lớn. Ở Mexico, người ta dùng hạt này kết thành xâu chuỗi bán cho du khách. Do đó, đừng bao giờ ngậm hay mút hạt các xâu chuỗi vì có thể chuỗi được làm bằng hạt Castor bean.

Foxglove [*Digitalis purpurea*] mọc khắp nơi trên nước Mỹ.



Cây Foxglove là dược thảo giúp trợ tim, rất có lợi ích. Lá lớn, có lông, vẫn xanh vào mùa đông. Còn về mùa hè, cây mọc cao lên với những chùm hoa hình trái chuông màu tím, có những chấm nhỏ bên trong mỗi cái hoa. Mặc dù cây Foxglove là một nguồn dược thảo để chế biến thuốc chữa

bệnh tim mạch, cứu sống nhiều mạng người, nhưng ăn nhầm hạt, lá, hoa thì rất nguy hiểm.

Autumn Crocus [*Colchicum autumnale*] là một trong những cây chậm cho hoa, mãi cho đến khi mùa Thu tàn mới có hoa.



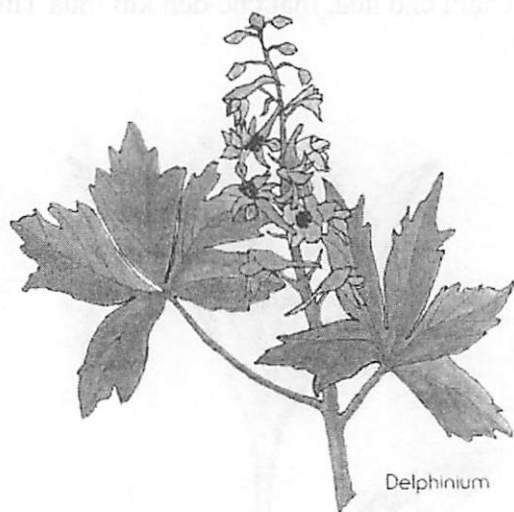
AUTUMN CROCUS

Hoa trắng hay hồng nở sau khi lá tàn. Tất cả những phần của cây, nhất là hạt và củ, đều nguy hiểm. Con người sẽ bị nhiễm độc nếu uống nhầm sữa vắt từ những con bò ăn lá và hoa của cây này trong mùa Thu.

Delphinium, Larkspur [*Delphinium* spp.]

Có hơn 250 loài thuộc nhóm cây này mọc khắp nơi trên nước Mỹ và tất cả đều nguy hiểm. Lá mọc rậm gần mặt đất. Vào mùa hè, cây mọc lên một cột cao phủ đầy hoa có màu

trắng, vàng, đỏ, hồng hay xanh. Ở đáy hoa có một cái đế nhỏ giống như đế giày đi ngựa (spur).
Ăn nhầm lá và hạt cây này có thể bị tê liệt hay chết.



Oak [Quercus spp.]

Thường gọi là Cây Sồi. Nhiều loài Oak mọc khắp nước Mỹ, là một tiềm năng kinh tế lâm nghiệp. Tùy loài, lá khác nhau về kích cỡ và về hình dáng, nhưng tất cả các loài Sồi đều cho trái giống như hạt Dẻ. Rủi thay, hạt và lá của nhiều loài Sồi có chứa những chất có hại.

Người Mỹ bản xứ (American Indians) thường luộc hoặc nấu sôi những hạt Sồi để loại trừ những chất độc, rồi nghiền những hạt đó trộn với bột làm một loại bánh mì đặc biệt.

Để bảo đảm cho tánh mạng, tốt hơn hết, đừng bao giờ, nhớ là đừng bao giờ nhai bất cứ loại hạt Sồi nào

Oak leaves and acorns



Horse Chestnut, Buckeye [*Aeculus* spp.] là những cây to dáng hùng vĩ mọc khắp nước Mỹ. Vào mùa xuân, những chùm hoa hình dáng như cái nón, màu trắng, vàng, hồng, hay đỏ bùng nở giống như đèn cây dọc theo nhánh cây.

Horse chestnut leaves and seed



"Chestnut" or "buckeye" in spiny seed pod

Còn về mùa Thu, cây cho hạt to, tròn. Những hạt có vẻ đẹp này giống như gỗ có đánh bóng, có vỏ cứng bao quanh màu xanh lục. Người ta thích lượm những hạt này. Nhưng coi chừng, hạt cùng với lá chứa chất độc nếu ăn nhầm, làm cho bạn ói mửa.

* Ghi chú: Các phần còn lại sẽ đăng tiếp trong Đặc San kỳ tới

HỒ PHÙNG

Phiếm luận cười

Chợ Thời Cộng Sản

ĐẶNG VĨNH MAI

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 tôi đang ở Sài Gòn .Chỉ mới một tuần sau ngày quân Cộng sản cưỡng chiếm Miền Nam,bọn ngổ ngáo đã tập tộ xuất hiện trên đường phố Sài Gòn,nhất là tại các chợ quán.Cũng từ ngày đó tôi âm thầm đi bộ ra khỏi nhà đến các con đường quen thuộc hoặc khu vực ngày xưa tôi làm việc để nghe ngóng tình hình thời sự. Nhờ vậy mà tôi đã chứng kiến và nghe đồng bào mình kể lại những mẩu chuyện buồn cười với những chữ nghĩa mà bọn Cộng sản thốt ra từ cửa miệng. Tôi xin kể hầu quý vị một vài câu chuyện :

1) **Sửa Honda** Tại chợ Thị Nghè có một sạp sửa xe bên lề đường. Anh thợ treo một tấm bảng viết tay mấy chữ “ tại đây có sửa Honda”. Một anh bộ đội dắt xe Honda rụt rè bước tới. Anh thợ tưởng anh bộ đội đến sửa xe nên hỏi : Sửa gì ? Anh bộ đội đọc trên bảng như thế nào không biết mà trả lời :” Xin 5 đồng sửa Honda “. Té ra anh bộ đội đã đọc nhầm chữ sửa thành chữ sữa mà lại sữa ngoại hiệu Honda của Nhật thì chắc là ngon tuyệt nên nhào vô mua. Còn anh thợ sửa xe thì không hiểu gì nên ngơ ngát !!??

2) **Ngoài nhà mùa hè ,trong nhà mùa đông** Tháng 5 ở Sài Gòn trời hãy còn nóng vì đang mùa Hè .Thế mà mấy anh bộ đội vào chợ Thị Nghè mua áo len .Chị bán quần áo muốn nói vài câu gia lả với anh ta, nên hỏi: “Các anh sắp về Bắc nên mua áo ấm để biếu gia đình phải không? Anh

cán ngó trả lời ;” Chúng tôi mua để mặc thôi. Chỗ tôi ở sao mà bên ngoài là mùa hè mà trong phòng lại là mùa đông, lạnh buốt !? Thì ra các anh ta đang chiếm đóng toà Đại Sứ Anh ở đường Thống Nhất. Khi người Anh di tản đã không tắt hệ thống máy lạnh nên bọn họ thấy bên trong lúc nào cũng buốt như mùa đông !!!

3) Ngồi xích lô hạng nhì Một hôm tôi đứng trước rạp chiếu phim REX để nhớ lại những kỷ niệm xưa thường đến đây xem phim. Trước rạp hát có vài anh đạp xích lô ngày xưa vẫn hành nghề để kiếm sống, vì lúc này các rạp chiếu phim đã hoạt động trở lại do “Ban Quân Quản Sài Gòn” quản lý. Một anh bộ đội đang mài miết ngắm tòa nhà rạp hát nguy nga tráng lệ .Bỗng nhớ lại như đã quá trễ giờ về đơn vị, nên muốn thuê xe xích lô chở về. Anh bộ đội hỏi anh xích lô :”Hạng nhất bao nhiêu? Hạng nhì bao nhiêu ?” Sợ dĩ anh ta hỏi giá như vậy vì thấy phần ghé ngồi có lót nệm trắng chắc là hạng nhất; còn chỗ gát chân bằng gỗ xấu xí hơn chắc là hạng nhì .Ngược lại anh xích lô tưởng anh bộ đội hỏi giá vé xi-nê ,nên trả lời :”Hạng nhất 10 đồng,hạng nhì 5 đồng”.Như sợ anh lái xe đòi ý, anh bộ đội nhanh như chớp lên xe ngồi ở chỗ gát chân (hạng nhì) và bảo xe chạy về Sở Thú.. Vì mất thăng bằng, xe lão đảo muốn lật nên anh lái xe bảo anh bộ đội ngồi lên ghé nệm. Anh bộ đội vẫn khư khư ngồi ở chỗ gát chân và bảo “ Tôi đi hạng nhì thôi !!”

4) Nhà có CIA Ở góc đường Nguyễn văn Thinh và Nguyễn Huệ có một tòa nhà lầu cao 14 tầng là tòa nhà cao nhất thời đó,nên rất lấy làm lạ đối với các chú bộ đội,coi như một thiên đường mà suốt đời chưa nhìn thấy.,nên họ rủ nhau đi xem..Khi xem anh nào cũng thích đếm thử bao nhiêu tầng. Vì đứng gần nên lúc đếm lên cao,phải ngược đầu,ngửa mặt. Do đó lúc đếm đến tầng số 7.. ..số8....số 9....thì chiếc nón cối trên đầu rớt xuống đất . Có anh vì nón cối cũ quá nên khi rớt xuống bị bể..Từ đó họ đồn với nhau rằng tòa nhà của “Mỹ-Ngụy “ có XÊ-I-A điều khiển nên lúc nào cũng chống phá cách mạng ??Từ đó cấp trên của

chúng ra lệnh :” Từ nay, để khỏi bị Xê-I-A đánh rớt mũ, bộ đội khi đi ra phải quàng dây mũ xuống cổ.”

Ôi thôi, nói về chữ nghĩa mà người Cộng sản thường lái nhãi kể từ ngày xâm chiếm Miền Nam đến bây giờ thì người Quốc Gia ai mà chẳng biết, ít nhất cũng vài lần; nhưng thật khó nghe, khó hiểu và thật buồn cười. Chẳng hạn họ thường nói :Khắc phục (vượt qua, overcome); Cái nồi ngòi trên cái cốc (cái lọc cà-phê); Trà giựt (trà lipton loại túi giấy có giấy kéo); đồng hồ không người lái, hai cửa sô (đồng hồ chạy tự động, có ngày tháng); máy bay lên thẳng (trực thăng) v.v. và v.v...

Sau đây tôi muốn ghi lại những chữ nghĩa mà cộng sản thường dùng trong các trại tù “cải tạo” với chúng tôi, mà chắc chắn có rất nhiều người cũng đã nghe.

Thông tâm Tuần lễ đầu tiên chúng tôi vừa đặt chân lên miền Bắc “XHCN” là phải đi lao động ngay. Chặt cây, phá rừng, cuốc đất, đào ao v.v.. Trước khi đi chúng tập trung cả trại lại và thông báo :” Hôm nay các anh nao* động thông tâm “. Lần đầu tiên chúng tôi nghe hai chữ này rất lạ nên không ai hiểu gì cả. Trên đường đi ,từng nhóm chúng tôi bắt đầu bàn tán. Anh thì nói chính tai anh nghe là chữ “không tâm” có lẽ là nó bắt làm liên tục suốt buổi trưa nên không có tâm nào cả ? ! Anh khác lại bảo anh nghe nó nói là “Song tâm” nghĩa là làm hai buổi liền nhau (song là 2) .Suốt buổi lao động chúng tôi chưa ai đồng ý với nhau tên cán bộ nói chữ gì và nghĩa thế nào ? Sống lâu trong tù ,chúng tôi mới biết đó là chữ “thông tâm” , nghĩa là làm liên tục hai buổi, trưa chỉ nghỉ chừng một giờ để ăn . Đồ ăn trưa do “anh nuôi “ gánh đến từ trong trại tù.

Kênh xi-bo Mùa hè ở ngoài Bắc nóng lắm; đã vậy mà chúng tôi còn phải thường xuyên lao động nặng nhọc. Do đó đến khoảng 10 giờ sáng là mồ hôi chảy thấm ướt áo quần. Để chịu đựng, chúng tôi phải cởi áo ra và vắt nước như kiểu giặt quần áo bằng tay. Vì chúng tôi ai cũng thiếu ăn, làm việc nhiều nên bắt đầu ốm yếu, có anh đã hiện rõ bộ xương sườn. Do đó khi những anh này cởi áo thì chúng

tôi thường chọc đùa cho vui nên bảo anh ta là định “kênh xì bo” (sport) hả??. Đám cán bộ theo canh giữ tù nghe chúng tôi nói đùa bằng tiếng Việt nhưng họ tưởng chúng tôi nói tiếng Mỹ để thông tin mật với nhau nên tức lắm. Chừng vài ngày sau sự bức tức của chúng không kiềm chế được nên tập họp cả đội chúng tôi lại và “lên lớp” với về mặt hăm hực :”trong nao động các anh thường nói tiếng nước ngoài với nhau. Đó là vi phạm. Các anh tưởng cán bộ không hiểu các anh nói gì sao ? “Kênh xì bo là còi áo ra chú gì ? “ Đứng trong hàng chúng tôi mặc cười quá nhưng ráng nín !!...

Củ nỏ Hằng tuần ,ngoài 5 ngày lao động cực khổ, thứ bảy,chúa nhật , chúng tôi còn bị bóc lột thêm mỗi người một bó củi chừng 20 ký.Bình thường chúng tôi chặt củi tươi và cây thật lớn để mau đù ký lô. Hôm đó nhằm tháng mưa nên trước khi đi, đám cán bộ ra lệnh “Hôm nay các anh phải chặt **củi nỏ** “ Chữ nỏ nghe lạ quá và không ai hiểu nên chúng tôi đều suy đoán rằng chúng nó bắt mình chặt củi nhỏ nhưng họ nói ngọng là nỏ.. Thế là chúng tôi vào rừng nhắm cây nào tươi và nhỏ đều chặt về nạp. Đến giờ kiểm nhận, đám cán bộ thấy toàn củi tươi nên tức lắm và quát:” Đã bảo chặt củi nỏ mà các anh chặt toàn thứ này à ??”. Chúng tôi ngơ ngát nhìn nhau không hiểu ắt giáp gì, thì có một anh bạn tù người Bắc lên tiếng phản đối :” Cán bộ bảo chặt củi nhỏ thì chúng tôi chặt củi nhỏ”. Anh cán bộ túm một chùm lá trong bó củi rồi lôi lên và bảo:”Thế này mà nỏ à?” Anh bạn tù chúng tôi cũng không vừa gì và cãi lại :”Cỡ đó là nhỏ nhất rồi đó “ .Hết chịu nổi, anh cán bộ tức lên và quát :” Bớ nào. Trờ về trại cả “Vài tuần sau anh bạn tôi tìm hiểu mới biết **củi nỏ** tức là củi khô.Tiếng của một địa phương ngoài Bắc.

Mục Sư Luther king Ngày 19 tháng giêng dương lịch là ngày Kỷ niệm Mục sư Martin Luther King ở Hoa Kỳ tranh đấu đòi quyền Bình Đẳng cho người Da Đen. Nhưng cộng sản thường” bắt quàng làm họ”, hễ thấy ai tranh đấu quyền lợi cho người nghèo,thiểu số là chúng ca

tụng. Hôm đó trong trại tù Phú Sơn 4, đám cán bộ bắt chúng tôi lên hội trường để học tập. Người giảng viên lúc đó là tên Thiếu Tá, trại trưởng. Tên này dáng dấp nông dân, hơi già, thao thao đọc theo tài liệu, trong đó có đoạn : Thay vì "...để quốc Mỹ giết hại Mục Sư LUTHER KING ..." thì ông ta dõng dạc đọc:"... Để quốc Mỹ giết hai (2) Mục sư. Ông LU-THỒ và Ông KING " Cũng may vị Mục Sư này có tên ghép bằng hai (2) chữ nên chúng cho mỗi chữ là một ông Mục Sư. Nếu chẳng may tên ông Mục Sư này có một chữ thì không biết hẳn tìm đâu ra một tên nữa để đặt cho ông Mục Sư thứ hai ???

Bác Sĩ là học lớp mấy ? Năm 1982, lúc chuẩn bị di chuyển chúng tôi vào các trại tù miền Nam, chúng tôi phải qua một đợt kiểm tra hồ sơ cá nhân. Trong các chi tiết cá nhân gồm có : Họ tên, ngày sinh, tên cha mẹ, học lực v.v... Trong đội tôi có anh Bác sĩ trưởng ty y tế tỉnh Vĩnh long. Khi tên cán bộ hỏi đến học lực, anh Bác sĩ trả lời : "Bác sĩ" Tên cán bộ hỏi gằng lại : "Biết rồi. Bác sĩ thì có ghi trong hồ sơ, nhưng Bác sĩ là học lớp mấy? Chẳng hạn như lớp 7 hay lớp 8 ?!" Vị Bác sĩ hơi khựng lại, không biết ý nghĩa câu hỏi là gì ? Trong tích tât anh nhớ ra rằng đã đọc đâu đó trong tài liệu của trại thì ngoài Bắc "XHCN", muốn học Bác sĩ phải có học lực là từ lớp 7 trở lên. Do đó vị Bác sĩ đã nói móc lò lại một câu : "Tôi không học những lớp đó nhưng tôi là thầy củ ông thầy dạy những lớp đó." Tên cán bộ ngược mắt nhìn trừng trừng, miệng há hốc có vẻ thán phục lắm !!

Tóm lại, những chữ nghĩa thời cộng sản sử dụng là thể đó, vừa ngớ ngẩn vừa buồn cười. Nhiều khi chúng nói như vẹt, nói có bài bản như học thuộc lòng. Xin quý vị nghe câu nói sau đây. Hôm đó là ngày đầu mùa mưa, tuy không lớn lắm nhưng đối với bọn cán bộ coi tù rất sợ đám tù chúng tôi trốn trại; nên trước khi đi lao động, một tên cán bộ thuyết giảng một lèo như sau : " Hôm-nay-trời-thì-mưa-đường-thì-trơn-khó-quan-sát-cần-bám-sát-đội-hình-giữ-dúng-cự-ly-gián-cách " Xin quý vị đọc câu này với nhịp độ

nhanh và không có dấu chấm phết thì sẽ thấy sự ngỡ ngàng như thế nào.

Và sau cùng xin công hiến quý vị nguyên văn một lá thư của người dân vùng cộng sản viết cho con đang đi bộ đội đóng ở Miền Nam. Lá thư này vô tình tôi nhặt được trong trại, vì có lối hành văn và chữ nghĩa lạ nên tôi đã nhớ suốt 25 năm nay. Lá thư như sau :

Thăm con.

Hôm nay nhân cây, thầy viết thư thăm con. Chúc con khỏe mạnh, tránh khỏi lằn tên mũi đạn của quân thù. Nghe tin con chuyển qua ngành y, khi về phép nhớ mua cho thầy 3 lạng cao hổ cốt. Mẹ mày vừa mới sanh thằng Cu Tý. Chó đẻ 4 con vui cửa vui nhà. Trâu húc đổ giàn mướp, làm vỡ 3 quả trứng gà. Khi về nghỉ phép, con chở đến thăm nhà mẹ Rót. Gia đình ta đang có vấn đề. À, à, khi về phép còn nhớ mua cho thầy 3 lạng trà ngon.

Viết về chữ nghĩa thời cộng sản thì còn nhiều lắm. Vì giới hạn của trang báo, người viết xin tạm ngừng ở đây .

ĐẶNG VINH MAI



MÙA THU KABUL

PHẠM THANH KHÂM

Mấy năm nay tôi gác bút không đi Phi Châu nữa, lại còn cố vấn bán hết small business của bà xã cùng đi về vườn an hưởng tuổi vàng. Để đánh dấu ngày gia nhập thế giới người già, tôi đã mời được hầu hết các thân hào nhân sĩ của gia đình NN ở ở Houston đến nâng ly trong một buổi chiều “fare-well party”. Sau đó hai chúng tôi lên đường theo các chuyến du lịch tổ chức cho người cao niên. Cây kiểng, vườn rau nhỏ không ai tưới đã tiêu điều theo cái nắng nóng của thành phố Houston. Cảnh người hướng dẫn đoàn du lịch thúc giục ăn sáng, ăn trưa, ăn tối, điểm danh mỗi lần bước lên chiếc xe bus khiến tôi phải đổi chiều hướng xét lại. Đi chơi cũng cực, ở nhà thì get bored. Tôi ghi tên học lại hết các software căn bản từ Microsoft Access, PowerPoint, CorelDraw, Photoshop, v.v... Tiếp đến ghi danh vào lớp Artistic Photography. Lô phim vừa chụp vừa quay trong các chuyến du lịch còn chất đọng ở ngăn tủ, lô hình nghệ thuật không có dịp trình làng nằm la liệt trong căn nhà “empty nest”. Bà xã mỗi sáng lại thức dậy từ 5:30 rưỡi tôi đi bộ 4 miles. Mấy đứa con thấy tôi khá busy nên mua làm quà birth day cây guitare Yamaha và cây đàn Organ Casio cho giờ coffee break.

Và tôi trở thành nhạc sĩ bất đắc dĩ, một mình đàn hát một mình nghe. Mấy nhóc cháu ngoại chẳng hiểu gì cả! Rồi một sáng đẹp trời đầu tháng 9, 2004, một employer ở Washington D.C. hỏi có rảnh và có muốn làm việc trở lại không. Tôi trả lời rảnh thì có rảnh còn làm việc ở đâu

phải cho biết chi tiết. Người ở bên đầu dây điện thoại nói ngay:

- Kabul
- Chờ để hỏi ý bà xã và mấy đứa con có cho đi không.

Bà xã nói hàng hai:

- Mình đâu có nhiều bills như hồi trước. Nghe tin nói giặc già bên đó ghe quá.

Điện thoại lòng vòng hỏi ý con. Hơn phân nửa số con không muốn ông già của chúng đi vào vùng lửa đạn. Đứa con gái lớn phát biểu y như thể câu chuyện phim mission impossible:

- Nếu có chuyện gì xảy ra bên đó, con sẽ qua mang Ba về.

Đứa út đưa ý kiến:

- Tùy Ba.

Đứa con trai có vẻ mạo hiểm hơn:

- Ba cứ đi.

Cái e-mail kế tiếp có đính kèm phần attachment về Scope of Work. Đọc đi đọc lại kỹ lưỡng, tôi trả lời OK.

Công việc như sau:

Sau bao năm lửa đạn với Nga đi kèm nên kinh tế chỉ huy bao cấp du nhập, kế đến chế độ hà khắc Taliban. Mấy năm chinh chiến do quân đội đồng minh và Ông Bush đi dí Bin Laden ở hang động, lùng kiếm thủ lãnh Taliban, đất nước Afghanistan can được tái thiết. Để có một cơ cấu chính phủ hữu hiệu trong giai đoạn mới, việc tổ chức lại các phủ bộ can xúc tiếp cấp bách. Các toán chuyên gia được mời đến để đề nghị xem phải sắp xếp lại ra sao, tôi ký khế ước ngắn hạn gia nhập toán chuyên gia này. Thời gian công tác là một tháng rưỡi, có gia hạn

tùy theo nhịp độ thực thi. Ngày 16 tháng 9, 2004, tôi lên đường đi Kabul.

Nước Afghanistan có những nét đặc biệt sau nay. Kiểm tra dân số có bài toán chính thức lần cuối cùng năm 1979 đưa ra con số 15,551,358 người. Ước lượng năm 2004 ghi số dân 28,513,677. Nga mang quân (Soviet war) đến Kabul đã gây làn sóng tị nạn từ 2.5 đến 3 triệu đi lánh nạn qua Pakistan, 1.5 triệu đến Iran, khoảng 150,000 đến Hoa Kỳ, Úc và Âu Châu. Taliban sụp đổ cuối năm 2001. Người từ Iran bắt đầu trở về xứ đưa con số tăng trưởng dân số khá cao, năm 2004 là 3.54% (sinh đẻ + người tị nạn hồi hương). Tuổi thọ đàn ông ghi nhận 46.62, đàn bà 45.1. Thủ đô Kabul bị tàn phá vì bom đạn chưa có ngày tháng yên ổn cho việc trùng tu, còn phải nhận gần một triệu rưỡi người lánh nạn. Trẻ em chết trước khi lên một cao nhất thế giới, ở tỷ lệ 38%. Dari (Afghan Persian) là ngôn ngữ dùng trong thương mại. Bốn sắc dân chính gồm Pashtun 38%, Tajik 25%, Hazara 19%, Uzbek 6% và những nhóm nhỏ khác như Aimaks, Turkmen, Baloch. Khoảng 84% dân theo đạo Hồi Sunni, 15% theo Shi'a Muslim, các đạo khác 1%. Ngay tại thủ đô Kabul, người lánh nạn trở về không tìm thấy nhà cửa của mình, phải ở trong trại như ở con tò vò. Những người khác may hơn tìm được chỗ trống trên núi, xây ngôi nhà nhỏ bằng đất, dùng lửa mang nước lên đồi.

Afghanistan có núi non hiểm trở, núi cao trung bình 1,700 m. Kabul ở cao độ 1,800 m, một trong những thủ đô cao nhất thế giới so với mặt biển. Diện tích đất đai rộng gần gấp đôi Việt Nam ($652,090\text{km}^2/326,609\text{km}^2 = 1.94$). Dãy Hindu Kush chia nước làm ba vùng sinh thái. Đường xuyên đông Khyber Pass nối thủ đô Kabul với thủ phủ Peshawer của Pakistan. Nhiệt độ thái đã có lần ghi nhận

được tại Jalabad nóng 120F, tại Kabul lạnh -24F. Trung bình của 30 năm ghi nhận: vào mùa Xuân theo tiết tháng ba, tmax = 54 độ F, tmin = 33 độ F; vào mùa Hạ tháng tám tmax = 89 độ F, tmin = 59 độ F; mùa Thu tmin = 19 độ F. Hiện nay đất nước có 32 tỉnh (Wolayat), 326 quận (Uluswali). Các quận lỵ và thị xã (Sharwali Uluswali) có hội đồng của những nhà lãnh đạo Hồi giáo địa phương. Các lãnh chúa (majahidin) của bốn vùng chiến thuật (Hawza) có sức ảnh hưởng nặng ký với chính quyền trung ương. Trong thời kỳ Taliban, đàn bà bị cấm đoán đủ thứ, công tư sở chỉ thấy đàn ông.

Nói về lịch sử cận đại, trong hai thập niên dưới triều đại Abdur Rahman Khan (1880-1901), chế độ quân chủ chuyên chế với sưu cao thuế nặng đánh trên giới thương gia và nông dân, nối tiếp hai đời: con Habibullad, đời cháu (Vua Amanullah) đã đưa đến nổi loạn 1928 với phong trào jihah. Hoàng tộc được tái lập nhờ công của Nadir Shah (1929-1933), con lên kế vị đến 1973. Hiến pháp độc đảng với ba ngành lập pháp, tư pháp và hành pháp bắt đầu năm 1964, nhưng đất nước này ở trong tình trạng phân tranh giữa các lãnh chúa vùng (Mujahidin commanders) với chính quyền trung ương ở Kabul trong hơn hai mươi năm (warlordism). Đầu thập niên 1990, quân đội Soviet rút kèm theo viện trợ Nga bị cắt, Taliban lên nắm chính quyền, sau đó bị tan rã. Chính quyền chuyển tiếp được thành lập qua thỏa ước Bonn, tiếp theo giải pháp khan trưng Loya Jirga vào mùa Xuân 2002. Tồn chính thức của quốc gia hiện nay như sau: Transitional Islamic State of Afghanistan. Tân hiến pháp dự trù sửa đổi cuối năm 2004. Việc thay đổi ảnh hưởng nền kinh tế bất thường dựa trên nguồn lợi thuốc phiện (opium economy) của Afghanistan đang được các giới

chức quốc gia và quốc tế đặt trọng tâm tìm kiếm giải pháp.

Xin visa trước ngày lên đường là công việc chuẩn bị thường lệ. Điều rất đặc biệt là nơi đến Kabul không phải là địa danh du lịch bình thường nên mọi di chuyển đường hàng không không được dễ dàng. Vì Kabul đang bị đặt bom. Trong năm 2004 đã có bốn vụ nhắm vào quân đội đồng minh, nhân viên Liên Hiệp Quốc, không kể năm trái rockets bắn vào các tòa đại sứ trước ngày bầu cử. Điều không bình thường đầu tiên là Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ không “endorse” Ariana Airlines (Afghan Airlines). Muốn có vé của Ariana và KamAir phải gửi mua từ văn phòng đại diện đặt ở Toronto. Hai hãng máy bay này vào thời điểm này lại không có hệ thống giữ chỗ bằng computer. Nên lộ trình Houston – Paris – Dubai – Kabul chỉ được dự phòng, nếu không tìm được các ngõ đi khác nhanh hơn. Người phụ trách logistics tìm lộ trình số hai và thông báo lại cho tôi: Houston-Bangkok-Lahore-Islamabad-Kabul. Lại gặp thêm khó khăn ở Islamabad vì can xin thêm trước một visa của Pakistan để vát valise chạy, lòng vòng trong phi trường kiểm chuyển kế tiếp. Cái passport của tôi lại phải nộp đến một tòa đại sứ nữa rất mất ngày giờ, nên lộ trình thứ ba Houston-Frankfurt-Baku-Kabul được explored. Điều không bình thường nữa là tôi được instruction phải mang tiền mặt trả vé máy bay tại Baku cho chặng đường Baku-Kabul. Tôi không có thì giờ để tìm hiểu tại sao, lại còn phải ở thủ phủ Baku của nước Azerbaijan chờ mua vé. Xem có vẻ không mấy ổn, cuối cùng tôi được dàn xếp lấy vé business class đi ngõ Dubai của xứ United Arab Emirates.

Những lần ra ngoài tôi thường gặp nhiều đám đi hỏi vợ. Tìm hiểu ra thấy họ khác hơn phong tục Việt Nam.

Người mình có khả năng một đồng mai hay 0 bà mai làm mai mối trong việc dựng vợ gã chồng, lại còn chế diễu về bốn cái đại, làm mai làm mối ở Afghanistan nhà trai nhờ một tiểu đội đàn bà đến nhà gái dạy dỗ. Họ mang quà biếu gồm thức ăn không có đường (ngọt). Bà mẹ nhà gái tiếp khách. Nếu nhà gái trả lời chưa ưng (khỏi), tiểu đội các bà mai tiếp tục làm nhiều chuyện viếng thăm kế tiếp đến khi đạt kết quả Yes hay No. Nếu câu trả lời là No với nhiều lý do chẳng hạn còn gái còn bé. The show ends. Nếu câu trả lời Yes, đưa cặp tiếp tục chuyện tiếp đến và thức ăn chưa nhiều đường (ngọt). Thưa bài hay trong việc làm mai ở xứ này là cái đại, khổ còn không lãnh cảnh không ngọt giữa đời bán đời, được chia đều ra nhiều người. Và khi càng chia đại đại cho nhiều người, cái đại trả o phúng của người mình không tìm thấy trong phong tục tập quán của Afghanistan.

Đàn bà Afghanistan còn hàng buôn nhiều tập tục và giáo điều Hồi giáo. Số đàn ông bị tù vòng suốt hơn hai mươi năm, đánh nhàu da để lại sẹo nhiều góa phụ. Họ giống tập tục của một số bộ lạc Phi châu là góa phụ chỉ tái giá với anh em họ hàng nhà chồng. Nếu đã lớn tuổi, chọn con đường tiết hạnh khá phong ở vậy chờ chồng theo con. Đường lối đời mới về văn từ phụ nữ đang được này mạnh qua việc thiết lập một bộ phát triển phụ nữ trong hội các của chính phủ hiện nay. Trường đại học bắt đầu có nhiều nữ sinh viên. Internet là một đầu tiên giảm dần số chuyện điếu của tiểu đội các bà mai kể ở phần trên. Nhưng ở nhiều quốc gia đàn bà chưa nhận được nền giáo dục phổ thông như đàn bà ở các nước đang mở mang. 001 Vào thời điểm đầu tháng 10, 2004 một đô la đổi được 45 afghanis. Mức long trung bình của người dân làm việc còn thấp. Người quản lý của guesthouse có lương mỗi

tháng là \$300 US, người nấu bếp 280\$US, người gác 180\$US, người giặt ủi \$175 US. Mức lương này khá cao vì họ làm việc với người ngoại quốc. Lương trung bình của một giáo sư trung học vào khoảng \$60 đô la / tháng. Gần phủ Phó Tổng Thống, có một tiệm ăn mang tên Khyber. Các “big shot” thường đến ăn trưa với đoàn cận vệ mang súng đạn lảng vảng bên ngoài. Chúng tôi chỉ ghé thử vài lần. Giá biểu khoảng từ 3 đô la đến 4 đô la mỗi phần ăn. Thấy không hợp khẩu, vả lại tiệm có thể dễ làm target cho nhóm khủng bố Taliban, toàn nhóm quyết định không trở lại quán này nữa. Chúng tôi đi tìm được tiệm Popo lano nấu đồ Ý. Spaghetti, pasta có vẻ ngon hơn, giá biểu từ 6 đến 7 đô la mỗi đĩa. Hotel Inter-Continental là nơi ít bị tàn phá nhất, tọa lạc trên một ngọn đồi, có buffet all you can eat, mỗi phần ăn 12 đô la, có ban nhạc “quartet”, nhưng sự an toàn rất bấp bênh. Phần lớn số buổi ăn chiều đều có guesthouse.

Người tài xế của chúng tôi là một sinh viên 21 tuổi năm thứ nhì trường đại học Kabul. Bạn ngưng học năm nay để đi kiếm thêm saving chuẩn bị học tiếp. Nói Anh ngữ rất khá, kỹ luật, nhanh nhẹ vì là cầu thủ đội banh bóng chuyên của trường đại học, dáng dấp giống tài tử Tom Cruise. Bạn trẻ vay tiền của người chủ ở nước ngoài, mua chiếc xe van. Bạn ký giao kèo với nhóm chúng tôi cung cấp dịch vụ di chuyển mỗi tháng 700 đô la, do chính bạn tự lái. Như đã nói ở trên, đường sá vừa xấu, vừa bụi, xe hơi không có bảo hiểm. Vi phạm luật giao thông? Cảnh sát công lộ không có xe rượt đuổi. Lỡ bị dí vì đường trước mặt đang kẹt xe? Không sao vì cảnh sát không có trang bị cuốn ticket. Chỉ tùy mức độ cả từ 50 đến 100 afghnis, pay cash and go.

Vấn nạn lớn nhất hiện nay của nền nông nghiệp nước Afghanistan là sự lạm dụng thái quá việc khai thác rừng, nạn đốn gỗ lậu, súc vật gặm hết đồng cỏ khô cằn, trồng á phiện trên diện tích qui mô, coi như là xứ sản xuất lớn nhất về á phiện trên thế giới.

Sau sáu năm hạn hán và 25 năm chiến tranh, mức sản xuất thực phẩm, thịt cá, len, sản phẩm từ gỗ tụt giảm nặng nề từ 80-90%; tất cả các dự án thủy lợi hư hại gần như một trăm phần trăm. Để phục hồi nền kinh tế quốc gia dựa trên nông nghiệp cho 85% dân số Afghanistan, chính phủ đang vận động mọi nỗ lực ngoại giao xin viện trợ các quốc gia kỹ nghệ cùng các cơ quan tài chính quốc tế.

Lời kêu gọi được đáp ứng và phần phát triển nông nghiệp được liệt vào hàng ưu tiên. Tôi được tuyển làm cho dự án Ngân Hàng Thế Giới vào công tác tổ chức bộ nông nghiệp đáp ứng nhanh chóng cho nhu cầu tái xây dựng và phát triển đất nước Afghanistan. Bộ Nông Nghiệp mới sẽ đưa ra các chính sách phát triển hữu hiệu, có trách nhiệm trông coi các vấn đề đất đai, cấp phát ruộng đất, phát triển canh nông, thủy lâm, chăn nuôi, ngư nghiệp ở cao độ, và các tổ chức nông dân góp phần vào các dịch vụ yểm trợ nông nghiệp.

Với kinh nghiệm sau hơn 40 năm làm việc trong lãnh vực phát triển nông nghiệp tại Việt Nam và trên 20 quốc gia ở Phi Châu, Á Châu và Bắc Mỹ, tôi được chọn làm công tác này tại Afghanistan. Về nhân sự, chuyên viên cán bộ nông nghiệp với số lượng khoảng 16,000 người, hoàn toàn thiếu kiến thức hay chuyên môn bị lỗi thời. Lý do là những người có trình độ đã chạy tỵ nạn ở nước ngoài, hoặc làm việc cho các cơ quan phát triển quốc tế, chẳng hạn Phó Tổng Thống Hedayat Amin Arsala của

chính phủ chuyển tiếp Karzai là chuyên gia của Ngân Hàng Thế Giới. Những người còn lại chuyên moan không được cập nhật theo kỹ thuật mới. Họ chỉ theo những phương pháp cũ lỗi thời từ 25-30 năm về trước cũng như Việt Nam mới mở cửa vào thập niên 90. Về hạ tầng cơ sở, bom đạn suốt 25 năm thiêu hủy gần hết. Các phòng thí nghiệm sản xuất thuốc ngừa bệnh gia súc bị hư hại hay thiếu điện là những hình ảnh tiêu biểu cho thấy đất nước này phải bắt đầu từ con số không.

Ngày 4/10/2004, tôi được dàn xếp đi thăm tỉnh Balkh miền cực Bắc tiếp giáp xứ Uzbekistan. Đây là một chuyến công tác kỳ thú và mạo hiểm để tìm hiểu chi tiết hơn về cấu trúc xã hội nông thôn, việc phân chia ruộng đất, tổ chức hành chính xã ấp, các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp v.v... Tôi lên đường sau khi nói chuyện và cho số cell phone của tôi just in case với gia đình ở Houston qua Yahoo Messenger. Cùng đi với một bạn trẻ 22 tuổi đang học năm chót phân khoa ngôn ngữ học thuộc đại học Kabul làm công việc thông dịch cho tôi. Từ Kabul đi Mazar-e-Sharif mất khoảng 1 giờ bay (máy bay 2 cánh quạt cổ lỗ sĩ của thập niên 70 có 50 chỗ ngồi). Ariana và Kam Air đều có chuyến bay mỗi ngày, nhưng chỉ được mua vé vòng đi, vé trở về phải mua tại chỗ ngay khi đến nơi. Giá mỗi vòng 1,500 afghanis (35 đô la). Trên vé đi, giờ cất cánh ghi 6:30 sáng. Tôi “hồ hởi” thức dậy từ 5 giờ. Bạn trẻ thông dịch viên cũng trang bị chiếc cell phone, gọi lòng vòng các nơi báo lại tôi giờ cất cánh đổi lại 8:30. Hai chúng tôi có mặt ở phi trường Kabul lúc 8 giờ. Chưa kịp vào phòng đợi, một đoàn hộ tống thiếp giáp Hoa Kỳ thuộc toán bảo vệ Tổng Thống đến bao vây khu vực chờ noun Tổng Thống Karzai đi công tác về. Tất cả mọi người được yêu cầu đi chuyển ra bãi đậu xe chờ đợi.

Tại quận Dahdadi có 27 làng. Dân làng sống chung trong từng khu chung cư khoảng từ 10 gia đình trở lên, có tường xung quanh bằng đất sét, nóc nhà và tường cũng bằng đất sét, không có điện, uống nước giếng. Mùa đông có tuyết, mưa chỉ bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 5. Trồng lúa mì, bông vải, nuôi cừu và trồng á phiện là nguồn lợi chính của dân làng tại vùng này. Nhìn chung toàn tỉnh Balk gồm 14 quận, tiềm năng nông nghiệp rất lớn, họ đã từng có khả năng nuôi bò sữa, xuất cảng sữa, trồng nho, bông vải và các kỹ nghệ về bông vải, da thú. Trong 5 quận họ từng có hệ thống thủy nông cung cấp nước trồng lúa. Nhưng thiếu phương tiện trùng tu, hệ thống đê điều hư hại, chỉ tạm đắp vá sơ sài. Tỉnh Balk không có thủy điện. Tỉnh lỵ Mazar-e-Sharif nổi tiếng về sản phẩm thảm dệt, có đền Hồi giáo Rawza-e-Mobark để hàng năm tín hữu khắp nơi đi hành hương có nghĩa có tiềm năng du lịch cao. Có loại đường phèn Nabot nổi tiếng và người Hồi giáo coi là thiêng. Toàn tỉnh hiện nay có khoảng 11,000 mẫu á phiện. Như đã nói ở phần trên, Afghanistan có 32 tỉnh, 326 quận. Phần lớn các tỉnh đều có trồng á phiện. Nước Afghanistan trở thành nước trồng á phiện nhiều nhất thế giới.

Tôi muốn trở lại chuyện nhà khảo cứu bông vải nói ở trên. Bộ Nông Nghiệp mới sẽ đưa ra chính sách khảo cứu, chính sách về khuyến nông, chính sách về điền địa, thủy nông bảo vệ rừng v.v... và một chương trình tái huấn luyện qui mô cho chuyên viên nông nghiệp Aghanistan. Ngân khoản viện trợ đã có sẵn. Người Aghanistan trở về xứ náo nức muốn xây dựng lại quê hương của họ rất nhiều. Đó là hai yếu tố thuận lợi cho đất nước chịu quá nhiều bất hạnh do chiến tranh gây ra.

Sau ba ngày thăm tỉnh Balkh, tôi và người bạn trẻ thông dịch viên trở lại Kabul. Biên tập viên Đài BBC liên lạc qua cell phone khi tôi vừa bước vào thềm cửa guesthouse, chúng tôi có ngày 15 phút trò chuyện direct on air về nền kinh tế và cây á phiện Afghanistan. Trên sân nhà vắng lai guesthouse, lá vàng từ cây ngoài vườn rơi ào ạt theo sau cơn gió chiều báo hiệu mùa thu Kabul đang theo tôi với nhiều nỗi nhớ nhưng về hai chân trời Bắc Mỹ và Đông Nam Á. Chuyện còn dài, người viết xin hẹn một dịp khác, vì bên ngoài phố xa của Kabul có vài tiếng rocket nổ đi đùng từ tàn dư Taliban nhắc nhở ngày mai người dân trên toàn lãnh thổ Afghanistan, lần đầu tiên sau mấy ngàn năm, đến thung phiếu bầu người lãnh đạo quốc gia của họ.

PHẠM THANH KHÂM

Kabul October 08, 2004



Tìm Về Cội Nguồn

Huyền Vũ

Sau mùa hè đỏ lửa (1972), trong lần bom đạn, Thanh Hùng - sĩ quan tình báo quân lực VNCH - cùng đơn vị xông pha chiếm lại thị trấn Bồng Sơn. Một quả đạn pháo kích của địch lọt vào nhà một thương dân mà Thanh Hùng có quen biết. Trong lúc cát bụi còn mịt mờ, chàng chui vào nhà thấy hai ông bà chủ nhà đã tử thương, cô gái nhỏ Bích Liên 15 tuổi, bị thương nơi cánh tay và đầu khá nặng. Thanh Hùng cấp tốc băng bó rồi hối hả theo đơn vị hành quân. Sau khi tái chiếm xong ba quận bắc Bình Định, chàng trở lại Bồng Sơn tìm cô bé, nhưng không được tin tức gì về Bích Liên cả. Hình ảnh em bé mồ côi, ngây thơ, hoạn nạn, còn sót lại là mối thương tâm trong lòng người lính chiến oai hùng.

Thanh Hùng xuất thân từ trường võ bị Đà Lạt, lấy vợ là Mỹ Lan giáo sư đại học. Đôi trai tài gái sắc này sống với nhau rất hạnh phúc. Tất cả cho nhau và vì nhau.

“Thuyền tình rục rỏ màu thư thắm

Bến mộng du dương khúc nhạc hòa”

Sanh được cháu trai Thanh Hà chưa tròn một tuổi thì Miền Nam thất thủ, vì thế cuộc (1975). Thanh Hùng vào tù “cải tạo”, Mỹ Lan bị mất việc. Sống ở Gài Gòn, nàng phải bán

dẫn các vật dụng trong nhà để nuôi con, theo dõi tin tức chồng . Tám tháng sau, nàng nhận được một bức thư chính nét chữ của chồng nàng viết, không có địa chỉ nơi gửi. Trong thư có đoạn viết : “ . . Anh vẫn khỏe, ăn uống đầy đủ, khí hậu mát mẻ nhờ có gió biển . . ” Mỹ Lan đoán biết chồng nàng có thể bị giam ở Phú Quốc, và quyết định đi tìm chồng .

Bế con xuống Rạch Giá rồi qua Phú Quốc. Thường ngày Nàng lang thang theo dọc con lộ An Thới, trước các trung tâm cải huấn ngày xưa, để may ra tìm gặp được chồng trong các đoàn tù “ cải tạo ” đi lấy củi hàng ngày ở rừng tràm. Suốt cả tuần lễ, vào một buổi chiều trời mưa tầm tã, trong tấm áo mưa mỏng manh, nàng bỗng con đi ngược chiều với đoàn tù “ cải tạo ”, may mắn nàng gặp được Thanh Hùng đang vác củi về. Nàng cố nèn xúc động gia dạng như một người qua đường, nhập vào đoàn tù tản nhiên đi cạnh chồng, trong lúc mấy tên canh giữ đoàn tù đi ở cuối hàng. Hai người chỉ nói nhau bằng mắt, bằng đôi môi mấp má không thành tiếng ; Vài phút sau đoàn tù đã gần đến cổng trại, Thanh Hùng nhìn quanh, khẽ nói với vợ: “ Em về nuôi con, chờ anh ” Mỹ Lan luồn tay vào tấm áo mưa ,kín đáo trao cho chồng một gói đường nhỏ. Thanh Hùng và đoàn tù rẽ vào trại, Mỹ Lan ngắt xiủ, ngã gục xuống vệ đường , nhờ có người qua đường thấy vậy cấp tốc đưa nàng về trạm y tế An Thới cấp cứu . . .

Trại tù Phú Quốc được chuyển về các trại tù rải rác ở đất liền. Thanh Hùng được chuyển lên trại Cà Tum, Tây Ninh. Được giấy phép thăm nuôi, Mỹ Lan gom góp chút ít tiền bạc mua sắm thực phẩm đi thăm chồng. Chuyến thăm đầu tiên, bao nhiêu nhớ thương đều trút ra trong nước mắt,với 20 phút ngắn ngủi trôi qua . Về Sài Gòn, Mỹ Lan

Đặc San Bình Định 282

thu xếp lên Trảng Lớn Tây Ninh, cất một quán nhỏ bên quốc lộ 1, bán ít tạp hóa để sinh sống và gần gũi thăm chồng ; hơn nữa ở Sài Gòn không còn cách nào khác để mưu sinh trong lúc này. Chẳng bao lâu Thanh Hùng bị đưa ra trại Z.30, Gia Rai, Xuân lộc . Việc thăm nuôi của nàng lại cách trở và khó khăn hơn nhiều (vì đường xa, lại không tiền). Cháu Thanh Hà bị ốm nặng, mỗi ngày một trầm trọng. Hai mẹ con cái ăn còn không đủ , tiền đâu mà chạy thuốc thang. Bồng con suốt đêm mất ngủ thiếu ăn, Mỹ Lan ngày một thêm tiều tụy. Cùng may vào chiều hôn nọ, có một người đàn ông trung niên, trên đường đi buôn từ Tây Ninh về Sài Gòn, xe dừng đón khách, ông ta vào quán thấy cảnh tình thương tâm của Mỹ Lan, ông giúp cho ít tiền, và sau đó cứ vài ba hôm, mỗi chuyến mang hàng lên Tây Ninh, ông ghé lại bỏ cho Mỹ Lan chút ít tạp hóa để bán; nhờ đó Mỹ Lan có chút tiền chữa bệnh cho con và thăm chồng . Nàng rất vui mừng được ân nhân thương tình giúp đỡ, Nàng thăm nhớ ơn và mong ngày đền đáp .

Nhưng định mệnh đã sắp bày, chiếc xe dò từ Tây Ninh về Sài Gòn bị chết máy gần quán Mỹ Lan. Trời đã tối, gã đàn ông ấy vào quán Mỹ Lan thăm và xin trọ lại đêm, rồi chính đêm ấy hắn ta đã thi hành kế hoạch giả nhân giả nghĩa khi này, đã đặt Mỹ Lan vào cái thế nghiệt ngã. Lúc đầu Hắn tỏ tình với Mỹ Lan bằng những lời triều mến, thiết tha . Mỹ Lan đã hết lời van xin, để khỏi thất tiết với chồng. Nhưng rồi những ngón tay hắn như những con sâu trườn đi trên lá, chui rúc tận hang cùng ngõ hẻm, nơi thâm kín của người đàn bà. Với một thiếu phụ xa chồng , yếu đuối không cưỡng lại được, đành thúc thủ trước một con người cuồng loạn, cuồng bức, chiếm đoạt. . . Tan cuộc ,nàng mệt nhoài, khóc tức tưởi . Tưởng đã chinh phục được, tiếp mấy kỳ sau,

hắn ta bén mảng đến, nhưng đã bị Mỹ Lan vạch mặt tên gian ác đã dùng tiền lương gạt một thân gái trong lúc sa cơ thất thế. Từ đó tên sở khanh đã không dám bén mảng đến nữa .

Một tháng sau, Mỹ Lan biết mình đã mang thai, nằng đau khổ vô cùng . Nàng viết thư cho chồng, kể hết bao nỗi oan khiên, và cuối thư nàng đã viết :

“Xin anh tha tội cho em. Em đã không còn xứng đáng là người vợ yêu của anh nữa .Từ nay chúng ta mãi mãi xa nhau. Vĩnh biệt anh ! ” Thư gửi đi và nàng cũng bế con ra đi về một phương trời vô định .

Trăm ngàn tạ tội Thanh Hùng

Đã cam thất tiết, nghìn trùng dấn thân ! !

Nhận được thư vợ, Thanh Hùng đau khổ vô ngần, và qua nhiều đêm thức trắng, chàng lẩm nhẩm mấy dòng thơ của Thế Lữ :

“ Gặm một mối căm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua. . °

Không thể như vậy được, Thanh Hùng chữa lại :

Hổ bị nhốt căm hờn trong cũi sắt

Phá xích xiềng, ta quyết chí vượt ra .

Quyết định vượt ngục, để tìm lại vợ con, như một mệnh lệnh thôi thúc chàng can cường hơn và chỉ còn chờ cơ hội .

Một sĩ quan tình báo có nhiều kinh nghiệm, làm việc gì đều điều nghiên một kế hoạch chu toàn. Cổng trại tù Z.30A, với một vọng gác cao ở trên và dưới vọng gác là một phòng nhỏ, vách văng, dùng cho công an bảo vệ ngủ đêm. Họ giặt quần áo đem phơi trên hàng rào sát vọng gác. Thường lệ canh trưa, toán gác cổng ra chơi ngoài các trại lính, chỉ để lại một tên ngồi gả gục trên vọng canh. Khoảng 12 giờ trưa hôm ấy, Thanh Hùng mặt quần dài đen, áo

chemise ràng, thông thả ra cổng trại, rút bộ đồ vàng của vệ binh phơi trên hàng rào mặc thêm vào, rồi nhẹ nhàng lách qua chỗ hở giữa hàng rào và cổng gác, thản nhiên đi ra ngoài như một công an bình thường xuất trại, rồi khuất dạng sau mấy đám ngô cao vút . . .

Thoát tù, Thanh Hùng cải dạng một gã ăn xin, chân què mặt nám, rách rưới, lang thang khắp nơi để tìm vợ con . Sau mấy tháng tìm kiếm nhưng vô vọng, Thanh Hùng sợ ở lại đây lâu và diễn cảnh này sẽ dễ bị lộ, nên chàng lo kế hoạch vượt biên . Về Rạch Giá, Thanh Hùng dò la may mắn gặp được một chuyến vượt biên. Đêm ấy, một đêm tối trời, cảnh vật thật im lìm ,chàng ẩn mình vào một vị trí kín đáo, chờ đoàn người lần lượt xuống ghe, chàng đột ngột xuất hiện van xin theo cùng. Trong tình thế chẳng dặng dưng vì bảo mật, chủ ghe chấp thuận cho Thanh Hùng cùng đi. Sáng ra rõ mặt ,Thanh Hùng nhận được Bích Liên cũng có mặt trong chuyên đi này .Anh em vui mừng khôn xiết . Bích Liên vắng tất kể lại đoạn đời gian khổ của nàng: “ *Ngày Ba mẹ mất, em được anh băng bó vết thương. Ngay trong đêm ấy, súng đạn còn nổ vang, em theo đoàn người chạy thoát vào Qui Nhơn, gặp được hai bác trước đây là bạn thân của Ba Mẹ em bảo bọc , dời vào Cần Thơ sinh sống. Sau mấy năm “ giải phóng “ cuộc sống trở nên khó khăn, lại hai Bác có người thân ở Hoa kỳ, nên tổ chức vượt biên. Chuyến đi này thật bất ngờ đối với em. Em chỉ biết trước lối nửa ngày . Tại Rạch Giá , em được cho lên ghe trước, hai bác còn chờ một người bạn rồi sẽ lên sau, nhưng khi ghe rời bến ,em không thấy hai bác đâu cả. Có lẽ vì bị lộ nên ông Bà kẹt lại. ” Hai anh em đang tâm sự nhau trong tiếng được tiếng mất thì hai chiếc tàu của bọn hải tặc xông tới .*

Bọn hải tặc tràn lên ghe, lục lấy tất cả tiền, vàng của thuyền nhân, bắt hãm hiếp các cô gái trẻ, trong ấy có Bích Liên. Nàng đẩy dụa, kêu cứu thảm thiết, Thanh Hùng nóng lòng đến can thiệp, bị hải tặc đâm nhiều nhất dao, máu tuông đầm đìa, Thanh Hùng nhờ có những thế võ tự vệ nên né tránh được, chỉ bị thương ở chân tay. Chàng lẳng lộn vào đám đông thuyền nhân lẩn trốn. Bọn hải tặc bắt đi một số gái trẻ, cũng may Bích Liên nhờ bị ngắt xiú, nên bọn chúng bỏ lại. Qua cơn hải hùng này, Bích Liên phát sốt liên miên, lại thêm ghe bị chết máy phải lênh đênh giữa đại dương, hết lương thiếu nước. Bích Liên kiệt sức. Trong vòng tay Thanh Hùng, Bích Liên gắng gượng qua hơi thở :
“ Anh đã cứu em trong lửa đạn ở quê nhà, và bây giờ trong khốn nguy ở bể cả. Em kính mến anh, yêu anh, và được nhắm mắt trong vòng tay anh là em mãn nguyện . . . ” . . .
Đau đớn vô ngần khi Thanh Hùng phải tiễn đưa xác thân Bích Liên vào bể cả, bồng bênh rồi chìm sâu trong lòng nước. Từng giọt nước mắt của chàng cũng chảy dài xuống bể. Mọi người trên ghe lặng điếng. Máy khóm bọt biển lững lờ trôi và đàn hải âu lượn trên mặt sóng, như cảm thương, như chia xẻ, như tiễn đưa một thân gái bất hạnh vĩnh viễn ra đi . . .

Sau nhiều ngày lênh đênh ngoài bể khơi, ghe tấp vào Mã Lai, Sau đó Thanh Hùng được sang định cư tại Hoa Kỳ. Năm tháng trôi qua trong đau buồn, cô quạnh, Thanh Hùng yếu dần vì bệnh tật. Chàng viết văn, làm thơ để giải buồn và gởi gắm tâm sự. Một hôm, có một cú điện thoại :
“ Ông Thanh Hùng đến Bệnh viện . . . Phòng , có người thân cần gặp gấp . ” Một sự ngạc nhiên, Chàng đâu có người thân nào ở xứ này ? nhưng chàng vẫn đi. Sau hơn 2 giờ lái xe, vào phòng bệnh Thanh Hùng gặp Mỹ Lan, vợ chồng ôm nhau nghẹn ngào trong nước mắt. Mỹ Lan chỉ
Đặc San Bình Định 286

vào một thanh niên đứng cạnh giường : “ Đây là Thanh Hà, con của chúng ta ” Hai cha con ôm nhau, ngậm ngùi . Ngay lúc đó Mỹ Lan bảo Thanh Hà về nhà lấy thêm ít vật dụng cần thiết, mục đích là để tâm sự riêng với chồng Nàng nói : “ Sau khi biên thư vĩnh biệt anh, vì em đã thất tiết với anh, nhục nhã với chính mình, lại mang theo một giọt máu của tên sở khanh. Em đã bế con xuống Châu Đốc, lang thang nơi vỉa hè, góc chợ, xin ăn độ nhật. May sao được một gia đình ông bà không có con đưa về bảo dưỡng. Chẳng bao lâu ,Ông Bà cùng mẹ con em vượt biên sang Thái Lan. Tại Thái Lan Thanh Hà chết vì bạo bệnh. Ông Bà và em được sang định cư tại Hoa Kỳ. Em sanh cháu trai này là con của tên sở khanh, vì sợ lớn lên nó mang nhiều mặt cảm, nên em đã lấy tên Thanh Hà con của chúng ta đặt tên cho nó.. Khi bé Hà bắt đầu hiểu biết, em thường bảo “ Cha con là Thanh Hùng, một sĩ quan đang bị tù “ cải tạo “ ở Việt Nam, hy vọng Cha con sẽ về với mẹ con mình “ . Hai ông bà ân nhân của em cũng lần lượt vĩnh viễn ra đi. Trải qua bao năm tháng đau buồn vì thương nhớ anh, nhớ con, em đã mang trọng bệnh ,mà giờ này không còn cứu chữa được nữa .Em được tin anh đã 2 năm qua, dù nhớ thương, nhưng em không còn mặt mũi nào nhìn anh. Mặc cảm tội lỗi, lại con mình đã mất,và đứa con mang giòng máu sở khanh còn sờ sờ đó, liệu hạnh phúc chúng ta có còn được như thuở nào không ? ! Nhưng lúc này ,em biết em sẽ không còn sống bao lâu nữa, nên đánh liều tin anh, để tạ tội trước mặt anh, xin anh tha thứ để em an lòng nhắm mắt . Và xin anh thương tâm bảo bọc Thanh Hà, xem như con ruột của chúng ta ,vì nó là một đứa trẻ ngây thơ vô tội .” Thanh Hùng hôn vợ “ Anh xin hứa “. Nhiều đêm dài thức trắng để chăm sóc vợ, Thanh Hùng luôn cầu nguyện cho Mỹ Lan được thoát bênh. Nhưng vào một đêm ẩm đạm, gió lạnh tuyết rơi, đã đưa linh hồn Mỹ Lan về cõi xa xôi, để

lại cho hai cha con Thanh Hùng Thanh Hà bao nhớ thương
luyến tiếc .

Chiều thu, lá vàng rơi rụng trên các nấm mộ ở
nghĩa trang . Thanh Hùng cắm nén hương trên mộ vợ, ngồi
trầm ngâm thương nhớ người vợ hiền, đã phải chịu bao khổ
nhục gian truân. Cùng lúc có người đàn bà viếng mộ một
người bạn gái bên cạnh, hai người chào nhau. Thanh Hùng
đã kể tâm sự mình và người đàn bà ấy, cũng kể hoàn cảnh
mình cho Thanh Hùng : ‘ ‘ *Em tên Thu Trang, sinh ở miền
Bắc Việt Nam, theo Nội di cư vào Nam lúc còn tám bé. Nội
mất, đứa em trai duy nhất cũng đã hy sinh vì Tổ quốc. Tiếp
1975 em theo dòng người tỵ nạn sang Hoa Kỳ. Nỗi đau
thương ngập tràn, cô đơn, khắc khoai, nhớ quê hương, nhớ
thân tộc, vương vương mối tình đầu đã lỡ với một sĩ quan
quân lực VNCH , khi còn ở quê nhà. Sau khi tốt nghiệp đại
học, ngoài việc làm ổn định, em chỉ biết đọc thơ, làm thơ
, để gửi gắm tâm sự mình, mặc cho tuổi đời trôi qua.*

*“ Em mất mẹ từ khi còn tám bé
Mấy tuổi đầu đã nếm cảnh mồ cô
Chiến tranh về giặc già khắp nơi nơi
Nỗi u uất dâng đầy lên khóe mắt. . . “*

Thì ra Thanh Hùng đã ngưỡng mộ thơ của Thu Trang từ
lâu, và Thu Trang cũng đã đọc nhiều văn thơ, hồi ký của
Thanh Hùng . Ngẫu nhiên duyên thơ văn hội ngộ trong một
hoàn cảnh đau buồn. Từ đó họ thường xuyên trao đổi, bình
họa thơ văn với nhau

Thu Trang khui vội bức thư của Thanh Hùng vừa gửi
đến ‘ ‘ *Em Thu Trang (người tình thơ) quý mến . Khi em
nhận được thư này thì anh đã rời khỏi Hoa Kỳ. Cuộc đời
của một người lính chiến oao hùng, xông pha trong làn bom
lửa đạn, không kể gian nguy, hết mình vì Tổ quốc. Nhưng
Đặc San Bình Định 288*

rời vì thế cuộc đành buông súng, vào tù trong uất hận đau thương. Một gia đình đang tràn đầy hạnh phúc, rồi cũng vì thế cuộc mà ly tan. Một người vợ thủy chung son sắt, hết dạ cùng chồng trong những năm tù, nhưng rồi vì chồng, vì con mà phải rơi vào cạm bẫy, dối lừa của xã hội nhiều nhương, để phải chịu thất tiết, phiêu bạt khắp nơi, thân tàn sức kiệt, rồi vĩnh viễn xa chồng, xa con. Cảnh cướp bóc, giết chóc, hãm hiếp thuyền nhân trên đại dương vì hai chữ tự do và v. . v. . . Đoan đường cuối cuộc đời của anh, gẫm ra anh đã làm tròn “ nợ nước, tình nhà ” giờ thì trí mòn, sức kiệt, chẳng còn giúp được gì cho quê hương đang cơn nghiêng ngả. Tất cả hoài bão anh đã gói gắm lại cho con anh (Thanh Hà). Anh đặt trọn niềm tin vào lớp trẻ, là rường cột tương lai của quê Mẹ. Anh nhớ thương quê hương da diết. Anh phải về để tìm lại những kỷ niệm ấu thơ với cây đa bến cũ, lũy tre xanh đầu làng.

“ Tình quê lưu luyến khắp muôn nơi
Tủ lũy tre xanh đến núi đồi
Với cánh đồng vàng, con suối chảy
Giòng sông lờ lững nước êm trôi. . . ”

Và khi chết sẽ được theo về với Ông Bà, thân xác sẽ được an nghỉ nơi nghĩa trang tộc họ trong lòng đất Mẹ Việt Nam, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi sinh ra và lớn lên trong thanh bình lẫn biến loạn, hoan lạc lẫn sầu đau . . . Tình yêu thì chúng ta mỗi người một lối, tình thơ vẫn thì vẫn mãi không phai .Xin Thu Trang thứ lỗi. Vĩnh biệt Thu Trang !! “

Hai năm trôi qua, Thu Trang cố quên mỗi tình thơ, nhưng cố quên lại càng nhớ. Đọc lại những bài văn, những trang hồi ký, những vần thơ của Thanh Hùng, nàng thấy da diết yêu chàng, chẳng những yêu thơ mà cả đến con người tài hoa ấy, Nàng quyết định về Việt Nam tìm Thanh Hùng, để nối lại tình thơ, không có áp lực nào ngăn cản được :

*“ Ai cấm người thơ yêu quá độ
Ai ghi gió lốc giữa không gian . . ”*

Mai Đình

Lang thang đi tìm khắp nơi . Sau khi Thu Trang biết chắc Thanh Hùng đã cắt tóc quy y thành sư Giác Độ, trụ trì ở ngôi Chùa nhỏ tại một quận miền núi bắc Bình Định. Dừng chân trước cổng Chùa trên đỉnh đồi vắng vẻ tịch mịch, cỏ hoa xanh tươi ,gió thoảng hương trầm, chợt có một vị sư mặc áo nâu sồng, từ hậu liêu bước ra, hai người nhìn nhau sững sờ. Thu Trang bỗng khóc òa lên: *“ Anh Thanh Hùng, Em đã tìm anh khắp nơi .Xin anh hãy về với em .”* . Thu Trang toan bước đến ôm chầm Thanh Hùng, nhưng sư Giác Độ đã chấp tay *“ Mô Phật, Bần tăng đã thoát tục quy y . Xin thí chủ tha thứ ”* . Sư Giác Độ chấp tay tạ lễ Thu Trang rồi quay gót trở vào Chùa . Thu Trang thần thờ, nước mắt ràn rụa, thất thểu xuống đồi .Tiếng chuông thu không từng hồi vắng vọng như an ủi, như khuyên lơn, như gọi lại cho Nàng những thăng trầm, vật lộn, thương đau trong bể trần khổ lụy. Người thi sĩ như tỉnh cơn mê, đôi mắt bùng sáng, dõng về Tịnh Cốc Sư Nữ, ẩn mình dưới những tàn cây cổ thụ ở cuối chân đồi ./

Vào Thu Giáp thân 2004

Huyền Vũ

A TRAGIC SUMMER

AMANDA UYEHARA

The sun brilliantly lit the warm summer afternoon day when my sister and I arrived at my mother's dental office for a regular monthly checkup. It seemed as if it was another ordinary visit to the dentist, however, I was wrong. In the cafeteria room awaited two dainty, chirping ducklings in a large, brown cardboard box, which were gifts for each of us. The larger one was a pale yellow male, while the other was small female black runt. Both were very curious about the strange, new environment that they were reluctantly placed in and wandered the office grounds like babies. They were the most adorable little creatures that I had ever laid my eyes on. It was eventually decided that I would be the parent of the yellow duckling and my sister would care for the black one. This little soul that was mine to protect became known as Buttercup and his fellow playmate would be Ebony. I came to love them both very much and enthusiastically embraced the future that would await us.

When the new members of our family came home with us that night, I was extremely excited about creating an abode for them. We had a massive plastic white box for them to live in, supplied with a plentiful amount of fresh cornmeal and clean water. Inside were miniature "furniture" for the ducklings to rest on, which were actually stones and rags. I also created for them their own nest to sleep in that consisted of twigs, cloth, leaves, and fluff. Because there was no school, I would be able to play and watch them as long as I wished. Hours would be spent observing them and allowing them to roam the vast outside world, more specifically, the backyard. Months passed by and I began to see them as my very own child. Sheer joy and warmth throbbed through my my veins whenever I was with Buttercup and Ebony. Because I saw myself as a

parent, I felt an obligation to protect them from any possible harm, including our bear-like orange chow-chow, Lady, who was suspiciously eyeing the ducklings as if she was ready to pounce on top of them at any minute. In the beginning, I didn't trust her, however, my grandpa convinced me that she would never hurt the ducklings and that she loved them both very much. I eventually believed him and began to trust our dog slowly over time.

One day, I left to take a shower and entrusted Lady to watch over Buttercup and Ebony in the backyard. When I finished bathing myself, I felt an uneasiness creeping inside of me and anxiously rushed downstairs with a heavy heart. I could tell by the blood-splattered porch that there was a slaughter of innocent soul that had occurred not so long ago. I was heart-broken and torn to pieces with a torturous grief and growing fury for my babies. I hated myself over and over again for ever tusting a blood-thirsty carnivorous creature with a pair of defenseless babies. I also loathed the dog for destroying the lives of my little ducklings, which I came to love with all my heart. Saddened with guilt and remorse for several painstaking days, I shunned the dog completely from my life.

Over time, I came to realize that it was not the dog's fault that it had murdered my friends, but rather its mechanical instinct. I was hating the dog for being a dog, which I understood was truly unfair. It was because of my naivety and ability to easily trust people that led to the tragic and inevitable deaths of Buttercup and Ebony. From that day forward, I began to think and process my actions with more diligence. That melancholy piece of my life molded and shaped a part of myself into what I have become today. I have since moved on with my life, however, I still hope that my duck's death have not been in vain.

AMANDA UYEHARA

GHASTLY STORIES.

ARIANA UYEHARA

There are many countries all over the world that have their own unique ghost stories and superstitions in their culture. It has been known all through the ages of mankind and makes up who we are.

Ironically, these stories of death and the afterlife brings people from all over the continents together for we all share these ghastly tales as entertainment. This is my opinion:

I love to read and watch about ghosts, but most of them are obviously not true, so I'm not scared . I've seen different sorts of scary movies, Chinese, Japanese, American, Korean, but theirs one in particular that really scared me. This movie is called "**Oan Hồn**" which is made by Vietnamese people, telling about how the ghosts are in vietnam. But i'm going to change the subject now and tell about a funny ghost story.

One day, there were two men that bragged to people that they can capture and fight ghosts. There was a house located near the woods that was known as haunted house. The two men walked at each end of the house. The first man came into the house as he heard a loud thump. He looked over as he saw a figure moving at the other end. The other guy thought the same thing as they fought each other and they fought each other until it was morning. They then realized that they were only fighting each other and no ghosts. Never speaking about this again, the two men never bragged about catching ghosts anymore.

ARIANA UYEHARA

We Are Human

We are human,
Wanting more is instinctual.
We are human,
Unlike appliances with shut-off valves,
We do not have dependable sensors,
That let us know,
When our needs have been met.

No bells go off,
When we made enough money,
When we buy a big enough home,
It's almost impossible to know,
When we have enough,
To be content with what we have.
Because we are human.

We are human,
We fall in the habit for working harder,
Working harder for what we want,
We can fall into the habit of working later,
After a while, it doesn't matter,
If our goals are met,
Or objects of desire are attained,
We keep working harder and later,
The reason is we have established:
A long term pattern of striving for more and more,
Many of us have the problem of relentless wanting,
Because we are human.

Just because we are human,
We forget the most important things in a person's life,
One's own health and family happiness,
As well as compassion for others,
Which money can not buy.

Mrs. Nguyen

The Sky

*The sky is a large vast sea,
Where clouds take their sail freely,
The sky washes away grim fears,
On cold, dark day she sheds her tears.
The sky brings hope and she brings us light,
But at the end of the day she spreads out the night.
The sky is an endless sea of clouds,
She shields us in her large, broad shroud.*

Amanda Uyehara

FALL

*Golden leaves are gliding down,
The wind is blowing with a sound.
A hush and murmur of the breeze,
Tells the land that it will freeze.
The sky is getting weak and frail,
Its weeps and groans will soon prevail.
Fleeing birds are like a horse.
The snow white clouds are getting darker,
Nature's senses are getting Sharper.
The sun is glowing its near last,
It knows that winter is coming fast.
Death is crawling ever near,
Life here is facing an endless fear.
All this paradise will have to go,
Taken over by the snow.
Mother earth gives a sigh,
Her little children will soon die.*

AMANDA UYEHARA

NGƯỜI TRĂNG

Thơ: Đặng Đức Bích

Phổ Nhạc: Đào Đăng

BALLADE (Thơ Thơ, Dịp Hẹn)

Mỗi tháng trăng tròn, trăng tròn đẹp mấy đêm,
Sao không thưởng ngoạn, thưởng ngoạn cảnh cung thêm.
Đêm về sáng tỏa nơi trên thế, Ngày đến thu vào cõi dự
âm. Ngày đến thu vào cõi dự âm..... Chú Cuội,
Chú Cuội mím cười vừa tình giãc, Chị Hằng nâng nỏ muốn vui
thêm. Hôm nào rảnh việc, rảnh việc lên cung quế, Ngồi kể Chị
Hàng, Ngồi kể Chị Hàng, Ngồi kể Chị Hàng ngắm cảnh đêm....

CODA

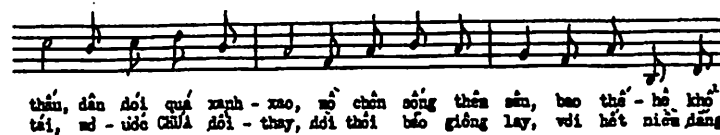
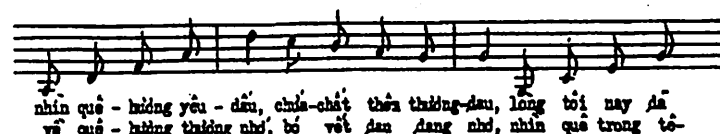
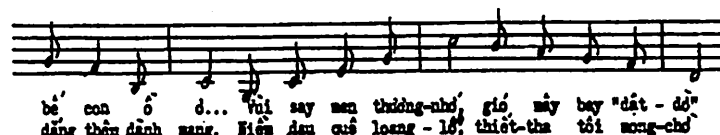
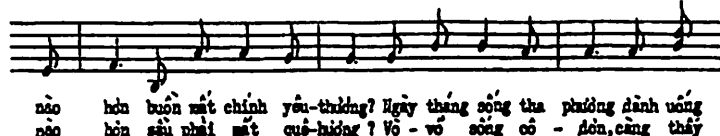
ĐỀ KẾT: Mỗi tháng trăng tròn, Mỗi tháng trăng tròn, Ngồi kể Chị
Hàng, ngồi kể Chị Hàng ngắm cảnh đêm....

BOSTON,
02-2004

TỰ DO và QUÊ HƯƠNG

thơ: *Linh Cường*

nhạc: *N.Đ.C*



14.2.1982

Col.

KỶ DUYÊN KHÚC

Joan 4 : Chánh Điện Phật Trường

Valse

Chánh điện thờ mà đông đều, hương cháy đơ²
 rộng. Tiền nhân cũng mặc khách chen chúc khói hương
 hồng vào trong bàn chánh điện Nghe lời giảng sư
 ông Trên cao phát mắt hiền Nhân từ cõi cao không
 Em cũng quỳ chấp tay Lãm nghi phép đư²
 đây Tim thì vui như thế² Trong hương khói ngát
 ngây Đang hồi kinh mĩ giảng hồn em bổng miên
 mang Mưa áo lam nào đó Lãm tim non rơn rạng
 Mỏi trông em cú² tướng Chàng tu học Phật
 đường Nhưng tóc dài nghệ sĩ Chảnh nộ trần càn

NHẠC và LỜI Trương ngọc Liên

vương Em cũng đâu có ngờ Có chút gì chơi
 với Đâu đây những vần thơ tuôn chảy với tâm
 hồn Cho đi làm sao nói Chẳng lại cũng như
 em Nét khôi ngô nan tử Có triều sông êm
 đềm Và chẳng lại cũng em đọc hết đoạn kinh
 đầu Đồi tìm non hờ hập Mà chẳng, chẳng có
 hay Chắc là chẳng cũng hay Chắc là chẳng cũng
 hay.

Bạn thân mến,

Chúc các bạn một năm mới an khang và thịnh vượng.

Đây là một bài ca dân gian gồm 6 đoạn, chỉ có

đều Valse luân vũ. Viết xong đoạn 4 ngày Feb 16, 2003

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Tổng kết hoạt động năm GIÁP THÂN 2004

I / Dạ tiệc TÂN NIÊN Giáp Thân 2004 .(hình ảnh đính kèm)

Ngày 7 tháng 2 năm 2004, hồi 6 pm, Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali tổ chức dạ tiệc Tân niên tại nhà hàng Phú lâm để các gia đình đồng hương và thân hữu Bình định có dịp gặp gỡ ,hàng huyên tâm sự, thăm hỏi và chúc tụng đầu năm. Hơn 400 đồng hương và thân hữu đã tham dự. Chương trình dạ tiệc rất phong phú và đa dạng. Gồm có :Trình diễn trống trận Tây Sơn, dạ tiệc, hát karaoke, ảo thuật, lô tô có thưởng, rút thăm tặng quà đầu năm và sau cùng là Dạ vũ.. Lòng trong chương trình dạ tiệc, Ban báo chí phát hành ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH 2004. Trên 500 tập Đặc san, dày khoảng 400 trang, với nội dung phong phú, hình thức đẹp để đã gởi tặng đến tận tay đồng hương và quan khách hiện diện. Ngoài ra Ban Biên Tập cũng đã gởi ĐẶC SAN đến một số đồng hương và bạn hữu đang cư ngụ ở PHÁP , ĐỨC , CANADA và các Tiểu Bang Hoa kỳ .

II/ Picnic Hè Hội ngộ và Giải Khuyến học 2004 (hình ảnh đính kèm)

Picnic Hè 2004 được tổ chức ngày 01 /8/04 trong khuôn viên Lake Cunningham Park., một địa điểm rộng rãi khang trang, với 2 căn đại sảnh có sức chứa hàng ngàn người; nhiều bãi cỏ xanh tươi, mát mẻ. Đặc biệt Hè năm nay (2004) được nhiều mạnh thường quân bảo trợ về tài chánh nên đồng hương và quan khách tham dự thật đông (trên 700 người) và được phục vụ miễn phí. Chương trình bắt đầu từ 11 giờ sáng đến 5 giờ chiều, gồm các tiết mục : Tranh giải bóng chuyên giữa đội Tây Sơn và các đội bóng bạn. Biểu diễn võ thuật. Hát karaoke. Hát Lô tô có thưởng. Các trò chơi trẻ em như kéo dây, đập bi. Đấu cờ tướng có thưởng. Đặc biệt lòng trong chương trình Picnic là lễ phát thưởng giải Khuyến học cho con em đồng hương Bình Định học

giỏi, có điểm GPA từ 3.50 trở lên. Đây là lần phát giải thứ nhì trong chương trình Giải Khuyến học truyền thống hằng năm của Hội.

Danh sách các em tham gia lãnh giải :

1-Diane Đỗ lớp 7

Trường J.W. Fair Middle school Điểm GPA 3.83

2-Philip Võ lớp 8

Trường August Boejer Highschool Điểm GPA 3.82

3-Thúy Nguyễn lớp 8

Trường Neward Memorial Highschool GPA 3.57

4-Võ Huy lớp 8

Trường August Boejer Highschool Điểm GPA 3.80

5-Nguyễn Trung lớp 8

Trường Windmill Spring Yearround School GPA 3.80

6-Phan Thăng lớp 8

Trường ----- nt ----- Điểm GPA 3.80

7-Trần Triết lớp 10

Trường Willow Glen Highschool Điểm GPA 3.83

8-Châu Đạm lớp 10

Trường W.C Overfield Highschool Điểm GPA 3.83

9-Lisa Bùi lớp 10

Trường Mount Pleasant Highschool Điểm GPA 3.65

III/ Tin Vui * Tin Buồn :

A/ Tin Vui :

Theo chủ trương của Hội, Ban biên tập Đặc San mở thêm mục Tin vui, Tin buồn để tạo nhịp cầu liên lạc giữa đồng hương với Ban Chấp Hành, để cùng nhau chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn xa xứ. Xin quý đồng hương tích cực cộng tác .

Trong năm qua(2004), Ban chấp hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc CALI và Ban biên tập Đặc san Bình Định , đã nhận được Hồng thiệp của quý đồng hương sau đây, báo tin lễ Thành hôn và Vu quy cho các con . Chúng tôi chân thành Chia vui cùng quý Đồng Hương và chúc mừng *Cô Dâu & Chú Rể* :

TRĂM ~ NĂM ~ HẠNH ~ PHÚC

1) Ông Tony Đinh, Hội trưởng, cư ngụ tại San Jose CA, và Bà Nguyễn thị Kinh. Báo tin lễ Thành Hôn cho con là: cậu **Đình Văn Vinh**, thứ nam. Sính duyên cùng cô : **Lê Vũ Thế Hà**, Thứ nữ. Con của Ông, Bà Lê đình Cai, cư ngụ tại San Jose, CA Hôn lễ cử hành tại Tư gia, ngày thứ Bảy, 29/5/2004, nhằm ngày 11/4 năm Giáp Thân.

2) Ô.B Đường Anh Đồng, phó chủ tịch Ngoại vụ. Cư ngụ tại San Jose, CA. Báo tin lễ **Vu Quy** cho con là: Cô **Đường Thanh Tâm**, Thứ nữ. Sính duyên cùng cậu **Rowe Wade Jeff** Trưởng nam. Con của Ô: Rowe Arthur Gary và Bà Postleth Waite Lynne, cư ngụ tại Salinas, CA. Hôn lễ cử hành tại tư gia, ngày thứ Bảy 25/9/2004, nhằm ngày 12/8 năm Giáp Thân.

3) Ô.B Nguyễn Bá Thu, Cố vấn Hội. Cư ngụ tại San Jose, CA. Báo tin lễ **Vu Quy** cho con là : Cô **Nguyễn Hồng Vân**, thứ nữ. Sính duyên cùng cậu **Scott Quon Gu**

Út nam. Con của Ông, Bà Bing J. Gu, cư ngụ tại Milpitas, CA. Hôn lễ cử hành tại tư gia, ngày Chúa Nhật 19/12/2004, nhằm ngày 8/11 năm Giáp Thân.

3) Ô.B Đào Đức Chương, cố vấn Hội. Cư ngụ tại San Jose, CA. Báo tin lễ **Vu Quy** cho con là : Cô **Đào Việt Thi**, Quý nữ. Sính duyên cùng cậu: **Vũ Đình Cường**

con của Ông Bà Vũ Trọng Thu, cư ngụ tại Huntington Beach, CA. Hôn lễ cử hành tại tư gia, ngày thứ Bảy 15/01/2005, nhằm ngày 6 tháng Chạp năm Giáp Thân.

4) Ô.B Nguyễn Bình, Thủ quỹ Hội. Cư ngụ tại San Jose, CA. Báo tin lễ **Vu Quy** cho con là : cô **Nguyễn thị Bảo Châu**, thứ nữ. Sính duyên cùng cậu **Eric Benjamin Wong** Trưởng nam của Ô. Bà Myron Wong cư ngụ tại Oakland ,

CA Hôn lễ cử hành tại tư gia ,ngày thứ Bảy 15/01/2005,
nhằm ngày 6 tháng Chạp năm Giáp Thân.

B- Tin Buồn : Trong năm qua, Hội không nhận Tin Buồn nào.Nếu có sự thiếu sót, Hội thành thật cáo lỗi và gửi lời chia buồn cùng quý Đồng Hương.



MC Nguyễn An Toàn, giới thiệu chương trình



Hội Trưởng Tony Đình chào mừng quan khách

I - VÀI HÌNH ẢNH TIỆC TÂN NIÊN 2004



Biểu diễn Trống trận Tây Sơn



Quan khách nghiêm chính chào cờ QG



Đồng hương Bình Định Vũ, Bình, Hùng (giữa) và quan khách



Đồng hương Bình Định và gia đình



Anh chị Hùng, chủ nhân Senter Auto Part, đồng hương Bình Định (giữa)



Chương trình Lô tô và quan khách trúng giải



Sân khấu và các giải thưởng



Đồng hương và quan khách lãnh thực phẩm



Các em tham gia trò chơi



Học sinh xuất sắc lãnh giải thưởng

Đông Hương và Thân hữu BÌNH ĐỊNH Ứng Hộ và Yểm Trợ Đặc San B. Đ. 2005

* Tony Đình (Century 21 A-1 Network)	\$500.00
* Bích Liên Beauty Care	\$500.00
* Nguyễn Quang Hùng (Senter Auto Parts)	\$200.00
* B.S Nguyễn Phạm Tâm ,D.D.S	\$250.00
* Diana Trần (Century 21 A-1 network)	\$200.00
* BS Cai văn Dung ,M.D	\$100.00
* BS Nguyễn Thị Ánh Ngọc , M.D	\$100.00
* B S Quát Trần , D.M.D	\$100.00
* BS Peter N. Phạm ,D.D.S	\$1000.00
* BS Nguyễn Đức Lai , D.C	\$100.00
* BS Nguyễn Kim Phụng, D.D.S	\$50.00
* BS Heather Hà Nguyễn , D.D.S	\$100.00
* BS Phạm Đức Vượng, D.C	\$100.00
* Nina Thu Cúc Trương (Chuyên viên Địa Ốc)	\$200.00
* H.P.H Insurance , Inc.	\$100.00
* Hồng Ân Uyehara (ủng hộ)	\$100.00
* Aborn Pharmacy	\$100.00
* Phan Thanh Hùng (Realtor/ Loan Officer)	\$100.00
* Phan Minh Lượng (Garage Door&Opener)	\$50.00
* Võ Bá Trác (Hội Tây Sơn B. Đ)	\$100.00
* Đinh Kim Liên & Phạm K.Triệu (Houston)	\$100.00
* Trần Cẩm Tuyền (Portland, OR)	\$10.00
* Euro Delight (Bakery & Café)	\$200.00
* Nhà hàng Phú Lâm	\$100.00
* Ô. Nguyễn Tường Chi	\$50.00

Tổng cộng : \$3610.00

• Thay mặt Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, nhóm thực hiện đặc san, chân thành cảm tạ quý đồng hương, quý thân chủ thương mại, quý Nha -Y-Dược sĩ đã nhiệt tình ủng hộ hiện kim và bảo trợ quảng cáo để thực hiện Đặc San Bình Định xuân Ất Dậu 2005

• Mong quý đồng hương và thân hữu đáp ứng lời quảng cáo của quý thân chủ quảng cáo để Đặc San Bình Định được tiếp tục tồn tại trong những năm tới.

Nhóm thực hiện Đặc San

Đặc San Bình Định 309

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NIỀNG RĂNG

BRACES 2000

QUAT TRAN

(408) 937-4757

- Tốt nghiệp ưu hạng Nha Khoa tại University of the Pacific.
- Tốt nghiệp chuyên khoa Chính Nha tại New York University.
- Hội viên American Association of Orthodontists, Pacific Coast Society of Orthodontists.

CHUYÊN :

- Niềng răng cho trẻ em và người lớn.
- Niềng răng trong suốt (Clear Braces).
- Niềng răng từ phía sau của răng để khi cười sẽ không thấy (Lingual Braces).
- Niềng răng để trị mọc lệch lạc, thiếu chỗ, răng thưa.
- Niềng răng chuẩn bị giải phẫu hàm mặt (Orthognatic Surgery) để trị cười hở nướu, hô hàm dưới.v.v... (Gummy Smile, Under bite).
- Chăm sóc & niềng răng cho các trẻ em bị sứt môi, lợi (Cleft Lips & Palate)

ĐẶC ĐIỂM:

- Phòng mạch mới, trang bị hiện đại.
- Có máy vô tuyến điện Cephalometric / Panoramic.
- Chụp ảnh bằng Digital Camera, lấy khung tại chỗ.
- Khử trùng tinh vi đúng theo tiêu chuẩn.

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ 2 - Thứ 6: 9am - 6pm

Thứ 7: 9am - 1pm

Thứ 4 + Chủ Nhật: Nghỉ

BRACES 2000

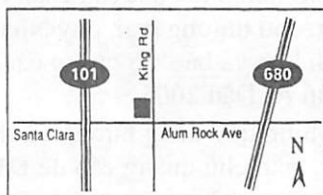


Member American Association of Orthodontists

1695 ALUM ROCK AVE. SUITE 6

SAN JOSE, CA 95116

(Ngay ngã tư Alum Rock & King)



Nhà Hàng

Cungchúa Tân Xuân

PHÚ LÂM

Nơi lý tưởng để:

- Tổ chức tiệc cưới, tiệc sinh nhật, các cuộc họp mặt cho các hội đoàn.
- Một nơi danh tiếng khắp vùng vịnh. Vượt trên 500 chỗ ngồi.
- Có sân khấu, sàn nhảy, disco light.



PHÚ LÂM RESTAURANT
3082 Story Rd., San Jose Ca: 95127
Điện thoại : (408) 251-9590
(408) 251-9591

Tôm Hùm, Cua, Tay Cầm
Cua Lột Rang Muối
Cua Rang Bơ Đặc Biệt
Cua Rang Me
Tôm Hùm Rang Bơ Đặc Biệt
Tôm Hùm Rang Me
Tôm Hùm Mì Spinach
Tôm Hùm Bún Tàu Tay Cầm

Cá Sống Trong Hồ
Cá Bông Lau Hấp Tàu Xi
Cá Mú Hấp gừng Hành

Dò Tiềm Thuốc Bắc
Gà Tiềm Sâm Hoa Kỳ
Gà Ấc Tiềm Thuốc Bắc
Ngầu Pin Tiềm Thuốc Bắc

Phú Lâm kính mời



BÁC SĨ

CAI VĂN DUNG M.D., F.A.C.O.G.



**CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA
CERTIFIED AND RECERTIFIED OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST**

Trưởng khu Sản & Phụ Khoa tại bệnh viện O'Connor, San Jose

(408) 294-5115

- THĂM THAI, ĐỖ ĐÉ, MỔ ĐÉ, CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ VÀ HIẾM MUỘN.
- DÙNG LAPAROSCOPY ĐỂ CỘT ỚNG DẪN TRỨNG.
- ĐẶC BIỆT LẤY BƯỚU BUỒNG TRỨNG CHỮA BỆNH CÓ THAI NGOÀI TỬ CUNG VÀ CẮT TỬ CUNG BẰNG LASER LAPAROSCOPY.

259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126

IMAGE DENTAL

FAMILY AND COSMETIC DENTISTRY

Bác-Sĩ Nha-Khoa

Hà Heather Nguyễn, DDS.

Doctor of Dental Surgery, University of Texas at Houston
Bác-Sĩ Điều-trị tại Portland, OR- Hayward & San Jose, CA

- ◆ Khám răng tổng-quát cho người lớn.
- ◆ Phòng ngừa sâu răng bằng Sealand và Flouride.
- ◆ Tiểu giải-phẫu răng khôn và nướu.
- ◆ Tẩy trắng răng, bọc răng đen nám, đổi màu.
- ◆ Trám, nhổ, chữa, khít răng thưa, phục-hồi răng sút mẻ.
- ◆ Làm răng giả thẩm-mỹ, răng giả toàn hàm.

- Phòng mạch hoàn toàn mới

- Tiếp-đãi ân-cần, tận-tâm, nhẹ-nhàng

- Tham-khảo và chỉ dẫn hoàn toàn miễn phí

- Dụng-cụ Nha khoa tối-tân, khử trùng đúng theo tiêu chuẩn

2493 Alvin Ave.
San Jose, CA 95121
(408) 223-0988

1705 Branham Ln. # B4
San Jose, CA 95118
☎ (408) 264-7630

GIỜ MỞ CỬA:

Mon-Fri: 9 AM - 6 PM
Saturday: 9 AM - 3 PM
Chúá nhật: Lâm thec hẹn

NHẬN:

Bảo-hiểm, Medical, Medicare
Có chương-trình trả góp
không tính tiền lời

TRÂN-TRỌNG KÍNH MỜI

2114 SENTER DENTISTRY

Nguyễn Kim Phụng, D.D.S.

2114 Senter Rd., #25, San Jose, CA 95112
(đối diện Costco, cạnh phòng mạch BS Đặng Phương Trách)

Tel: (408) 279-2114

Fax: (408) 279-1828

Chuyên môn:

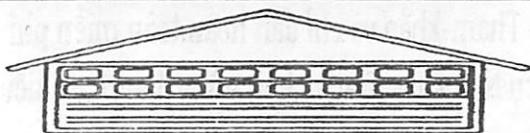
**NHA KHOA TỔNG QUÁT
NHA KHOA THẨM MỸ NHI ĐỒNG**

*Phòng mạch mới, dụng cụ tối tân, kỹ lưỡng, nhẹ nhàng
Nhận medical, bảo hiểm, giá discount, đặc biệt cho cash*

Giờ làm việc: 9:30am - 6:30pm

GARAGE DOOR & OPENER

CA. State Lic. #692107 Bond **FULL SERVICE**



Professionally Installed
Sectional Doors and Automatic Openers.
Sửa, Bất Opener, Thay Lò Xo Gãy.
Nhận Đóng Sheet Rock, Carbinet Garage.
Nhận Đi Các Vùng Lân Cận Bay Area.
"Kinh Nghiệm 20 Năm"

Xin Liên Lạc

LƯƠNG

(408) 281- 9361

(408) **858- 0851** Cell

(408) 995- 7400 Pager

**TRUNG TÂM ĐIỀU TRỊ ĐAU NHỨC VÀ CHÍNH HÌNH
LEWIS SENTER CHIROPRACTIC**



Bác Sĩ : NGUYỄN ĐỨC LAI, D.C.

485 Lewis Road, Suite C, San Jose, Ca 95111

Phone: (408) 226-8877 Fax (408) 226-8845

Gọi lấy hẹn : 24/24 (408) 313 - 8245 (cell)

CHUYÊN TRỊ :

- Đau nhức & chấn thương gây ra do tai nạn (xe cộ, sớ làm, thể thao, té ngã v.v)
 - Các bệnh liên quan đến cột sống: đau lưng, đau cổ, đau xương cùng..
 - Các bệnh do thần kinh bị chèn ép: đau dọc theo mặt sau chân, đau cổ tay đau cánh tay v.v..
 - Các bệnh đau vẹo cột sống do làm việc hay học tập, chân thấp chân cao.
 - Các bệnh về khớp xương: đau khớp, cứng khớp, các khớp bị giảm giới hạn hoạt động.
 - Các bệnh liên quan đến bắp thịt bị yếu, bị co cứng, có những điểm đau dữ dội, bị vẹo bẻ, teo cơ, yếu cơ do di chứng bán thân bất toại .v.v.
 - Nhức đầu mất ngủ do bị stress, suy nhược thần kinh, nhức đầu nửa bên,
 - Nhức đầu do nhức bắp thịt vùng cổ và vai.
-
- Văn phòng trang bị các máy móc vật lý trị liệu tối tân và hiệu quả.
 - Bác sĩ tận tâm, nhiều năm kinh nghiệm.
 - Phối hợp vật lý trị liệu, cố vấn về dinh dưỡng.
 - Có nhân viên có bằng làm Massage Therapy.
 - Có nhân viên hướng dẫn làm thủ tục giấy tờ bảo hiểm.
 - Cấp giấy chứng thương giấy nghỉ làm, nghỉ học.

- Bằng hành nghề liên bang và tiểu bang California.
- Tốt nghiệp đại học chính hình nổi tiếng Palmer West.
- Nguyên Bác sĩ tốt nghiệp Đại học Y khoa Sài Gòn (1973)
- Tốt nghiệp hậu đại học. (chuyên khoa Nhi cấp 1 Sài Gòn)
- Nguyên Y Sĩ Trưởng Trung Đoàn 44 bộ binh QLVNCH.
- Certificate of Advanced Personal Injury Management.



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu: 9:30 Am-7:30 Pm
Thứ bảy: 9:30 Am-2:30 Pm
Chủ nhật làm theo hẹn

Tham khảo định bệnh, miễn phí cho các đồng hương không có bảo hiểm, các cựu quân nhân QLVNCH, các chiến sĩ lương CSQG, các đoàn thể v.v.

Nhận Medicare và các loại bảo hiểm PPO, POS

Senter Rd.
Tully Rd.
Senter Food Supermarket
Lewis Rd.
Lewis-Senter Chiropractic
485 Lewis Rd., Suite #C
Chico E-10

THUỐC TÂY

sẽ đưa tận nhà![®]



1. Nếu đã có sẵn toa thuốc: Chỉ cần gọi số điện thoại (408) 238-3968 hoặc (408) 238-8008 là Aborn Pharmacy sẽ cho người tới lấy toa và trao thuốc tận nhà sau vài giờ.
2. Nếu đang đi khám bệnh: Hãy nói với bác sĩ fax toa thuốc và thẻ medical hay bảo hiểm của quý vị tới số Fax: (408) 238-3978 là thuốc sẽ được đưa tới tận nhà quý vị trong vòng vài tiếng đồng hồ.
3. Trong trường hợp cần mua thuốc theo toa cũ (refill), dù trước đây đã mua tại tiệm khác, chỉ việc gọi số (408) 238-3968 hoặc (408) 238-8008 bất cứ lúc nào, suốt 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần là thuốc sẽ được trao tới tận nhà quý vị vào ngày hôm sau.

*Các công việc phục vụ nói trên đều hoàn toàn miễn phí!
Chúng tôi nhận Medical và hầu hết các loại bảo hiểm.*

ABORN PHARMACY KÍNH MỜI



ABORN PHARMACY 2060 ABORN RD., #150 B

(Góc Capitol Expressway), San Jose, CA 95121

Tel: (408) 238-3968 hoặc (408) 238-8008 Fax: (408) 238-3978

Bãi đậu xe chung với tiệm ăn Red Lobster

Là tiệm thuốc tây do người Việt Nam làm chủ phục vụ cho người đồng hương

Bác sĩ Nha Khoa

PETER N. PHẠM, D.D.S.

- Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa University of the Pacific U.O.P
- Hội viên American Dental Association.
- Hội viên California Dental Association.



Chuyên môn:

- Nha khoa tổng quát.
- Nha khoa gia đình.
- Nha khoa thẩm mỹ.
- Nha khoa nhi đồng.

TẬN TÂM * KỸ LƯỢNG * NHẸ NHÀNG

Nhận Medical - Bảo Hiểm & Trả Góp

1695 Alum Rock Ave., #2

San Jose, CA 95116

(408) 926-3550

Giờ làm việc:

Monday - Saturday: 9am - 5pm

Closed on Wed + Sunday

ST.			JACKSON AVE.	MCKEE RD.	
N. 101 S.	1695 Alum Rock Ave. #2 San Jose, CA (408) 926-3550	KING RD.			N. 680 S.
E. SANTA CLARA			ALUM ROCK AVE.		
E. SAN CARLOS			E. SAN ANTONIO ST.		

Đặc San Bình Định 317



Đặc Sĩ Tham Đức Vương

Bằng hành nghề liên bang và tiểu bang California.

Liên lạc lấy hẹn ngay trong ngày

408. 937. 1400

CHUYÊN TRỊ

- Chấn thương do tai nạn lao động thể thao, xe cộ
- Đau khớp xương, bong gân
- Nhức đầu, nhức mỗi vùng cổ, gáy.
- Đau lưng, đau thần kinh tọa (sciatica).
- Nhức mỏi, tê vai, tay, chân, hay gót chân bị thốn.
- Mệt mỏi tê cứng bắp thịt hay tay chân yếu khó cầm nắm
- Hướng dẫn dinh dưỡng và thể dục dưỡng sinh.
- Cấp giấy chứng thương do tai nạn.

ĐẶC ĐIỂM

- Kinh nghiệm, tận tâm, và chu đáo.
- Phương pháp điều trị hiệu quả và thích hợp cho từng bệnh nhân.
- Nhận bảo hiểm PPO và POS, medicare, medical và worker's compensation.
- Bệnh phí nhẹ nhàng cho quý vị không có bảo hiểm hay lợi tức thấp.
- Nhân viên kinh nghiệm hướng dẫn giấy tờ để bồi thường bảo hiểm.
- Tham khảo miễn phí và sẽ được giải thích rõ ràng.
- Quan tâm săn sóc bệnh nhân như người thân trong gia đình

Bác sĩ đích thân điều trị tại 2 địa điểm.

VÙNG NORTH SAN JOSE

Đ: Vương Đức Phạm D.C
2380 Montpelier Dr. Suite 100
San Jose, CA 95116

Giờ làm việc:

Thứ Hai, Tư, Sáu:
9:30am - 7:00pm
Thứ Ba, Năm, Bảy:
9:30am - 1:00pm

VÙNG SOUTH SAN JOSE

Lewis Senter Chiropratic
485 Lewis Rd Ste C
San Jose, CA 95111

Giờ làm việc:

Thứ Ba, Năm, Bảy:
2:30pm - 7:00pm
hoặc lấy hẹn trước.



Tony Dinh

Like Having a Realtor In the Family

Century 21[®]

A-1 Network

GOULD SHOPPING CENTER

3111 McLaughlin Ave.

San Jose, CA 95121



1988-2004

- ◆ Real Estate & Mortgage Broker
- ◆ Results you can count on

Chuyên mua, bán nhà, đất, cơ sở thương mại, duplex, tri-plex, four-flex, apartment and commercial buildings

Mượn nợ, đổi nợ, lấy equity để làm business, sửa chữa nhà cửa hoặc đầu tư vào địa ốc.

Việc làm nhanh nhẹn, kín đáo và thận trọng. Đã được nhiều đồng hương tin tưởng trong nhiều năm qua. Đã được hệ thống Century 21 tặng thưởng là Top Sale Agent trong hơn 18 năm qua.

Với kinh nghiệm và kết quả đã đạt được anh TONY DINH sẽ phục vụ quý Đồng Hương một cách hữu hiệu.

Email: Tonydinh@aol.com

Visit our website at www.c21a1network.com

**OFFICE: (408)224-7100X115 - TOLLFREE: (800)398-9612
VM: (408)590-2774 - FAX: (408)226-2782**

CALIFORNIA DEPARTMENT OF REAL ESTATE, BROKER LICENSE #01464909



3111 McLaughlin Ave., San Jose, CA 95121



Nina Thu Cuc Truong

Office: (408) 224-7100

Cell : (408) 250-3658

Direct : (408) 629-8989

Fax : (408) 227-8224

"Đường anh, anh đi anh đi

Đường em, em đi em đi"

Nhà ta gây đổ bởi vì

Nhà thuê ai có lo gì!

- tạo nhà đường chung ta đi

tạo nhà tình thôi phân ly!

Tạo nhà đời ta thêm huy!

"An cư lạc nghiệp" ai bì!

(Q.D.)

Nina Thu Cuc Truong

Chuyên viên địa ốc nhiều năm trong nghề.

TẬN TÂM, UY TÍN VÀ KÍN ĐÁO.

CHUYÊN LO CÁC THỦ TỤC:

- Mua nhà để ở (residential) và cho thuê (rentals).
- Bán nhà nhanh chóng.
- Mua - Bán các cơ sở thương mại.
- Lo thủ tục vay tiền trong mọi trường hợp như 20%, 10%, 5%, 0%.

*Bây giờ là cơ hội tốt nhất cho quý vị đầu tư trong căn nhà mình ở và nhà cho thuê vì lãi suất đang ở mức thấp nhất. Chắc chắn quý vị sẽ thay đổi được cuộc đời sau khi gọi cho **Nina Thu Cuc Truong** (408) 629-8989.*

www.ninac21cw.com

e- mail: ninac21countrywide@yahoo.com

Immediate SR-22

www.phpbroker.com

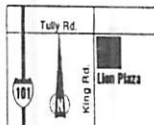
Instant Sticker

TRUNG TÂM ĐẠI ĐIỆN BẢO HIỂM VÀ SANG TÊN XE



PHP

INSURANCE SERVICES, INC.



FREE SR-22 FOR DUI DRIVERS if qualify
Miễn phí SR-22 cho người say rượu lái xe nếu đủ tiêu chuẩn*



FREE STAFF TO AUTO DEALERS, HOME & OFFICE
Có nhân viên tới hãng bán xe, nhà hay văn phòng để lo bảo hiểm*

Trung Tâm Bảo Hiểm Đầu Tiên Phục Vụ Quý Vị
WEEKDAY - WEEKEND - HOLIDAY

BẢO HIỂM XE CÔ

- Đặc biệt giảm giá**
- Có nhà và 2 xe trở lên
 - Có bằng BS, MS, Phd
 - Gia đình, bằng lái 3 năm
 - Có bảo hiểm trên 6 tháng

Bại điện bảo hiểm chính phủ CAARP

40% Discount for Auto and Home

- Có giá đặc biệt:**
- Bằng lái mới, bằng lái quốc tế
 - Nhận bảo hiểm mọi trường hợp
 - Có kinh nghiệm lái xe ở VN
 - DUI, SR-22, Tickets, Accidents

SANG TÊN XE

- Sang tên xe (mua bán hoặc cho xe)
- Chọn bản số xe theo ý muốn
- Đóng thuế lưu hành, lấy sticker dán liền
- Giải quyết mọi rắc rối về giấy tờ xe

BẢO HIỂM NHÀ CỬA

- Đặc biệt giảm giá**
- Smoke, fire alarm
 - Dead bolts, fire extinguisher
 - Ong nước bằng đồng
 - Nhà 15 tuổi trở xuống

- House, Town House
- Mobile Home, Condo
- Apartment, Renter
- Earthquake, Flood

- Có giá đặc biệt**
- Nhà có nhiều claims
 - Lut lỗi, động đất
 - Nhà lớn hơn 50 tuổi
 - Nhà vùng đất ló

Trong khu LION PLAZA

BẢO HIỂM SỨC KHỎE

- Blue Cross
- Blue Shield
- Health Net
- Kaiser
- Individual
- Small Group
- Large Group
- HMO
- PPO
- Dental
- Vision
- Disability Income
- Bảo hiểm cho người du lịch
- Long Term Care, Medicare Supplement

Trong khu LION PLAZA

BẢO HIỂM NHÂN THỌ

- Bảo hiểm ngắn hạn Term 10, 20, 30 năm
- Bảo hiểm bảo vệ nhà cửa (Mort. Protection)
- Bảo hiểm trọn đời (Whole & Universal Life)
- Bảo hiểm người lớn tuổi không khám sức khỏe

BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI

- Beauty Salon
- Liquor, Supermarket
- Furniture, Liquor Store
- Medical, Dental Office
- Apartment, Four Complex
- Lunch + Catering Truck
- General Contractor
- Commercial Building
- General Liability
- Workers Compensation
- Tất cả các loại Bonds
- Auto Repair, Restaurant

Open 7 days: 9AM - 7PM
Lic.#OD04026
1818 Tully Rd. # 162 A
San Jose, CA 95122
LION PLAZA

408-528-1528

info@phpbroker.com

Fax:(408) 528-9988

RS# 57323 - VV # 17201

COUPON
PHP Insurance
\$25 OFF*
(408) 528-1528

* Offer applies only to new business and will be change without notice

Immediate SR-22

www.phpbroker.com

Instant Sticker

NỮ BÁC SĨ GIẢI PHẪU VÀ ĐIỀU TRỊ MẮT ĐẦU TIÊN VÀ DUY NHẤT TẠI VÙNG BAY AREA

NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF
OPHTHALMOLOGY



- * Tốt nghiệp giải phẫu và điều trị mắt tại California Pacific Medical Center, SF.
- * Tu nghiệp và nghiên cứu trị liệu về bệnh tăng áp suất mắt (Glaucoma) tại UCSF.
- * Giảng huấn về khoa mắt tại California Pacific Medical Center (SF) và Highland Hospital (OK)
- * Viện Trưởng Viện Nghiên Cứu và Giảng Dạy bệnh Glaucoma tại San Francisco.

CHUYÊN ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU MẮT

- 👁️ Giải phẫu và điều trị bằng tia sáng laser
- Bệnh tăng áp suất trong mắt (Glaucoma).
- 👁️ Mổ hột cườm và ghép kính nhân tạo (Cataract & Lens Implant).
- 👁️ Giải phẫu mộng thịt hoặc mộng mỡ trên tròng trắng và tròng đen (Pterygium).
- 👁️ Giải phẫu mí mắt, mắt lé, mắt lẹo.

Chuyên trị:

- 👁️ Viêm mắt, dị ứng mắt, mắt loét, dò, khô, mắt bị nhiễm trùng, mắt bị trầy, đau rát, mắt ngứa, mắt bị ghèn, mắt bị lông quặm.
- 👁️ Mắt bị thương tích do tai nạn làm việc (hóa chất, khói độc, vật bén nhọn).
- 👁️ Các bệnh mắt do biến chứng của bệnh tiểu đường và bệnh áp huyết cao

Tel: (408) 272-3706

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, BẢO HIỂM, CREDIT CARDS.

MỞ CỬA: Thứ Hai - Thứ Sáu (9:00 AM - 6:00 PM)

Thứ Bảy (8:00 AM - 11:00 AM)

2380 Montpelier Dr., Suite 330, San Jose, CA 95116*

Euro Delight

Bakery & Cafe



Đặc Biệt:

- Bánh hộp, Chocolate, Cacao, Café, Fromage, Xì dầu Maggi, Paté Gan Ngỗng nhập cảng từ Pháp, Ý, Hòa Lan...
- Paté Chaud, Croissant, bánh Choux, bánh Kẹp Lá Dứa, Đông Sừng, Bánh Tiramisu, Mocha Mousse, Napoléon, Cheese Cake...
- Bánh Sinh Nhật, Bánh Cưới do chính thợ bánh Pháp Paris thực hiện. Nguyên liệu nhập cảng từ Âu Châu. Đặc biệt Bánh Cưới Decor bằng đường Fondant Icing Pháp, đẹp lộng lẫy, rất sang trọng
- Đặc biệt có bánh Sinh Nhật làm bằng kem Ý (Italian ice cream cake) không đâu có.
- Ngoài ra, chúng tôi cũng nặn hình 12 con giáp hoặc Phước Lộc Thọ trên bánh Sinh Nhật theo yêu cầu của quý khách

1816 Tully Road, #190

San Jose, CA 95122

(Trong khu Lion Plaza)

(408) 274-6669

230 Great Mall Dr.

Milpitas, CA 95035

(Entrance 3, next to May Flower)

(408) 263-6669



EURO *Kính Mời*

Diana Tran

Sr. Loan Officer

(408) 623-8925



Finance & Refinance

Commercial Loans

- Apartment 5 units +, office, strip retail, mixed use..
- Loan to any properties nationwide
- Loan amount from 200K to 100+M
- Stated income, no tax returns, true no doc programs
- Fast approval
- 10 to 30 years amortization
- 1/3/5/7 years ARMs & fixed rates.

City Financial Network

3111 Mc Laughlin Ave San Jose CA 95121

*California Department of Real Estate: Broker License # 01464909

KINH NGHIỆM - CHUYÊN NGHIỆP - THÀNH TÍN



PHÁT NGUYỄN

Realtor / Loan Officer

(408) 839-1367

email: Fatnguyen@yahoo.com

HÙNG PHAN

Realtor / Loan Officer

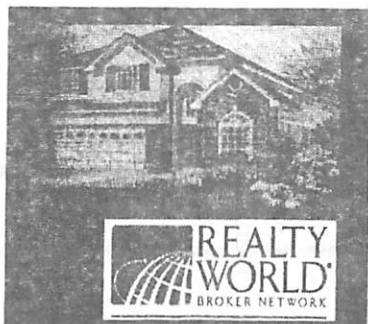
(408) 204-3921

email: hung46@ebcglobal.net



*Cần Mua Nhà, Bán Nhà
Vay Nợ, Dời Nợ*
Xin gọi chúng tôi

- Quý vị sẽ được cung cấp một sự phục vụ hoàn hảo nhất
- Với kinh nghiệm và sự tận tâm, chúng tôi sẽ giúp quý vị:



Mua nhà
mau lẹ
vừa ý.

Bán nhà
với
hệ phí thấp.

Vay nợ dễ dàng
với
lãi suất thấp.



Là hội viên MLS, chúng tôi luôn luôn có
những lists nhà cập nhật mới nhất trên thị trường.

REAL ESTATE & INVESTMENTS

1221 Story Road, Suite 40, San Jose CA 95122
Tel: 975-9595 • Fax: 975-9090

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

**Thường liên lạc với Hội Tây Sơn Bình định (*)
(Đã nhậ t tu kế từ ngày 01/ 01/ 2005)**

_ Andy Lê	2937 Silverland St.
_ San Jose , CA 95121	(408) 223.2118
_ Văn An	3770 McKee Rd., # 17
_ San Jose CA 95127	(408) 254.1914
_ Trần vñnh Anh	1723 Pine Hollow Cr.
_ San Jose , CA 95133	(408) 258.32150
_ Đinh thành Bài	661 Waddell Way
_ Modesto , CA95357	(209) 529.2354
_ Nguyễn đình Bá	2960 Sunwood Dr.
_ San Jose, CA 95111	(408) 365.9534
_ Bùi thúc Bảo	644 N. Abbott Ave.
_ Milpitas , CA 95035	(408) 945.8655
_ Trần Benson	2129 Doxy Dr.
_ San Jose, CA 95131	-----
_ Đặng đức Bích	4045 Chamberer Dr.
_ San Jose, CA 95135	(408) 274.8699
_ Nguyễn hòa Bình	2651 Luciana Dr.
_ San Jose CA95131	(408) 621.2969
_ Nguyễn Bình	1518 Roberts Ave.
_ San Jose, CA 95122	(408) 258.8364
_ Nguyễn Bình	4777 Rue Le Mans
_ San Jose ,CA 95112	(408) 578.2843
_ Nguyễn Bường	2828 Brook Way
_ San Pablo , CA 94806	(510) 222.7140
_ Trần Brian	515 First St.
_ San Jose ,CA 95122	-----
_ Phan minh Châu	2425 Huran Dr.
_ San Jose , CA 95122	(408) 223.9948

_ Nguyễn tường Chi San Jose , CA95111	5101 Discovery Dr. (408) 362.4515
_ Nguyễn Chuẩn San Jose ,CA95112	1758 Bevin Brook Dr. (408) 294.6683
_ Phạm Chương San Jose , CA 95132	1341 Vance Rd. (408) 923.6734
_ Đào đức Chương San Jose, CA 95121	1519 Ivy Creek Cir. (408) 2385900
_ Lê Chức San Jose, CA 95116	1616 Troon Dr. (408) 929.4948
_ Trần Chu San Jose, CA 95121	2620 Alvin Ave. #213D (408)239.0560
_ Nguyễn Doãn Cung San Jose ,CA 95111	5270 Snow Dr. (408) 408.3621
_ Đặng kim Cúc San Jose , CA95148	2744 Whispering Hills Dr. (408) 238.5435
_ Nguyễn Cự (Hoa) San Jose , CA 95051	1468 Pomeroy Ave. (408) 985.2661
_ Trần Danh San Jose, CA95121	1311 Eldamar Ct. (408)281.7640
_ Nguyễn Diêu San Jose , CA 95121	1520 E. Capital Exp.#50 (408) 223.9247
_ Huỳnh hữu Dụng San Jose , CA 95121	1182 Theoden Ct. (408) 972.1339
_ Phạm Đình Milpitas , CA 95035	1623 Jupiter Dr. (408) 262.4833
_ Phạm hữu Độ San Jose , CA 95124	1683 Hillsdale Ave. (408) 486.2029
_ Võ Đại San Jose, CA 95125	1409 Bird Ave. Suite #6 (408)393.2050
_ Đường anh Đông San Jose, CA 95148	2744 Whispering Hills (408) 238.5435
_ Nguyễn Thị Đàm San Jose, CA 95050	2342 William Dr. (408) 243.7679
_ B/S Cai văn Dung SanJose,CA95126	259 Meridian Ave. #5 (408)294.5115

- _ Đoàn hữu Đức P.O Box 3404
 Santa Clara , CA95055 -----
 _ Vũ thị Đôn 4348 Sliver Berry
 SanJose,CA95136 (408)227.6794
 _ Nguyễn Đông 4054 McLaughlin Ave.
 San Jose, CA95121
 _ Trần đình Giáp 172 Echo Ave..
 Campell,CA95008 (408)866.4143
 _ Võ bá Hà 3990 Mount Wilson Dr.
 San Jose, CA 95127 (408)251.5490
 _ Nguyễn thu Hà 5748 Halleck Dr.
 San Jose, CA 95123 (408) 972.4581
 _ Phạm ngọc Hải+Bạch Liên 1881 Quimby Rd.
 San Jose, CA 95122 (408)347.8298
 _ Bùi ngọc Hải 1301 Marry Kerry Ln.
 San Jose, CA 95136 (408) 436.9349
 _ Trương Hạnh 473 Cedro St.
 San Jose, CA 95111 (408)281.4451
 _ Phan văn Hàm 2905 San Bruno Ave.
 San Francisco, CA 94134 (415) 656.1781
 _ Võ Hân 206 Turner Ct.
 San Jose, CA95139 (408) 226.3272
 _ Lý Hào 2810 Cramer Cir.
 San Jose, CA 95110 (408) 287.7008
 _ Trương thị Hậu/Phạm Minh 752 Vine Ct #7 (tiếp
 trang sau)
 San Jose, CA 95110 (408) 977.1686
 _ Võ trung Hậu 1422 Ocean Ave.
 San Francisco,CA 94112 (415) 584.2369
 _ Đặng thị Hiên 1092 Topaz Ave. #1
 San Jose , CA 95117 (408) 985. 1246
 _ Nguyễn thế Hiệp 2206 Country Manor Dr.
 Riverwark ,CA95367 (209) 869.5961
 _ Nguyễn Hiệp 1113 Stinton Ct.
 Modesto,CA 95358 (209) 526.2316
 _ Nguyễn Hòa 2239 War Field Way #A

San Jose, C A95112	(408) 998.2129
- Nguyễn Hòa	4908 Congress Ave., #3
Oakland, CA 94601	(510) 533-9259
_ Thái văn Hòa	1455- E. Calaveras #10
_ Milpitas, CA 95035	(408) 946.1151
_ Nguyễn Hoàng	3834 Brigadoon Way
SanJose,CA95121	(408) 270.7806
_ Nguyễn Hòe	242 Danze Dr.
San Jose, CA 95111	(408) 225.8754
_ Hoàng Huân	2811 Glauser Dr.
San Jose, CA 95133	(408)972.4581
_ Nguyễn Huệ	4595 Pearl Ave.
San Jose, CA 95136	(408) 445.2633
_ Nguyễn Huệ/Từ thị Ba	19231 Monte Vista Dr.
Saratoga, CA 95075	(408)395.2617
_ Đỗ Hùng	27132 Belvedere Ct.#4
Hayward, CA 94554	(510) 732.6846
_ Nguyễn Hùng	3001 Stevens Ln.
San Jose, CA 95148	(408) 270.5140
_ Phan thanh Hùng	2077 Wendover Ln.
San Jose, CA 95121	(408) 223.6253
_ Nguyễn Hùng	1302 Isengard Ct.
San Jose, CA 95121	(408) 292.8957
_ Phạm Hùng	420 Live Oark Ct.
Milpitas, CA 95035	(408) 956.8412
_ Lê đức Hưng/Từ thị Phụng	5323 Heinessy Dr.
Stockton, CA 95217	(209) 473.3093
_ Võ Hùng	3461 Blue Mountain Dr.
SanJose,CA95127	(408) 251.3741
_ Joseph Hùynh	4264 Christian Dr.
SanJose,CA95135	(408) 270.7482
_ Đinh thành Hưng	165 Blossom Hill Rd.
SanJose,CA95135	(408) 629.1365
_ Trần trọng Khiêm	P.O Box 10188
SanJose,CA95157	(408)370.9378
_ Phan văn Khiêm	1624 Hollenbeck Ave.#2

Sunnyvale, CA 94087	(408) 720.9677
- Nguyễn Khoa	2071 Sheraton Dr
- Santa Clara , CA95050	(408) 243.3806
- Trần Khôi	1863 Andrews Pl.
- San Jose, CA 95132	(408)251.3035
- Hà Khôi	781 Feller Ave.
- San Jose, CA 95127	(408) 259.5456
- Huỳnh văn Lạc (Th/tướng)	3220 Carver Rd.
- Modesto ,CA95350	(209) 523.0869
- Huỳnh ngọc Lan	2155 Lanai Ave.#108
- SanJose,CA95122	(408) 937.7840
- Lê từ như Lâm	399 Spence Ave.
- Milpitas, CA 95035	(408) 262.6260
- Nguyễn Lân	942 valencia Dr.
- Milpitas, CA 95035	(408)946.2758
- Võ Lang	2855 Senter Rd.#102
- San Jose, CA95101	(408) 224.1530
- Lê Lợi	15203 Shinning Star Ln.
- San Leandro, CA 94579	(510) 351.4204
- Nguyễn Kim Loan	563 Rudd Ct.
- SanJose,CA95111	(408) 365.1126
- Nguyễn Long	1035 Camarillo Ct.
- Milpitas , CA 95035	-----
- Nguyễn Long	532- 5 th Ave.#6
- San Francisco, CA CA94118	(415) 831.7064
- Nguyễn Lưu	3095 Yerba Buena Rd.
- San Jose, CA 95135	-----
- Võ thu Lương	5207 Sturla Dr.
- San Jose, CA 95148	(408)274.8186
- Phan minh Lượng /Nguyễn thị Phong	
	340 Grey Ghost Ave.
- San Jose, CA 95111	(408)281.9361
- Đặng vĩnh Mai	3830 Underwod Dr.#4
- San Jose, CA 95117	(408) 296.0833
- Bùi Mai	3278 Flintmont Rd.
- SanJose,CA95148	(408)531.1570

_ Nguyễn Mai	2566 S.King Rd.#138
SanJose,CA95122	(408) 532.0114
_ Đỗ Mạnh	12284 Via Roncole
Saratoga , CA 95070	-----
_ Lê văn Minh	2933 Glencrow Pl.
San Jose, CA 95148	(408) 274.5853
_ Nguyễn Mỹ	518 Hillbright Pl.
SanJose,CA95123	(408) 365.1750
_ Nguyễn hữu Nhân	2299 S. King Rd.
San Jose, CA 95122	(408) 224.4800
_ Võ thị Nga	1129 Shaffield Ct.
Stockton, CA 95210	(209) 476.1638
_ Đặng thu Nga	2863 Reidel
San Jose, CA 95135	(408) 238.6791
_ Huỳnh văn Ngọc	882 Water Walk
Milpitas, CA 95035	(408) 941.9689
_ Nguyễn văn Ngọc	1200 Adsel Dr.#1
Milpitas, CA 95035	(408) 957.0339
_ Đặng văn Ngọc	29285 Lassen St.
Hayward, CA 94544	(510) 264.9369
_ Võ tuyết Nhạn	2979 Castleton Dr.
San Jose, CA 95 148	(408) 238.8302
_ Trần Nghiêm	5973 Surl Ct.
San Jose, CA 95138	(408)227.7840
_ Trần văn Ngô	1694 Tully Rd. #F
San Jose, CA 95112	(408) 223.1150
_ Phan quang Nghiệp	469 Ezei Dr.
San Jose, CA 95148	(408) 578.2938
_ G/S Nguyễn văn Nhuận	2654 Bonbon Dr.
San Jose, CA 95148	(408) 274.2804
_ BS Trương thế Phiệt	1670 Goldenrain Dr.
San Jose, CA 95136	(408) 281-4067
_ Ngô Phong	1903 Bag Pipe Way
San Jose,CA 95121	(408)274.5234
_ Nguyễn Phong	247 Clarevieww Ct.
San Jose, CA 95127	(408)258.5524

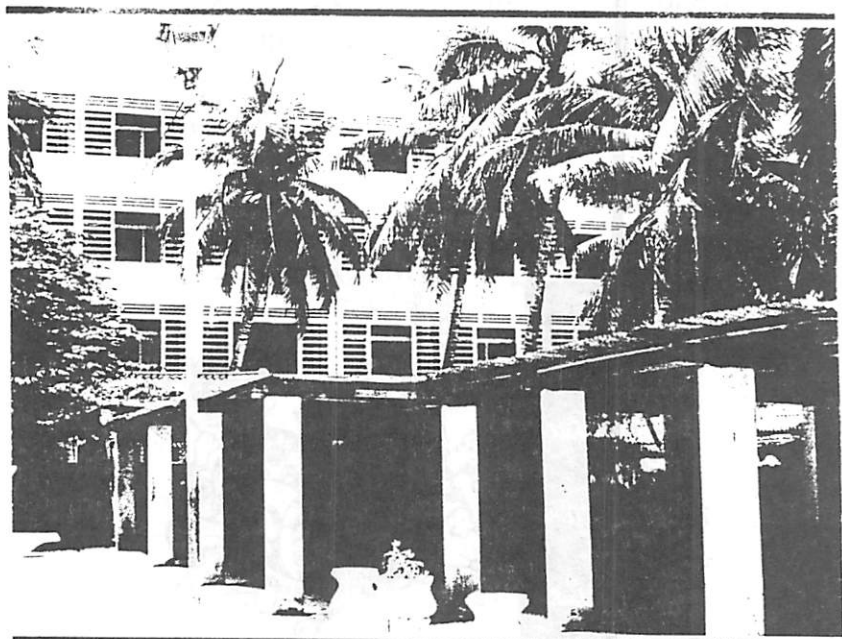
_ Nguyễn Văn Phú	424 Los Encinos Ave.
_ San Jose, CA 95134	(408) 324.1773
_ Lê vĩnh Phúc	1555 Hill top Ct.
_ Milpitas, CA 95035	(408) 942.9527
_ Vĩnh Phúc	1194 Angmar St.
_ San Jose, CA 95111	(408) 269.7017
_ Trần thị Phúc	5919 Liklisk Ln. #104
_ San Jose, CA 95119	(408) 365.7729
_ Dương Phụng	411 Lewis Rd. #372
_ SanJose,CA95111	(408)629.7428
_ Nguyễn Phước (Thước)	778 S. 5 th St. #C
_ SanJose,CA95112	(408) 293.8281
_ Nguyễn bá Quảng	2008 Danderhall Way
_ San Jose, CA 95121	(408) 238.5010
_ Nguyễn đình Sang	P.O Box 51017
_ San Jose, CA 95151	(408) 454.2889
_ Lê lam Sơn	340 Martil Way
_ Milpitas, CA 95035	(408) 261.1757
_ Giã minh Sơn	5065 Bengal Dr.
_ San Jose, CA95111	(408) 281.0724
_ GS Bùi thị Sự	1112 Park Willow
_ Milpitas, CA 95035	(408)263.6012
_ Nguyễn Tân	2382 Bowers Ave. #4
_ Santa Clara, CA 95051	(408) 247.4562
_ Nguyễn Thạch	1053 Big Oak Ct.
_ San Jose, CA 95 129	-----
_ Trần Thanh	1853 Canyon Dr.
_ Pinole, CA 94564	(510) 274.5225
_ Trần minh Thanh	3775 Kawai Dr.
_ San Jose, CA 95111	(408) 227.5466
_ Lê xuân Thạnh	1625 Hermocilla Way
_ San Jose, CA95116	(408)259.2802
_ Nguyễn văn Thành	1510 Mayfield St.
_ Sacramento, CA 95835	(916) 419.7227
_ Võ Thập (T.T Seafood)	2517 S. King Rd.
_ San Jose, CA 95122	(408) 274.8210

_ Nguyễn Thao SanJose,CA95132	1875 Andrews Pl. (408) 929.4381
_ Đoàn hữu Thạnh San Jose, CA 95131	2066 Sierra Rd. (408) 272.1817
_ Huỳnh lương Thiện San Francisco, CA 94109	774 Geary St. (415)215.3794
_ Đỗ chí Thoại San Jose, CA 95111	275 El Cajon Dr. (408) 972.9694
_ Nguyễn bá Thư San Jose, CA 95112	1048 S. 10 th St. (408) 293.4091
_ Lâm sanh Thứ+Hạnh Trương San Jose, CA 95111	218 Goldenrain Ct (408) 281.4451
_ Ngô Thương Milpitas, CA 95035	1112 Park Willow Ct. (408) 263.6012
_ Nguyễn văn Thường San Jose, CA 95111	1832 Rock Spring Dr.#2 (408) 297.7514
_ Trương Thụy San Jose, CA 95126	259 Meridian Ave. #18 (408)295.2394
_ Trần thị Tính San Jose, CA 95148	3199 Teddington Dr. (408) 258.6762
_ Đỗ hữu Tín San Jose, CA 95111	4811 Plainfield Dr. (408) 972.8080
_ Bão Tố San Jose, CA 95123	2597 Amaril Dr. (408)687.7990
_ Nguyễn an Toàn San Jose, CA 95131	2231 Emerald Hill Dr. (408) 259.6239
_ Trương Toại Santa Clara, CA 5051	3565 Sunnydays Ln. (408) 423.8552
_ Phạm Trúc Milpitas, CA 95035	968 Coventry Way (408) 946.5686
_ Võ bá Trác San Jose, CA 95148	3626 Springbrook Ave (408) 223.8812
_ Nguyễn Trai San Jose, CA 95116	1500 Virginia Pl. #153 (408) 272.4636
_ Lê Trần Milpitas, CA 95035	753 Terra Bella Dr. (408) 946.2344

_ Tạ chương Trĩ San Pablo, CA 94806	2759 – 14 th St. (510) 215.9465
_ Nguyễn văn Trợ+ Thu Hà San Jose, CA 95121	1607 Amberly Ln. (408) 528.6673
_ Trần Trục San Jose, CA 95121	2866 Las Plumas Dr. (408) 227.2818
_ Lê doãn Trung San Jose, CA 95121	3016 Oak Bridge Dr. (408) 223.6322
_ Đoàn ngọc Trường Richmond, CA 94803	4958 Wagonwheel Way (510) 222.6675
_ Nguyễn thiện Trường San Jose, CA 95112	427 S. 5 th St. #7 (408) 920.0919
_ Trần cảm Tú Fairfield, CA 94533	3306 Hillridge Ct. (707) 428.6844
- Quách Tứ Stockton, CA 95207	1762 Long Barn Way (209) 952-9432
_ Phạm ngọc Tuấn San Jose, CA 95 111	478 Hassinger Rd. (408) 629.8230
- Bùi Trung San Jose, CA 95111	3171 Locke Dr. -----
_ Bùi Tú San Jose, CA 95148	2976 Glen Crow Ct. (408) 270.4507
_ Phạm văn Tựu San Jose, CA 95127	812 Kyle St. (408) 929.5263
_ Lý Ty San Jose, CA 95121	1986 Gardenbing Cir. -----
_ Huỳnh bích Vân San Jose, CA 95121	1182 Theoden Ct. (408) 972.1339
_ Trần Vĩnh San Jose ,CA 95127	3351 Rock Mountain Dr. -----
_ Victor Dương (Vũ) San Jose, CA 95116	2614 Sirra Grande Way (408) 729.1542
_ Nguyễn thái Vinh San Jose, CA 95123	422 Coloney Crest Dr. (408) 224.3621
_ Dương quang Vinh Milpitas, CA 95035	1509 Platt Ave. (408) 956.1365

_ Đinh văn Xuân(Tony Đinh) 3111 McLaughlin Ave.
San Jose, CA 95121 (408) 224.7100
_ Đặng ngọc Yên 1539 Callo Creek Dr.
San Jose, CA 95127 (408) 347.1335

*(*) Nếu có sự sai sót hay thay đổi địa chỉ và số điện thoại ; hoặc quý đồng hương nào chưa có tên trong danh sách này . Xin liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, để được sửa chữa và bổ sung. Nhóm thực hiện Đặc San thành thật cảm tạ quý vị .*



TRƯỜNG TRUNG HỌC BỒ ĐỀ

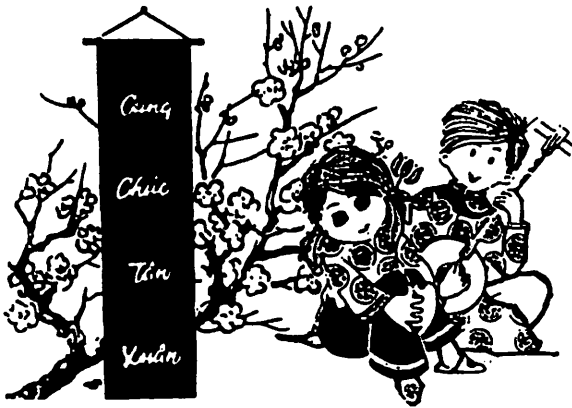
Cảm tạ và Cáo lỗi

Nhóm thực hiện đặc san chúng tôi chân thành cảm tạ quý Đồng hương và thân hữu Bình Định đã đóng góp bài vở và yểm trợ tài chánh để hoàn thành Đặc San Xuân Ất Dậu 2005. Chúng tôi cũng cảm ơn anh Phan Minh Châu đã sưu tầm và gởi đến những tấm hình phong cảnh quê hương Bình Định để in trang bìa và các trang trong của Đặc San.

Vì số trang và thời gian có hạn nên còn một số bài của quý Văn Thi Sĩ và thân hữu phải gác lại kỳ tới.

Chân thành cảm tạ và cáo lỗi cùng quý vị.

Nhóm Thực Hiện



MỤC LỤC

Trang	Đề mục	Tác giả
5	Thư ngõ	Nhóm thực hiện
6	Lá thư xuân	Hội trường
8	Mùa xuân với thơ rượu	Nguyễn Quý Đại
20	Ba mươi năm (thơ)	Bùi Phong Khê
21	Chữ nôm dưới thời Tây Sơn	Thái Tửu
30	Quá Đồ Bàn	Vĩnh Xuyên
31	Những bài từ của Đào Tấn	Đào Tấn
36	Xuân cảm tác (thơ)	Thục Điềm
36	Xuân về nhớ quê (thơ)	Trần Minh Triết
37	Qui Nhơn thành phố bị lãng quên	Bùi Thúc Khán
48	Rượu tương phùng (thơ)	Võ Ngọc Uyển
49	Hoàng Sa và Trường Sa	Lãng Hà Nguyễn K. Kham
66	Mừng thượng thọ bát tuần (thơ)	Hoàng Thanh
67	Những bà vợ và các con ...	Võ Bá Hà
73	Đình làng xương lý (thơ)	Nguyễn Bường
74	Những năm Ất Dậu	Trác Như Trương Toại
90	Mùa xuân luân vũ (thơ)	Pha Lê
91	Hạt gạo và các ngày lễ hội	TS Trần Văn Đạt
99	Tình cha (thơ)	Lê Văn Ngô
100	Anh viết cho em (thơ)	Đặng Đức Bích
101	Tài nguyên tái tạo	TS Thái Công Tụng
133	Hai thế hệ một niềm tin (thơ)	Hòa Nguyễn
135	Bản chất nông dân	Huy Lực Bùi Tiên Khôi
140	Về thăm quê cũ (thơ)	Ngô Đình Phùng
141	Xin nhớ quay về (thơ)	Quách Tứ
143	Lối xưa	Bùi Đắc Khải
148	Sợ xa nhau - Khát nước	Thư Trang
149	Hình ảnh sương khói sông hồ	Lam Nguyên
160	Vịnh Hồ Tây (thơ)	Minh Tâm, Phạm Hà Hải
160	Trăng viễn xứ (thơ)	Mang Đức Long
161	Gửi bằng hữu Qui Nhơn (thơ)	Lê Phương Nguyên
162	Ca dao Bình Định	Đặng Đức Bích

174	Mùa xuân trong ký ức	Ngọc An
183	Lời tỏ tình mùa xuân (thơ)	Khoa Đăng Nguyen
184	Trưa hè trốn ngủ (thơ)	Thu Ngân
185	Chuyện cười vui xuân	Phan Văn Hàm
187	Thuyền dạ khách (thơ)	Diệp Kỳ Mãnh
188	Đi giữa hoàng hôn	Tâm Triều
193	Nỗi buồn mất mẹ (thơ)	Đỗ Hùng
194	Đêm tù	Nguyễn Trác Hiếu
199	Khung trời thương nhớ (thơ)	Võ Nguyễn
200	Rớt, nổi, chìm	Phố Đào Nguyên
206	Xuân nhớ nhà (thơ)	Bình Khánh Nguyễn V. Ngọc
207	Chiếc nón quê hương	Nguyễn Quý Đại
219	Quê tôi (thơ)	Nguyễn Diêu
220	Tình quê	Thanh Hư
228	Cô Bắc Kỳ nho nhỏ	Nguyễn Thế Giác
237	Quê hương ngày về (thơ)	Hòa Nguyễn
239	Mắm cá lóc	Quê Lan
241	Tết (thơ)	Già Trường
243	Bún gié	Nguyễn Diêu
246	Một số cổ cây hoa lá ...	Hồ Phùng
264	Chữ nghĩa thời cộng sản	Đặng Vĩnh Mai
270	Mùa thu Kabul	Phạm Thanh Khâm
281	Tìm về cõi phúc	Huyền Vũ
291	A Tragic Summer	Amanda Uyehara
293	Ghastly Stories	Ariana Uyehara
294	We are Human	Mrs. Nguyen
295	Sky-Fall	Amanda Uyehara
296	Ngắm trăng (nhạc)	Đắc Đăng - Đặng Đức Bích
297	Tự do và quê hương (nhạc)	Linh Chương - NDC
298	Kỳ duyên khúc (nhạc)	Trương Ngọc Liên
300	Tổng kết hoạt động của Hội 04	
309	Danh sách đồng hương bảo trợ	
310	Trang quảng cáo	
326	Địa chỉ đồng hương	
336	Cảm tạ - Cáo lỗi	
337	Mục lục	